UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 5400 /TB-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
Công nhận kết quả tuyển dụng và thí sinh trúng tuyển Kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-SGDĐT ngày 12/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 3241/TB-SGDĐT Ngày 18/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3237/QĐ-SGDĐT ngày 19/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận kết quả tuyển dụng và thí sinh trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội năm 2025;

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội thông báo công nhận kết quả tuyển dụng và thí sinh trúng tuyển Kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở như sau:

1. Danh sách thí sinh trúng tuyển

Tổng số thí sinh trúng tuyển: 860, trong đó:
- Thí sinh trúng tuyển nguyện vọng 1: 823 người
- Thí sinh trúng tuyển nguyện vọng 2: 37 người

(có danh sách kèm theo)

2. Yêu cầu về hồ sơ đối với thí sinh trúng tuyển

2.1. Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nộp Hội đồng tuyển dụng viên chức

Để ban hành Quyết định tuyển dụng đối với người trúng tuyển và hoàn thiện hồ sơ đăng ký dự tuyển theo quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội yêu cầu thí sinh trúng tuyển đến Sở Giáo dục và Đào tạo xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng và hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng (nộp 02 bộ hồ sơ) theo danh mục sau:

a) Bản khai sơ yếu lý lịch tự thuật (trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ công chức cấp xã khai lý lịch theo mẫu HS02-VC/BNV) dán ảnh 4x6 cm có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 6 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ;

b) Bản sao giấy khai sinh *(chứng thực hoặc công chứng)*;

c) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế đủ điều kiện khám sức khỏe cấp còn giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật;

d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật ra tiếng Việt và được Trung tâm Công nhận văn bằng, Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

e) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức *(nếu có)* được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực;

g) Bản sao *(chứng thực hoặc công chứng)* hợp đồng lao động và bản sao quá trình đóng Bảo hiểm xã hội *(Đối với người đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật, làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ của vị trí việc làm tuyển dụng)*;

h) Bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc xét tuyển, tiếp nhận viên chức có công chứng của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định của pháp luật *(nếu có)*.

(Hồ sơ được đựng trong túi bằng bìa cứng cỡ 24 cm x 32 cm có dán Sơmi gửi kèm theo).

- **Thời gian:** Từ ngày 19/12/2025 đến ngày 25/12/2025 (Sáng từ 8h00 đến 11h30; Chiều từ 14h00 đến 17h30) *(Trừ ngày nghỉ: thứ Bảy và Chủ nhật)*.

- **Địa điểm nhận:** Hội trường tầng 1 Sở GDĐT; số 23, phố Quang Trung, phường Cửa Nam, Hà Nội.

2.2. Thí sinh phải hoàn thiện hồ sơ nộp cơ sở giáo dục trúng tuyển

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, thí sinh tự kê khai bổ sung hồ sơ viên chức để đưa vào hồ sơ quản lý. Hồ sơ này là hồ sơ gốc của viên chức. Gồm các thành phần sau đây:

a) Quyển "Lý lịch viên chức" theo mẫu HS01-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức (gọi tắt là Thông tư số 07/2019/TT-BNV). Quyển "Lý lịch viên chức" phản ánh toàn diện về bản thân, các mối quan hệ gia đình, xã hội của viên chức. Quyển "Lý lịch viên chức" do viên chức tự kê khai và được đơn vị sử dụng viên chức kiểm tra, xác minh và xác nhận;

b) "Sơ yếu lý lịch viên chức" theo mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV. Sơ yếu lý lịch là tài liệu quan trọng phản ánh tóm tắt thông tin về bản thân, mối quan hệ gia đình và xã hội của viên chức. Sơ yếu lý lịch do viên chức tự kê khai hoặc do người có trách nhiệm ghi từ quyển "Lý lịch viên chức" quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 07/2019/TT-BNV.

Sơ yếu lý lịch viên chức được đơn vị sử dụng viên chức kiểm tra, xác minh và xác nhận;

d) Phiếu lý lịch tư pháp của cơ quan có thẩm quyền cấp.

Chú ý: Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

3. Thời gian thí sinh trúng tuyển nhận quyết định tuyển dụng

Sẽ được thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội; đơn vị có chỉ tiêu thi tuyển và niêm yết tại Sở Giáo dục và Đào tạo (Số 23, phố Quang Trung, phường Cửa Nam, Hà Nội).

Những nội dung chưa rõ, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị tổ chức, cá nhân hoặc thí sinh dự thi liên hệ qua số điện thoại thường trực **0812109811** hoặc đến trực tiếp Hội đồng tuyển dụng viên chức Sở Sở Giáo dục và Đào tạo (số 23, phố Quang Trung, phường Cửa Nam, Hà Nội)./.

***Nơi nhận*:**
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Sở Nội vụ (để phối hợp);
- Đ/c PGĐ Sở Phạm Quốc Toản;
- Các đồng chí Phó Giám đốc Sở;
- Hội đồng TDVC;
- Ban Giám sát kỳ thi tuyển viên chức;
- Các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở;
- Cổng Thông tin điện tử của Ngành GDĐT;
- Lưu: VT,TCCB, HĐTDVC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Quốc Toản

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

DANH SÁCH THÍ SINH VÀ KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG

(Kèm theo Thông báo số 5400/TB-SGDĐT ngày 19/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	C30001	Bùi Thị Lan Anh	02/01/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Nguyễn Quốc Trinh		60	60		
2	C30002	Cao Ngọc Anh	25/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		67	67		
3	C30003	Cao Thị Phương Anh	11/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Phúc Lợi		33	33		
4	C30004	Công Quỳnh Anh	01/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Xuân Đỉnh		67	67	Trúng tuyển NV1	
5	C30005	Đàm Phương Anh	12/6/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		64	64		
6	C30006	Đặng Hồng Anh	06/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	TH, THCS và THPT Khương Hạ		34	34		
7	C30007	Đặng Lan Anh	21/9/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Khương Đình		50,5	50,5		
8	C30008	Đặng Quỳnh Anh	17/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Mỹ Đình		52	52		
9	C30009	Đặng Vân Anh	28/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		53	53		
10	C30010	Đào Phương Anh	27/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông			45	45		Không xét trường NV2
11	C30011	Đào Thị Vân Anh	18/5/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		66,5	66,5		
12	C30012	Đinh Vũ Hải Anh	17/7/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		43	43		
13	C30013	Đỗ Kim Anh	08/04/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		37,5	37,5		
14	C30014	Đỗ Ngọc Mai Anh	27/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		43	43		
15	C30015	Đỗ Phương Anh	15/7/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa			72	72	Trúng tuyển NV1	
16	C30016	Đỗ Thị Lan Anh	04/12/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Viên	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		12	12		
17	C30017	Đỗ Thị Mai Anh	10/9/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		Bỏ thi			
18	C30018	Đỗ Thị Phương Anh	30/06/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		57	57		
19	C30019	Đoàn Minh Anh	02/01/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Mỹ Đình		50	50		
20	C30020	Dương Quỳnh Anh	06/09/2003	nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		41	41		
21	C30021	Dương Thị Phương Anh	24/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Liên Hà		66	66		
22	C30022	Dương Tuấn Anh	25/3/1996	Nam	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Phúc Lợi		52	52		
23	C30023	Hà Thị Ngọc Anh	24/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		42	42		
24	C30024	Hà Tú Anh	03/08/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Yên Hòa		64	64		
25	C30025	Hoàng Thị Phương Anh	12/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân			61,5	61,5		
26	C30026	Hoàng Thị Vân Anh	01/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		53,5	53,5		
27	C30027	Hoàng Trâm Anh	30/7/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		52	52		
28	C30028	Hoàng Tuấn Anh	24/10/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		30	30		
29	C30029	Lê Bảo Anh	24/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Hoàng Văn Thụ		19	19		
30	C30030	Lê Hiền Anh	19/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		56	56		
31	C30031	Lê Minh Anh	08/01/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		62	62		
32	C30032	Lê Minh Anh	09/4/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	TH, THCS và THPT Khương Hạ		39	39		
33	C30033	Lê Nguyễn Diệu Anh	23/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		50	50		
34	C30034	Lê Phương Anh	22/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Đại Mỗ		59,5	59,5		
35	C30035	Lê Phương Anh	07/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thọ Xuân		66	66		
36	C30036	Lê Thị Hồng Anh	04/12/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Anh		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
37	C30037	Lê Thị Tường Anh	11/02/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		59	59		
38	C30038	Lê Thu Anh	11/10/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nhân Chính	THPT Khương Đình		54	54		
39	C30039	Lê Việt Anh	17/3/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		34	34		
40	C30040	Lương Tuấn Anh	04/02/2001	Nam	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Thọ Xuân		66	66	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
41	C30041	Lưu Hà Anh	24/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Khương Đình		70	70	Trúng tuyển NV1	
42	C30042	Lưu Nguyễn Hải Anh	23/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nhân Chính		53	53		
43	C30043	Lưu Thị Hải Anh	17/3/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		70	70		
44	C30044	Ngô Mai Anh	18/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		48,5	48,5		
45	C30045	Ngô Ngọc Anh	29/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Vân Nội		56,5	56,5		
46	C30046	Ngô Quỳnh Anh	07/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Phúc Lợi		57	57		
47	C30047	Ngô Thị Vân Anh	08/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Bắc Thăng Long		67,5	67,5		
48	C30048	Nguyễn Châm Anh	13/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Khương Đình		52	52		
49	C30049	Nguyễn Hà Anh	26/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình	5	57	62		
50	C30050	Nguyễn Hải Anh	06/12/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lưu Hoàng		66,5	66,5	Trúng tuyển NV1	
51	C30051	Nguyễn Hoài Anh	17/01/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		58,5	58,5		
52	C30052	Nguyễn Hoàng Thùy Anh	14/8/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Yên Hòa		56,5	56,5		
53	C30053	Nguyễn Kim Anh	07/11/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		63	63		
54	C30054	Nguyễn Lương Quỳnh Anh	10/11/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		40	40		
55	C30055	Nguyễn Minh Anh	16/10/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Mỹ	THPT Hoàng Văn Thụ		49	49		
56	C30056	Nguyễn Ngọc Anh	10/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai B	THPT Đại Mỗ		27,5	27,5		
57	C30057	Nguyễn Ngọc Anh	17/8/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		54	54		
58	C30058	Nguyễn Phúc Quỳnh Anh	02/06/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Đa Phúc		48	48		
59	C30059	Nguyễn Phương Anh	09/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Lý Thường Kiệt		80	80	Trúng tuyển NV1	
60	C30060	Nguyễn Phương Anh	19/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Đa Phúc		51	51		
61	C30061	Nguyễn Quỳnh Anh	21/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		56	56		
62	C30062	Nguyễn Quỳnh Anh	28/5/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Cổ Loa	THPT Lý Thường Kiệt		50	50		
63	C30063	Nguyễn Thi Cẩm Anh	09/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		62	62		
64	C30064	Nguyễn Thi Hoàng Anh	13/7/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		47	47		
65	C30065	Nguyễn Thi Kim Anh	22/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ		45	45		
66	C30066	Nguyễn Thi Kim Anh	01/8/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Lý Thường Kiệt		46	46		
67	C30067	Nguyễn Thị Lan Anh	14/11/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Vân Cốc		63	63		
68	C30068	Nguyễn Thi Mai Anh	12/7/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Khương Đình		50	50		
69	C30069	Nguyễn Thị Mai Anh	11/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Thọ Xuân		57	57		
70	C30070	Nguyễn Thị Mai Anh	18/01/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Phúc Lợi		60	60		
71	C30071	Nguyễn Thị Ngọc Anh	16/02/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Xuân Phương		70	70	Trúng tuyển NV1	
72	C30072	Nguyễn Thị Phương Anh	27/11/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Sóc Sơn	THPT Đông Anh		53	53		
73	C30073	Nguyễn Thị Tuyết Anh	20/01/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi			51	51		Không xét trường NV2
74	C30074	Nguyễn Thị Vân Anh	17/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Phúc Lợi		65	65	Trúng tuyển NV1	
75	C30075	Nguyễn Thị Vân Anh	15/01/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Phú		55	55		
76	C30076	Nguyễn Trâm Anh	04/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Thượng Cát		61	61		
77	C30077	Nguyễn Trâm Anh	15/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngọc Hồi	THPT Khương Đình		69,5	69,5		
78	C30078	Nguyễn Vân Anh	16/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		80	80	Trúng tuyển NV1	
79	C30079	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	21/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		83	83	Trúng tuyển NV1	
80	C30080	Nông Thị Phương Anh	03/7/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi	5	50	55		
81	C30081	Ong Diệu Anh	02/01/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		59	59		
82	C30082	Phạm Hồng Anh	15/5/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		58	58		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
83	C30083	Phạm Thị Minh Anh	13/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		50	50		
84	C30084	Phạm Thị Trung Anh	08/02/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh		32,5	32,5		
85	C30085	Phạm Thùy Anh	04/12/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đông Anh		45,5	45,5		
86	C30086	Phí Thị Lan Anh	02/03/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		64	64		
87	C30087	Phó Thị Lan Anh	26/4/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		50	50		
88	C30088	Phùng Quỳnh Anh	17/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		52	52		
89	C30089	Phùng Thị Quỳnh Anh	28/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Yên Hòa		64	64		
90	C30090	Tạ Trâm Anh	04/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		59,5	59,5		
91	C30091	Thẩm Diệp Anh	02/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		50	50		
92	C30092	Trần Lê Thục Anh	27/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai A	THPT Thọ Xuân		63	63		
93	C30093	Trần Ngọc Anh	25/5/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		44	44		
94	C30094	Trần Thị Kim Anh	20/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
95	C30095	Trần Thị Ngọc Anh	26/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Thượng Cát		53	53		
96	C30096	Trần Thị Phương Anh	24/9/1982	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		62	62		
97	C30097	Trần Thị Thùy Anh	12/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		58	58		
98	C30098	Trần Vân Anh	18/08/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc			66	66	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
99	C30099	Vũ Diệu Anh	08/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Yên Hòa		64	64		
100	C30100	Vũ Thị Linh Anh	10/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		46	46		
101	C30101	Vũ Thị Vân Anh	12/6/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Đại Mỗ		52,5	52,5		
102	C30102	Dương Ngọc Ánh	02/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Thượng Cát	5	52	57		
103	C30103	Lê Thị Ngọc Ánh	30/9/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		74	74	Trúng tuyển NV1	
104	C30104	Ngô Thị Ngọc Ánh	22/1/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Văn Nội	THPT Bắc Thăng Long		50,5	50,5		
105	C30105	Nguyễn Minh Ánh	10/1/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		60	60		
106	C30106	Nguyễn Thị Ánh	20/6/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		73	73	Trúng tuyển NV1	
107	C30107	Nguyễn Thị Ánh	22/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		70,5	70,5		
108	C30108	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	31/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Quốc Trinh		55	55		
109	C30109	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	04/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Lý Tử Tấn		50	50		
110	C30110	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		65	65		
111	C30111	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	04/9/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		68	68		
112	C30112	Phạm Thị Ánh	19/11/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		55	55		
113	C30113	Trần Thị Nguyệt Ánh	28/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		56	56		
114	C30114	Phạm Phương Bắc	05/5/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Yên Hòa		42	42		
115	C30115	Nguyễn Thị Thiện Bách	06/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Phúc Lợi		50	50		
116	C30116	Nguyễn Văn Bài	07/02/1988	Nam	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Thọ Xuân		58	58		
117	C30117	Hà Thị Bằng	15/7/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Cường		45	45		
118	C30118	Trần Thị Bé Bảy	25/5/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		45	45		
119	C30119	Nguyễn Thị Bé	10/7/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
120	C30120	Chu Thị Ngọc Bích	21/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Anh		38	38		
121	C30121	Đỗ Thị Bích	22/3/1980	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	5	59	64		
122	C30122	Kiều Thị Biên	15/6/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		55	55		
123	C30123	Hồ Thị Bình	15/6/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình	5	50	55		
124	C30124	Ngô Thị Bình	06/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nhân Chính	THPT Yên Hòa		62,5	62,5	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
125	C30125	Nguyễn Thanh Bình	01/8/1980	Nam	Ngữ văn	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Khương Đình	5	56	61	Trúng tuyển NV1	
126	C30126	Nguyễn Thị Bình	25/6/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
127	C30127	Vũ Thị Kim Chà	16/12/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		50	50		
128	C30128	Đào Anh Châm	29/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		14,5	14,5		
129	C30129	Nghiêm Thị Băng Châu	06/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương			52	52		
130	C30130	Chu Quỳnh Chi	07/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Viên	THPT Đông Anh		67	67	Trúng tuyển NV1	
131	C30131	Đặng Thị Mai Chi	21/11/2003	Nữ	Ngữ văn		THPT Xuân Phương		Bỏ thi			Không xét Trường NV1
132	C30132	Đào Phương Chi	24/7/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Phúc Lợi		51	51		
133	C30133	Đinh Thị Mai Chi	18/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		45	45		
134	C30134	Hà Phương Chi	16/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Hoàng Văn Thụ	5	65	70		
135	C30135	Khuất Thị Kim Chi	27/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Văn Cốc		70	70		
136	C30136	Lê Linh Chi	07/11/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		34	34		
137	C30137	Lê Ngọc Linh Chi	07/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		48	48		
138	C30138	Nguyễn Ngọc Phương Chi	20/9/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		50	50		
139	C30139	Nguyễn Thị Chi	17/4/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà		5	Bỏ thi			Không xét trường NV2
140	C30140	Nguyễn Thị Chi	16/12/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		57	57		
141	C30141	Nguyễn Thị Linh Chi	26/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Thanh Oai A		45	45		
142	C30142	Nguyễn Tùng Chi	17/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		62	62		
143	C30143	Phạm Huyền Chi	31/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		44	44		
144	C30144	Phạm Mai Chi	14/7/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		45	45		
145	C30145	Phùng Thị Kim Chi	12/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		45	45		
146	C30146	Trần Linh Chi	08/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		19	19		
147	C30147	Vũ Thị Quỳnh Chi	23/3/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		30,5	30,5		
148	C30148	Nguyễn Hà Chi	29/6/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		54	54		
149	C30149	Vũ Thị Chín	25/3/1986	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lưu Hoàng	5	52	57		
150	C30150	Đinh Thị Chinh	04/02/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nhân Chính	TH, THCS và THPT Khương Hạ		59,5	59,5		
151	C30151	Đỗ Thị Mai Chinh	07/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Phúc Lợi		45	45		
152	C30152	Hoàng Thị Bích Chuyên	21/7/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ	5	40	45		
153	C30153	Lê Chí Công	22/12/2001	Nam	Ngữ văn	THPT Thanh Oai A	THPT Lý Tử Tấn		67,5	67,5	Trúng tuyển NV1	
154	C30154	Nguyễn Gia Cường	14/9/2002	Nam	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Bỏ thi			
155	C30155	Nguyễn Thị Đào	08/02/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		55	55		
156	C30156	Vũ Thị Đào	20/11/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		64,5	64,5		
157	C30157	Mai Tuấn Đạt	06/10/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Phúc Lợi		33,5	33,5		
158	C30158	Nguyễn Thị Diễm	16/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		59	59		
159	C30159	Nguyễn Thị Hồng Diễm	16/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình			61	61		
160	C30160	Dương Ngọc Diệp	07/12/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		55	55		
161	C30161	Nguyễn Hoàng Diệp	15/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		45,5	45,5		
162	C30162	Nguyễn Hồng Diệp	26/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Mỹ Đình		61,5	61,5		
163	C30163	Nguyễn Ngọc Diệp	23/02/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		59	59		
164	C30164	Nguyễn Ngọc Diệp	20/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		50,5	50,5		
165	C30165	Vũ Thị Ngọc Diệp	20/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thượng Cát	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		59	59		
166	C30166	Nguyễn Hải Điệp	19/01/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Nguyễn Văn Trỗi		47	47		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
167	C30167	Nguyễn Ngọc Điệp	18/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		39	39		
168	C30168	Dương Thị Đinh	10/10/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
169	C30169	Nguyễn Thị Dịu	27/7/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn			63,5	63,5		Không xét trường NV2
170	C30170	Lê Thị Do	17/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		55	55		
171	C30171	Ngô Văn Doanh	29/8/2000	Nam	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		80,5	80,5	Trúng tuyển NV1	
172	C30172	Nguyễn Minh Đức	13/9/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		27,5	27,5		
173	C30173	Đào Phương Dung	18/4/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		46	46		
174	C30174	Đinh Thùy Dung	07/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	TH, THCS và THPT Khương Hạ	5	45,5	50,5		
175	C30175	Lữ Thị Ngọc Dung	14/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Minh Hà		39,5	39,5		
176	C30176	Lưu Phương Dung	10/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		55	55		
177	C30177	Ngô Thùy Dung	24/5/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Ngọc Hồi		40	40		
178	C30178	Nguyễn Thị Dung	31/7/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		49	49		
179	C30179	Nguyễn Thị Thùy Dung	20/4/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Thượng Cát		41	41		
180	C30180	Nguyễn Thuỳ Dung	25/01/1979	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Mỹ	THPT Ngọc Hồi	5	50	55		
181	C30181	Nguyễn Thùy Dung	26/5/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		54,5	54,5		
182	C30182	Phạm Phương Dung	26/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phúc Lợi		45	45		
183	C30183	Hoàng Thuỳ Dương	06/12/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		50	50		
184	C30184	Hoàng Thùy Dương	22/11/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Xuân Phương		50	50		
185	C30185	Nguyễn Thị Dương	19/6/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		80	80	Trúng tuyển NV1	
186	C30186	Nguyễn Thị Quỳnh Dương	05/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		61	61		
187	C30187	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	21/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		53,5	53,5		
188	C30188	Nguyễn Thị Thùy Dương	28/08/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		63	63		
189	C30189	Nguyễn Thùy Dương	27/9/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Yên Hòa		56	56		
190	C30190	Nguyễn Tùng Dương	17/12/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		55	55		
191	C30191	Phạm Mai Dương	30/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		62	62		
192	C30192	Tạ Ánh Dương	12/10/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		51	51		
193	C30193	Trần Thùy Dương	25/01/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Xuân Đỉnh		54	54		
194	C30194	Triệu Ánh Dương	19/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	5	48	53		
195	C30195	Vũ Thuỳ Dương	20/3/1991	Nữ	Ngữ văn		TH, THCS và THPT Khương Hạ		Bỏ thi			Không xét Trường NV1
196	C30196	Vũ Thùy Dương	14/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai B	THPT Thanh Oai A		44	44		
197	C30197	Cấn Thị Kiều Duyên	09/10/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
198	C30198	Hà Thị Duyên	16/8/1985	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân	5	49	54		
199	C30199	Ngô Thị Duyên	05/12/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		62	62		
200	C30200	Nguyễn Thị Duyên	11/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai A			59,5	59,5		Không xét trường NV2
201	C30201	Nguyễn Thị Duyên	22/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phúc Lợi		34	34		
202	C30202	Nguyễn Thị Duyên	18/10/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Xuân Phương		31	31		
203	C30203	Nguyễn Thị Duyên	26/3/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Vân Nội		52,5	52,5		
204	C30204	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	30/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		63	63		
205	C30205	Thái Thị Mỹ Duyên	10/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Tự Tấn	THPT Đại Cường		49	49		
206	C30206	Bùi Hương Giang	09/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		43	43		
207	C30207	Đào Quỳnh Giang	25/9/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Xuân Phương		47	47		
208	C30208	Đinh Thị Hương Giang	11/11/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Xuân Phương		52	52		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
209	C30209	Đỗ Minh Giang	08/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		42,5	42,5		
210	C30210	Doãn Thị Hoàng Giang	08/8/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		39,5	39,5		
211	C30211	Hoàng Thị Hương Giang	28/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Xuân Phương		58	58		
212	C30212	Kiều Thị Giang	12/7/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		60	60		
213	C30213	Ngô Hà Giang	29/8/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Xuân Đỉnh		68	68	Trúng tuyển NV1	
214	C30214	Ngô Thị Hương Giang	19/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Phú		50	50		
215	C30215	Ngô Thùy Giang	24/4/2003	Nữ	Ngữ văn		THPT Nguyễn Văn Trỗi		62	62		Không xét Trường NV1
216	C30216	Nguyễn Doãn Hương Giang	12/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		52	52		
217	C30217	Nguyễn Hương Giang	30/3/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Lý Thường Kiệt		34	34		
218	C30218	Nguyễn Thị Giang	20/9/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		60	60		
219	C30219	Nguyễn Thị Giang	13/11/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		70	70	Trúng tuyển NV1	
220	C30220	Nguyễn Thị Hương Giang	22/4/2002	Nữ	Ngữ văn	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		47	47		
221	C30221	Nguyễn Thị Phương Giang	20/01/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
222	C30222	Nguyễn Thuỳ Giang	08/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		60	60		
223	C30223	Trần Hương Giang	22/9/2003	Nữ	Ngữ văn	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Khương Đình		39	39		
224	C30224	Trần Thị Giang	18/10/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
225	C30225	Trần Thị Hà Giang	12/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Đỉnh	THPT Mỹ Đình		44	44		
226	C30226	Trần Tô Giang	23/6/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Lý Tử Tấn		50	50		
227	C30227	Trịnh Thị Trà Giang	12/11/2002	Nữ	Ngữ văn		THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			Không xét Trường NV1
228	C30228	Vũ Hương Giang	26/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		56	56		
229	C30229	Nguyễn Thị Giang	26/5/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Nội	THPT Đông Anh		47,5	47,5		
230	C30230	Bùi Thị Hà	28/6/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Đồng Mỹ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		40	40		
231	C30231	Chu Thị Hà	04/7/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Trung Giã	THPT Minh Phú		65	65	Trúng tuyển NV1	
232	C30232	Cù Thị Thuý Hà	14/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		56,5	56,5		
233	C30233	Đặng Thị Ngọc Hà	15/01/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
234	C30234	Đào Thị Hà	28/4/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		53	53		
235	C30235	Hà Hoàng Hà	09/4/1986	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		49	49		
236	C30236	Hoàng Thu Hà	15/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		51	51		
237	C30237	Khuất Thị Hà	31/12/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		33	33		
238	C30238	Kim Thị Ngọc Hà	31/01/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Chương Mỹ B	THPT Thanh Oai A		42	42		
239	C30239	Lại Thị Ngân Hà	15/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Anh		55	55		
240	C30240	Lê Nguyễn Nguyên Hà	01/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Phúc Lợi		53	53		
241	C30241	Ngô Thị Hà	29/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Liên Hà	THPT Đông Anh		48	48		
242	C30242	Nguyễn Hằng Hà	14/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Cổ Loa		45	45		
243	C30243	Nguyễn Hồng Hà	24/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Yên Hòa		50	50		
244	C30244	Nguyễn Thái Hà	21/3/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Yên Hòa		60	60		
245	C30245	Nguyễn Thị Hà	12/10/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngọc Hồi	THPT Nguyễn Quốc Trinh		57	57		
246	C30246	Nguyễn Thị Hà	12/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Liên Hà	THPT Đông Anh		37	37		
247	C30247	Nguyễn Thị Hà	24/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		28,5	28,5		
248	C30248	Nguyễn Thị Hà	25/9/1979	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngọc Hồi	THPT Nguyễn Quốc Trinh		57	57		
249	C30249	Nguyễn Thị Ngọc Hà	13/12/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		44	44		
250	C30250	Nguyễn Thị Phương Hà	27/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		30	30		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
251	C30251	Nguyễn Thị Sơn Hà	25/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Phúc Lợi		55	55		
252	C30252	Nguyễn Thị Thu Hà	06/4/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Đại Cường		62	62		
253	C30253	Nguyễn Thị Thu Hà	24/7/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Lý Tử Tấn		Bỏ thi			
254	C30254	Nguyễn Thu Hà	20/9/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Yên Hòa		60,5	60,5		
255	C30255	Nguyễn Thu Hà	25/9/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	TH, THCS và THPT Khương Hạ		55	55		
256	C30256	Nguyễn Vân Hà	12/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		Bỏ thi			
257	C30257	Phạm Thị Thu Hà	15/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Phúc Lợi		31,5	31,5		
258	C30258	Phạm Thị Vân Hà	03/6/1977	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình	5	47	52		
259	C30259	Phùng Hoàng Ngọc Hà	18/12/2002	Nam	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		35	35		
260	C30260	Trần Ngân Hà	09/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà		19,5	19,5		
261	C30261	Trần Thị Hà	06/02/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Cường		39,5	39,5		
262	C30262	Trần Thị Ngọc Hà	05/9/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
263	C30263	Trịnh Mai Hà	29/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		25,5	25,5		
264	C30264	Trịnh Thu Hà	30/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		64	64		
265	C30265	Vũ Ngọc Hà	28/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Đỉnh	THPT Mỹ Đình	5	65	70	Trúng tuyển NV1	
266	C30266	Vũ Thanh Hà	07/02/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
267	C30267	Vũ Thị Thu Hà	14/02/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Nhân Chính		Bỏ thi			
268	C30268	Vương Thị Thu Hà	28/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Đại Mỗ		38	38		
269	C30269	Phạm Thị Hà	10/7/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Thạch Bàn	5	60,5	65,5		
270	C30270	Trần Thị Hà	16/8/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường			46,5	46,5		
271	C30271	Nguyễn Thị Hạ	08/5/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Đa Phúc	THPT Cổ Loa		31	31		
272	C30272	Nguyễn Thị Thanh Hải	08/08/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		45	45		
273	C30273	Nguyễn Phú Hai	17/11/1987	Nam	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		62	62		
274	C30274	Cao Mỹ Hân	02/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Thạch Bàn		67	67	Trúng tuyển NV1	
275	C30275	Nguyễn Ngọc Hân	09/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Xuân Phương		52	52		
276	C30276	Phan Thị Ngọc Hân	12/01/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		Bỏ thi			
277	C30277	Bùi Thị Thúy Hằng	28/12/1997	Nữ	Ngữ văn	TH, THCS và THPT Khương Hạ			56	56	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
278	C30278	Đặng Thị Hằng	02/07/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Thọ Xuân	5	66	71	Trúng tuyển NV1	
279	C30279	Lê Thị Thu Hằng	25/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		43,5	43,5		
280	C30280	Lương Nguyệt Hằng	24/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Xuân Phương		61	61		
281	C30281	Lương Thị Hằng	29/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		5	41,5	46,5		Không xét trường NV2
282	C30282	Mai Thị Thu Hằng	08/11/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		65,5	65,5		
283	C30283	Nghiêm Thu Hằng	21/12/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		45,5	45,5		
284	C30284	Nguyễn Hà Minh Hằng	22/6/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		54	54		
285	C30285	Nguyễn Minh Hằng	28/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nhân Chính	THPT Phúc Lợi		55	55		
286	C30286	Nguyễn Thị Hằng	16/10/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà	5	47	52		
287	C30287	Nguyễn Thị Hằng	08/6/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Nguyễn Quốc Trinh		50	50		
288	C30288	Nguyễn Thị Thanh Hằng	24/9/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Xuân Phương		58,5	58,5		
289	C30289	Nguyễn Thị Thu Hằng	23/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		43	43		
290	C30290	Nguyễn Thị Thu Hằng	23/12/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		18,5	18,5		
291	C30291	Nguyễn Thu Hằng	14/02/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		41,5	41,5		
292	C30292	Nguyễn Thúy Hằng	22/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Nguyễn Quốc Trinh		34	34		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
293	C30293	Phan Thị Hằng	27/07/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		64,5	64,5		
294	C30294	Phan Thị Hằng	25/9/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Sóc Sơn	THPT Minh Phú		60,5	60,5		
295	C30295	Trần Thị Hằng	09/6/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà	5	50,5	55,5		
296	C30296	Trần Thị Thu Hằng	27/10/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		57	57		
297	C30297	Vũ Minh Hằng	10/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Đông Mỹ		52,5	52,5		
298	C30298	Vũ Thu Hằng	12/3/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
299	C30299	Đào Thu Hằng	26/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Xuân Phương		57,5	57,5		
300	C30300	Phạm Thị Thu Hằng	14/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		42	42		
301	C30301	Nguyễn Thị Hạnh	16/7/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình			54	54		Không xét trường NV2
302	C30302	Hà Thị Hạnh	19/6/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà	5	Bỏ thi			
303	C30303	Hoàng Thị Hạnh	20/9/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn	5	52,5	57,5		
304	C30304	Lê Phương Hạnh	23/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Du - Thanh oai		31	31		
305	C30305	Lê Thị Hạnh	13/8/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Trung Giã	THPT Minh Phú		30,5	30,5		
306	C30306	Lê Thị Hạnh	15/7/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Yên Hòa		68	68		
307	C30307	Lê Thị Hạnh	17/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		55	55		
308	C30308	Lưu Thị Hạnh	04/8/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Chương Mỹ B		50	50		
309	C30309	Nguyễn Mỹ Hạnh	15/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Phúc Lợi		42	42		
310	C30310	Nguyễn Thị Hạnh	17/5/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân		57	57		
311	C30311	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	22/5/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		52	52		
312	C30312	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28/01/1983	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	TH, THCS và THPT Khương Hạ		38	38		
313	C30313	Nguyễn Thị Mai Hạnh	12/8/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Lý Thường Kiệt		55,5	55,5		
314	C30314	Nguyễn Thị Phương Hạnh	04/02/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		42,5	42,5		
315	C30315	Phạm Thị Hồng Hạnh	20/6/1981	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		40	40		
316	C30316	Phan Thu Hạnh	01/10/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Khương Đình		60,5	60,5		
317	C30317	Trần Hồng Hạnh	12/02/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		64	64		
318	C30318	Trần Thị Hạnh	08/8/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		56	56		
319	C30319	Vũ Thị Bích Hạnh	18/4/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		78	78	Trúng tuyển NV1	
320	C30320	Nguyễn Đức Hào	09/01/2000	Nam	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		70	70	Trúng tuyển NV1	
321	C30321	Lê Thị Bích Hảo	01/8/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Liên Hà		57	57		
322	C30322	Lương Thị Hảo	15/02/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà	5	58,5	63,5		
323	C30323	Bùi Thị Hiên	16/6/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Thọ Xuân		58,5	58,5		
324	C30324	Điền Thị Hiên	26/9/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		70	70	Trúng tuyển NV1	
325	C30325	Nguyễn Thị Hiên	31/8/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
326	C30326	Tạ Thị Hiên	29/9/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	5	59	64		
327	C30327	Bạch Thị Thu Hiền	09/4/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình	5	65	70	Trúng tuyển NV1	
328	C30328	Đặng Lương Khánh Hiền	27/8/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Khương Đình		51	51		
329	C30329	Đặng Thanh Hiền	12/10/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		50,5	50,5		
330	C30330	Đậu Thị Thu Hiền	02/9/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương			45	45		
331	C30331	Đỗ Thị Hiền	11/10/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		58	58		
332	C30332	Đỗ Thị Thanh Hiền	16/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		58	58		
333	C30333	Đỗ Thu Hiền	22/10/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		64	64		
334	C30334	Hoàng Thị Thu Hiền	21/08/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		67	67		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
335	C30335	Lê Thị Hiền	02/02/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		45	45		
336	C30336	Lê Thị Thanh Hiền	07/10/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Cổ Loa		60	60		
337	C30337	Lò Thị Thu Hiền	10/6/1999	nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	5	78	83	Trúng tuyển NV1	
338	C30338	Nguyễn Khánh Hiền	05/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		71	71		
339	C30339	Nguyễn Lê Ngọc Hiền	07/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
340	C30340	Nguyễn Phương Hiền	31/5/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		61	61		
341	C30341	Nguyễn Thị Hiền	13/7/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59	59		
342	C30342	Nguyễn Thị Hiền	28/02/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Vân Nội		71,5	71,5	Trúng tuyển NV1	
343	C30343	Nguyễn Thị Thanh Hiền	21/9/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		56	56		
344	C30344	Nguyễn Thị Thu Hiền	26/02/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Phúc Lợi		68	68		
345	C30345	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/11/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		56,5	56,5		
346	C30346	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/3/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Ngọc Hồi		45	45		
347	C30347	Nguyễn Thị Thu Hiền	12/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		50	50		
348	C30348	Ninh Thị Thu Hiền	13/01/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		55	55		
349	C30349	Phan Lê Thục Hiền	13/9/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		60,5	60,5		
350	C30350	Phan Thị Thuý Hiền	06/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		59,5	59,5		
351	C30351	Trần Thị Hiền	09/9/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Đỉnh	THPT Mỹ Đình		57	57		
352	C30352	Vũ Thị Hiền	18/01/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Thọ Xuân		60	60		
353	C30353	Vương Thị Hiền	20/8/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Lý Thường Kiệt		59	59		
354	C30354	Phạm Thuý Hiền	26/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Đại Cường		64	64		
355	C30355	Lê Thị Hiến	20/9/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
356	C30356	Bạch Thị Hoa	06/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		46	46		
357	C30357	Bùi Thị Mỹ Hoa	06/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	5	Bỏ thi			
358	C30358	Đào Thanh Hoa	22/4/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		67	67		
359	C30359	Đinh Thị Thanh Hoa	23/10/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Nội	THPT Đông Anh		70	70	Trúng tuyển NV1	
360	C30360	Đỗ Hồng Hoa	25/01/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Lý Thường Kiệt		58	58		
361	C30361	Hoàng Thị Quỳnh Hoa	16/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai B	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		60	60		
362	C30362	Lê Thị Hoa	21/5/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Thanh Oai A		62	62		
363	C30363	Lê Thị Thanh Hoa	02/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		64	64		
364	C30364	Ngô Mai Hoa	18/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Văn Trỗi		47	47		
365	C30365	Nguyễn Phương Hoa	28/5/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		56,5	56,5		
366	C30366	Nguyễn Thị Hoa	03/01/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		27	27		
367	C30367	Nguyễn Thị Hoa	06/6/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		33	33		
368	C30368	Nguyễn Thị Hoa	12/4/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Phúc Lợi		41	41		
369	C30369	Nguyễn Thị Hoa	22/6/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		62,5	62,5		
370	C30370	Nguyễn Thị Hoa	12/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		46,5	46,5		
371	C30371	Nguyễn Thị Hoa	24/10/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi		67	67	Trúng tuyển NV1	
372	C30372	Nguyễn Thị Hoa	02/11/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		64	64		
373	C30373	Nguyễn Thị Hoa	12/9/1993	nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Đại Mỗ		53	53		
374	C30374	Nguyễn Thị Thanh Hoa	22/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Bắc Lương Sơn		50	50		
375	C30375	Nguyễn Thị Thu Hoa	29/8/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		50	50		
376	C30376	Tô Thị Hoa	17/3/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
377	C30377	Trần Thị Quỳnh Hoa	24/10/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		45	45		
378	C30378	Bùi Khánh Hoà	08/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		55	55		
379	C30379	Lê Minh Hoà	23/02/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Phúc Lợi		46	46		
380	C30380	Lê Thị Hoà	01/01/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		58	58		
381	C30381	Trần Thị Thanh Hoà	19/11/1988	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		62	62		
382	C30382	Trần Văn Hoà	12/10/1997	Nam	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		29	29		
383	C30383	Lê Huyền Hòa	27/8/1983	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		52	52		
384	C30384	Lê Thị Thanh Hòa	15/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		59	59		
385	C30385	Nguyễn Minh Hòa	28/12/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		63	63		
386	C30386	Bùi Thị Thu Hoài	17/8/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		54	54		
387	C30387	Đỗ Thị Hoài	18/8/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Chương Mỹ B	THPT Thanh Oai A		44	44		
388	C30388	Lưu Minh Hoàn	25/12/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		39	39		
389	C30389	Nguyễn Huy Hoàng	23/5/2000	Nam	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Quốc Trinh		48	48		
390	C30390	Phạm Huy Hoàng	06/11/2002	Nam	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		47	47		
391	C30391	Đinh Thị Nắng Hồng	26/01/1982	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Hoàng Văn Thụ		Bỏ thi			
392	C30392	Hoàng Thị Hồng	27/8/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Đa Phúc	THPT Sóc Sơn	5	43	48		
393	C30393	Nguyễn Minh Hồng	19/9/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Đại Mỗ		50	50		
394	C30394	Nguyễn Thị Hồng	05/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Thọ Xuân		37,5	37,5		
395	C30395	Nguyễn Thị Hồng	05/10/1984	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		70	70	Trúng tuyển NV1	
396	C30396	Nguyễn Thị Hồng	29/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Thanh Oai A		50	50		
397	C30397	Nguyễn Thị Kim Hồng	10/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		57	57		
398	C30398	Nguyễn Thị Thúy Hồng	19/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Lưu Hoàng	THPT Xuân Phương		53	53		
399	C30399	Trần Thị Hồng	24/2/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Thanh Oai A	5	43	48		
400	C30400	Lê Thị Hồng	04/9/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		54	54		
401	C30401	Trương Thị Hợp	15/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà	5	Bỏ thi			
402	C30402	Phan Văn Huấn	13/10/1981	Nam	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Mỹ Đình		63	63		
403	C30403	Lô Thị Huê	04/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ	5	41,5	46,5		
404	C30404	Nguyễn Thị Huê	13/3/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Ngọc Hồi		53	53		
405	C30405	Cao Thị Huế	15/3/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai A	THPT Chương Mỹ B		62	62		
406	C30406	Kiều Thị Huế	30/12/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		74	74	Trúng tuyển NV1	
407	C30407	Nguyễn Thị Huế	28/3/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình			42,5	42,5		
408	C30408	Nguyễn Thị Minh Huế	18/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Thanh Oai A		59	59		
409	C30409	Đào Thị Thu Huệ	02/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Cổ Loa	THPT Đông Anh		52	52		
410	C30410	Dương Thị Kim Huệ	02/8/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
411	C30411	Lê Thị Huệ	18/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		36,5	36,5		
412	C30412	Lê Thị Huệ	17/12/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		58	58		
413	C30413	Lê Thị Thanh Huệ	03/10/1983	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Viên	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		44	44		
414	C30414	Nguyễn Thị Huệ	24/8/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Mỹ Đình		60	60		
415	C30415	Nguyễn Thị Thanh Huệ	11/7/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		63	63		
416	C30416	Phạm Thị Huệ	22/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Xuân Phương		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
417	C30417	Hoàng Thị Huệ	02/11/1988	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phúc Lợi	5	Bỏ thi			
418	C30418	Đỗ Hữu Hùng	11/7/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		27	27		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
419	C30419	Đoàn Thị Thanh Hưng	15/3/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		53,5	53,5		
420	C30420	Bùi Thị Thu Hương	05/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		33,5	33,5		
421	C30421	Bùi Thiên Hương	07/10/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ			56	56		
422	C30422	Bùi Thu Hương	04/10/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		70,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
423	C30423	Đặng Thị Quỳnh Hương	27/01/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59	59		
424	C30424	Dương Thị Lan Hương	08/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Xuân Phương		48,5	48,5		
425	C30425	Hà Quỳnh Hương	22/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Lý Thường Kiệt		50,5	50,5		
426	C30426	Hoàng Thị Hương	11/02/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		60	60		
427	C30427	Hoàng Thu Hương	11/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		64	64		
428	C30428	Lại Thị Hương	19/3/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Tử Tấn	THPT Ngọc Hồi		23	23		
429	C30429	Lê Thanh Hương	02/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50	50		
430	C30430	Lê Thị Diễm Hương	27/7/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		61	61		
431	C30431	Lê Thị Hương	13/7/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		39,5	39,5		
432	C30432	Lê Thị Lan Hương	17/10/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		57	57		
433	C30433	Ngô Mai Hương	28/8/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Lưu Hoàng		67	67		
434	C30434	Ngô Thị Thảo Hương	11/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Sóc Sơn	THPT Đa Phúc		Bỏ thi			
435	C30435	Nguyễn Kiều Liên Hương	15/9/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		44	44		
436	C30436	Nguyễn Lan Hương	18/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Phúc Lợi		67	67		
437	C30437	Nguyễn Thị Hương	02/04/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		59	59		
438	C30438	Nguyễn Thị Hương	08/4/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân		56	56		
439	C30439	Nguyễn Thị Hương	17/9/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Đại Mỗ		52	52		
440	C30440	Nguyễn Thị Hương	16/12/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		45	45		
441	C30441	Nguyễn Thị Lan Hương	11/02/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai A		56	56		
442	C30442	Nguyễn Thị Mai Hương	30/7/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		60	60		
443	C30443	Nguyễn Thị Minh Hương	22/03/2002	Nữ	Ngữ văn		THPT Đại Mỗ		50	50		Không xét Trường NV1
444	C30444	Nguyễn Thu Hương	13/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Bắc Lương Sơn		70	70	Trúng tuyển NV1	
445	C30445	Nguyễn Thu Hương	20/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		48,5	48,5		
446	C30446	Nguyễn Xuân Hương	24/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Đông Mỹ	5	40	45		
447	C30447	Phạm Thị Thu Hương	01/01/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	5	68	73	Trúng tuyển NV1	
448	C30448	Phan Hải Lâm Hương	09/6/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		37	37		
449	C30449	Phan Thị Hương	14/10/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		60	60		
450	C30450	Trần Lan Hương	18/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		69	69		
451	C30451	Trần Linh Hương	31/12/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		62,5	62,5		
452	C30452	Nguyễn Thị Thu Hương	01/12/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		48	48		
453	C30453	Bạch Thị Thu Hường	12/6/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Quốc Trinh		57,5	57,5		
454	C30454	Chu Thanh Hường	31/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		56	56		
455	C30455	Đinh Thị Hương	26/12/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		50	50		
456	C30456	Hàn Thị Thu Hường	28/4/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		50	50		
457	C30457	Nguyễn Phương Hường	14/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		50,5	50,5		
458	C30458	Nguyễn Thanh Hường	20/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh		50	50		
459	C30459	Nguyễn Thị Hường	15/10/1985	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		60	60		
460	C30460	Nguyễn Thị Thu Hường	01/8/1983	Nữ	Ngữ văn		THPT Minh Hà	5	Bỏ thi			Không xét Trường NV1

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
461	C30461	Nguyễn Thị Thuý Hường	16/8/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50	50		
462	C30462	Võ Thị Hường	05/7/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	TH, THCS và THPT Khương Hạ		59	59		
463	C30463	Vũ Thị Thu Hường	19/01/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		48,5	48,5		
464	C30464	Hoàng Đình Huy	23/7/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		64	64		
465	C30465	Trần Đức Huy	18/01/2002	Nam	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		50	50		
466	C30466	Bùi Khánh Huyền	01/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	5	66	71	Trúng tuyển NV1	
467	C30467	Bùi Khánh Huyền	30/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		19,5	19,5		
468	C30468	Bùi Minh Huyền	17/7/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Thọ Xuân	5	55	60		
469	C30469	Đàm Ngọc Huyền	08/11/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		55	55		
470	C30470	Đoàn Thị Như Huyền	29/8/1979	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		61	61		
471	C30471	Hà Thu Huyền	25/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Quốc Trinh		51	51		
472	C30472	Hoàng Thu Huyền	25/6/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Phúc Lợi	5	41,5	46,5		
473	C30473	Khổng Minh Huyền	08/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		45	45		
474	C30474	Kiều Thị Huyền	13/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		50	50		
475	C30475	Kiều Thu Huyền	23/10/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Minh Hà		62	62		
476	C30476	Lê Ngọc Huyền	13/9/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		62	62		
477	C30477	Lê Thị Huyền	12/2/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Đa Phúc	THPT Phúc Lợi		72	72	Trúng tuyển NV1	
478	C30478	Lê Thu Huyền	07/3/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		35	35		
479	C30479	Nguyễn Khánh Huyền	09/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Bắc Lương Sơn	5	50	55		
480	C30480	Nguyễn Mai Huyền	01/8/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Nguyễn Du - Thanh oai		56	56		
481	C30481	Nguyễn Minh Huyền	01/01/1999	Nữ	Ngữ văn		THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		51,5	51,5		Không xét Trường NV1
482	C30482	Nguyễn Ngọc Huyền	02/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		52,5	52,5		
483	C30483	Nguyễn Phạm Ngọc Huyền	22/5/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Xuân Đỉnh		53	53		
484	C30484	Nguyễn Thanh Huyền	22/4/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		58	58		
485	C30485	Nguyễn Thanh Huyền	06/12/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		60	60		
486	C30486	Nguyễn Thanh Huyền	02/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Trung Giã		75	75	Trúng tuyển NV1	
487	C30487	Nguyễn Thị Huyền	03/10/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Thọ Xuân		39	39		
488	C30488	Nguyễn Thị Huyền	27/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Văn Trỗi		54	54		
489	C30489	Nguyễn Thị Huyền	21/01/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Đa Phúc		75,5	75,5	Trúng tuyển NV1	
490	C30490	Nguyễn Thị Phương Huyền	05/11/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
491	C30491	Nguyễn Thị Thanh Huyền	13/4/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà			78	78	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
492	C30492	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		72	72	Trúng tuyển NV1	
493	C30493	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/01/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
494	C30494	Nguyễn Thị Thanh Huyền	15/6/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Thọ Xuân		57	57		
495	C30495	Nguyễn Thị Thu Huyền	27/5/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Trung Giã	THPT Sóc Sơn	5	42	47		
496	C30496	Nguyễn Thị Thu Huyền	15/01/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Minh Hà		58	58		
497	C30497	Trần Thị Huyền	31/01/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Mỹ Đình		71	71	Trúng tuyển NV1	
498	C30498	Trần Thị Ngọc Huyền	24/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai			73	73	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
499	C30499	Vi Thị Huyền	05/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ	5	Bỏ thi			
500	C30500	Trần Quang Khải	10/5/1999	Nam	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Cường		61	61		
501	C30501	Nguyễn Thị Minh Khanh	14/5/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Sóc Sơn		Bỏ thi			
502	C30502	Đỗ Thị Ngọc Khánh	05/9/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		54	54		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
503	C30503	Nguyễn Lê Duy Khánh	27/3/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		50	50		
504	C30504	Vũ Ngọc Khánh	13/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		50	50		
505	C30505	Đoàn Minh Khuê	13/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Yên Hòa		65	65		
506	C30506	Phùng Thị Lam	11/9/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Lý Tự Tấn	5	55	60		
507	C30507	Phạm Xuân Lâm	13/7/2002	Nam	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	TH, THCS và THPT Khương Hạ		41	41		
508	C30508	Đào Thị Hương Lan	20/9/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		53	53		
509	C30509	Đinh Thị Lan	04/6/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Phúc Lợi	5	43	48		
510	C30510	Dương Thị Phương Lan	18/7/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		60	60		
511	C30511	Hà Hương Lan	13/3/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Khương Đình		35	35		
512	C30512	Hà Thị Lan	01/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nhân Chính	THPT Mỹ Đình	5	46	51		
513	C30513	Lưu Thị Lan	24/7/1983	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		50	50		
514	C30514	Nguyễn Bùi Hạnh Lan	29/6/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		63	63		
515	C30515	Nguyễn Hoàng Lan	04/112003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		65	65		
516	C30516	Nguyễn Ngọc Lan	07/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh		64	64		
517	C30517	Nguyễn Quỳnh Lan	20/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh			56	56		Không xét trường NV2
518	C30518	Nguyễn Thị Hoàng Lan	23/6/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		56	56		
519	C30519	Nguyễn Thị Lan	06/04/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		65	65		
520	C30520	Nguyễn Thị Lan	20/8/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lưu Hoàng		21,5	21,5		
521	C30521	Nguyễn Thị Ngọc Lan	20/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Đại Mỗ		66,5	66,5		
522	C30522	Nguyễn Thị Ngọc Lan	08/10/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		58	58		
523	C30523	Nguyễn Thị Phương Lan	18/12/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		43	43		
524	C30524	Phạm Thị Hương Lan	08/03/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
525	C30525	Phùng Thị Lan	19/10/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		55	55		
526	C30526	Tạ Thị Lan	27/02/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Sóc Sơn		Bỏ thi			
527	C30527	Trần Thị Ngọc Lan	21/02/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Quốc Trinh		61	61		
528	C30528	Lương Thị Lành	08/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Thọ Xuân	5	33	38		
529	C30529	Phan Thị Lành	06/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
530	C30530	Lê Thị Lệ	12/10/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Nội	THPT Cổ Loa		52	52		
531	C30531	Bùi Thị Hương Liên	26/07/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		52	52		
532	C30532	Đặng Hồng Liên	06/07/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		45	45		
533	C30533	Đỗ Thị Liên	13/3/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Lưu Hoàng		50	50		
534	C30534	Ngô Thùy Ngọc Liên	27/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		60	60		
535	C30535	Nguyễn Hồng Liên	09/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi			36	36		Không xét trường NV2
536	C30536	Nguyễn Quỳnh Liên	13/10/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		52	52		
537	C30537	Nguyễn Thị Liên	11/6/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		63	63		
538	C30538	Nguyễn Thị Liên	07/11/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Phú		52	52		
539	C30539	Trương Thị Liên	19/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		65	65		
540	C30540	Nguyễn Thị Liễu	31/10/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		40,5	40,5		
541	C30541	Nguyễn Thị Thu Liễu	27/11/1997	Nữ	Ngữ văn	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Khương Đình	5	47,5	52,5		
542	C30542	Bùi Doãn Hà Linh	18/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Xuân Đỉnh		57	57		
543	C30543	Chu Khánh Linh	07/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ	5	37	42		
544	C30544	Đào Thị Thuỳ Linh	14/4/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		55	55		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
545	C30545	Đào Tú Linh	03/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		46	46		
546	C30546	Đinh Khánh Linh	06/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		44	44		
547	C30547	Đinh Thị Linh	10/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		Bỏ thi			
548	C30548	Đỗ Hoàng Mai Linh	17/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		51	51		
549	C30549	Đỗ Thị Mỹ Linh	27/8/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		48	48		
550	C30550	Đỗ Thuỳ Linh	18/4/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		50	50		
551	C30551	Đỗ Thùy Linh	20/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Lý Thường Kiệt		50	50		
552	C30552	Hà Thị Linh	30/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
553	C30553	Hà Tú Linh	20/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Ngô Thì Nhậm	5	45,5	50,5		
554	C30554	Hoàng Diệu Linh	30/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Phúc Lợi		64,5	64,5	Trúng tuyển NV1	
555	C30555	Hoàng Thị Linh	10/9/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		5	50	55		Không xét trường NV2
556	C30556	Khổng Thị Huyền Linh	14/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		60	60		
557	C30557	Lê Diệu Linh	10/3/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		58	58		
558	C30558	Lê Thị Thảo Linh	20/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		51,5	51,5		
559	C30559	Lê Thuỳ Linh	01/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		64	64		
560	C30560	Lưu Mai Linh	10/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai B	THPT Thanh Oai A		60	60		
561	C30561	Lý Hương Linh	23/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai A	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		58	58		
562	C30562	Mai Thảo Linh	20/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		62	62	Trúng tuyển NV1	
563	C30563	Mai Thị Thuỳ Linh	08/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Đỉnh		46	46		
564	C30564	Ngô Nhật Linh	01/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thượng Cát	THPT Xuân Đỉnh		38,5	38,5		
565	C30565	Ngô Thuỳ Linh	08/5/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		36	36		
566	C30566	Nguyễn An Nhật Linh	15/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	TH, THCS và THPT Khương Hạ		44	44		
567	C30567	Nguyễn Diệu Linh	16/02/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Mỹ	THPT Lý Tử Tấn		58	58	Trúng tuyển NV1	
568	C30568	Nguyễn Hải Linh	19/9/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Yên Viên		57	57		
569	C30569	Nguyễn Hoài Linh	24/8/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Khương Đình		22,5	22,5		
570	C30570	Nguyễn Khánh Linh	20/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Trung Giã		47	47		
571	C30571	Nguyễn Ngọc Linh	06/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		69	69		
572	C30572	Nguyễn Phương Linh	16/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngọc Hồi	THPT Nguyễn Quốc Trinh		48	48		
573	C30573	Nguyễn Thị Ái Linh	10/5/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Ngọc hồi		50	50		
574	C30574	Nguyễn Thị Diệu Linh	28/5/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		27	27		
575	C30575	Nguyễn Thị Khánh Linh	24/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Phúc Lợi		43,5	43,5		
576	C30576	Nguyễn Thị Khánh Linh	13/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Nội	THPT Minh Phú		52	52		
577	C30577	Nguyễn Thị Khánh Linh	03/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		63	63		
578	C30578	Nguyễn Thị Khánh Linh	14/4/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		58,5	58,5		
579	C30579	Nguyễn Thị Linh	29/12/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Anh	5	57	62		
580	C30580	Nguyễn Thị Linh	13/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		50	50		
581	C30581	Nguyễn Thị Mai Linh	11/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Phúc Lợi		52	52		
582	C30582	Nguyễn Thị Mai Linh	07/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Quốc Trinh		43	43		
583	C30583	Nguyễn Thị Nhật Linh	13/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Mỹ Đình		56	56		
584	C30584	Nguyễn Thị Phương Linh	29/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		58	58		
585	C30585	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	13/3/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		54	54		
586	C30586	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Lưu Hoàng		53	53		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
587	C30587	Nguyễn Thị Thùy Linh	23/9/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		49,5	49,5		
588	C30588	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/11/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		46,5	46,5		
589	C30589	Nguyễn Thị Tú Linh	23/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		46,5	46,5		
590	C30590	Nguyễn Thục Linh	18/11/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		63	63		
591	C30591	Nguyễn Thuỳ Linh	05/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đồng Mỹ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		58	58		
592	C30592	Nguyễn Thuỳ Linh	12/6/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Mỹ Đình		51,5	51,5		
593	C30593	Nguyễn Thùy Linh	02/12/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
594	C30594	Nguyễn Thùy Linh	09/04/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai B	THPT Thanh Oai A		51	51		
595	C30595	Nguyễn Vũ Linh	31/8/2002	Nam	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		61	61		
596	C30596	Nông Yến Linh	22/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân	5	44	49		
597	C30597	Phạm Khánh Linh	17/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Thạch Bàn		42,5	42,5		
598	C30598	Phạm Khánh Linh	06/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		55	55		
599	C30599	Phạm Thị Diệu Linh	13/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn			48,5	48,5		Không xét trường NV2
600	C30600	Phạm Thùy Linh	05/9/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phúc Lợi	5	Bỏ thi			
601	C30601	Phạm Vương Mai Linh	10/9/2003	nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		64	64		
602	C30602	Phan Hoàng Thảo Linh	31/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		50	50		
603	C30603	Phan Thị Mỹ Linh	04/01/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		41,5	41,5		
604	C30604	Quách Trúc Linh	22/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		37,5	37,5		
605	C30605	Tạ Mai Linh	28/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nhân Chính	THPT Mỹ Đình		43,5	43,5		
606	C30606	Tạ Thị Diệu Linh	16/10/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		31,5	31,5		
607	C30607	Tôn Nữ Mai Linh	26/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52,5	52,5		
608	C30608	Trần Hải Linh	12/9/2000	Nam	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Phúc Lợi		50	50		
609	C30609	Trần Mai Linh	11/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		54,5	54,5		
610	C30610	Trần Mỹ Linh	26/8/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Hoàng Văn Thụ		75	75	Trúng tuyển NV1	
611	C30611	Trần Thị Khánh Linh	10/08/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		50	50		
612	C30612	Trần Tiểu Linh	26/12/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		62	62		
613	C30613	Trịnh Thuỳ Linh	15/4/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		39	39		
614	C30614	Trịnh Thùy Linh	16/10/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		55	55		
615	C30615	Vũ Mỹ Linh	12/11/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		58	58		
616	C30616	Vũ Quang Linh	21/09/2002	Nam	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
617	C30617	Vũ Thuỳ Linh	19/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		50	50		
618	C30618	Đỗ Thị Linh	01/5/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Đại Mỗ		61,5	61,5		
619	C30619	Đoàn Thị Thuỳ Linh	25/9/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Tử Tấn	THPT Đại Cường		54	54	Trúng tuyển NV1	
620	C30620	Bùi Thị Loan	02/12/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà	5	66,5	71,5	Trúng tuyển NV1	
621	C30621	Cao Thị Loan	19/9/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Thọ Xuân		62	62		
622	C30622	Đặng Thị Loan	26/10/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Lưu Hoàng		63	63		
623	C30623	Đặng Thị Thúy Loan	22/6/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Xuân Phương		51,5	51,5		
624	C30624	Dương Thị Bích Loan	06/6/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		34,5	34,5		
625	C30625	Hà Thị Loan	04/01/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Đa Phúc		77	77	Trúng tuyển NV1	
626	C30626	Hoàng Thị Loan	12/12/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	TH, THCS và THPT Khương Hạ		45,5	45,5		
627	C30627	Nguyễn Thị Bích Loan	06/02/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		41	41		
628	C30628	Nguyễn Thị Loan	09/12/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
629	C30629	Nguyễn Thị Loan	03/8/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		51	51		
630	C30630	Nguyễn Thị Loan	11/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Viên	THPT Lý Thường Kiệt		38	38		
631	C30631	Nguyễn Thị Loan	02/3/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		66	66		
632	C30632	Nguyễn Thị Ngọc Loan	08/11/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
633	C30633	Nguyễn Thị Thanh Loan	12/6/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		64	64		
634	C30634	Nguyễn Thị Lụa	11/01/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Cường		53	53		
635	C30635	Nguyễn Thị Hiền Lương	13/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		66	66	Trúng tuyển NV1	
636	C30636	Nguyễn Thị Lương	04/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		50	50		
637	C30637	Nguyễn Tiến Lượng	05/9/1989	Nam	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		54	54		
638	C30638	Nguyễn Thị Luyến	18/1/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Xuân Phương		37	37		
639	C30639	Nguyễn Thị Luyến	19/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Sóc Sơn		50	50		
640	C30640	Bùi Khánh Ly	08/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		59	59		
641	C30641	Bùi Khánh Ly	03/10/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Thượng Cát	THPT Vân Cốc		57,5	57,5		
642	C30642	Cao Thị Khánh Ly	27/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		70	70		
643	C30643	Đinh Thảo Ly	27/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		62	62		
644	C30644	Kim Khánh Ly	16/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Thọ Xuân		40,5	40,5		
645	C30645	Nguyễn Khánh Ly	26/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Đông Mỹ		45	45		
646	C30646	Nguyễn Phương Ly	12/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngọc Hồi	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		70	70	Trúng tuyển NV1	
647	C30647	Nguyễn Thị Diệu Ly	23/7/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh		37	37		
648	C30648	Nguyễn Thu Khánh Ly	20/12/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		56,5	56,5		
649	C30649	Nguyễn Thị Ly	22/7/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		73	73	Trúng tuyển NV1	
650	C30650	Nguyễn Thị Thảo Ly	20/4/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân			69	69	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
651	C30651	Tạ Thị Thảo Ly	30/7/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	TH, THCS và THPT Khương Hạ		60	60		
652	C30652	Đặng Thị Lý	22/02/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		60	60		
653	C30653	Đào Thị Huyền Mai	05/7/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Mỹ Đình		60,5	60,5		
654	C30654	Đinh Thị Mai	19/6/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		51	51		
655	C30655	Đỗ Hồng Mai	30/01/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
656	C30656	Hoàng Ngọc Mai	27/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		57,5	57,5		
657	C30657	Kiều Quỳnh Mai	16/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		38	38		
658	C30658	Lê Ngọc Mai	15/12/2003	nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân			45	45		Không xét trường NV2
659	C30659	Lê Thu Mai	04/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		45	45		
660	C30660	Ngô Thị Hoa Mai	15/5/1988	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		44	44		
661	C30661	Ngô Thị Ngọc Mai	19/5/1988	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		55	55		
662	C30662	Nguyễn Ngọc Mai	11/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đa Phúc	THPT Đông Anh		47	47		
663	C30663	Nguyễn Nhật Mai	07/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Yên Viên		59	59		
664	C30664	Nguyễn Phương Mai	02/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà	5	50	55		
665	C30665	Nguyễn Thị Mai	19/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà			46,5	46,5		Không xét trường NV2
666	C30666	Nguyễn Thị Mai	27/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		40	40		
667	C30667	Nguyễn Thị Mai	25/9/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		65	65		
668	C30668	Nguyễn Thị Mai	04/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Mỹ Đình		45	45		
669	C30669	Nguyễn Thị Ngọc Mai	03/12/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		35	35		
670	C30670	Nguyễn Thị Như Mai	10/9/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B	5	43	48		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
671	C30671	Nguyễn Thị Tuyết Mai	22/11/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		52	52		
672	C30672	Nguyễn Trần Tuyết Mai	08/12/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		54	54		
673	C30673	Võ Thị Tuyết Mai	21/7/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		41	41		
674	C30674	Vũ Ngọc Mai	05/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		56	56		
675	C30675	Đỗ Thị Hồng Mến	12/8/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		70	70		
676	C30676	Vương thị Mến	10/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình	5	51	56		
677	C30677	Nguyễn Thị Trà Mi	29/9/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Đại Mỗ		52	52		
678	C30678	Đặng Thị Phương Minh	05/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		60	60		
679	C30679	Hà Thị Tuyết Minh	29/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương	5	51	56		
680	C30680	Hoàng Thị Minh	07/11/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi		63	63		
681	C30681	Nhữ Nhật Minh	14/12/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Phúc Lợi		66	66		
682	C30682	Vũ Hải Minh	02/11/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		56	56		
683	C30683	Bành Thị Hương Mơ	02/3/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		51,5	51,5		
684	C30684	Đỗ Thị Mơ	04/3/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Bắc Lương Sơn		41,5	41,5		
685	C30685	Nguyễn Thị Mơ	06/7/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		62	62		
686	C30686	Nguyễn Thị Mùi	14/9/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Văn Nội		45	45		
687	C30687	Trịnh Thị Mùi	05/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		61	61		
688	C30688	Đào Thị Trà My	16/02/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		61	61		
689	C30689	Đinh Thị Trà My	16/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
690	C30690	Hà My	08/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Xuân Phương		63	63		
691	C30691	Mai Thảo My	03/3/2003	Nữ	Ngữ văn		THPT Mỹ Đình		53	53		Không xét trường NV1
692	C30692	Nguyễn Hoàng My	01/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nhân Chính	THPT Hoàng Văn Thụ		45,5	45,5		
693	C30693	Nguyễn Thị Hà My	08/10/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		62	62		
694	C30694	Nguyễn Thị Trà My	10/12/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		56	56		
695	C30695	Phùng Thị Trà My	06/10/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		44	44		
696	C30696	Trần Trà My	08/11/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		62	62		
697	C30697	Trương Thị Trà My	06/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		64,5	64,5		
698	C30698	Trần Lê Hà My	21/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Xuân Phương		45,5	45,5		
699	C30699	Vũ Hà My	26/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Yên Hòa		50	50		
700	C30700	Phạm Thị Na	12/7/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		Bỏ thi			
701	C30701	Phan Thành Nam	07/11/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Mỹ Đình	5	58	63		
702	C30702	Phan Thị Nam	21/12/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Sóc Sơn		46	46		
703	C30703	Lê Trung Năm	27/3/1986	Nam	Ngữ văn	THPT Ngọc Hồi	THPT Đông Mỹ		51	51		
704	C30704	Đinh Thị Thuý Nga	28/10/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		62	62		
705	C30705	Lương Thị Nga	08/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương			76	76	Trúng tuyển NV1	
706	C30706	Nguyễn Hoàng Nga	14/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi	5	58	63		
707	C30707	Nguyễn Kiều Nga	19/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Thạch Bàn		66	66		
708	C30708	Nguyễn Phương Nga	08/02/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		38	38		
709	C30709	Nguyễn Thanh Nga	10/11/1986	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà	5	Bỏ thi			
710	C30710	Nguyễn Thị Nga	09/7/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		54,5	54,5		
711	C30711	Phạm Thị Thanh Nga	02/11/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Xuân Phương		29	29		
712	C30712	Phùng Thị Phương Nga	17/11/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Bắc Lương Sơn		54	54		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện ƯT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
713	C30713	Trần Thị Hằng Nga	25/9/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		Bỏ thi			
714	C30714	Trần Thị Thu Nga	28/01/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Khương Đình		43	43		
715	C30715	Đinh Thị Ngà	24/8/1988	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		37	37		
716	C30716	Nghiêm Thị Thanh Ngà	08/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Lý Thường Kiệt		51,5	51,5		
717	C30717	Tào Thị Ngà	13/02/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
718	C30718	Trần Thị Ngà	20/11/1981	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Cổ Loa		52,5	52,5		
719	C30719	Bùi Thị Mỹ Ngân	28/9/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		52	52		
720	C30720	Đào Thị Kim Ngân	08/10/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		50	50		
721	C30721	Đoàn Thu Ngân	23/7/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		40,5	40,5		
722	C30722	Nguyễn Bích Ngân	08/11/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương			46,5	46,5		
723	C30723	Nguyễn Kim Ngân	21/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Phúc Lợi		51,5	51,5		
724	C30724	Nguyễn Thị Hồng Ngân	07/10/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50	50		
725	C30725	Nguyễn Thị Kim Ngân	17/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		66,5	66,5	Trúng tuyển NV1	
726	C30726	Nguyễn Thị Ngân	25/10/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		66	66		
727	C30727	Phạm Thị Liên Ngân	08/5/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh		68	68	Trúng tuyển NV1	
728	C30728	Phùng Thị Ngân	28/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		66	66		
729	C30729	Trần Thị Trang Ngân	29/10/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi			54	54		Không xét trường NV2
730	C30730	Vũ Hoàng Ngân	31/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		54	54		
731	C30731	Vũ Thị Kim Ngân	19/02/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		55	55		
732	C30732	Nguyễn Thị Hương Ngát	28/6/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		Bỏ thi			
733	C30733	Trịnh Thị Nghĩa	31/5/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Liên Hà		70	70	Trúng tuyển NV1	
734	C30734	Bùi Vũ Yến Ngọc	16/6/1997	nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Thạch Bàn		45	45		
735	C30735	Đào Thị Ngọc	08/8/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		50	50		
736	C30736	Đỗ Thị Ngọc	11/12/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		63	63		
737	C30737	Đoàn Minh Ngọc	09/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Xuân Phương		57	57		
738	C30738	Dương Thị Bích Ngọc	22/6/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		50	50		
739	C30739	Khuất Thị Ngọc	10/02/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		55	55		
740	C30740	Lê Thị Bích Ngọc	16/02/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		54	54		
741	C30741	Lê Thị Hồng Ngọc	21/03/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		50	50		
742	C30742	Lê Thị Ngọc	25/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	TH, THCS và THPT Khương Hạ		38	38		
743	C30743	Lê Tùng Ngọc	08/05/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Khương Đình		30	30		
744	C30744	Nguyễn Hồng Ngọc	19/11/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		46	46		
745	C30745	Nguyễn Hồng Ngọc	12/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Xuân Đỉnh		68,5	68,5		
746	C30746	Nguyễn Minh Ngọc	27/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		58	58		
747	C30747	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	21/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đa Phúc	THPT Khương Đình	5	53	58		
748	C30748	Nguyễn Thị Bích Ngọc	09/6/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		58	58		
749	C30749	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/01/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		56	56		
750	C30750	Nguyễn Thị Minh Ngọc	16/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Khương Đình		67	67	Trúng tuyển NV1	
751	C30751	Nguyễn Thị Ngọc	15/9/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		72	72	Trúng tuyển NV1	
752	C30752	Nguyễn Thị Ngọc	03/8/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
753	C30753	Nguyễn Thị Ngọc	12/5/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai A	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		64	64		
754	C30754	Nguyễn Thị Ngọc	29/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		47	47		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
755	C30755	Nguyễn Vũ Vân Ngọc	18/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Xuân Đỉnh		60	60		
756	C30756	Phạm Thị Ngọc	03/7/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		59,5	59,5		
757	C30757	Phùng Thị Ánh Ngọc	17/01/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		69	69	Trúng tuyển NV1	
758	C30758	Quách Hồng Ngọc	14/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Yên Hòa		72	72	Trúng tuyển NV1	
759	C30759	Trần Minh Ngọc	31/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		61	61		
760	C30760	Trần Thị Bích Ngọc	23/10/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân		43	43		
761	C30761	Nguyễn Thị Ngọc	12/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thọ Xuân		56	56		
762	C30762	Hoàng Bảo Nguyên	21/11/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Hoàng Văn Thụ	PTCS Nguyễn Đình Chiểu	5	47,5	52,5		
763	C30763	Đào Thị Nguyệt	04/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Yên Viên		47	47		
764	C30764	Đinh Thị Nguyệt	26/10/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Ngọc Hồi		59	59		
765	C30765	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	15/3/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Nhân Chính		50	50		
766	C30766	Nguyễn Thị Nguyệt	08/06/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà		65	65	Trúng tuyển NV1	
767	C30767	Nguyễn Thị Nguyệt	28/5/1985	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Phúc Lợi		66	66	Trúng tuyển NV1	
768	C30768	Lê Thị Thanh Nhàn	29/3/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Quốc Trinh		57	57		
769	C30769	Nguyễn Thị Nhàn	21/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		63	63		
770	C30770	Vũ Thị Nhật	04/9/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Lý Thường Kiệt		62	62		
771	C30771	Chu Bảo Nhi	03/8/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		46	46		
772	C30772	Hoàng Yến Nhi	25/02/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Xuân Phương		62	62		
773	C30773	Lê Bùi Mai Nhi	09/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Phúc Lợi		67	67		
774	C30774	Lệ Ngọc Yến Nhi	18/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		50	50		
775	C30775	Lê Thị Hồng Nhi	15/04/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
776	C30776	Phạn Trần Hạnh Nhi	08/6/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		45	45		
777	C30777	Phùng Thị Lan Nhi	09/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Xuân Phương		57	57		
778	C30778	Phùng Thị Uyển Nhi	03/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		50	50		
779	C30779	Trần Thiên Nhi	09/12/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Anh		59	59		
780	C30780	Vũ Uyển Nhi	22/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		41	41		
781	C30781	Bùi Thị Như	31/01/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
782	C30782	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	12/02/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		68	68		
783	C30783	Đặng Hồng Nhung	11/02/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		63	63		
784	C30784	Đỗ Thị Nhung	20/3/1993	Nữ	Ngữ văn	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Khương Đình		65	65	Trúng tuyển NV1	
785	C30785	Dư Thị Tuyết Nhung	14/8/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		42	42		
786	C30786	Dương Thị Hồng Nhung	25/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		42	42		
787	C30787	Hà Thị Hồng Nhung	18/02/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		45,5	45,5		
788	C30788	Hà Thị Nhung	25/4/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Liên Hà		50	50		
789	C30789	Hà Trang Nhung	21/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình		50	50		
790	C30790	Lê Thị Cẩm Nhung	15/4/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		56,5	56,5		
791	C30791	Lê Thị Phương Nhung	24/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		64,5	64,5		
792	C30792	Nghiêm Thị Nhung	01/3/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai B	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		62	62	Trúng tuyển NV1	
793	C30793	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Phúc Lợi		52	52		
794	C30794	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/6/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Nguyễn Văn Trỗi		45	45		
795	C30795	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		56	56		
796	C30796	Nguyễn Thị Nhung	08/3/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		58	58		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
797	C30797	Nguyễn Thị Nhung	09/11/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		67	67		
798	C30798	Nguyễn Thị Thảo Nhung	18/8/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình		66	66		
799	C30799	Trần Thị Hồng Nhung	22/10/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		61,5	61,5		
800	C30800	Hoàng Thị Bảo Nhung	29/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Xuân Phương		70	70	Trúng tuyển NV1	
801	C30801	Bùi Thị Ni	13/7/1988	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình	5	43	48		
802	C30802	H Hà Anh Niê	12/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Đông Anh	5	58	63		
803	C30803	Nguyễn Thị Ninh	16/7/1988	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		59	59		
804	C30804	Đặng Thị Kiều Oanh	14/3/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
805	C30805	Đỗ Thị Kim Oanh	11/8/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Nội		43,5	43,5		
806	C30806	Hồ Thị Kim Oanh	03/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nhân Chính		56	56		
807	C30807	Nguyễn Thị Oanh	20/4/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Khương Đình		50	50		
808	C30808	Nguyễn Thị Oanh	31/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
809	C30809	Phí Thị Oanh	07/5/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		75	75	Trúng tuyển NV1	
810	C30810	Phùng Thị Oanh	10/4/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
811	C30811	Võ Thị Lâm Oanh	10/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		54	54		
812	C30812	Nguyễn Thị Minh Phù	10/8/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Minh Phú		60	60		
813	C30813	Phạm Hồng Phúc	01/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Viên	THPT Thạch Bàn		46	46		
814	C30814	Bạch Minh Phương	16/7/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		51	51		
815	C30815	Bùi Linh Phương	17/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Xuân Phương	5	55	60		
816	C30816	Bùi Thị Phương	13/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Nội	THPT Liên Hà		53	53		
817	C30817	Bùi Thị Phương	01/8/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Xuân Phương		70	70		
818	C30818	Bùi Thị Thu Phương	21/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Anh	5	31	36		
819	C30819	Bùi Thu Phương	02/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi	5	62	67		
820	C30820	Chu Thị Phương	05/4/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Xuân Phương		37	37		
821	C30821	Đinh Mai Phương	01/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		52	52		
822	C30822	Đỗ Thị Thu Phương	25/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Trung Giã	THPT Minh Phú		60,5	60,5		
823	C30823	Lê Hoài Phương	30/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai A		44	44		
824	C30824	Lê Mai Phương	11/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Thạch Bàn		59	59		
825	C30825	Lê Thị Phương	22/12/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		56,5	56,5		
826	C30826	Lê Thị Phương	25/09/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		63	63		
827	C30827	Lê Thị Thanh Phương	04/11/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		Bỏ thi			
828	C30828	Lê Thị Thu Phương	16/11/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		51,5	51,5		
829	C30829	Lê Thu Phương	04/01/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	TH, THCS và THPT Khương Hạ		37,5	37,5		
830	C30830	Nguyễn Duy Phương	15/9/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân		49,5	49,5		
831	C30831	Nguyễn Hà Phương	16/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Lý Thường Kiệt		30,5	30,5		
832	C30832	Nguyễn Hoài Phương	31/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Phúc Lợi		47	47		
833	C30833	Nguyễn Lan Phương	12/5/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
834	C30834	Nguyễn Lương Hà Phương	09/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		51	51		
835	C30835	Nguyễn Thị Bích Phương	20/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		51	51		
836	C30836	Nguyễn Thị Bích Phương	20/3/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Sóc Sơn	THPT Đa Phúc		65	65		
837	C30837	Nguyễn Thị Hoài Phương	10/6/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nhân Chính		40,5	40,5		
838	C30838	Nguyễn Thị Huyền Phương	08/10/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Nhân Chính	5	Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
839	C30839	Nguyễn Thị Minh Phương	15/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Văn Nội		32	32		
840	C30840	Nguyễn Thị Ngọc Phương	25/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		51	51		
841	C30841	Nguyễn Thị Phương	05/10/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Xuân Phương		58	58		
842	C30842	Nguyễn Thị Phương	21/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		55	55		
843	C30843	Nguyễn Thị Phương	14/9/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		57,5	57,5		
844	C30844	Nguyễn Thị Phương	17/7/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Lý Thường Kiệt		58,5	58,5		
845	C30845	Nguyễn Thị Thu Phương	30/7/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Liên Hà		60	60		
846	C30846	Nguyễn Thị Thu Phương	19/11/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thọ Xuân		70	70	Trúng tuyển NV1	
847	C30847	Nguyễn Thị Thu Phương	30/12/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		62	62		
848	C30848	Nguyễn Thu Phương	08/04/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi			Bỏ thi			Không xét trường NV2
849	C30849	Nguyễn Thu Phương	24/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		44	44		
850	C30850	Phạm Thị Phương	14/12/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		77	77	Trúng tuyển NV1	
851	C30851	Phạm Thị Thu Phương	22/6/1998	Nữ	Ngữ văn		THPT Khương Đình		82	82		Không xét Trường NV1
852	C30852	Phùng Thị Phương	18/9/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi		66	66		
853	C30853	Tạ Thị Lan Phương	24/6/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Bỏ thi			
854	C30854	Tạ Vũ Bảo Phương	24/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Phúc Lợi		69	69		
855	C30855	Trần Lê Thu Phương	30/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
856	C30856	Trần Thị Anh Phương	27/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phúc Lợi		54	54		
857	C30857	Vương Minh Phương	30/7/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
858	C30858	Hoàng Mai Phương	04/12/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Phúc Lợi		52	52		
859	C30859	Nông Khánh Phương	14/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình	5	67	72	Trúng tuyển NV1	
860	C30860	Đào Thị Phượng	09/12/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Phúc Lợi		59	59		
861	C30861	Đoàn Minh Phượng	07/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Thọ Xuân		57	57		
862	C30862	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	11/9/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Xuân Phương		64	64		
863	C30863	Nguyễn Thị Phượng	04/5/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		42	42		
864	C30864	Nguyễn Thị Phượng	26/8/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		58	58		
865	C30865	Nguyễn Thị Phượng	20/8/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai B	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		Bỏ thi			
866	C30866	Trần Thị Phượng	26/9/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Bắc Thăng Long		32	32		
867	C30867	Vũ Minh Quân	21/10/2002	Nam	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		55	55		
868	C30868	Đỗ Thị Quí	08/11/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Trung Giã	5	43	48		
869	C30869	Ông Thị Khánh Quy	10/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		Bỏ thi			
870	C30870	Nguyễn Lệ Quyên	14/4/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		67	67		
871	C30871	Nguyễn Thị Quyên	16/3/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Xuân Phương		54	54		
872	C30872	Nguyễn Thị Quyên	05/5/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		56	56		
873	C30873	Trần Thu Quyên	01/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Cổ Loa		62,5	62,5		
874	C30874	Lê Đăng Quyết	09/5/2002	Nam	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		43	43		
875	C30875	Bùi Hương Quỳnh	29/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nhân Chính		40,5	40,5		
876	C30876	Bùi Như Quỳnh	06/08/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		52	52		
877	C30877	Đặng Nguyễn Diễm Quỳnh	28/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		31	31		
878	C30878	Đặng Thuý Quỳnh	30/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
879	C30879	Đào Hương Quỳnh	22/4/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Lý Thường Kiệt		54	54		
880	C30880	Dương Mỹ Quỳnh	26/01/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		50	50		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
881	C30881	Hà Thúy Quỳnh	04/10/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi		51	51		
882	C30882	Hoàng Như Quỳnh	19/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Bắc Thăng Long		49	49		
883	C30883	Hoàng Thanh Quỳnh	02/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Thanh Oai A		40,5	40,5		
884	C30884	Lê Như Quỳnh	25/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Nguyễn Văn Trỗi		53	53		
885	C30885	Lê Thị Diễm Quỳnh	14/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Thọ Xuân		32,5	32,5		
886	C30886	Lê Thị Diễm Quỳnh	26/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nhân Chính	THPT Mỹ Đình		45	45		
887	C30887	Nguyễn Hương Quỳnh	20/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ	5	55	60		
888	C30888	Nguyễn Như Quỳnh	05/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		54	54		
889	C30889	Nguyễn Như Quỳnh	19/09/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Chương Mỹ B	THPT Thanh Oai A		60	60		
890	C30890	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	08/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Quốc Trinh		57,5	57,5		
891	C30891	Nguyễn Thị Như Quỳnh	23/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		64	64		
892	C30892	Nguyễn Thị Quỳnh	25/10/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		46,5	46,5		
893	C30893	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	22/11/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Ngọc Hồi		54,5	54,5		
894	C30894	Tào Trương Phương Quỳnh	27/12/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		45	45		
895	C30895	Trần Như Quỳnh	04/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		57	57		
896	C30896	Trần Thị Thúy Quỳnh	07/11/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		50	50		
897	C30897	Vũ Diễm Quỳnh	11/9/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		51	51		
898	C30898	Nguyễn Thị Sen	27/8/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		66,5	66,5		
899	C30899	Đặng Thị Sim	23/8/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi			51	51		Không xét trường NV2
900	C30900	Nguyễn Văn Sự	17/3/1995	Nam	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		45	45		
901	C30901	Vi Thị Thu Sương	18/6/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình	5	31	36		
902	C30902	Lê Thị Tài	03/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Đại Mỗ		50	50		
903	C30903	Bùi Thị Thanh Tâm	01/6/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Lưu Hoàng	5	50	55		
904	C30904	Lê Thị Minh Tâm	21/5/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Sóc Sơn		46	46		
905	C30905	Lê Thị Mỹ Tâm	11/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Khương Đình		70,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
906	C30906	Ma Thị Mỹ Tâm	07/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà	5	51	56		
907	C30907	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	05/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Thượng Cát		53	53		
908	C30908	Nguyễn Thị Tâm	10/9/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Đại Mỗ		70	70		
909	C30909	Nguyễn Thị Tâm	28/6/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Yên Hòa		67	67		
910	C30910	Trần Thị Tâm	28/10/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Yên Viên	5	45	50		
911	C30911	Trần Thị Tâm	11/02/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		38,5	38,5		
912	C30912	Ngô Thị Tân	28/7/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Bắc Thăng Long		Bỏ thi			
913	C30913	Nguyễn Văn Thái	20/10/1991	Nam	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Minh Hà		48	48		
914	C30914	Đàng Thị Thắm	29/5/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình	5	30	35		
915	C30915	Nguyễn Hồng Thắm	02/01/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Thạch Bàn		50,5	50,5		
916	C30916	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10/01/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		61,5	61,5		
917	C30917	Nguyễn Thị Thắm	22/8/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Chương Mỹ B	THPT Minh Hà	5	51,5	56,5		
918	C30918	Nguyễn Thị Thắm	15/4/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Lưu Hoàng		62,5	62,5		
919	C30919	Nguyễn Thị Thắm	14/08/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		38	38		
920	C30920	Nguyễn Thị Thắm	14/12/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		44	44		
921	C30921	Nguyễn Thị Thắm	02/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		37	37		
922	C30922	Tạ Thị Thắm	09/02/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Phúc Lợi		50	50		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện ƯT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
923	C30923	Vũ Thị Thắm	17/02/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		34	34		
924	C30924	Muộn Hoàng Thắng	21/9/2001	Nam	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		56	56		
925	C30925	Bàn Thị Thanh	01/6/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân	5	37	42		
926	C30926	Chu Thị Thanh Thanh	20/4/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		42	42		
927	C30927	Nguyễn Phương Thanh	17/4/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		48	48		
928	C30928	Tạ Thanh Quốc Thanh	06/11/1982	Nam	Ngữ văn	THPT Cổ Loa	THPT Phúc Lợi		55	55	Trúng tuyển NV1	
929	C30929	Phạm Tiến Thành	19/12/1998	Nam	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nhân Chính		48,5	48,5		
930	C30930	Quách Thị Thảo	02/9/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà	5	51,5	56,5		
931	C30931	Bạch Phương Thảo	21/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		47	47		
932	C30932	Bùi Thị Phương Thảo	30/12/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt	5	45,5	50,5		
933	C30933	Bùi Thu Thảo	24/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân	5	60	65		
934	C30934	Chu Thị Thanh Thảo	17/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		45	45		
935	C30935	Chu Thị Thảo	27/10/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường			60,5	60,5		Không xét trường NV2
936	C30936	Đặng Minh Thảo	09/12/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		65	65		
937	C30937	Đặng Thị Thảo	25/8/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phúc Lợi		45,5	45,5		
938	C30938	Đặng Thu Thảo	28/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		55	55		
939	C30939	Đỗ Thị Thảo	03/8/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Thanh Oai A		Bỏ thi			
940	C30940	Đỗ Thị Thảo	09/11/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		57	57		
941	C30941	Hạ Phương Thảo	04/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		55	55		
942	C30942	Hà Thị Phương Thảo	18/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Anh		58,5	58,5		
943	C30943	Hoàng Thị Phương Thảo	18/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Cổ Loa		63	63		
944	C30944	Lã Thị Thảo	11/10/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình		60	60		
945	C30945	Lê Phương Thảo	08/9/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Xuân Phương		66,5	66,5		
946	C30946	Lệ Phương Thảo	19/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Yên Hòa		62	62		
947	C30947	Lê Thị Phương Thảo	07/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Xuân Phương		75	75	Trúng tuyển NV1	
948	C30948	Lê Thị Thảo	01/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		63	63		
949	C30949	Lỗ Thị Thu Thảo	22/09/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		63,5	63,5		
950	C30950	Ngô Thị Quyên Thảo	23/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		41	41		
951	C30951	Nguyễn Phương Thảo	09/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Liên Hà	THPT Đông Anh		54,5	54,5		
952	C30952	Nguyễn Phương Thảo	23/1/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Khương Đình		55,5	55,5		
953	C30953	Nguyễn Phương Thảo	18/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín			45	45		
954	C30954	Nguyễn Phương Thảo	21/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Lý Thường Kiệt		64	64		
955	C30955	Nguyễn Phương Thảo	05/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai B	THPT Nguyễn Quốc Trinh		32,5	32,5		
956	C30956	Nguyễn Phương Thảo	17/4/1984	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		48	48		
957	C30957	Nguyễn Phương Thảo	29/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Tử Tấn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		42	42		
958	C30958	Nguyễn Thị Phương Thảo	17/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		61	61		
959	C30959	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh		55,5	55,5		
960	C30960	Nguyễn Thị Thanh Thảo	29/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Nhân Chính		42	42		
961	C30961	Nguyễn Thị Thảo	17/10/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Trung Giã	THPT Phúc Lợi		50	50		
962	C30962	Nguyễn Thị Thảo	28/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		50,5	50,5		
963	C30963	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/10/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Lý Thường Kiệt		72	72		
964	C30964	Nguyễn Thị Thu Thảo	20/6/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		53	53		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
965	C30965	Phạm Thu Thảo	01/11/2001	Nữ	Ngữ văn	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
966	C30966	Tô Trần Phương Thảo	19/02/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		70,5	70,5		
967	C30967	Trần Đoàn Thanh Thảo	17/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59,5	59,5		
968	C30968	Trần Thị Phương Thảo	21/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		63	63		
969	C30969	Trương Thị Thảo	02/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Thạch Bàn		64,5	64,5		
970	C30970	Đinh Anh Thảo	18/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	5	67,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
971	C30971	Lê Phương Thảo	18/12/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Thọ Xuân		62	62		
972	C30972	Lê Thu Thảo	30/11/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		Bỏ thi			
973	C30973	Nguyễn Văn Thế	23/8/1997	Nam	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Khương Đình	5	44,5	49,5		
974	C30974	Tạ Thị Thi	23/11/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Sóc Sơn	THPT Trung Giã		Bỏ thi			
975	C30975	Nguyễn Thị Thơ	17/10/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		41	41		
976	C30976	Bùi Thị Thoa	06/12/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Hoàng Văn Thụ		58	58		
977	C30977	Trần Thị Thoa	09/3/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		42	42		
978	C30978	Nguyễn Thị Thoan	29/10/1984	Nữ	Ngữ văn	THPT Nhân Chính	THPT Khương Đình		58,5	58,5		
979	C30979	Lê Thị Thoảng	01/11/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		48	48		
980	C30980	Từ Thị Minh Thời	03/08/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Thanh Oai A		49	49		
981	C30981	Đỗ Thị Thơm	17/7/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi			56	56		Không xét trường NV2
982	C30982	Phùng Thị Hương Thơm	02/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		62,5	62,5		
983	C30983	Cấn Thị Thu	11/8/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
984	C30984	Hoàng Hà Thu	03/5/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Ngọc Hồi		55	55		
985	C30985	Hoàng Thị Thu	08/10/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Ngô Thì Nhậm		50	50		
986	C30986	Mai Thị Thu	01/11/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Phúc Lợi		53,5	53,5		
987	C30987	Nguyễn Minh Thu	11/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Ngọc Hồi		56,5	56,5		
988	C30988	Nguyễn Thị Thu	31/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		57,5	57,5		
989	C30989	Nguyễn Thị Thu	13/6/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình	5	50	55		
990	C30990	Phạm Thị Kim Thu	12/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai A	THPT Thanh Oai B		50	50		
991	C30991	Phạm Thị Thu	05/8/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		39	39		
992	C30992	Phạm Thị Thu	20/01/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		Bỏ thi			
993	C30993	Phan Hà Thu	07/3/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Sóc Sơn	THPT Đông Anh		45	45		
994	C30994	Trần Thị Thu	20/9/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		61	61		
995	C30995	Vũ Thị Minh Thu	10/8/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
996	C30996	Phí Minh Thu	19/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		62,5	62,5		
997	C30997	Đỗ Thị Thư	26/12/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		60	60		
998	C30998	Hà Thị Thư	17/3/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Đông Anh	5	28	33		
999	C30999	Hoàng Anh Thư	26/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		68	68	Trúng tuyển NV1	
1000	C31000	Nguyễn Thị Anh Thư	25/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Thạch Bàn		60	60		
1001	C31001	Nguyễn Thị Phương Thư	30/10/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Thọ Xuân		64	64		
1002	C31002	Nguyễn Thị Thư	04/5/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
1003	C31003	Phan Nguyễn Quỳnh Thư	12/07/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		55	55		
1004	C31004	Hoàng Gia Thuần	03/10/1999	Nam	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
1005	C31005	Đỗ Thị Thuận	17/7/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình	5	55	60		
1006	C31006	Lê Minh Thuận	06/11/2002	Nữ	Ngữ văn	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Đại Mỗ		52	52		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1007	C31007	Phạm Thị Thực	16/6/1988	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Sóc Sơn		61	61		
1008	C31008	Hoàng Thị Thương	13/01/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		47	47		
1009	C31009	Từ Thị Minh Thương	19/11/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Lý Tử Tấn		64	64		
1010	C31010	Bế Thị Thuý	15/5/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương	5	55	60		
1011	C31011	Đặng Thị Thuý	18/9/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		61	61		
1012	C31012	Kiều Thị Minh Thuý	19/11/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Lưu Hoàng	THPT Đại Cường		44	44		
1013	C31013	Trần Thị Thanh Thuý	10/3/1984	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Quốc Trinh		61	61		
1014	C31014	Triệu Thu Thuý	08/1/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Thọ Xuân		66	66		
1015	C31015	Bùi Diệu Thuỳ	11/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Sóc Sơn		44	44		
1016	C31016	Bùi Thị Thuý	16/03/1987	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Phúc Lợi	5	Bỏ thi			
1017	C31017	Nguyễn Phương Thuỳ	17/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		41	41		
1018	C31018	Phan Phương Thuỳ	23/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú		5	42	47		
1019	C31019	Bùi Bích Thuỳ	08/3/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		48	48		
1020	C31020	Bùi Thu Thuỳ	05/3/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Lưu Hoàng		49	49		
1021	C31021	Đỗ Thị Thuỳ	02/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Liên Hà	THPT Đông Anh		49	49		
1022	C31022	Dương Thị Thuỳ	25/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Yên Viên		60	60		
1023	C31023	Ngô Thu Thuỳ	06/9/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		73	73	Trúng tuyển NV1	
1024	C31024	Nguyễn Thanh Thuỳ	20/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		45	45		
1025	C31025	Nguyễn Thị Thanh Thuỳ	26/12/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		65	65		
1026	C31026	Nguyễn Thị Thanh Thuỳ	31/01/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Nhân Chính		Bỏ thi			
1027	C31027	Nguyễn Thị Thuỳ	28/11/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Lý Tử Tấn		40	40		
1028	C31028	Phạm Thị Hằng Thuỳ	14/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		42,5	42,5		
1029	C31029	Trần Thị Bích Thuỳ	24/4/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		70	70	Trúng tuyển NV1	
1030	C31030	Bùi Thị Thúy Thúy	18/09/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà	5	36,5	41,5		
1031	C31031	Đinh Thị Thu Thủy	05/7/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Thọ Xuân		47	47		
1032	C31032	Dương Thị Minh Thủy	10/9/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Liên Hà	THPT Minh Phú		65	65	Trúng tuyển NV1	
1033	C31033	Lê Thị Thủy	23/3/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		57,5	57,5		
1034	C31034	Lê Thị Thủy	23/11/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		71	71	Trúng tuyển NV1	
1035	C31035	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	12/6/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		59	59		
1036	C31036	Trần Thị Thúy	01/4/1988	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà	5	54	59		
1037	C31037	Vũ Hồng Thúy	27/10/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
1038	C31038	Hoàng Thị Thủy	10/10/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Sóc Sơn		58,5	58,5		
1039	C31039	Nguyễn Thu Thủy	07/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Liên Hà		63,5	63,5		
1040	C31040	Tạ Phương Thủy	03/04/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		55,5	55,5		
1041	C31041	Trần Thị Thủy	22/5/1988	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		68	68		
1042	C31042	Lưu Thị Thu Thủy	13/4/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh		61,5	61,5		
1043	C31043	Nguyễn Thị Thu Thủy	02/6/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Thọ Xuân		56	56		
1044	C31044	Nguyễn Thị Thủy	11/10/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai A		56	56		
1045	C31045	Nguyễn Thị Thủy	27/8/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Xuân Phương		62,5	62,5		
1046	C31046	Nguyễn Thu Thủy	02/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		49	49		
1047	C31047	Doãn Nguyễn Thủy Tiên	04/09/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh		65	65		
1048	C31048	Lê Thủy Tiên	13/01/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		29,5	29,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1049	C31049	Lương Thùy Tiên	24/10/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		62	62		
1050	C31050	Nguyễn Thùy Tiên	04/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		57	57		
1051	C31051	Nguyễn Thị Tiếp	15/11/1989	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	TH, THCS và THPT Khương Hạ		67,5	67,5	Trúng tuyển NV1	
1052	C31052	Nguyễn Thị Tiếp	27/4/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Phúc Lợi		63	63		
1053	C31053	Đỗ Sơn Trà	23/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		38	38		
1054	C31054	Lê Nguyễn Hương Trà	20/12/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long			50,5	50,5		
1055	C31055	Nguyễn Thị Thu Trà	21/05/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		54,5	54,5		
1056	C31056	Vũ Thu Trà	13/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		54	54		
1057	C31057	Bùi Thị Trà	15/6/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		46	46		
1058	C31058	Đoàn Thị Quỳnh Trâm	16/6/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Xuân Phương		54	54		
1059	C31059	Dương Minh Trâm	19/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		54	54		
1060	C31060	Nguyễn Ngọc Khánh Trâm	10/12/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50	50		
1061	C31061	Nguyễn Ngọc Trâm	08/10/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Mỹ Đình		60	60		
1062	C31062	Nguyễn Ngọc Trâm	13/5/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Quốc Trinh		52	52		
1063	C31063	Nguyễn Thị Trâm	05/9/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Chương Mỹ B	THPT Lý Tử Tấn		Bỏ thi			
1064	C31064	Trần Ngọc Huyền Trâm	25/02/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		51	51		
1065	C31065	Bùi Nha Trang	08/03/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Yên Viên		43	43		
1066	C31066	Bùi Thị Trang	27/10/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai A		65,5	65,5		
1067	C31067	Bùi Thiên Trang	08/11/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Nguyễn Văn Trỗi		60	60		
1068	C31068	Chu Thị Trang	11/01/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Đa Phúc	THPT Minh Phú		62	62		
1069	C31069	Đặng Quỳnh Trang	21/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Tử Tấn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		40,5	40,5		
1070	C31070	Đặng Thị Thu Trang	13/6/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		85	85	Trúng tuyển NV1	
1071	C31071	Đỗ Thị Huyền Trang	06/8/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		69	69	Trúng tuyển NV1	
1072	C31072	Đỗ Thị Út Trang	28/3/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		55	55		
1073	C31073	Đỗ Thu Trang	07/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		53,5	53,5		
1074	C31074	Đoàn Huyền Trang	11/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Lý Thường Kiệt		53,5	53,5		
1075	C31075	Hà Đoàn Khánh Trang	09/09/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		49,5	49,5		
1076	C31076	Hà Thị Thu Trang	10/02/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	TH, THCS và THPT Khương Hạ		47	47		
1077	C31077	Hoàng Minh Trang	23/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Khương Đình		40	40		
1078	C31078	Hoàng Thị Thu Trang	22/10/1984	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		45	45		
1079	C31079	Hoàng Thị Trang	21/04/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Nội	THPT Đông Anh		57	57		
1080	C31080	Hoàng Thu Trang	10/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Khương Đình		68	68		
1081	C31081	Khuất Thị Hà Trang	16/9/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		60	60		
1082	C31082	Lê Kim Trang	07/9/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		52,5	52,5		
1083	C31083	Lê Quỳnh Trang	26/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi		62	62		
1084	C31084	Lê Thanh Trang	17/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		66,5	66,5		
1085	C31085	Lê Thị Trang	17/6/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
1086	C31086	Lê Thuỳ Trang	18/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		52	52		
1087	C31087	Lều Thị Thuỳ Trang	11/12/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		35	35		
1088	C31088	Lương Thị Quỳnh Trang	05/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Bắc Thăng Long		60	60		
1089	C31089	Mạc Thu Trang	26/12/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
1090	C31090	Mai Quỳnh Trang	25/10/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		56	56		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1091	C31091	Ngô Thị Huyền Trang	02/9/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		62	62		
1092	C31092	Nguyễn Hà Trang	12/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thượng Cát	THPT Thọ Xuân		44,5	44,5		
1093	C31093	Nguyễn Hạ Trang	27/3/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Phúc Lợi		60	60		
1094	C31094	Nguyễn Huyền Trang	04/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Phúc Lợi		45	45		
1095	C31095	Nguyễn Thị Bích Trang	20/8/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
1096	C31096	Nguyễn Thị Hương Trang	27/6/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
1097	C31097	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/10/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		64	64		
1098	C31098	Nguyễn Thị Huyền Trang	30/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Lý Tử Tấn		50	50		
1099	C31099	Nguyễn Thị Minh Trang	16/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Thọ Xuân		40,5	40,5		
1100	C31100	Nguyễn Thị Ninh Trang	02/4/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Phúc Lợi		59	59		
1101	C31101	Nguyễn Thị Thảo Trang	23/5/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		46	46		
1102	C31102	Nguyễn Thị Thu Trang	10/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai A			52	52		Không xét trường NV2
1103	C31103	Nguyễn Thị Thu Trang	28/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		64,5	64,5		
1104	C31104	Nguyễn Thị Thu Trang	17/01/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		70	70		
1105	C31105	Nguyễn Thị Trang	01/9/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		45	45		
1106	C31106	Nguyễn Thu Trang	20/3/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		52	52		
1107	C31107	Nguyễn Thu Trang	30/12/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		68	68	Trúng tuyển NV1	
1108	C31108	Nguyễn Thu Trang	04/3/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		52	52		
1109	C31109	Nguyễn Thuỳ Trang	23/6/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		61	61		
1110	C31110	Nguyễn Thùy Trang	15/8/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Thượng Cát	THPT Thọ Xuân		48	48		
1111	C31111	Phạm Thị Thu Trang	28/6/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phúc Lợi		44	44		
1112	C31112	Phạm Thị Trang	26/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		43	43		
1113	C31113	Tạ Thị Hà Trang	24/01/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		46	46		
1114	C31114	Tạ Thị Huyền Trang	27/02/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Nguyễn Văn Trỗi		49,5	49,5		
1115	C31115	Thạch Thị Huyền Trang	18/02/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		46	46		
1116	C31116	Trần Thị Huyền Trang	08/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Phúc Lợi		50,5	50,5		
1117	C31117	Trần Thị Huyền Trang	02/7/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		44,5	44,5		
1118	C31118	Trần Thị Thu Trang	23/4/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Lưu Hoàng	THPT Đại Cương		62,5	62,5		
1119	C31119	Trần Thị Thu Trang	25/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Sóc Sơn		55	55		
1120	C31120	Trần Thu Trang	15/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Mỹ	THPT Lý Tử Tấn		47,5	47,5		
1121	C31121	Trịnh Thị Trang	24/8/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		64	64		
1122	C31122	Trịnh Thị Trang	17/5/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Nội	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
1123	C31123	Trương Thị Huyền Trang	12/7/1991	Nữ	Ngữ văn	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Mỹ Đình		65	65	Trúng tuyển NV1	
1124	C31124	Vũ Minh Trang	13/12/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		63,5	63,5		
1125	C31125	Vũ Thị Đài Trang	08/01/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Sóc Sơn	THPT Yên Hòa		68	68	Trúng tuyển NV1	
1126	C31126	Vũ Thị Huyền Trang	14/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		52,5	52,5		
1127	C31127	Vũ Thị Minh Trang	14/8/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương	5	65	70		
1128	C31128	Vương Yến Trang	28/11/2002	Nữ	Ngữ văn	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		50	50		
1129	C31129	Mai Tôn Minh Trang	09/3/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		54,5	54,5		
1130	C31130	Bùi Thị Trinh	10/03/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi	5	42	47		
1131	C31131	Kiều Thúy Trinh	16/11/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		25	25		
1132	C31132	Đỗ Văn Trình	20/6/1999	Nam	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		40	40		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1133	C31133	Chu Văn Trọng	28/4/1993	Nam	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
1134	C31134	Nguyễn Thu Trúc	19/6/2000	Nữ	Ngữ văn		THPT Nguyễn Văn Trỗi		33,5	33,5		Không xét Trường NV1
1135	C31135	Cấn Thị Trung	20/3/1990	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		60	60		
1136	C31136	Đặng Hạnh Tú	16/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà		50	50		
1137	C31137	Vũ Cẩm Tú	31/8/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		60,5	60,5		
1138	C31138	Nguyễn Đăng Tuân	22/4/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		71,5	71,5		
1139	C31139	Phạm Văn Tuân	22/01/1995	Nam	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		70,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
1140	C31140	Nguyễn Mạnh Tuấn	18/8/2001	Nam	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Đại Cường		55,5	55,5		
1141	C31141	Ma Văn Tuấn	04/10/2003	Nam	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	5	54	59		
1142	C31142	Đỗ Xuân Tùng	10/5/1998	Nam	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		64	64		
1143	C31143	Hoàng Thị Tươi	28/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Yên Hòa		59	59		
1144	C31144	Nguyễn Thị Tươi	14/11/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Trung Giã	THPT Minh Phú		61	61		
1145	C31145	Nguyễn Thị Tươi	11/11/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
1146	C31146	Phạm Mạnh Tường	10/10/2001	Nam	Ngữ văn		THPT Mỹ Đình		57	57		Không xét Trường NV1
1147	C31147	Vũ Văn Tuyên	03/5/1988	Nam	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Nguyễn Văn Trỗi		58,5	58,5		
1148	C31148	Lê Thị Thanh Tuyền	31/10/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Lý Thường Kiệt		63,5	63,5		
1149	C31149	Nguyễn Thị Tuyến	22/02/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Thượng Cát			68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
1150	C31150	Nguyễn Thị Tuyến	09/02/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		63,5	63,5		
1151	C31151	Kiều Thị Tuyền	11/10/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Lưu Hoàng	THPT Đại Cường		75	75	Trúng tuyển NV1	
1152	C31152	Trần Thị Thanh Tuyền	30/4/1980	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Xuân Phương		49	49		
1153	C31153	Nguyễn Thị Tuyết	31/8/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Khương Đình		70,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
1154	C31154	Đồng Thị Tố Uyên	12/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Thọ Xuân		46	46		
1155	C31155	Ngô Thị Thu Uyên	16/4/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		51	51		
1156	C31156	Nguyễn Ngọc Uyên	21/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Lý Tử Tấn		53,5	53,5		
1157	C31157	Phùng Phương Uyên	25/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		36,5	36,5		
1158	C31158	Quách Phương Uyên	16/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		64,5	64,5		
1159	C31159	Tạ Thị Uyên	15/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		63	63		
1160	C31160	Trần Thị Thu Uyên	14/6/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		65	65	Trúng tuyển NV1	
1161	C31161	Vi Thị Thu Uyên	27/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Lý Thường Kiệt	5	19	24		
1162	C31162	Vũ Hoàng Uyên	27/8/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Lý Tử Tấn	THPT Đại Cường		44,5	44,5		
1163	C31163	Vũ Thị Phương Uyên	29/8/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		45	45		
1164	C31164	Đinh Thanh Vân	09/6/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Quốc Trinh		Bỏ thi			
1165	C31165	Đinh Thị Vân	23/6/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai A		Bỏ thi			
1166	C31166	Đinh Thị Vân	09/9/1992	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Phúc Lợi		60	60		
1167	C31167	Hoàng Thanh Vân	05/6/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		35,5	35,5		
1168	C31168	Lê Cẩm Vân	14/12/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nhân Chính	TH, THCS và THPT Khương Hạ		46	46		
1169	C31169	Nguyễn Hồng Vân	28/8/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		46	46		
1170	C31170	Nguyễn Hồng Vân	24/7/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Nhân Chính		Bỏ thi			
1171	C31171	Nguyễn Khánh Vân	27/4/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		51	51		
1172	C31172	Nguyễn Thị Hồng Vân	25/8/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Đông Mỹ		45	45		
1173	C31173	Nguyễn Thị Thảo Vân	28/8/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Bắc Thăng Long		55	55		
1174	C31174	Nguyễn Thị Vân	22/9/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Phúc Lợi		68	68		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1175	C31175	Nguyễn Thị Vân	21/4/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		50	50		
1176	C31176	Nguyễn Thị Vân	18/01/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Thanh Oai A	THPT Thanh Oai B		75	75	Trúng tuyển NV1	
1177	C31177	Nguyễn Thu Vân	05/05/2000	Nữ	Ngữ văn	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Phúc Lợi		62,5	62,5		
1178	C31178	Phùng Thị Vân	02/10/1986	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		41	41		
1179	C31179	Nguyễn Thị Thu Vang	17/01/1998	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Xuân Phương		50	50		
1180	C31180	Phạm Tường Vi	05/2/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Đông Anh	THPT Phúc Lợi		45	45		
1181	C31181	Đỗ Công Việt	26/10/2002	Nam	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		50,5	50,5		
1182	C31182	Đặng Thị Vinh	05/10/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		58	58		
1183	C31183	Đỗ Hoàng Vương	19/11/1996	Nam	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Yên Hòa		45	45		
1184	C31184	Dương Thị Xuân	30/8/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		48,5	48,5		
1185	C31185	Nguyễn Kim Xuân	29/3/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		31,5	31,5		
1186	C31186	Nguyễn Lệ Xuân	02/05/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Thạch Bàn	THPT Khương Đình		26,5	26,5		
1187	C31187	Nguyễn Thị Xuân	06/3/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Thanh Oai B		67	67	Trúng tuyển NV1	
1188	C31188	Ma Thị Cẩm Xuyên	05/11/1995	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương	5	64	69		
1189	C31189	Bùi Thị Hải Yến	14/4/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		51,5	51,5		
1190	C31190	Đặng Hải Yến	23/5/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		57,5	57,5		
1191	C31191	Đỗ Bảo Yến	25/3/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		50	50		
1192	C31192	Lê Thị Kim Yến	04/4/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		50	50		
1193	C31193	Lê Thị Yến	24/9/1994	Nữ	Ngữ văn	THPT Đại Cường	THPT Nguyễn Quốc Trinh		50	50		
1194	C31194	Lưu Hoàng Yến	26/10/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		50	50		
1195	C31195	Nguyễn Hoàng Yến	05/12/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Vân Cốc		74	74	Trúng tuyển NV1	
1196	C31196	Nguyễn Thị Hải Yến	16/8/1996	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Nguyễn Quốc Trinh		59	59		
1197	C31197	Nguyễn Thị Hải Yến	08/02/1993	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Hòa	THPT Hoàng Văn Thụ		74	74	Trúng tuyển NV1	
1198	C31198	Nguyễn Thị Hải Yến	28/12/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		71,5	71,5	Trúng tuyển NV1	
1199	C31199	Nguyễn Thị Hoàng Yến	20/3/2001	Nữ	Ngữ văn	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		47	47		
1200	C31200	Nguyễn Thị Yến	25/06/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Lưu Hoàng		40	40		
1201	C31201	Phạm Ngọc Thảo Yến	25/9/1999	Nữ	Ngữ văn	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Mỹ Đình		52	52		
1202	C31202	Phan Bảo Yến	07/5/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		38,5	38,5		
1203	C31203	Tống Hải Yến	26/12/1997	Nữ	Ngữ văn	THPT Xuân Phương	THPT Minh Hà		60	60		
1204	C31204	Trần Bảo Yến	19/11/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		50	50		
1205	C31205	Vũ Hải Yến	31/01/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Minh Phú	THPT Đa Phúc		44	44		
1206	C31206	Vũ Hoàng Yến	01/3/2002	Nữ	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi	THPT Xuân Phương		50	50		
1207	C31207	Vũ Thị Hải Yến	21/02/1984	Nữ	Ngữ văn	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh	5	43	48		
1208	C21208	Đỗ Trần Kim Chi	13/02/2002	Nữ	Ngữ văn - THCS	PTCS Nguyễn Đình Chiểu	TH, THCS và THPT Khương Hạ		56	56	Trúng tuyển NV1	
1209	C31209	Viết Thị Thúy An	18/3/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình	5	50,5	55,5	Trúng tuyển NV1	
1210	C31210	Đặng Châu Anh	03/7/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		30	30		
1211	C31211	Đặng Thế Anh	31/12/2002	Nam	Lịch sử	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Vân Cốc		39	39		
1212	C31212	Đinh Việt Anh	22/8/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Thạch Thất	5	39,5	44,5		
1213	C31213	Dương Thế Anh	01/11/2003	Nam	Lịch sử	THPT Lý Tử Tấn	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		38	38		
1214	C31214	Hà Linh Anh	08/01/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Việt Đức	THPT Trương Định		46,5	46,5		
1215	C31215	Lê Hải Anh	14/7/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Phúc Lợi	THPT Ngọc Hồi		37	37		
1216	C31216	Lê Phương Anh	10/12/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Việt Đức	THPT Chuyên Chu Văn An		38,5	38,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chu
1217	C31217	Lê Thị Hồng Anh	26/01/2002	Nữ	Lịch sư	THPT Đông Anh	THPT Văn Nội		62	62	Trúng tuyển NV1	
1218	C31218	Lưu Thị Vân Anh	09/10/2000	Nữ	Lịch sư	THPT Trương Định	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		58,5	58,5	Trúng tuyển NV1	
1219	C31219	Lý Thị Lan Anh	23/01/1998	Nữ	Lịch sư	THPT Mỹ Đình	THPT Kim Liên		40	40		
1220	C31220	Nguyễn Dương Quỳnh Anh	19/12/2002	Nữ	Lịch sư	THPT Tây Hồ	THPT Khương Đình		44	44		
1221	C31221	Nguyễn Hoàng Anh	23/01/1996	nữ	Lịch sư	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức C		48,5	48,5		
1222	C31222	Nguyễn Mai Anh	21/6/2003	Nữ	Lịch sư	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		51,5	51,5	Trúng tuyển NV1	
1223	C31223	Nguyễn Thị Ngọc Anh	14/03/1992	Nữ	Lịch sư	THPT Xuân Đỉnh	THPT Tây Hồ		50,5	50,5		
1224	C31224	Nguyễn Việt Anh	30/10/2003	Nam	Lịch sư	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Mỹ Đình		28	28		
1225	C31225	Nguyễn Xuân Anh	05/7/1998	Nữ	Lịch sư	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Việt Nam - Ba Lan		45	45		
1226	C31226	Phạm Minh Anh	02/11/2003	Nữ	Lịch sư	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		38,5	38,5		
1227	C31227	Phan Mai Anh	25/3/1998	Nữ	Lịch sư	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		36	36		
1228	C31228	Tạ Phương Anh	02/12/2002	Nữ	Lịch sư	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		45,5	45,5		
1229	C31229	Trần Thị Phương Anh	20/3/2001	Nữ	Lịch sư	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		37,5	37,5		
1230	C31230	Trịnh Hồng Anh	25/01/1996	Nữ	Lịch sư	THPT Trung Giã	THPT Kim Anh		Bỏ thi			
1231	C31231	Vũ Bùi Vân Anh	23/12/2003	Nữ	Lịch sư	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình	5	42	47		
1232	C31232	Khuất Ngọc Ánh	06/05/1994	Nữ	Lịch sư	THPT Vân Cốc	THPT Thạch Thất		46	46		
1233	C31233	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03/2/2000	Nữ	Lịch sư	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Đan Phượng		50	50	Trúng tuyển NV1	
1234	C31234	Nguyễn Ngọc Bảo	12/12/2003	Nam	Lịch sư	THPT Tự Lập	THPT Bắc Thăng Long		Bỏ thi			
1235	C31235	Vũ Thanh Bình	27/2/2001	Nữ	Lịch sư	THPT Thạch Bàn			53,5	53,5	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
1236	C31236	Phạm Ngọc Cầm	26/02/2002	Nữ	Lịch sư	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		58	58	Trúng tuyển NV1	
1237	C31237	Trần Văn Chanh	20/7/1993	Nam	Lịch sư	THPT Tân Dân	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		54,5	54,5		
1238	C31238	Lưu Thị Minh Châu	18/12/2003	Nữ	Lịch sư	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		68	68	Trúng tuyển NV1	
1239	C31239	Nguyễn Minh Châu	04/5/2003	Nữ	Lịch sư	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Trương Định		45	45		
1240	C31240	Nguyễn Thị Yến Chi	06/11/2003	Nữ	Lịch sư	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Thanh Oai B		50,5	50,5		
1241	C31241	Trịnh Linh Chi	01/6/2002	Nữ	Lịch sư	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		34	34		
1242	C31242	Lường Thị Chiến	08/11/1992	Nữ	Lịch sư	THPT Minh Hà	THPT Hoài Đức C	5	52	57	Trúng tuyển NV1	
1243	C31243	Chu Thị Chung	17/6/1994	Nữ	Lịch sư	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Tùng Thiện		41,5	41,5		
1244	C31244	Lê Thị Thu Chương	05/03/1998	Nữ	Lịch sư	THPT Hoài Đức C	THPT Quang Trung - Hà Đông		47,5	47,5		
1245	C31245	Vũ Văn Công	06/10/1999	Nam	Lịch sư	THPT Xuân Phương	THPT Việt Nam - Ba Lan		54,5	54,5	Trúng tuyển NV2	
1246	C31246	Kiều Thị Cường	03/10/1988	Nữ	Lịch sư	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất	THPT Tùng Thiện		51,5	51,5	Trúng tuyển NV1	
1247	C31247	Lê Việt Cường	20/11/2001	Nam	Lịch sư	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		45,5	45,5		
1248	C31248	Nguyễn Tuấn Cường	02/8/1998	Nam	Lịch sư	THPT Chương Mỹ A	THPT Chương Mỹ B		50,5	50,5		
1249	C31249	Lê Quang Đại	27/7/2001	Nam	Lịch sư	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		VP qui chế			
1250	C31250	Vũ Hải Đăng	24/12/2002	Nam	Lịch sư	THPT Dương Xá	THPT Phúc Lợi		41	41		
1251	C31251	Cao Thị Hồng Diệp	30/7/2003	Nữ	Lịch sư	THPT Đông Anh	THPT Văn Nội		43	43		
1252	C31252	Nguyễn Thị Quỳnh Diệp	12/5/2003	Nữ	Lịch sư	THPT Tự Lập	THPT Bắc Thăng Long		35	35		
1253	C31253	Nguyễn Văn Đông	10/3/1995	Nam	Lịch sư	THPT Trung Giã	THPT Minh Phú		Bỏ thi			
1254	C31254	Bùi Thùy Dung	23/01/2003	nữ	Lịch sư	THPT Việt Đức	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
1255	C31255	Chu Thị Phương Dung	05/4/1990	Nữ	Lịch sư	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Nguyễn Gia Thiều		35	35		
1256	C31256	Nguyễn Thị Dung	21/01/1994	Nữ	Lịch sư	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		23	23		
1257	C31257	Bùi Quang Dũng	18/9/2001	Nam	Lịch sư	THPT Việt Đức	THPT Yên Hòa		52,5	52,5	Trúng tuyển NV1	
1258	C31258	Nguyễn Trần Việt Dũng	16/9/2001	Nam	Lịch sư	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1259	C31259	Lê Thị Thuỳ Dương	22/6/1986	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		52	52		
1260	C31260	Nguyễn Tùng Dương	10/12/1996	Nam	Lịch sử	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất	5	50	55		
1261	C31261	Nguyễn Thị Duyên	09/01/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Đại Mỗ		42,5	42,5		
1262	C31262	Phạm Thị Duyên	01/7/1993	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B	THPT Hoài Đức C		45,5	45,5		
1263	C31263	Nguyễn Thị Gái	04/9/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Tử Tấn		Bỏ thi			
1264	C31264	Nguyễn Thị Giang	08/2/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức A		41	41		
1265	C31265	Nguyễn Thị Trà Giang	09/8/1993	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		62	62	Trúng tuyển NV1	
1266	C31266	Tạ Mỹ Giang	01/8/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		51	51		
1267	C31267	Đinh Thị Thu Hà	10/10/1999	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức C		55	55		
1268	C31268	Đỗ Thu Hà	19/12/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Việt Đức		47,5	47,5		
1269	C31269	Nguyễn Minh Hà	04/9/2003	Nam	Lịch sử	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Khương Đình		45	45		
1270	C31270	Trần Thị Thanh Hà	15/2/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		36	36		
1271	C31271	Bùi Ngọc Hải	14/02/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	5	43	48		
1272	C31272	Phan Hoàng Hải	31/7/1999	Nam	Lịch sử	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Hoài Đức C		20	20		
1273	C31273	Đinh Thúy Hằng	11/10/2001	Nữ	Lịch sử	THPT Đông Anh	THPT Kim Anh		45	45		
1274	C31274	Dương Thị Hằng	06/8/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Trung Giã	THPT Kim Anh		49	49		
1275	C31275	Khổng Thị Diễm Hằng	05/09/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		34,5	34,5		
1276	C31276	Lê Thu Hằng	28/7/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Thạch Thất	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất		48,5	48,5		
1277	C31277	Nguyễn Thị Hằng	02/6/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Hoài Đức C		41,5	41,5		
1278	C31278	Nguyễn Thị Thu Hằng	27/11/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B	THPT Tân Dân		43,5	43,5		
1279	C31279	Phạm Thị Thu Hằng	08/8/1991	Nữ	Lịch sử	THPT Tân Dân	THPT Thanh Oai B		31,5	31,5		
1280	C31280	Phùng Thị Hằng	07/4/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Tùng Thiện	THPT Đan Phượng		44	44		
1281	C31281	Phùng Thị Hằng	18/6/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		35	35		
1282	C31282	Trần Thị Thúy Hằng	19/12/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Thạch Bàn	THPT Mỹ Đình		47,5	47,5		
1283	C31283	Trịnh Thị Hằng	16/3/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		47	47		
1284	C31284	Đàm Thị Hạnh	10/11/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		40,5	40,5		
1285	C31285	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	24/12/1991	Nữ	Lịch sử	THPT Tự Lập	THPT Tiên Phong		43,5	43,5		
1286	C31286	Phạm Thị Hồng Hạnh	15/10/1999	Nữ	Lịch sử	THPT Kim Liên	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		51,5	51,5		
1287	C31287	Trần Bích Hạnh	25/01/1988	Nữ	Lịch sử	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Kim Liên		41	41		
1288	C31288	Trần Thị Hậu	12/01/1977	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		52,5	52,5		
1289	C31289	Đặng Thị Hiền	02/10/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Đan Phượng	THPT Tùng Thiện		33	33		
1290	C31290	Đỗ Thị Hiền	14/10/1988	Nữ	Lịch sử	THPT Văn Nội	THPT Kim Anh		33,5	33,5		
1291	C31291	Vũ Thanh Hiền	28/6/2002	Nam	Lịch sử	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		36	36		
1292	C31292	Hoàng Thị Hiếu	09/5/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Xuân Phương	5	26	31		
1293	C31293	Hoàng Thị Kiều Hoa	23/11/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Vân Cốc	THPT Mỹ Đình		62,5	62,5	Trúng tuyển NV1	
1294	C31294	Nguyễn Thị Hồng Hoa	25/3/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Bắc Thăng Long	THPT Văn Nội		45,5	45,5		
1295	C31295	Nguyễn Thị Thanh Hoa	16/8/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Dương Xá	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
1296	C31296	Phạm Thị Thanh Hoa	02/9/1984	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức C		44,5	44,5		
1297	C31297	Dương Thị Hoà	18/7/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Ngọc Hồi	THPT Đông Mỹ		38	38		
1298	C31298	Đào Thị Hoan	30/10/1999	Nữ	Lịch sử	THPT Tự Lập	THPT Quang Minh		42	42		
1299	C31299	Dương Trung Hoàn	20/3/1995	Nam	Lịch sử	THPT Lý Tử Tấn	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		27	27		
1300	C31300	Trần Văn Hoàn	08/09/1993	Nam	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Mỹ Đình		38,5	38,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1301	C31301	Nguyễn Việt Hoàng	01/6/2002	Nam	Lịch sử	THPT Tây Hồ	THPT Nguyễn Gia Thiều		50,5	50,5		
1302	C31302	Vũ Minh Hoàng	27/7/2003	Nam	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		47,5	47,5		
1303	C31303	Lê Thị Hồng	02/6/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Đông Mỹ		47,5	47,5		
1304	C31304	Nguyễn Thị Hồng	09/8/1985	Nữ	Lịch sử	THPT Tân Dân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		56,5	56,5	Trúng tuyển NV1	
1305	C31305	Trần Thị Hồng	01/02/1986	Nữ	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Quang Trung - Hà Đông		51,5	51,5	Trúng tuyển NV1	
1306	C31306	Nguyễn Thị Hằng Hợp	09/12/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Kim Anh	THPT Bắc Thăng Long		53	53	Trúng tuyển NV2	
1307	C31307	Phạm Thị Huệ	03/05/1989	Nữ	Lịch sử	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		51,5	51,5		
1308	C31308	Nguyễn Quang Hùng	26/6/1988	Nam	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Thạch Thất	5	50	55	Trúng tuyển NV2	
1309	C31309	Nguyễn Tiến Hưng	31/7/2000	Nam	Lịch sử	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Việt Nam - Ba Lan		52	52	Trúng tuyển NV1	
1310	C31310	Cấn Thị Lan Hương	24/6/1993	Nữ	Lịch sử	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		55	55		
1311	C31311	Đinh Thị Hương	20/2/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Tùng Thiện	5	52	57	Trúng tuyển NV1	
1312	C31312	Nguyễn Thanh Hương	28/8/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Yên Viên	THPT Xuân Đỉnh		53,5	53,5	Trúng tuyển NV1	
1313	C31313	Nguyễn Thị Thu Hương	01/12/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	
1314	C31314	Phạm Thị Hương	13/4/1993	Nữ	Lịch sử	THPT Tân Dân	THPT Hoài Đức A		43,5	43,5		
1315	C31315	Phan Thu Hương	30/10/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Xuân Phương		47,5	47,5		
1316	C31316	Vương Thu Hương	05/09/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Việt Đức	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		45,5	45,5		
1317	C31317	Mai Quang Huy	11/8/2002	Nam	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đức B		50	50		
1318	C31318	Bạch Thị Huyền	14/02/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông		42	42		
1319	C31319	Bùi Minh Huyền	25/7/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		45,5	45,5		
1320	C31320	Đặng Thị Huyền	05/01/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		38,5	38,5		
1321	C31321	Dương Thị Huyền	13/01/1991	Nữ	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		42	42		
1322	C31322	Lê Thị Huyền	21/10/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Kim Liên	THPT Việt Đức		58,5	58,5	Trúng tuyển NV1	
1323	C31323	Nguyễn Khánh Huyền	29/01/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Thanh Oai A	THPT Chương Mỹ A		44	44		
1324	C31324	Nguyễn Ngọc Huyền	25/5/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		50,5	50,5	Trúng tuyển NV1	
1325	C31325	Nguyễn Thị Huyền	25/8/1988	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Xuân Phương		26	26		
1326	C31326	Nguyễn Thị Huyền	31/10/1999	Nữ	Lịch sử	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		50	50		
1327	C31327	Nguyễn Thị Phương Huyền	10/4/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Tùng Thiện		50,5	50,5		
1328	C31328	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/02/1993	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Ngô Thì Nhậm		42	42		
1329	C31329	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02/11/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức A		48	48		
1330	C31330	Phạm Thanh Huyền	06/01/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Phương	THPT Xuân Đỉnh		56	56	Trúng tuyển NV1	
1331	C31331	Quách Thị Huyền	10/7/1993	Nữ	Lịch sử	THPT Tự Lập	THPT Quang Minh	5	43,5	48,5		
1332	C31332	Tạ Thị Huyền	28/9/2000	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		53,5	53,5		
1333	C31333	Phạm Văn Khải	10/10/2000	Nam	Lịch sử	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Xuân Đỉnh		51	51		
1334	C31334	Vũ Văn Khanh	06/7/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		46,5	46,5		
1335	C31335	Dương Minh Khánh	21/5/2003	Nam	Lịch sử	THPT Kim Liên	THPT Mỹ Đình	5	40,5	45,5		
1336	C31336	Nguyễn Khắc Khánh	16/1/2000	Nam	Lịch sử	THPT Nguyễn Thị Minh Khai			57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
1337	C31337	Nguyễn Quốc Khánh	03/9/2003	Nam	Lịch sử	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		55,5	55,5	Trúng tuyển NV2	
1338	C31338	Phùng Thị Kim	26/10/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		54,5	54,5		
1339	C31339	Nguyễn Phương Lam	08/10/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Gia Thiều		48,5	48,5		
1340	C31340	Nguyễn Thị Phương Lan	17/11/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Văn Cốc	THPT Minh Hà		46	46		
1341	C31341	Vũ Thị Lay	01/8/1989	Nữ	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông		42,5	42,5		
1342	C31342	Hoàng Thị Lê	10/5/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Tự Lập	5	36,5	41,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1343	C31343	Nguyễn Thị Lệ	31/12/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức A	THPT Đan Phượng		47	47		
1344	C31344	Đỗ Thị Len	16/12/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		68	68	Trúng tuyển NV1	
1345	C31345	Nguyễn Thị Liên	03/5/1991	Nữ	Lịch sử	THPT Kim Anh	THPT Quang Minh		48,5	48,5		
1346	C31346	Nguyễn Thị Liên	10/12/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		46	46		
1347	C31347	Phạm Thị Liên	29/4/1983	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C			54	54		Không xét trường NV2
1348	C31348	Trương Thị Liễu	06/10/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Thanh Oai B	THPT Thanh Oai A		59,5	59,5	Trúng tuyển NV1	
1349	C31349	Bùi Khánh Linh	20/9/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Phúc Lợi	THPT Kim Liên		51,5	51,5		
1350	C31350	Dương Thị Yến Linh	18/11/2000	Nữ	Lịch sử	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		40	40		
1351	C31351	Lê Thị Ngọc Linh	14/02/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Ngô Thì Nhậm		51	51		
1352	C31352	Ngô Khánh Linh	07/08/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Lý Tử Tấn		52	52	Trúng tuyển NV1	
1353	C31353	Nguyễn Mai Linh	15/11/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Đỉnh	THPT Tây Hồ		50	50		
1354	C31354	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	14/11/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		50	50		
1355	C31355	Phùng Thị Linh	25/08/1990	Nữ	Lịch sử	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		52,5	52,5	Trúng tuyển NV1	
1356	C31356	Trịnh Thị Khánh Linh	03/6/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Kim Liên		46,5	46,5		
1357	C31357	Vũ Hải Linh	12/9/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		41	41		
1358	C31358	Vũ Thị Thùy Linh	13/02/1989	Nữ	Lịch sử	THPT Đông Mỹ	THPT Ngọc Hồi	5	44,5	49,5		
1359	C31359	Vương Thị Linh	12/8/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Chương Mỹ B	THPT Mỹ Đức B		48,5	48,5		
1360	C31360	Nguyễn Hoàng Linh	02/7/2001	Nam	Lịch sử	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		45,5	45,5		
1361	C31361	Nguyễn Thị Hoà Loan	12/02/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Việt Đức		50	50		
1362	C31362	Triệu Thị Kiều Loan	07/4/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình	5	51,5	56,5	Trúng tuyển NV1	
1363	C31363	Nguyễn Thị Lời	16/5/1985	Nữ	Lịch sử	THPT Yên Hòa	THPT Xuân Đỉnh		54,5	54,5		
1364	C31364	Phạm Thị Thanh Lụa	16/8/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Đông Anh	THPT Vân Nội		50,5	50,5		
1365	C31365	Nguyễn Thành Luân	13/10/1986	Nam	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ A		44	44		
1366	C31366	Phạm Thị Bích Lưu	15/02/1990	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Mỹ Đức B		32	32		
1367	C31367	Dương Khánh Ly	10/9/2001	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Ngọc Hồi		41	41		
1368	C31368	Hoàng Thảo Ly	30/11/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Thanh Oai A	THPT Lý Tử Tấn		Bỏ thi			
1369	C31369	Bùi Thiên Lý	28/6/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất	THPT Minh Hà	5	36,5	41,5		
1370	C31370	Lê Thị Lý	22/9/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		44,5	44,5		
1371	C31371	Nguyễn Thị Mu	27/10/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Đông Mỹ		60	60	Trúng tuyển NV1	
1372	C31372	Trần Phương Mai	29/01/2001	Nữ	Lịch sử	THPT Tây Hồ	THPT Xuân Phương		42	42		
1373	C31373	Trần Thị Ngọc Mai	17/7/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		37	37		
1374	C31374	Trần Thị Thanh Mai	03/01/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Quang Trung - Hà Đông		51	51		
1375	C31375	Trương Thị Ngọc Mai	16/11/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		42	42		
1376	C31376	Hà Khánh Minh	19/8/2001	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Chương Mỹ A		52	52		
1377	C31377	Nguyễn Nguyệt Minh	15/3/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Kim Liên	THPT Mỹ Đình		55	55		
1378	C31378	Nguyễn Văn Minh	06/7/2002	Nam	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn	5	Bỏ thi			
1379	C31379	Trần Thị Mơ	04/01/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông		51,5	51,5		
1380	C31380	Trần Thị Thanh Mùi	23/6/1990	Nữ	Lịch sử	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Mỹ Đình		50	50		
1381	C31381	Lê Thị Mừng	01/01/1993	Nữ	Lịch sử	THPT Chương Mỹ A	THPT Chương Mỹ B		51,5	51,5	Trúng tuyển NV1	
1382	C31382	Trần Thị Mừng	19/8/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Phú	THPT Đông Anh		50	50		
1383	C31383	Phan Trà My	04/3/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Tân Dân	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		50	50		
1384	C31384	Đỗ Ngọc Nam	26/12/1997	Nam	Lịch sử	THPT Vân Nội	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1385	C31385	Nguyễn Tùng Nam	18/7/1997	Nam	Lịch sử	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		52	52		
1386	C31386	Hà Thị Nga	20/02/1986	Nữ	Lịch sử	THPT Tùng Thiện	THPT Bắc Lương Sơn		55	55	Trúng tuyển NV1	
1387	C31387	Hà Thị Thuý Nga	22/9/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Yên Hòa	THPT Đại Mỗ	5	50	55	Trúng tuyển NV1	
1388	C31388	Lưu Thị Nga	30/5/1993	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B	THPT Thanh Oai B		38	38		
1389	C31389	Trần Thị Huyền Nga	19/6/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Vân Nội	THPT Bắc Thăng Long		Bỏ thi			
1390	C31390	Vũ Thị Thúy Nga	13/6/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Xuân Phương		51	51		
1391	C31391	Nguyễn Thị Nga	7/11/1991	Nữ	Lịch sử	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		51	51		
1392	C31392	Hà Thị Thanh Ngân	10/12/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		52,5	52,5		
1393	C31393	Nguyễn Thị Trang Ngân	15/12/2000	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Phương	THPT Minh Phú		43,5	43,5		
1394	C31394	Phan Thị Kim Ngân	17/02/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Yên Hòa		52,5	52,5		
1395	C31395	Trần Thị Ngân	01/12/1989	Nữ	Lịch sử	THPT Yên Hòa	THPT Xuân Phương	5	44,5	49,5		
1396	C31396	Vũ Thu Ngân	12/04/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Việt Đức		61,5	61,5		
1397	C31397	Nguyễn Thị Ngoan	14/03/1993	Nữ	Lịch sử	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Việt Nam - Ba Lan		53	53	Trúng tuyển NV1	
1398	C31398	Đặng Thị Ánh Ngọc	04/8/2000	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
1399	C31399	Đỗ Bảo Ngọc	22/5/2001	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Đỉnh			54	54	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
1400	C31400	Đỗ Hồng Ngọc	14/9/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Vân Nội	THPT Phúc Lợi		44,5	44,5		
1401	C31401	Hà Văn Ngọc	01/12/1992	nam	Lịch sử	THPT Tự Lập	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
1402	C31402	Nguyễn Bích Ngọc	07/7/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Yên Hòa		Bỏ thi			
1403	C31403	Nguyễn Hồng Ngọc	30/12/2001	Nữ	Lịch sử	THPT Tân Dân	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		56	56		
1404	C31404	Nguyễn Thị Bích Ngọc	05/4/1984	Nữ	Lịch sử	THPT Ngọc Hồi	THPT Việt Nam - Ba Lan		60,5	60,5	Trúng tuyển NV1	
1405	C31405	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	14/9/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		41	41		
1406	C31406	Nguyễn Thị Ngọc	24/12/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Xuân Mai		44	44		
1407	C31407	Trần Thanh Hải Nguyên	15/12/1999	Nữ	Lịch sử	THPT Đan Phượng	THPT Xuân Phương		53,5	53,5	Trúng tuyển NV1	
1408	C31408	Trần Thị Thanh Nhã	23/4/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		52,5	52,5		
1409	C31409	Nguyễn Thị Nhàn	20/8/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Mai	THPT Hoài Đức C		55	55	Trúng tuyển NV1	
1410	C31410	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	18/02/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Chương Mỹ A	THPT Chương Mỹ B		48,5	48,5		
1411	C31411	Hoàng Thị Nhạn	06/10/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Kim Anh	THPT Minh Phú	5	50	55	Trúng tuyển NV1	
1412	C31412	Nguyễn Thị Hải Nhi	01/08/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Đông Mỹ		Bỏ thi			
1413	C31413	Nguyễn Thị Như	31/12/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Khương Đình		53	53	Trúng tuyển NV1	
1414	C31414	Lê Thị Nhung	12/7/1990	Nữ	Lịch sử	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		59,5	59,5		
1415	C31415	Lưu Thị Nhung	12/9/1989	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Ngô Thì Nhậm	5	51,5	56,5	Trúng tuyển NV1	
1416	C31416	Kiều Thị Nụ	19/9/1988	Nữ	Lịch sử	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		46	46		
1417	C31417	Bùi Thị Kim Oanh	23/9/2000	Nữ	Lịch sử	THPT Đông Anh	THPT Mỹ Đình		46	46		
1418	C31418	Nguyễn Thị Kiều Oanh	12/3/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức A	THPT Đại Mỗ		39	39		
1419	C31419	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	12/03/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		35	35		
1420	C31420	Phan Thị Oanh	28/7/1991	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Phương	THPT Xuân Đỉnh		56	56		
1421	C31421	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	21/12/2002	Nam	Lịch sử	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Yên Hòa		46,5	46,5		
1422	C31422	Đỗ Thị Phương	04/4/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		45	45		
1423	C31423	Nguyễn Minh Phương	25/12/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		46	46		
1424	C31424	Nguyễn Thị Lan Phương	31/08/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Chương Mỹ A		Bỏ thi			
1425	C31425	Nguyễn Thị Lan Phương	16/5/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		50	50		
1426	C31426	Nguyễn Thị Phương	18/7/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C	5	45	50		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1427	C31427	Nguyễn Thị Phương	07/11/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Yên Hòa	THPT Phúc Lợi		42	42		
1428	C31428	Nguyễn Thị Phương	08/9/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	
1429	C31429	Nguyễn Thu Phương	05/12/1999	Nữ	Lịch sử	THPT Đông Anh	THPT Thạch Bàn		36,5	36,5		
1430	C31430	Trần Thị Thu Phương	30/6/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Quang Minh	THPT Bắc Thăng Long		51	51	Trúng tuyển NV1	
1431	C31431	Nguyễn Minh Phương	10/02/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		42	42		
1432	C31432	Lê Thị Phượng	07/3/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Hoài Đức C		42,5	42,5		
1433	C31433	Nguyễn Văn Quang	18/10/1999	Nam	Lịch sử	THPT Xuân Đỉnh	THPT Văn Nội		51	51		
1434	C31434	Trần Thanh Quang	22/4/1995	Nam	Lịch sử	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Kim Liên		55,5	55,5		
1435	C31435	Đặng Thị Quý	25/9/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		52	52		
1436	C31436	Đinh Thị Quyên	05/3/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B	THPT Chương Mỹ B		18	18		
1437	C31437	Hoàng Thị Quyên	03/9/1987	Nữ	Lịch sử	THPT Yên Hòa	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
1438	C31438	Nguyễn Thị Thu Quyên	29/6/1999	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		41	41		
1439	C31439	Đinh Thị Quỳnh	04/10/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Đan Phượng	THPT Mỹ Đình		62,5	62,5	Trúng tuyển NV1	
1440	C31440	Mai Thị Quỳnh	07/4/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Quang Trung - Hà Đông		43,5	43,5		
1441	C31441	Quách Thị Sang	08/6/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Bắc Thăng Long	THPT Xuân Phương	5	38,5	43,5		
1442	C31442	Nguyễn Thị Hương Sen	12/6/1991	Nữ	Lịch sử	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Mỹ Đình	5	74	79	Trúng tuyển NV1	
1443	C31443	Lê Quang Sơn	13/12/2003	Nam	Lịch sử	THPT Phúc Lợi	THPT Yên Viên		53,5	53,5	Trúng tuyển NV1	
1444	C31444	Trần Văn Sơn	21/3/2002	Nam	Lịch sử	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Xuân Phương		50	50		
1445	C31445	Nguyễn Minh Sương	08/10/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Việt Nam - Ba Lan		47,5	47,5		
1446	C31446	Nguyễn Hà Trọng Tài	22/10/1999	Nam	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Minh Hà		55	55	Trúng tuyển NV1	
1447	C31447	Lê Thị Tâm	28/12/1990	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Hoàng Văn Thụ		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
1448	C31448	Nguyễn Thị Tâm	28/02/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Chương Mỹ A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50	50		
1449	C31449	Nguyễn Thị Tâm	20/9/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B	THPT Chương Mỹ B		51	51		
1450	C31450	Nguyễn Thị Tân	02/2/1991	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
1451	C31451	Nguyễn Văn Tạo	18/10/1989	Nam	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C	1,5	37,5	39		
1452	C31452	Phùng Văn Thắng	28/9/1995	Nam	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Tây Hồ		Bỏ thi			
1453	C31453	Đàm Phương Thanh	20/5/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		50	50		
1454	C31454	Nguyễn Thị Kim Thanh	09/7/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Tiền Phong	THPT Tự Lập		44	44		
1455	C31455	Nguyễn Xuân Thanh	16/12/2003	Nam	Lịch sử	THPT Trung Giã	THPT Kim Anh		43,5	43,5		
1456	C31456	Lê Văn Thành	18/12/2002	Nam	Lịch sử	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
1457	C31457	Nguyễn Thị Thành	10/9/1987	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Đại Mỗ		47	47		
1458	C31458	Quách Phú Thành	21/08/2001	Nam	Lịch sử	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Tùng Thiện		61	61		
1459	C31459	Nghiêm Phương Thảo	07/5/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Yên Viên	THPT Đông Anh		36,5	36,5		
1460	C31460	Nguyễn Phương Thảo	28/10/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Ngô Thì Nhậm		54,5	54,5		
1461	C31461	Nguyễn Phương Thảo	16/3/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Thạch Bàn	THPT Đông Anh		44,5	44,5		
1462	C31462	Nguyễn Thị Thảo	17/9/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Tự Lập	THPT Tiền Phong		57	57	Trúng tuyển NV1	
1463	C31463	Trần Thanh Thảo	03/12/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Khương Đình	5	40,5	45,5		
1464	C31464	Vương Thu Thảo	23/6/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Phương	THPT Xuân Đỉnh		57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
1465	C31465	Dương Thị Thịnh	18/9/1984	Nữ	Lịch sử	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	
1466	C31466	Phạm Duy Thịnh	22/11/1989	Nam	Lịch sử	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		55,5	55,5		
1467	C31467	Nguyễn Thị Anh Thơ	30/11/2000	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Thạch Thất		53	53		
1468	C31468	Nguyễn Minh Thoa	03/02/1989	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1469	C31469	Nguyễn Thị Ngọc Thoa	19/11/1992	Nữ	Lịch sử	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Thạch Thất		62	62	Trúng tuyển NV1	
1470	C31470	Trần Trọng Thông	21/12/1995	Nam	Lịch sử	THPT Chương Mỹ A	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		50,5	50,5		
1471	C31471	Cao Thị Thu	06/6/1990	Nữ	Lịch sử	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		29	29		
1472	C31472	Nguyễn Thị Thu	05/9/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Tự Lập	THPT Tiền Phong		50,5	50,5	Trúng tuyển NV2	
1473	C31473	Nguyễn Thị Thu	15/7/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
1474	C31474	Đỗ Thị Hoài Thương	06/8/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Thạch Thất		50,5	50,5		
1475	C31475	Đặng Thị Thuý	26/10/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Trung Giã	THPT Mỹ Đình		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
1476	C31476	Trương Thị Thuý	30/6/1986	Nữ	Lịch sử	THPT Trung Giã	THPT Minh Phú	5	44	49		
1477	C31477	Lưu Thị Thuý	13/7/1989	Nữ	Lịch sử	THPT Tự Lập	THPT Kim Anh		56	56	Trúng tuyển NV1	
1478	C31478	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	11/10/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Dương Xá		44,5	44,5		
1479	C31479	Nguyễn Thị Thuỷ	21/04/2001	Nữ	Lịch sử	THPT Tây Hồ			54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
1480	C31480	Vũ Thị Thu Thuỷ	16/6/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Hoài Đức C	THPT Minh Hà		43	43		
1481	C31481	Cà Thị Phương Thúy	18/4/2001	Nữ	Lịch sử	THPT Thọ Xuân		5	44,5	49,5		
1482	C31482	Đặng Thị Thu Thủy	06/10/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Quốc Oai		50	50	Trúng tuyển NV2	
1483	C31483	Lê Thị Thúy	17/8/1993	Nữ	Lịch sử	THPT Thanh Oai A	THPT Lý Tử Tấn		41,5	41,5		
1484	C31484	Đỗ Thị Tình	14/9/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		50	50		
1485	C31485	Kiều Văn Tình	15/9/1988	Nam	Lịch sử	THPT Tự Lập	THPT Quang Minh	5	43,5	48,5		
1486	C31486	Trần Minh Toản	06/4/2002	Nam	Lịch sử	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Yên Viên		31,5	31,5		
1487	C31487	Đoàn Thị Trang	20/5/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Đỉnh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		51,5	51,5		
1488	C31488	Lê Thị Huyền Trang	20/10/2000	Nữ	Lịch sử	THPT Vân Nội	THPT Tây Hồ		51,5	51,5	Trúng tuyển NV1	
1489	C31489	Lê Thị Thu Trang	16/02/1989	Nữ	Lịch sử	THPT Đan Phượng	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		52,5	52,5		
1490	C31490	Lê Thị Thu Trang	15/8/2000	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Hoàng Văn Thụ		44,5	44,5		
1491	C31491	Ngô Thị Quỳnh Trang	13/6/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		50,5	50,5		
1492	C31492	Ngô Thị Trang	21/10/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50,5	50,5		
1493	C31493	Nguyễn Hiền Trang	14/12/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Chương Mỹ A	THPT Chương Mỹ B		37,5	37,5		
1494	C31494	Nguyễn Ngọc Thu Trang	17/11/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Yên Hòa	THPT Quang Trung - Hà Đông		Bỏ thi			
1495	C31495	Nguyễn Thị Thu Trang	28/7/1994	Nữ	Lịch sử		THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			Không xét Trường NV1
1496	C31496	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/01/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		58	58	Trúng tuyển NV1	
1497	C31497	Nguyễn Thị Kiều Trang	09/5/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà		50,5	50,5		
1498	C31498	Nguyễn Thị Thu Trang	10/02/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		53	53	Trúng tuyển NV2	
1499	C31499	Nguyễn Thị Thu Trang	19/03/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Minh Hà		53,5	53,5		
1500	C31500	Nguyễn Thị Thu Trang	22/5/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình	5	37,5	42,5		
1501	C31501	Nguyễn Thị Trang	20/10/1988	Nữ	Lịch sử	THPT Chương Mỹ A	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		Bỏ thi			
1502	C31502	Nguyễn Thị Trang	22/4/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Yên Hòa	THPT Xuân Phương		46	46		
1503	C31503	Phạm Thu Trang	01/5/1988	Nữ	Lịch sử	THPT Kim Anh	THPT Tự Lập		38,5	38,5		
1504	C31504	Trần Thị Trang	21/11/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		50	50		
1505	C31505	Triệu Thị Trang	02/12/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông	5	54,5	59,5	Trúng tuyển NV1	
1506	C31506	Trương Quỳnh Trang	31/3/2001	Nữ	Lịch sử	THPT Kim Liên	THPT Việt Nam - Ba Lan		41,5	41,5		
1507	C31507	Vũ Thị Trang	20/12/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50	50		
1508	C31508	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/5/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		40,5	40,5		
1509	C31509	Nguyễn Văn Triều	27/8/1997	Nam	Lịch sử	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		39,5	39,5		
1510	C31510	Trần Thị Trọng	05/9/1989	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Phú	THPT Đông Anh		52	52	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1511	C31511	Nguyễn Thanh Trúc	10/12/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai B		42,5	42,5		
1512	C31512	Chu Quang Trường	20/01/2003	Nam	Lịch sử	THPT Tùng Thiện	THPT Bắc Lương Sơn		49,5	49,5		
1513	C31513	Phùng Mạnh Tùng	17/8/1998	Nam	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Chuyên Chu Văn An		53	53		
1514	C31514	Cao Thị Tươi	08/5/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		51	51		
1515	C31515	Nguyễn Thị Kim Tuyến	25/4/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà			31	31		
1516	C31516	Lò Thị Tuyến	29/11/2002	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C	5	54	59	Trúng tuyển NV1	
1517	C31517	Phan Thị Thanh Tuyến	11/01/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Chuyên Sơn Tây			77,5	77,5	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
1518	C31518	Hà Anh Tuyển	25/12/2003	Nam	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		46	46		
1519	C31519	Đỗ Thị Tuyết	09/7/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Hoài Đức C		37,5	37,5		
1520	C31520	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/12/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Chương Mỹ B	THPT Chương Mỹ A		54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	
1521	C31521	Lê Hoàng Uyên	26/01/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
1522	C31522	Trần Thị Uyên	22/3/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Tây Hồ	THPT Xuân Đỉnh		44,5	44,5		
1523	C31523	Cao Thu Vân	30/01/2003	Nữ	Lịch sử	THPT Bắc Thăng Long	THPT Quang Minh		32,5	32,5		
1524	C31524	Dương Thị Vân	11/11/1994	Nữ	Lịch sử	THPT Đông Anh	THPT Quang Minh		45,5	45,5		
1525	C31525	Nguyễn Hồng Vân	05/5/1996	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Hoài Đức C		44	44		
1526	C31526	Nguyễn Thanh Vân	05/12/1989	Nữ	Lịch sử	THPT Tự Lập	THPT Tiên Phong		43,5	43,5		
1527	C31527	Nhữ Thị Vân	24/12/1987	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	5	52,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
1528	C31528	Vân Thị Vân	10/7/1997	Nữ	Lịch sử	THPT Tô Hiệu - Thường Tín	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
1529	C31529	Bùi Thị Viện	15/8/1987	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B			50	50		Không xét trường NV2
1530	C31530	Cấn Thị Xuân	02/3/1990	Nữ	Lịch sử	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		44,5	44,5		
1531	C31531	Đặng Thị Xuân	20/9/1987	Nữ	Lịch sử	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		34,5	34,5		
1532	C31532	Đinh Thị Xuân	10/3/1993	Nữ	Lịch sử	THPT Mỹ Đức B	THPT Thanh Oai A		35	35		
1533	C31533	Nguyễn Thanh Xuân	12/10/2000	Nữ	Lịch sử	THPT Đông Anh	THPT Vân Nội		38	38		
1534	C31534	Nguyễn Thị Thanh Xuân	15/01/1995	Nữ	Lịch sử	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Đỉnh		43,5	43,5		
1535	C31535	Chu Thị Yến	18/9/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Minh Hà	THPT Hoài Đức C		50	50		
1536	C31536	Nguyễn Thị Yến	28/9/1998	Nữ	Lịch sử	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
1537	C31537	Hoàng Thị Song An	23/01/1983	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Tân Lập		58	58		
1538	C31538	Lê Thị Thu An	07/9/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		40	40		
1539	C31539	Nguyễn Ngọc An	26/8/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		75	75	Trúng tuyển NV1	
1540	C31540	Nguyễn Thanh An	04/5/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		44	44		
1541	C31541	Trịnh Hải An	02/3/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		72,5	72,5		
1542	C31542	Trần Hoài An	22/5/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Ngô Thì Nhậm		50	50		
1543	C31543	Bùi Hoàng Anh	28/5/1998	Nam	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		68,5	68,5		
1544	C31544	Bùi Mĩ Anh	04/9/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		50	50		
1545	C31545	Bùi Minh Anh	06/7/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Xuân Đỉnh		52	52		
1546	C31546	Bùi Phương Anh	23/9/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Tân Lập		66,5	66,5		
1547	C31547	Bùi Quốc Anh	11/10/1997	Nam	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Gia Thiều		63,5	63,5	Trúng tuyển NV1	
1548	C31548	Bùi Thị Ngọc Anh	22/5/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bất Bạt	THPT Thọ Xuân		58,5	58,5	Trúng tuyển NV1	
1549	C31549	Bùi Thị Phương Anh	08/6/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Ngọc Hồi		72,5	72,5	Trúng tuyển NV2	
1550	C31550	Chu Tuấn Anh	06/6/1998	Nam	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Chuyên Chu Văn An		72	72		
1551	C31551	Đào Minh Anh	06/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Tân Lập		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
1552	C31552	Đỗ Phương Anh	28/8/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		52,5	52,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1553	C31553	Đỗ Phương Anh	04/7/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		72	72		
1554	C31554	Đỗ Thị Vân Anh	20/8/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		53	53		
1555	C31555	Dương Thị Phương Anh	12/9/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Mỹ Đình		40,5	40,5		
1556	C31556	Hoàng Thị Mai Anh	18/9/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Đỉnh	THPT Tây Hồ		60	60		
1557	C31557	Kiều Vân Anh	29/11/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Sơn Tây	TH, THCS và THPT Khương Hạ		47,5	47,5		
1558	C31558	Lại Thị Ngọc Anh	26/6/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chương Mỹ B	THPT Chúc Động		35,5	35,5		
1559	C31559	Lê Hồng Anh	20/9/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		54,5	54,5		
1560	C31560	Lê Lan Anh	08/3/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
1561	C31561	Lê Ngọc Anh	29/8/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		32,5	32,5		
1562	C31562	Lê Ngọc Anh	28/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Phúc Lợi		65	65	Trúng tuyển NV1	
1563	C31563	Lê Phương Anh	26/10/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Xuân Phương		46	46		
1564	C31564	Lê Phương Anh	18/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Lý Thường Kiệt		62	62		
1565	C31565	Ngô Phương Anh	09/6/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Tự Lập		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
1566	C31566	Ngô Phương Anh	24/10/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		Bỏ thi			
1567	C31567	Nguyễn Đặng Nhật Anh	13/10/2003	Nam	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Đông Anh		50,5	50,5		
1568	C31568	Nguyễn Duy Anh	12/8/2003	Nam	Tiếng Anh	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		50	50		
1569	C31569	Nguyễn Hà Minh Anh	28/8/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Giang			37,5	37,5		
1570	C31570	Nguyễn Hải Anh	06/4/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		51	51		
1571	C31571	Nguyễn Hoàng Anh	21/7/2002	Nam	Tiếng Anh	THPT Việt Đức	THPT Nhân Chính		59,5	59,5		
1572	C31572	Nguyễn Huyền Anh	23/02/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		58,5	58,5		
1573	C31573	Nguyễn Minh Anh	09/8/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C	THPT Xuân Phương		48	48		
1574	C31574	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	13/7/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	TH, THCS và THPT Khương Hạ		51,5	51,5		
1575	C31575	Nguyễn Thị Anh	11/3/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Ngọc Hồi		50,5	50,5		
1576	C31576	Nguyễn Thị Kim Anh	21/02/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Cường	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		62	62		
1577	C31577	Nguyễn Thị Lan Anh	30/6/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Thanh Oai B		40	40		
1578	C31578	Nguyễn Thị Lan Anh	30/10/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		50	50		
1579	C31579	Nguyễn Thị Mai Anh	14/7/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bất Bạt	THPT Hoài Đức C		52,5	52,5		
1580	C31580	Nguyễn Thị Ngọc Anh	28/9/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Lý Thường Kiệt	5	38	43		
1581	C31581	Nguyễn Thị Ngọc Anh	16/6/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Hoài Đức C		50,5	50,5		
1582	C31582	Nguyễn Thị Phương Anh	02/3/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Chúc Động		44	44		
1583	C31583	Nguyễn Thị Phương Anh	17/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tây Hồ	THPT Vân Nội		30	30		
1584	C31584	Nguyễn Thị Phương Anh	24/02/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Xuân Phương		7	7		
1585	C31585	Nguyễn Thị Trung Anh	07/6/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Việt Đức	THPT Nguyễn Gia Thiều		53	53		
1586	C31586	Nguyễn Thị Vân Anh	13/4/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Mỹ Đình		50,5	50,5		
1587	C31587	Nguyễn Thuỳ Anh	13/6/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Giang	THPT Minh Phú		60	60		
1588	C31588	Phạm Châu Anh	15/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Ứng Hòa A		74	74	Trúng tuyển NV1	
1589	C31589	Phạm Hồng Anh	05/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Xuân Phương		39	39		
1590	C31590	Phan Mai Anh	27/4/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		52	52		
1591	C31591	Tạ Thị Lan Anh	10/3/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Thường Tín		63	63		
1592	C31592	Trần Hồng Anh	03/03/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		71,5	71,5		
1593	C31593	Trần Mai Anh	28/8/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn	THPT Mỹ Đình	5	50	55		
1594	C31594	Trần Ngọc Anh	29/3/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Việt Đức	THPT Chuyên Chu Văn An		56	56		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1595	C31595	Trần Thị Kim Anh	08/07/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngọc Hồi	THPT Ngô Thì Nhậm		32	32		
1596	C31596	Trần Thị Quỳnh Anh	05/4/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Đông Anh		53,5	53,5		
1597	C31597	Trần Thị Quỳnh Anh	19/5/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Đỉnh		43	43		
1598	C31598	Trịnh Quang Anh	12/3/2001	Nam	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		52,5	52,5		
1599	C31599	Trịnh Thị Ngọc Anh	26/4/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Ngọc Hồi		61	61		
1600	C31600	Vũ Thị Ngọc Anh	07/9/1985	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Dương Xá		65	65		
1601	C31601	Vương Thị Phương Anh	16/11/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		54	54		
1602	C31602	Cao Thị Hoàng Ánh	26/9/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	5	46	51		
1603	C31603	Đỗ Ngọc Ánh	26/9/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		56,5	56,5		
1604	C31604	Đỗ Thị Hồng Ánh	12/4/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		47	47		
1605	C31605	Nguyễn Ngọc Ánh	26/9/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Vân Nội	THPT Xuân Giang		51	51		
1606	C31606	Nguyễn Thị Ánh	15/5/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		59	59		
1607	C31607	Nguyễn Thị Ánh	04/4/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		66	66		
1608	C31608	Trử Thị Ánh	02/01/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Thạch Bàn		50	50		
1609	C31609	Lương Xuân Bách	22/10/2000	Nam	Tiếng Anh		THPT Lý Thường Kiệt		70,5	70,5		Không xét trường NV1
1610	C31610	Hoàng Thị Băng	26/01/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		59,5	59,5		
1611	C31611	Nguyễn Thị Bay	19/01/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tự Lập	THPT Minh Phú		60,5	60,5	Trúng tuyển NV1	
1612	C31612	Bùi Thị Bích	02/11/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		56	56		
1613	C31613	Tạ Thị Ngọc Bích	11/11/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Tự Lập		45,5	45,5		
1614	C31614	Trần Ánh Ngọc Bích	04/02/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		46	46		
1615	C31615	Nguyễn Hải Bình	11/10/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nhân Chính	THPT Mỹ Đình		50,5	50,5		
1616	C31616	Nguyễn Phương Bình	14/5/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Mỹ Đình		57	57		
1617	C31617	Nguyễn Thanh Bình	30/10/2002	nữ	Tiếng Anh	THPT Thanh Oai B	THPT Khương Đình		44,5	44,5		
1618	C31618	Nguyễn Thị Bình	20/8/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Giang	THPT Minh Phú		34	34		
1619	C31619	Phạm Thị Bình	27/7/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đông Anh		45,5	45,5		
1620	C31620	Phan Thanh Bình	21/9/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
1621	C31621	Vũ Thị Thanh Bình	21/8/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		46	46		
1622	C31622	Vũ Thị Thu Chang	09/8/2000	nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Thường Tín		46	46		
1623	C31623	Nguyễn Mai Minh Châu	12/3/2000	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Thượng Cát		30	30		
1624	C31624	Bùi Mai Chi	14/7/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		28,5	28,5		
1625	C31625	Đặng Thị Linh Chi	18/10/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ứng Hòa A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		53,5	53,5		
1626	C31626	Đỗ Hà Chi	03/02/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Đỉnh			52	52		Không xét trường NV2
1627	C31627	Dương Khánh Chi	24/9/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		25	25		
1628	C31628	Hoàng Hải Chi	13/11/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		65	65		
1629	C31629	Hoàng Linh Chi	19/7/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		37	37		
1630	C31630	Nguyễn Thị Khánh Chi	14/11/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Ứng Hòa A		Bỏ thi			
1631	C31631	Nguyễn Thị Kim Chi	24/6/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
1632	C31632	Nguyễn Thị Linh Chi	22/6/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		54	54		
1633	C31633	Nguyễn Thị Ngọc Chi	13/6/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		62	62		
1634	C31634	Phạm Mai Chi	14/12/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		50,5	50,5		
1635	C31635	Trần Thị Kim Chi	11/4/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		62	62		
1636	C31636	Lê Lan Chi	04/3/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Hoài Đức C		56	56		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1637	C31637	Nguyễn Thị Huyền Chinh	17/01/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		52,5	52,5		
1638	C31638	Lại Thị Chúc	12/4/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		57	57		
1639	C31639	Trịnh Thị Chuyên	21/10/1981	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		30	30		
1640	C31640	Nguyễn Thị Dân	13/01/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ			49	49		Không xét trường NV2
1641	C31641	Nguyễn Hải Đăng	03/8/1983	Nam	Tiếng Anh	THPT Việt Đức	THPT Chuyên Chu Văn An		47	47		
1642	C31642	Nguyễn Thị Bích Đào	26/02/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Xuân Giang		64,5	64,5	Trúng tuyển NV1	
1643	C31643	Phạm Văn Đạt	15/9/2002	Nam	Tiếng Anh	THPT Liên Hà	THPT Đông Anh		75,5	75,5	Trúng tuyển NV1	
1644	C31644	Nguyễn Thị Diễm	19/7/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		53	53		
1645	C31645	Nguyễn Thị Hoàng Diệp	25/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		80,5	80,5		
1646	C31646	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	24/6/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
1647	C31647	Phạm Văn Đính	05/9/1992	Nam	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		45	45		
1648	C31648	Nguyễn Thị Định	08/8/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		44,5	44,5		
1649	C31649	Nguyễn Thị Định	14/5/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ứng Hòa A	THPT Đại Cường		43,5	43,5		
1650	C31650	Nguyễn Thị Dịu	11/11/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		61	61		
1651	C31651	Nguyễn Thị Doan	09/5/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		67,5	67,5		
1652	C31652	Bùi Anh Đức	20/05/2002	Nam	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		53	53		
1653	C31653	Bùi Lệ Dung	26/10/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		56	56		
1654	C31654	Nguyễn Thị Dung	24/3/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
1655	C31655	Nguyễn Thị Kim Dung	14/02/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		53	53		
1656	C31656	Phan Thanh Dung	17/3/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		47	47		
1657	C31657	Trịnh Thị Dung	29/4/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		Bỏ thi			
1658	C31658	Đoàn Tiến Dũng	25/3/1996	Nam	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Thường Cát		72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
1659	C31659	Nguyễn Tiến Dũng	15/10/2000	Nam	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Phúc Lợi		32,5	32,5		
1660	C31660	Nguyễn Tiến Dũng	30/3/2002	Nam	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50	50		
1661	C31661	Đào Thị Ánh Dương	19/10/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		57	57		
1662	C31662	Lê Thùy Dương	29/8/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		74	74		
1663	C31663	Nguyễn Quỳnh Dương	23/12/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Phúc Thọ		40	40		
1664	C31664	Nguyễn Thị Dương	28/9/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Xuân Giang		36,5	36,5		
1665	C31665	Nguyễn Thị Thùy Dương	21/5/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		71,5	71,5		
1666	C31666	Trần Khương Duy	08/10/2002	Nam	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		65	65		
1667	C31667	Khương Thị Mỹ Duyên	03/8/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngô Thì Nhậm	TH, THCS và THPT Khương Hạ		51	51		
1668	C31668	Lê Thị Mỹ Duyên	14/6/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Thường Tín		75	75	Trúng tuyển NV1	
1669	C31669	Lường Thị Duyên	05/10/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Đại Mỗ	5	41	46		
1670	C31670	Nguyễn Thị Duyên	21/9/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Ứng Hòa A		32,5	32,5		
1671	C31671	Nguyễn Việt Hồng Duyên	21/10/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C	THPT Xuân Phương		38	38		
1672	C31672	Phạm Hữu Hạnh Duyên	12/12/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Thạch Bàn		61	61		
1673	C31673	Phạm Thị Mai Duyên	13/5/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		58	58		
1674	C31674	Trần Mỹ Duyên	01/10/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Cường	THPT Ứng Hòa A		62	62	Trúng tuyển NV1	
1675	C31675	Bùi Linh Giang	27/9/2000	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		50	50		
1676	C31676	Lê Hương Giang	01/12/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		43,5	43,5		
1677	C31677	Lưu Trà Giang	22/3/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Xuân Đỉnh		61,5	61,5		
1678	C31678	Mai Hương Giang	10/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		56,5	56,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1679	C31679	Nguyễn Hương Giang	22/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		52,5	52,5		
1680	C31680	Nguyễn Hương Giang	04/8/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		61	61		
1681	C31681	Nguyễn Hương Giang	22/3/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Văn Nội	THPT Đông Anh		Bỏ thi			
1682	C31682	Nguyễn Thị Giang	19/12/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chương Mỹ B	THPT Thường Tín		43	43		
1683	C31683	Phạm Hồng Giang	15/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		70	70		
1684	C31684	Phạm Hương Giang	02/11/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		51	51		
1685	C31685	Phan Thị Hương Giang	13/12/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		46	46		
1686	C31686	Nguyễn Thu Giang	23/9/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi	5	63	68	Trúng tuyển NV1	
1687	C31687	Đỗ Thị Thanh Hà	27/5/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tự Lập	THPT Xuân Giang		Bỏ thi			
1688	C31688	Dương Thu Hà	11/11/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		48	48		
1689	C31689	Hoàng Thu Hà	13/5/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		60	60		
1690	C31690	Lê Thanh Hà	02/9/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngọc Tảo	THPT Minh Hà		57	57		
1691	C31691	Nguyễn Minh Hà	25/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Xuân Đỉnh		86,5	86,5	Trúng tuyển NV1	
1692	C31692	Nguyễn Thị Hà	05/5/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		62	62		
1693	C31693	Nguyễn Thị Hồng Hà	04/5/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Liên Hà		68	68	Trúng tuyển NV1	
1694	C31694	Nguyễn Thị Thái Hà	26/9/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		71,5	71,5	Trúng tuyển NV1	
1695	C31695	Nguyễn Thị Thu Hà	10/12/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		57,5	57,5		
1696	C31696	Nguyễn Thị Thu Hà	12/7/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Liên Hà		62	62		
1697	C31697	Nguyễn Thị Việt Hà	17/6/1976	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Liên Hà		53	53		
1698	C31698	Nguyễn Thu Hà	12/6/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		41	41		
1699	C31699	Nguyễn Thu Hà	01/7/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Cường	THPT Nguyễn Văn Trỗi		45,5	45,5		
1700	C31700	Nguyễn Thu Hà	17/9/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C	5	44	49		
1701	C31701	Phạm Thị Thu Hà	24/10/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Quang Trung - Hà Đông	5	1,5	6,5		
1702	C31702	Trần Bắc Hà	22/11/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Giang	THPT Minh Phú		55	55		
1703	C31703	Trần Thu Hà	05/8/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		56	56		
1704	C31704	Trịnh Thu Hà	09/02/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		41	41		
1705	C31705	Xuân Thị Hà	20/11/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Tân Lập		40	40		
1706	C31706	Đỗ Thị Khánh Hạ	02/6/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thanh Oai B	THPT Ngô Thì Nhậm		Bỏ thi			
1707	C31707	Phạm Khánh Hạ	18/7/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		44,5	44,5		
1708	C31708	Bùi Công Hải	15/03/1995	Nam	Tiếng Anh	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		47,5	47,5		
1709	C31709	Hoàng Thị Hồng Hải	30/10/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		50,5	50,5		
1710	C31710	Nguyễn Hoàng Hải	01/12/1999	Nam	Tiếng Anh	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		48,5	48,5		
1711	C31711	Trịnh Thị Hải	27/11/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		51	51		
1712	C31712	Đinh Nguyễn Ngọc Hân	18/6/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ	5	51	56		
1713	C31713	Đặng Thu Hằng	17/11/1983	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Lý Thường Kiệt		55	55		
1714	C31714	Đào Minh Hằng	14/11/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Việt Đức		Bỏ thi			
1715	C31715	Đỗ Thanh Hằng	05/4/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Lý Thường Kiệt		58	58		
1716	C31716	Đoàn Thị Hằng	30/5/1999	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Ứng Hòa A		50	50		
1717	C31717	Dương Thị Thu Hằng	09/8/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà	5	48	53		
1718	C31718	Hồ Thị Thu Hằng	01/11/1978	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		46,5	46,5		
1719	C31719	Khuất Thu Hằng	19/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		17,5	17,5		
1720	C31720	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/3/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Bắc Thăng Long		44,5	44,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1721	C31721	Nguyễn Thị Minh Hằng	28/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		56,5	56,5		
1722	C31722	Nguyễn Thu Hằng	30/9/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		29,5	29,5		
1723	C31723	Phạm Thị Hằng	30/3/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ			46	46		
1724	C31724	Phạm Thị Hằng	23/5/1982	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		59	59	Trúng tuyển NV1	
1725	C31725	Phạm Thị Thu Hằng	02/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tân Lập	THPT Thọ Xuân		63	63	Trúng tuyển NV1	
1726	C31726	Phạm Thu Hằng	09/05/1992	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Phúc Lợi		58	58	Trúng tuyển NV1	
1727	C31727	Vi Thị Hằng	27/4/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C	5	46	51		
1728	C31728	Vũ Thị Thu Hằng	18/01/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		48	48		
1729	C31729	Dương Thị Hạnh	12/3/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nhân Chính	TH, THCS và THPT Khương Hạ		46	46		
1730	C31730	Dương Thị Mỹ Hạnh	22/11/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
1731	C31731	Nguyễn Hồng Hạnh	06/01/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Việt Đức			65	65		
1732	C31732	Nguyễn Thị Hạnh	08/06/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		50,5	50,5		
1733	C31733	Nguyễn Thị Hạnh	17/10/1985	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tân Lập	THPT Hồng Thái		36,5	36,5		
1734	C31734	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/01/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hợp Thanh	THPT Thọ Xuân		30,5	30,5		
1735	C31735	Trần Thị Hạnh	06/8/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tây Hồ		67,5	67,5	Trúng tuyển NV1	
1736	C31736	Vũ Thị Hạnh	29/4/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn	THPT Nguyễn Gia Thiều		50	50		
1737	C31737	Nguyễn Thị Hậu	24/4/1984	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
1738	C31738	Lê Ngọc Hiên	04/11/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		42,5	42,5		
1739	C31739	Nguyễn Thị Hiên	02/12/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Văn Nội		52,5	52,5		
1740	C31740	Lã Thị Hiền	23/02/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Ngọc Hồi		29	29		
1741	C31741	Đỗ Tây Hiền	29/12/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ứng Hòa A	THPT Xuân Phương		44	44		
1742	C31742	Lê Thu Hiền	22/5/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tự Lập	THPT Tiến Thịnh		Bỏ thi			
1743	C31743	Ngô Thị Hiền	01/8/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Liên Hà	THPT Minh Phú		50	50		
1744	C31744	Nguyễn Thanh Hiền	05/9/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		36	36		
1745	C31745	Nguyễn Thu Hiền	28/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ			50	50		Không xét trường NV2
1746	C31746	Nguyễn Thu Hiền	11/7/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Thọ Xuân		42,5	42,5		
1747	C31747	Nguyễn Thúy Hiền	10/01/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Đông Mỹ		52	52		
1748	C31748	Phạm Thị Thuý Hiền	01/8/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		55	55		
1749	C31749	Phùng Thị Hiền	27/11/1986	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ba Vì	THPT Bất Bạt		80	80	Trúng tuyển NV1	
1750	C31750	Mai Thị Hiệp	06/10/1983	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Đỉnh		50	50		
1751	C31751	Trần Thị Ánh Hiệp	25/01/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		51	51		
1752	C31752	Trần Thị Thanh Hiếu	26/12/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
1753	C31753	Đinh Thị Hoa	13/01/1980	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Đông Mỹ	5	34,5	39,5		
1754	C31754	Hoàng Thị Hoa	21/9/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Ba Vì		51,5	51,5		
1755	C31755	Lê Thị Hoa	10/1/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bất Bạt	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50	50		
1756	C31756	Lê Thị Thanh Hoa	02/02/1984	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Cường	THPT Hợp Thanh		50	50		
1757	C31757	Nguyễn Quỳnh Hoa	21/11/1987	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Tiến Thịnh		46,5	46,5		
1758	C31758	Nguyễn Thị Hoa	19/3/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Xuân Giang		60	60		
1759	C31759	Nguyễn Thị Kiều Hoa	10/9/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		40	40		
1760	C31760	Nguyễn Thị Mai Hoa	25/4/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Xuân Giang		35	35		
1761	C31761	Nguyễn Yến Hoa	11/7/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Thọ	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Bỏ thi			
1762	C31762	Phan Thị Hồng Hoa	25/9/1980	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai			48	48		Không xét trường NV2

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1763	C31763	Trần Thị Mai Hoa	20/12/2020	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Hồng Thái		27	27		
1764	C31764	Nguyễn Thị Mai Hoa	27/11/1979	Nữ	Tiếng Anh	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà		52,5	52,5		
1765	C31765	Nguyễn Thị Thanh Hoà	22/01/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		38	38		
1766	C31766	Nguyễn Thị Hòa	11/11/1984	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân	5	50,5	55,5		
1767	C31767	Hoàng Thu Hoài	21/5/1993	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ			51,5	51,5		
1768	C31768	Nguyễn Thị Thu Hoài	18/5/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà	5	52	57	Trúng tuyển NV1	
1769	C31769	Phạm Thu Hoài	07/8/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		59,5	59,5	Trúng tuyển NV1	
1770	C31770	Ngô Việt Hoàng	30/7/2002	Nam	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Lý Thường Kiệt		69	69		
1771	C31771	Trần Minh Hoàng	23/9/1997	Nam	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Phúc Lợi	5	52,5	57,5		
1772	C31772	Đỗ Thị Hồng	24/3/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Dương Xá	THPT Nguyễn Gia Thiều		55	55		
1773	C31773	Hoàng Thị Hồng	03/7/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		51,5	51,5		
1774	C31774	Lý Minh Hồng	05/12/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		38	38		
1775	C31775	Ngô Thị Hồng	13/4/1986	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	TH, THCS và THPT Khương Hạ		50,5	50,5		
1776	C31776	Nguyễn Thị Ánh Hồng	09/4/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tây Hồ	THPT Xuân Phương		53	53	Trúng tuyển NV1	
1777	C31777	Nguyễn Thị Hồng	02/10/1990	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			Không xét trường NV2
1778	C31778	Nguyễn Thị Thuý Huê	07/01/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tây Hồ	THPT Đông Mỹ		50,5	50,5		
1779	C31779	Bùi Thị Huế	19/8/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50	50		
1780	C31780	Lê Thị Huế	05/11/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tự Lập	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52,5	52,5		
1781	C31781	Nguyễn Thị Huế	06/01/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Dương Xá		59,5	59,5		
1782	C31782	Nguyễn Thị Kim Huệ	20/12/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Thạch Bàn		54,5	54,5		
1783	C31783	Nguyễn Thị Thu Huệ	06/9/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		55	55		
1784	C31784	Lê Trần Việt Hùng	08/9/2003	Nam	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân	5	51,5	56,5	Trúng tuyển NV1	
1785	C31785	Nguyễn Việt Hùng	06/10/2002	Nam	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai B		66,5	66,5	Trúng tuyển NV1	
1786	C31786	Bùi Lệ Hương	15/10/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Xuân Đỉnh		91	91	Trúng tuyển NV1	
1787	C31787	Cấn Thị Hương	17/9/1987	Nữ	Tiếng Anh	THPT Vân Cốc	THPT Ngọc Tảo		48,5	48,5		
1788	C31788	Cấn Thị Thu Hương	29/6/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngọc Tảo	THPT Phúc Thọ		58,5	58,5	Trúng tuyển NV1	
1789	C31789	Đàm Thị Thanh Hương	04/01/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		29	29		
1790	C31790	Đặng Thị Hương	15/01/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân		32	32		
1791	C31791	Hoàng Thị Hương	20/4/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Tân Lập		44,5	44,5		
1792	C31792	Lê Thị Diệu Hương	10/12/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		41	41		
1793	C31793	Lê Văn Hương	12/3/1982	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh	5	40	45		
1794	C31794	Nguyễn Quỳnh Hương	25/01/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Anh		54	54		
1795	C31795	Nguyễn Thanh Thu Hương	29/12/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Nguyễn Gia Thiều		67,5	67,5		
1796	C31796	Nguyễn Thị Thu Hương	02/12/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		45	45		
1797	C31797	Nguyễn Thu Hương	19/01/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Dương Xá		Bỏ thi			
1798	C31798	Phạm Mai Hương	04/7/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Vân Nội	THPT Tự Lập		59	59	Trúng tuyển NV1	
1799	C31799	Trịnh Thị Thanh Hương	11/12/1997	Nữ	Tiếng Anh		THPT Minh Hà		64	64		Không xét Trường NV1
1800	C31800	Nguyễn Thị Thanh Hường	07/7/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thanh Oai B	THPT Ngô Thì Nhậm		44,5	44,5		
1801	C31801	Lương Thanh Hường	08/3/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		73	73	Trúng tuyển NV1	
1802	C31802	Nguyễn Thị Hường	17/11/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		51,5	51,5		
1803	C31803	Phùng Yến Hường	04/051993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ba Vì	THPT Xuân Phương		26	26		
1804	C31804	Tạ Quốc Huy	31/5/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1805	C31805	Bùi Khánh Huyền	13/9/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Thạch Bàn		50	50		
1806	C31806	Đàm Thị Thanh Huyền	25/10/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Liên Hà	THPT Đông Anh		50	50		
1807	C31807	Hà Khánh Huyền	30/9/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
1808	C31808	Kiều Thị Huyền	03/3/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		53,5	53,5		
1809	C31809	Lê Thanh Huyền	11/07/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bất Bạt	THPT Ba Vì		44	44		
1810	C31810	Lê Thị Thanh Huyền	24/11/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Đông Mỹ		54	54		
1811	C31811	Nghiêm Thu Huyền	14/5/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	TH, THCS và THPT Khương Hạ	5	63,5	68,5		
1812	C31812	Ngô Thị Huyền	20/02/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Liên Hà	THPT Đông Anh		70	70		
1813	C31813	Nguyễn Minh Huyền	06/9/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Nhân Chính		91,5	93,5	Trúng tuyển NV1	
1814	C31814	Nguyễn Ngọc Huyền	21/3/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		40	40		
1815	C31815	Nguyễn Thanh Huyền	19/4/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Ngọc Hồi		54,5	54,5		
1816	C31816	Nguyễn Thị Huyền	21/6/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thường Tín		41,5	41,5		
1817	C31817	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	28/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		53,5	53,5		
1818	C31818	Nguyễn Thị Thanh Huyền	09/10/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		49,5	49,5		
1819	C31819	Nguyễn Thu Huyền	02/3/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		40,5	40,5		
1820	C31820	Nguyễn Thu Huyền	01/8/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		63	63		
1821	C31821	Nguyễn Thu Huyền	27/3/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		46	46		
1822	C31822	Phạm Ngọc Huyền	23/12/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		43	43		
1823	C31823	Tạ Thanh Huyền	19/10/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		47,5	47,5		
1824	C31824	Tạ Thị Huyền	02/6/1985	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Tự Lập		43	43		
1825	C31825	Tống Ngọc Huyền	29/8/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		52	52		
1826	C31826	Trần Thanh Huyền	01/7/1992	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Mỹ Đình		38,5	38,5		
1827	C31827	Trần Thị Huyền	01/01/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bất Bạt	THPT Ba Vì		53,5	53,5	Trúng tuyển NV1	
1828	C31828	Trần Thị Thu Huyền	18/11/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		66	66		
1829	C31829	Hoàng Thị Trang Khanh	25/12/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		36,5	36,5		
1830	C31830	Nguyễn Thị Kim Khánh	12/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Việt Đức		51,5	51,5		
1831	C31831	Nguyễn Trần Gia Khánh	25/6/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Chuyên Sơn Tây		57	57		
1832	C31832	Nguyễn Minh Khuê	19/12/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		41,5	41,5		
1833	C31833	Phạm Trung Kiên	08/10/1996	Nam	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		60	60		
1834	C31834	Vũ Trung Kiên	24/12/2001	Nam	Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông		75,5	75,5		
1835	C31835	Nguyễn Hải Lâm	01/7/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Đỉnh	THPT Mỹ Đình		59,5	59,5		
1836	C31836	Lê Thị Hương Lan	04/8/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ			57	57		
1837	C31837	Lê Thị Lan	26/10/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Thăng Long	THPT Nguyễn Gia Thiều		67	67	Trúng tuyển NV1	
1838	C31838	Lý Hoàng Lan	10/7/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương	5	50,5	55,5		
1839	C31839	Ngô Thị Phương Lan	11/7/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Tự Lập		41,5	41,5		
1840	C31840	Nguyễn Thị Lan	20/10/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C	THPT Xuân Phương		31,5	31,5		
1841	C31841	Nguyễn Thị Lan	16/9/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Thường Tín		37	37		
1842	C31842	Nguyễn Thị Ngọc Lan	23/09/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Khương Đình	THPT Việt Đức		46,5	46,5		
1843	C31843	Nguyễn Thị Lê	03/3/1984	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngọc Hồi	THPT Đông Mỹ		40	40		
1844	C31844	Nguyễn Thị Lệ	08/8/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		51	51		
1845	C31845	Phạm Thị Nhật Lệ	03/4/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		47,5	47,5		
1846	C31846	Vũ Tuyết Lệ	01/10/1986	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Ngô Thì Nhậm		53,5	53,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1847	C31847	Lưu Thị Thảo Liên	10/10/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Xuân Giang		52,5	52,5		
1848	C31848	Đặng Ngọc Linh	04/3/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Nguyễn Văn Trỗi		54	54		
1849	C31849	Đào Hồng Linh	20/02/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Phúc Lợi		33	33		
1850	C31850	Đỗ Phương Linh	15/6/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Xuân Phương		61,5	61,5		
1851	C31851	Đỗ Thị Khánh Linh	08/10/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Dương Xá	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		60,5	60,5		
1852	C31852	Dương Thị Thuỳ Linh	05/5/1999	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ			67	67	Trúng tuyển NV1	
1853	C31853	Hà Yến Linh	10/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Thạch Bàn		59,5	59,5		
1854	C31854	Hoàng Mỹ Linh	04/10/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		50	50		
1855	C31855	Hoàng Thị Phương Linh	12/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		47	47		
1856	C31856	Lại Đức Linh	11/8/1998	Nam	Tiếng Anh	THPT Xuân Đỉnh	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
1857	C31857	Lê Thuỳ Linh	01/01/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		61,5	61,5		
1858	C31858	Ngô Phương Linh	06/10/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Việt Đức	THPT Khương Đình		61	61		
1859	C31859	Ngô Thị Ngọc Linh	20/09/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		50	50		
1860	C31860	Ngô Thị Thuỳ Linh	12/7/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
1861	C31861	Ngô Thùy Linh	14/12/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Việt Đức	TH, THCS và THPT Khương Hạ		65	65		
1862	C31862	Nguyễn Diệu Linh	16/12/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nhân Chính	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		58	58		
1863	C31863	Nguyễn Diệu Linh	29/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Đỉnh		75,5	75,5	Trúng tuyển NV1	
1864	C31864	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	12/7/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		71,5	71,5	Trúng tuyển NV1	
1865	C31865	Nguyễn Khánh Linh	16/05/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thanh Oai B	THPT Nhân Chính		72	72	Trúng tuyển NV1	
1866	C31866	Nguyễn Khánh Linh	08/01/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Việt Đức	THPT Chuyên Chu Văn An		61,5	61,5		
1867	C31867	Nguyễn Khánh Linh	10/12/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Yên Viên	THPT Đông Anh		54	54		
1868	C31868	Nguyễn Thảo Linh	19/09/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		65	65	Trúng tuyển NV1	
1869	C31869	Nguyễn Thị Khánh Linh	21/02/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Lương Sơn			50,5	50,5	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
1870	C31870	Nguyễn Thị Linh	22/6/1989	Nữ	Tiếng Anh		THPT Nguyễn Văn Trỗi		37,5	37,5		Không xét Trường NV1
1871	C31871	Nguyễn Thị Linh	15/7/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		68,5	68,5		
1872	C31872	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	27/03/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		53,5	53,5		
1873	C31873	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/6/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		44	44		
1874	C31874	Nguyễn Thùy Linh	01/01/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Bắc Lương Sơn		63	63		
1875	C31875	Nguyễn Trà Linh	23/3/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Lý Thường Kiệt		74	74	Trúng tuyển NV1	
1876	C31876	Phạm Mỹ Linh	07/4/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		57	57		
1877	C31877	Phùng Thị Khánh Linh	30/4/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Ba Vì		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
1878	C31878	Tô Thị Khánh Linh	09/6/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Đông Mỹ		42,5	42,5		
1879	C31879	Trần Thị Ngọc Linh	26/6/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		37,5	37,5		
1880	C31880	Vũ Tuyết Linh	31/5/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Việt Đức		51,5	51,5		
1881	C31881	Vương Diệu Linh	27/6/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Quang Trung - Hà Đông		59,5	59,5		
1882	C31882	Hoàng Ngọc Linh	09/5/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Minh Hà	5	46	51		
1883	C31883	Lê Ngọc Phương Linh	25/2/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đại Mỗ		55,5	55,5		
1884	C31884	Dương Thị Loan	17/8/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đại Mỗ		61,5	61,5		
1885	C31885	Lê Thanh Loan	20/11/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Mỹ Đình		35,5	35,5		
1886	C31886	Phạm Thị Thanh Loan	02/5/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		63,5	63,5		
1887	C31887	Tống Thị Kim Loan	17/11/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Đông Mỹ	5	55,5	60,5	Trúng tuyển NV1	
1888	C31888	Nguyễn Thi Lộc	27/12/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Bắc Lương Sơn	5.0	31			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1889	C31889	Nguyễn Thị Lợi	13/6/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		67	67	Trúng tuyển NV1	
1890	C31890	Nguyễn Thị Lụa	30/4/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		58	58		
1891	C31891	Phạm Thị Lụa	25/01/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		53	53		
1892	C31892	Tạ Thị Lụa	05/8/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Xuân Giang		42,5	42,5		
1893	C31893	Lê Thị Lừng	15/9/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		43	43		
1894	C31894	Mạc Thị Lương	23/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Mỹ Đình		53	53		
1895	C31895	Nguyễn Thị Lương	15/7/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		52	52		
1896	C31896	Nguyễn Thị Luyến	10/01/1981	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		39	39		
1897	C31897	Vũ Thị Hồng Luyến	15/7/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Xuân Đỉnh		71,5	71,5	Trúng tuyển NV1	
1898	C31898	Hà Thị Hương Ly	22/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		51,5	51,5		
1899	C31899	Lưu Thị Xuân Ly	09/8/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		62	62	Trúng tuyển NV1	
1900	C31900	Nguyễn Ánh Khánh Ly	07/8/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Xuân Giang		68	68		
1901	C31901	Nguyễn Hồng Ly	29/05/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Mỹ Đình		66	66		
1902	C31902	Nguyễn Khánh Ly	04/5/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Dương Xá	THPT Phúc Lợi		46	46		
1903	C31903	Nguyễn Thị Hoài Ly	16/01/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Hồng Thái		44	44		
1904	C31904	Quách Phương Ly	08/11/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Hoài Đức C		55,5	55,5		
1905	C31905	Bùi Ngọc Mai	01/8/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đại Mỗ		56	56		
1906	C31906	Bùi Thị Ngọc Mai	01/6/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Thạch Bàn		45	45		
1907	C31907	Đồng Phương Mai	12/12/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Quang Trung - Hà Đông		58	58		
1908	C31908	Lê Thị Thanh Mai	15/7/1979	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Đông		50	50		
1909	C31909	Nguyễn Hoàng Hiền Mai	15/6/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Hoài Đức C		38	38		
1910	C31910	Nguyễn Thị Phương Mai	08/01/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		45,5	45,5		
1911	C31911	Phạm Quỳnh Mai	04/4/1991	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ			36,5	36,5		
1912	C31912	Phạm Thị Ngọc Mai	28/02/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đông Mỹ		62	62		
1913	C31913	Phạm Thị Thanh Mai	31/7/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông		51	51		
1914	C31914	Phan Ngọc Mai	12/11/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thượng Cát		50	50		
1915	C31915	Cấn Văn Mạnh	25/8/1988	Nam	Tiếng Anh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Ba Vì		28	28		
1916	C31916	Phạm Thị Mến	29/6/1992	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Khương Đình		50	50		
1917	C31917	Bùi Tuyết Minh	28/4/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chúc Động	THPT Nguyễn Văn Trỗi		54	54		
1918	C31918	Cù Hoàng Thảo Minh	26/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Vân Nội	THPT Bắc Thăng Long		55	55		
1919	C31919	Lê Hồng Minh	08/4/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		79	79	Trúng tuyển NV1	
1920	C31920	Nguyễn Ngọc Minh	19/11/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nhân Chính	THPT Phúc Lợi		58	58		
1921	C31921	Nguyễn Thị Hồng Minh	08/7/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngọc Tảo	THPT Đan Phượng		58	58		
1922	C31922	Nguyễn Thị Minh	04/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
1923	C31923	Nguyễn Thị Minh	24/8/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Thượng Cát		Bỏ thi			
1924	C31924	Nguyễn Thị Quỳnh Minh	30/4/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		50	50		
1925	C31925	Phạm Thị Minh	04/1/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tự Lập	THPT Tiền Thịnh		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
1926	C31926	Phùng Thị Kiều Minh	18/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Thọ	THPT Minh Hà		81	81	Trúng tuyển NV1	
1927	C31927	Tạ Thị Nguyệt Minh	15/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		57	57		
1928	C31928	Trần Đức Minh	30/10/2002	Nam	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		66	66		
1929	C31929	Trần Thị Minh	01/12/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		55	55		
1930	C31930	Vũ Nguyệt Minh	03/6/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		54,5	54,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1931	C31931	Hoàng Thị Hoài Mơ	08/7/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Tự Lập		53	53		
1932	C31932	Nguyễn Thị Mơ	01/9/1985	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tự Lập	THPT Tiền Thịnh		50	50	Trúng tuyển NV2	
1933	C31933	Võ Thị Hằng Mơ	19/9/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		72	72		
1934	C31934	Nguyễn Thị Mong	22/4/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		50	50		
1935	C31935	Nguyễn Thị Mừng	12/11/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thượng Cát	THPT Tân Lập		55	55		
1936	C31936	Đoàn Thị Trà My	22/5/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tân Lập	THPT Xuân Phương		61,5	61,5		
1937	C31937	Lê Hà My	19/08/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Bắc Lương Sơn		50	50		
1938	C31938	Lê Trà My	05/04/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Tân Lập		Bỏ thi			
1939	C31939	Lê Vũ Hải My	30/9/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Phúc Lợi		63,5	63,5	Trúng tuyển NV1	
1940	C31940	Nguyễn Hà My	20/9/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nhân Chính	THPT Mỹ Đình		52,5	52,5		
1941	C31941	Nguyễn Thị My	17/6/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Lý Thường Kiệt		52	52		
1942	C31942	Nhâm Hà My	24/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		35,5	35,5		
1943	C31943	Phan Nguyễn Trà My	07/02/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		57,5	57,5		
1944	C31944	Trần Thị Mỹ	26/9/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thường Tín		47	47		
1945	C31945	Nguyễn Thị Hải My	27/10/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tự Lập	THPT Tiền Thịnh		38	38		
1946	C31946	Hoàng Thị Lê Na	12/10/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngọc Hồi	THPT Thạch Bàn		Bỏ thi			
1947	C31947	Bùi Quỳnh Nga	22/01/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		60	60		
1948	C31948	Bùi Thị Thanh Nga	20/3/1986	Nữ	Tiếng Anh	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		53,5	53,5		
1949	C31949	Doãn Thị Nga	21/5/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ba Vì	THPT Minh Hà		42,5	42,5		
1950	C31950	Kiều Thị Nga	13/6/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Đông Anh		51	51		
1951	C31951	Lê Thị Thanh Nga	31/5/1983	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn	THPT Cao Bá Quát		49,5	49,5		
1952	C31952	Lê Thị Thanh Nga	05/9/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chúc Động	THPT Nguyễn Văn Trỗi		54	54	Trúng tuyển NV1	
1953	C31953	Nguyễn Hằng Nga	29/4/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		Bỏ thi			
1954	C31954	Nguyễn Phương Nga	02/7/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Dương Xá	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		51,5	51,5		
1955	C31955	Nguyễn Thị Phương Nga	23/4/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tân Lập	THPT Thọ Xuân		50,5	50,5		
1956	C31956	Bùi Ngọc Tố Ngân	06/5/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		55,5	55,5		
1957	C31957	Nguyễn Thị Ngân	26/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Liên Hà	THPT Đông Anh		60	60		
1958	C31958	Phạm Thị Ngân	04/6/1987	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		54	54		
1959	C31959	Phan Thị Thu Ngân	19/9/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ba Vì	THPT Bất bạt		54,5	54,5		
1960	C31960	Trịnh Kim Ngân	09/10/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C	THPT Tân Lập		56,5	56,5		
1961	C31961	Đỗ Thị Ngoan	04/10/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi			51	51		Không xét trường NV2
1962	C31962	Đinh Phan Như Ngọc	21/5/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ	5	54	59		
1963	C31963	Lê Thị Bích Ngọc	14/10/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Ứng Hòa A		37	37		
1964	C31964	Nghiêm Hồng Ngọc	18/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		41,5	41,5		
1965	C31965	Nguyễn Ánh Ngọc	05/8/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		46	46		
1966	C31966	Nguyễn Diệp Ngọc	24/12/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		Bỏ thi			
1967	C31967	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/9/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
1968	C31968	Nguyễn Thị Bích Ngọc	03/10/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Thọ	THPT Ngọc Tảo		54	54		
1969	C31969	Nguyễn Thị Hải Ngọc	26/01/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		58	58		
1970	C31970	Nguyễn Thị Ngọc	11/02/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tân Lập	THPT Thọ Xuân		55,5	55,5		
1971	C31971	Nguyễn Thị Ngọc	02/10/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		65,5	65,5		
1972	C31972	Vũ Thị Hồng Ngọc	27/11/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Nhân Chính		79	79	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1973	C31973	Phạm Hồng Ngọc	10/11/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Ngọc Hồi		59	59		
1974	C31974	Phạm Thảo Nguyên	19/02/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		61	61		
1975	C31975	Bùi Thị Nguyệt	05/5/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Thọ	THPT Ngọc Tảo		51,5	51,5		
1976	C31976	Đỗ Minh Nguyệt	30/8/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Đông Anh		50	50		
1977	C31977	Nguyễn Minh Nguyệt	30/8/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ			44	44		Không xét trường NV2
1978	C31978	Nguyễn Thị Nguyệt	29/09/1983	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngô Thì Nhậm	TH, THCS và THPT Khương Hạ	5	61	66		
1979	C31979	Nguyễn Thị Thanh Nhã	05/02/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Liên Hà	THPT Đông Anh		33,5	33,5		
1980	C31980	Hồ Quý Nhân	05/12/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		72	72		
1981	C31981	Đinh Thị Nhất	05/5/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B	5	50	55		
1982	C31982	Bùi Hà Nhi	10/12/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		71	71	Trúng tuyển NV1	
1983	C31983	Cao Ngọc Yến Nhi	02/02/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		38	38		
1984	C31984	Cao Thị Yến Nhi	19/02/2002	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
1985	C31985	Đặng Thị Tú Nhi	12/5/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chương Mỹ B	THPT Chúc Động		69	69	Trúng tuyển NV1	
1986	C31986	Lê Nguyễn Yến Nhi	20/11/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn	THPT Đông Mỹ		Bỏ thi			
1987	C31987	Nguyễn Thị Yến Nhi	21/7/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C	THPT Đại Mỗ		74	74	Trúng tuyển NV1	
1988	C31988	Cao Thị Yến Như	17/3/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Liên Hà		52,5	52,5		
1989	C31989	Kim Thi Hồng Nhung	17/9/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Mỹ Đình		45,5	45,5		
1990	C31990	Ngô Thị Nhung	19/7/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ba Vì	THPT Đại Cường		50,5	50,5		
1991	C31991	Nguyễn Hồng Nhung	26/02/1984	Nữ	Tiếng Anh	THPT Việt Đức	THPT Phúc Lợi		37	37		
1992	C31992	Nguyễn Hồng Nhung	20/8/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		Bỏ thi			
1993	C31993	Nguyễn Hồng Nhung	06/7/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đan Phượng	THPT Tân Lập		62	62	Trúng tuyển NV1	
1994	C31994	Nguyễn Hồng Nhung	12/10/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Việt Đức	THPT Mỹ Đình		58	58		
1995	C31995	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/8/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		57	57		
1996	C31996	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/01/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
1997	C31997	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/5/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		52,5	52,5		
1998	C31998	Nguyễn Thị Nhung	25/09/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Đông Mỹ		58,5	58,5		
1999	C31999	Phạm Mai Nhung	28/12/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Lý Thường Kiệt		47	47		
2000	C32000	Phạm Thị Hồng Nhung	01/4/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ	5	55	60		
2001	C32001	Trịnh Thị Ninh	04/8/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		50	50		
2002	C32002	Vũ Thị Ninh	09/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		69,5	69,5		
2003	C32003	Nguyễn Thị Nội	28/10/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Giang	THPT Minh Phú		56	56		
2004	C32004	Lê Thị Nu	30/10/1987	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông		Bỏ thi			
2005	C32005	Nguyễn Thị Kim Oanh	19/11/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn	5	35	40		
2006	C32006	Trương Công Phúc	05/8/2003	Nam	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Ba Vì		52,5	52,5		
2007	C32007	Đặng Trần Khánh Phương	18/3/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		30	30		
2008	C32008	Đào Thị Phương	28/7/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		64,5	64,5		
2009	C32009	Lê Thị Bích Phương	19/8/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nhân Chính	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		40	40		
2010	C32010	Lê Thị Hồng Phương	01/02/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Việt Đức	THPT Nguyễn Gia Thiều		70	70	Trúng tuyển NV1	
2011	C32011	Lê Thị Phương	09/7/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		54	54		
2012	C32012	Ngô Minh Phương	04/11/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Mỹ Đình		65	65		
2013	C32013	Nguyễn Lan Phương	20/12/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông		78,5	78,5	Trúng tuyển NV1	
2014	C32014	Nguyễn Thị Bích Phương	07/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Thăng Long	THPT Ba Vì		60	60		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2015	C32015	Nguyễn Thị Bích Phương	01/7/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		51	51		
2016	C32016	Nguyễn Thị Kim Phương	20/8/1987	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tân Lập	THPT Thượng Cát		76	76	Trúng tuyển NV1	
2017	C32017	Nguyễn Thị Minh Phương	11/10/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tân Lập	THPT Thọ Xuân		41	41		
2018	C32018	Nguyễn Thị Thanh Phương	02/01/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Yên Viên		73	73	Trúng tuyển NV1	
2019	C32019	Nguyễn Thị Thu Phương	08/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Ngọc Tảo		54,5	54,5		
2020	C32020	Nguyễn Thu Phương	25/7/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đồng Mỹ	THPT Thường Tín		60	60		
2021	C32021	Phạm Thị Mai Phương	02/9/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		38	38		
2022	C32022	Phan Vi Phương	16/11/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đồng Mỹ	THPT Thường Tín		67	67	Trúng tuyển NV1	
2023	C32023	Phùng Thanh Phương	14/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Thạch Bàn	5	40,5	45,5		
2024	C32024	Phùng Thị Minh Phương	20/3/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bất Bạt	THPT Ba Vì		41,5	41,5		
2025	C32025	Vũ Lan Phương	14/01/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		56,5	56,5		
2026	C32026	Vũ Mai Phương	30/8/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Cường	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		46	46		
2027	C32027	Nguyễn Thị Mai Phương	17/6/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		52	52		
2028	C32028	Phạm Mai Phương	19/5/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		61	61		
2029	C32029	Chu Thị Phượng	14/6/1986	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ba Vì	THPT Bất Bạt	5	52,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
2030	C32030	Lê Thị Bích Phương	17/5/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bất Bạt	THPT Tân Lập		52	52		
2031	C32031	Ngô Hồng Phượng	15/8/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		52,5	52,5		
2032	C32032	Phan Thị Phượng	07/3/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		40	40		
2033	C32033	Trần Thị Minh Phượng	21/6/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Phúc Lợi		48	48		
2034	C32034	Trần Thu Phượng	16/8/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đồng Mỹ	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		56	56		
2035	C32035	Hoàng Anh Quang	07/4/2000	Nam	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		42,5	42,5		
2036	C32036	Trần Thị Tố Quyên	04/08/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		37	37		
2037	C32037	Dương Thị Mỹ Quỳnh	11/12/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Thường Tín		74	74	Trúng tuyển NV1	
2038	C32038	Hà Thị Quỳnh	27/6/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Quang Trung - Hà Đông		Bỏ thi			
2039	C32039	Ngô Thị Quỳnh	28/5/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Hoài Đức C		58	58		
2040	C32040	Nguyễn Phương Quỳnh	19/12/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Anh		59	59		
2041	C32041	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	27/5/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		62	62		
2042	C32042	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	19/01/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bất Bạt	THPT Ba Vì		50,5	50,5		
2043	C32043	Nguyễn Thị Như Quỳnh	07/9/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		52,5	52,5		
2044	C32044	Nguyễn Thị Quỳnh	11/8/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		53,5	53,5		
2045	C32045	Trần Thuý Quỳnh	23/3/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đồng Mỹ	THPT Thường Tín		Bỏ thi			
2046	C32046	Đào Thị Sáng	06/4/1985	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		52	52		
2047	C32047	Nguyễn Mai Sao	30/01/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Thanh Oai B		41,5	41,5		
2048	C32048	Bùi Thị Sơn	13/11/1977	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		23	23		
2049	C32049	Dương Thị Tâm	16/11/2002	nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		74	74		
2050	C32050	Ngô Hoàng Tâm	01/6/2002	Nam	Tiếng Anh	THPT Dương Xá	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		53	53		
2051	C32051	Nguyễn Thị Tâm	24/11/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Ứng Hòa A		51,5	51,5		
2052	C32052	Trần Thị Thanh Tâm	22/4/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		40,5	40,5		
2053	C32053	Hoàng Cao Thắng	27/9/1980	Nam	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		38,5	38,5		
2054	C32054	Nguyễn Duy Thắng	16/06/1995	Nam	Tiếng Anh	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Mỹ Đình		25	25		
2055	C32055	Nguyễn Thị Thanh	12/7/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hợp Thanh		45	45		
2056	C32056	Trần Phương Thanh	07/01/1987	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2057	C32057	Vũ Thị Thanh	17/6/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
2058	C32058	Nguyễn Đức Thành	19/02/1997	Nam	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		66	66		
2059	C32059	Nguyễn Thị Minh Thành	24/6/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Thường Tín		50	50		
2060	C32060	Trần Thị Thao	23/7/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		56	56		
2061	C32061	Vũ Thị Thanh Thao	29/10/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Cường			39	39		
2062	C32062	Bùi Phương Thảo	27/12/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		58	58		
2063	C32063	Bùi Phương Thảo	31/5/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tân Lập	THPT Thọ Xuân	5	52	57		
2064	C32064	Chu Thị Thảo	10/01/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Mỹ Đình		38,5	38,5		
2065	C32065	Đinh Thị Phương Thảo	31/10/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Ba Vì	5	58	63		
2066	C32066	Đỗ Phương Thảo	18/8/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		52	52		
2067	C32067	Khuất Thu Thảo	23/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngọc Tảo	THPT Thọ Xuân		40	40		
2068	C32068	Lê Nguyễn Thanh Thảo	05/12/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		Bỏ thi			
2069	C32069	Lê Phương Thảo	24/5/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bất Bạt	THPT Ba Vì		50	50		
2070	C32070	Lục Thị Phương Thảo	29/4/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Tân Lập	5	39	44		
2071	C32071	Nguyễn Phương Thảo	11/02/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Phúc Lợi		65	65	Trúng tuyển NV1	
2072	C32072	Nguyễn Phương Thảo	16/7/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Phúc Thọ		53	53		
2073	C32073	Nguyễn Phương Thảo	24/9/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		Bỏ thi			
2074	C32074	Nguyễn Thạch Thảo	03/12/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Cường	THPT Lưu Hoàng		41,5	41,5		
2075	C32075	Nguyễn Thị Phương Thảo	14/9/2002	Nữ	Tiếng Anh		THPT Minh Hà		37,5	37,5		Không xét trường NV1
2076	C32076	Nguyễn Thị Phương Thảo	03/11/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh			46	46		
2077	C32077	Nguyễn Thị Thanh Thảo	11/6/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Đỉnh	THPT Mỹ Đình		64	64	Trúng tuyển NV1	
2078	C32078	Nguyễn Thị Thảo	10/06/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
2079	C32079	Nguyễn Thị Thảo	07/11/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Giang	THPT Minh Phú		73	73	Trúng tuyển NV1	
2080	C32080	Nguyễn Thị Thảo	21/9/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		40,5	40,5		
2081	C32081	Nguyễn Thu Thảo	02/12/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		51	51		
2082	C32082	Nguyễn Vân Thảo	26/03/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		63	63		
2083	C32083	Trần Minh Thảo	23/06/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		81	81	Trúng tuyển NV1	
2084	C32084	Tuấn Thị Thảo	16/01/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		56,5	56,5	Trúng tuyển NV1	
2085	C32085	Đỗ Thị Thơ	12/11/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ứng Hòa A	THPT Hợp Thanh		37	37		
2086	C32086	Ngô Anh Thơ	08/3/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		60,5	60,5		
2087	C32087	Nguyễn Đức Thọ	27/4/1998	Nam	Tiếng Anh	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Quang Trung - Hà Đông		73	73	Trúng tuyển NV1	
2088	C32088	Phạm Thị Thoa	27/7/1985	Nữ	Tiếng Anh	THPT Bắc Thăng Long			54	54		
2089	C32089	Đinh Thị Thơm	01/5/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Liên Hà		Bỏ thi			
2090	C32090	Nguyễn Thị Thu Thơm	25/5/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Liên Hà		60	60		
2091	C32091	Đỗ Thị Thu	04/02/1986	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		76	76		
2092	C32092	Đỗ Thị Thu	20/4/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		54	54		
2093	C32093	Nguyễn Hà Thu	07/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		59	59		
2094	C32094	Nguyễn Thị Minh Thu	28/9/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Chuyên Chu Văn An		51	51		
2095	C32095	Phạm Thị Thu	02/3/1987	Nữ	Tiếng Anh	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Thanh Oai B		53	53		
2096	C32096	Phạm Trang Thu	08/9/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		61	61		
2097	C32097	Trần Minh Thu	27/11/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		47,5	47,5		
2098	C32098	Hoàng Anh Thư	08/01/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương	5	62,5	67,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2099	C32099	Nguyễn Thị Thư	14/4/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đồng Mỹ	THPT Ngọc Hồi		66,5	66,5	Trúng tuyển NV1	
2100	C32100	Lê Phan Trinh Thục	16/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		80,5	80,5	Trúng tuyển NV1	
2101	C32101	Hoàng Thị Thương	30/10/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thượng Cát	THPT Mỹ Đình		64	64	Trúng tuyển NV1	
2102	C32102	Nguyễn Thị Hoài Thương	27/3/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		54	54		
2103	C32103	Nguyễn Thị Thuý	05/10/1985	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Giang	THPT Minh Phú		46	46		
2104	C32104	Nguyễn Thị Thuý	13/11/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		66,5	66,5	Trúng tuyển NV1	
2105	C32105	Nông Hồng Thuý	26/9/1985	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	5	26,5	31,5		
2106	C32106	Đoàn Thị Phương Thuỳ	23/7/1987	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngọc Hồi	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		43	43		
2107	C32107	Phùng Minh Thuỳ	20/3/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		43,5	43,5		
2108	C32108	Doãn Thị Thu Thuỷ	30/9/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C			28,5	28,5		Không xét trường NV2
2109	C32109	Hoàng Thị Thuỷ	03/11/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		39	39		
2110	C32110	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	26/01/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		83	83		
2111	C32111	Nguyễn Thu Thuỷ	16/8/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai			70	70	Trúng tuyển NV1	
2112	C32112	Nguyễn Thu Thuỷ	31/7/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		45	45		
2113	C32113	Trần Nguyễn Thu Thuỷ	24/9/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Ba Vì		27	27		
2114	C32114	Nguyễn Diệu Thúy	27/10/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Giang	THPT Minh Phú		43	43		
2115	C32115	Nguyễn Thị Phương Thúy	14/12/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Cường	THPT Ứng Hòa A		35	35		
2116	C32116	Phan Thị Thanh Thúy	04/6/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		58	58		
2117	C32117	Phùng Thị Thu Thúy	29/8/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		69	69	Trúng tuyển NV1	
2118	C32118	Lê Thu Thủy	18/5/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đồng Mỹ			Bỏ thi			
2119	C32119	Nguyễn Thị Thủy	16/8/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
2120	C32120	Nguyễn Thị Thủy	11/5/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thanh Oai B	THPT Mỹ Đình		61,5	61,5		
2121	C32121	Nguyễn Thị Thủy	27/2/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lưu Hoàng	THPT Ứng Hòa A		54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	
2122	C32122	Nguyễn Thu Thủy	17/9/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		68	68	Trúng tuyển NV1	
2123	C32123	Trần Thu Thủy	19/10/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nhân Chính	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		61,5	61,5	Trúng tuyển NV1	
2124	C32124	Vũ Thị Thanh Thủy	20/12/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Lưu Hoàng		62	62		
2125	C32125	Khuất Thị Kiều Tiên	07/10/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		70,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
2126	C32126	Nguyễn Thị Thủy Tiên	18/7/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà		63	63	Trúng tuyển NV1	
2127	C32127	Trần Thuỷ Tiên	15/6/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		45	45		
2128	C32128	Lê Thị Toan	15/10/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Đồng Mỹ		49	49		
2129	C32129	Nguyễn Thảo Trà	01/7/1991	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nhân Chính	THPT Thạch Bàn		44	44		
2130	C32130	Nguyễn Thị Thu Trà	20/4/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Khương Đình	THPT Lý Thường Kiệt		47	47		
2131	C32131	Trần Thanh Trà	04/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Phúc Lợi	5	77	82	Trúng tuyển NV1	
2132	C32132	Bùi Ngọc Trâm	05/3/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		68,5	68,5		
2133	C32133	Lê Thị Hồng Trâm	15/12/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ứng Hòa A	THPT Lưu Hoàng		63,5	63,5	Trúng tuyển NV1	
2134	C32134	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	08/5/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		69	69	Trúng tuyển NV1	
2135	C32135	Bùi Huyền Trang	04/6/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Lý Thường Kiệt		84	84	Trúng tuyển NV1	
2136	C32136	Bùi Quỳnh Trang	20/01/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Nhân Chính		83	83	Trúng tuyển NV1	
2137	C32137	Bùi Thị Trang	10/01/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tân Lập	THPT Thọ Xuân		33	33		
2138	C32138	Chử Thu Trang	18/8/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		62,5	62,5		
2139	C32139	Đặng Thị Huyền Trang	29/10/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ba Vì	THPT Bất Bạt		43	43		
2140	C32140	Đào Linh Trang	18/10/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Ngô Thì Nhậm		50,5	50,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2141	C32141	Đinh Thị Thao Trang	01/10/2003	nữ	Tiếng Anh		THPT Đông Mỹ		42,5	42,5		Không xét Trường NV1
2142	C32142	Dương Thu Trang	15/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thường Tín	THPT Quang Trung - Hà Đông		44,5	44,5		
2143	C32143	Hà Thị Thu Trang	02/01/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Tân Lập		57,5	57,5		
2144	C32144	Hoàng Thanh Trang	18/5/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		63	63		
2145	C32145	Hoàng Thị Trang	31/8/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		63,5	63,5		
2146	C32146	Hoàng Thu Trang	01/10/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Thượng Cát		68	68		
2147	C32147	Hoàng Văn Trang	18/02/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		54	54		
2148	C32148	Lê Thị Huyền Trang	18/5/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		44,5	44,5		
2149	C32149	Lê Thị Thảo Trang	22/11/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		52,5	52,5		
2150	C32150	Lê Thị Thùy Trang	16/02/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Đại Mỗ		56	56		
2151	C32151	Mai Thị Thu Trang	14/12/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Thanh Oai B		50,5	50,5	Trúng tuyển NV1	
2152	C32152	Ngô Huyền Trang	25/9/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		53	53		
2153	C32153	Ngô Thị Huyền Trang	13/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Đông Mỹ		38	38		
2154	C32154	Nguyễn Mai Trang	14/6/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Nguyễn Gia Thiều		38,5	38,5		
2155	C32155	Nguyễn Quỳnh Trang	28/4/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		65,5	65,5		
2156	C32156	Nguyễn Thảo Trang	22/02/2000	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2157	C32157	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/5/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Thường Tín		54,5	54,5		
2158	C32158	Nguyễn Thị Huyền Trang	17/10/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đông Anh	THPT Tự Lập		62,5	62,5	Trúng tuyển NV1	
2159	C32159	Nguyễn Thị Kiều Trang	01/12/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		52	52		
2160	C32160	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	06/7/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		46,5	46,5		
2161	C32161	Nguyễn Thị Thùy Trang	09/4/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thanh Oai B	THPT Thường Tín		40	40		
2162	C32162	Nguyễn Thị Trang	12/02/1990	Nữ	Tiếng Anh		THPT Đông Mỹ		Bỏ thi			Không xét Trường NV1
2163	C32163	Nguyễn Thị Trang	01/9/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		60	60		
2164	C32164	Nguyễn Thị Trang	17/12/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		64,5	64,5		
2165	C32165	Nguyễn Thị Trang	04/8/1983	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		53,5	53,5		
2166	C32166	Nguyễn Thị Trang	27/02/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		67,5	67,5	Trúng tuyển NV1	
2167	C32167	Nguyễn Thu Trang	24/10/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Dương Xá	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		70	70	Trúng tuyển NV1	
2168	C32168	Nguyễn Thu Trang	28/8/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Phú	THPT Đông Anh		73	73	Trúng tuyển NV1	
2169	C32169	Nguyễn Thùy Trang	27/8/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lưu Hoàng	THPT Hợp Thanh		51,5	51,5	Trúng tuyển NV2	
2170	C32170	Phạm Mai Linh Trang	15/10/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
2171	C32171	Phạm Thị Huyền Trang	08/02/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		43,5	43,5		
2172	C32172	Phạm Thu Trang	28/5/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Cường	THPT Lưu Hoàng		46,5	46,5		
2173	C32173	Phạm Thu Trang	24/02/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Tân Lập	THPT Mỹ Đình		56	56		
2174	C32174	Trần Huyền Trang	26/5/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		60,5	60,5		
2175	C32175	Trần Thị Thu Trang	17/9/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		51,5	51,5		
2176	C32176	Trần Thị Trang	02/9/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Hồng Thái		40	40		
2177	C32177	Trần Thu Trang	05/8/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		43,5	43,5		
2178	C32178	Nguyễn Thị Trang	29/8/1989	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ba Vì	THPT Bất Bạt		56	56		
2179	C32179	Trần Thu Trang	10/9/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Nhân Chính		52	52		
2180	C32180	Nguyễn Phương Trinh	10/12/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Quang Trung - Hà Đông		60,5	60,5		
2181	C32181	Nguyễn Thị Trinh	24/1/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50	50		
2182	C32182	Phùng Tú Trinh	12/8/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ba Vì	THPT Phúc Thọ		44,5	44,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2183	C32183	Nguyễn Thị Phương Trinh	03/11/2003	Nữ	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Lý Thường Kiệt		51,5	51,5		
2184	C32184	Trương Thanh Trúc	14/8/2001	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Khương Đình		33,5	33,5		
2185	C32185	Quan Nam Trường	02/07/2000	Nam	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi	5	66,5	71,5		
2186	C32186	Trần Văn Trường	09/6/1988	Nam	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		57,5	57,5		
2187	C32187	Nguyễn Cẩm Tú	28/01/1998	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Mỹ Đình		33,5	33,5		
2188	C32188	Nguyễn Thị Cẩm Tú	20/01/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		56,5	56,5		
2189	C32189	Vũ Minh Tuấn	30/7/1998	Nam	Tiếng Anh	THPT Tây Hồ	THPT Đại Mỗ		52	52		
2190	C32190	Nguyễn Thanh Tùng	06/11/2001	Nam	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Thạch Bàn		83	83		
2191	C32191	Phạm Xuân Tùng	16/8/1998	nam	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn	THPT Xuân Phương		62,5	62,5		
2192	C32192	Trần Văn Tùng	16/6/1993	Nam	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		64,5	64,5		
2193	C32193	Đào Thị Tuyên	05/3/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi	THPT Dương Xá		61	61		
2194	C32194	Nguyễn Thị Tuyết	16/4/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Dương Xá	THPT Ngọc Tảo		51	51		
2195	C32195	Lê Thị Tố Uyên	07/8/1993	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		50	50		
2196	C32196	Nguyễn Thị Tố Uyên	25/9/1983	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		37	37		
2197	C32197	Đỗ Hải Vân	26/4/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		61	61		
2198	C32198	Giang Hồng Vân	09/06/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
2199	C32199	Hàn Thị Vân	17/8/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
2200	C32200	Hoàng Thị Bích Vân	12/10/1990	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		75,5	75,5		
2201	C32201	Hoàng Thị Vân	05/10/1989	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ		5	50,5	55,5		
2202	C32202	Nguyễn Khánh Vân	25/7/1990	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		46,5	46,5		
2203	C32203	Nguyễn Thị Vân	01/6/1996	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Quang Trung - Hà Đông		53	53		
2204	C32204	Tạ Thị Hồng Vân	31/5/1992	Nữ	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
2205	C32205	Dương Thị Vi	12/10/1999	Nữ	Tiếng Anh	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Đại Mỗ		52,5	52,5	Trúng tuyển NV1	
2206	C32206	Vũ Thị Tường Vi	02/10/2000	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
2207	C32207	Trần Tuấn Việt	06/5/2003	Nam	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		46,5	46,5		
2208	C32208	Nguyễn Hữu Vinh	10/5/1983	Nam	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		34	34		
2209	C32209	Nguyễn Thị Vui	25/4/1995	Nữ	Tiếng Anh	THPT Hợp Thanh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		31	31		
2210	C32210	Hà Phan Tường Vi	09/8/2002	Nữ	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Mỹ Đình		37	37		
2211	C32211	Nguyễn Thị Thanh Xuân	29/4/1988	Nữ	Tiếng Anh	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Thọ Xuân		55	55	Trúng tuyển NV1	
2212	C32212	Tạ Chiều Xuân	20/02/1996	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Đỉnh	THPT Mỹ Đình		58	58		
2213	C32213	Vũ Thị Ngân Xuyến	27/7/1997	Nữ	Tiếng Anh	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		53	53		
2214	C32214	Bùi Thị Yến	13/01/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Tân Lập		41	41		
2215	C32215	Hà Thị Hải Yến	25/01/2001	Nữ	Tiếng Anh	THPT Thọ Xuân	THPT Bắt Bạt		34	34		
2216	C32216	Lê Thị Hải Yến	12/01/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình		58	58		
2217	C32217	Nguyễn Hải Yến	27/01/2002	Nữ	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		44	44		
2218	C32218	Phan Thị Yến	17/4/1998	Nữ	Tiếng Anh	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Khương Đình		33	33		
2219	C32219	Phùng Thị Hải Yến	18/01/1994	Nữ	Tiếng Anh	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		51	51		
2220	C22220	Lưu Hoàng Anh	28/10/1996	Nam	Tiếng Anh - THCS	PTCS Nguyễn Đình Chiểu			65	65		
2221	C22221	Đỗ Bảo Trân	13/02/1996	Nữ	Tiếng Anh - THCS	PTCS Nguyễn Đình Chiểu			75	75	Trúng tuyển NV1	Không xét trượng NV2
2222	C32222	Trương Mai Phương	11/7/1996	Nữ	Tiếng Hàn	THPT Chuyên Chu Văn An			Bỏ thi			
2223	C32223	Nguyễn Phương Liên	21/6/2003	Nữ	Tiếng Nhật	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Việt Đức		45	45		
2224	C32224	Nguyễn Minh Hằng	04/10/1994	Nữ	Tiếng Pháp	THPT Chuyên Chu Văn An			48	48		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2225	C32225	Nguyễn Thị Minh Hạnh	29/6/2002	Nữ	Tiếng Pháp	THPT Chuyên Chu Văn An			Bỏ thi			
2226	C32226	Lương Thanh Hiền My	22/7/2003	Nữ	Tiếng Pháp	THPT Chuyên Chu Văn An			23	23		
2227	C32227	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	30/4/1999	Nữ	Tiếng Pháp	THPT Chuyên Chu Văn An			53	53	Trúng tuyển NV1	
2228	C32228	Nguyễn Thu Phương	25/6/1997	Nữ	Tiếng Pháp	THPT Chuyên Chu Văn An			40	40		
2229	C32229	Trần Minh Quân	20/10/2003	Nam	Tiếng Pháp	THPT Chuyên Chu Văn An			26	26		
2230	C32230	Bạch Thanh Trà	25/3/2003	Nữ	Tiếng Pháp	THPT Chuyên Chu Văn An			41	41		Không xét trường NV2
2231	C32231	Nguyễn Quỳnh Anh	13/9/1993	Nữ	Tiếng Trung	THPT Chuyên Chu Văn An			77	77	Trúng tuyển NV1	
2232	C32232	Trịnh Thị Thảo	13/02/1998	Nữ	Tiếng Trung	THPT Chuyên Chu Văn An			62	62		
2233	C32233	Nguyễn Thành An	10/12/2003	Nam	Tin học	THPT Xuân Đỉnh	THPT Tây Hồ		50	50	Trúng tuyển NV2	
2234	C32234	Lê Đức Anh	11/9/1994	Nam	Tin học	THPT Xuân Đỉnh	THPT Khương Đình		51	51		
2235	C32235	Nguyễn Vân Anh	22/11/1997	Nữ	Tin học	THPT Nguyễn Văn Trỗi			50,5	50,5	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
2236	C32236	Phạm Phương Anh	02/02/2003	Nữ	Tin học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		57	57	Trúng tuyển NV1	
2237	C32237	Phùng Vũ Hoàng Anh	01/7/2003	Nữ	Tin học	THPT Cầu Giấy	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		57	57	Trúng tuyển NV1	
2238	C32238	Nguyễn Ngọc Ánh	27/8/2002	Nữ	Tin học	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Hoài Đức C	5	55	60	Trúng tuyển NV1	
2239	C32239	Phạm Vũ Cầu	23/01/1988	Nam	Tin học	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Ngô Thì Nhậm	5	57	62	Trúng tuyển NV1	
2240	C32240	Nguyễn Võ Thị Mai Chi	08/8/2003	Nữ	Tin học	THPT Trần Nhân Tông	THPT Mỹ Đình		50	50	Trúng tuyển NV1	
2241	C32241	Nguyễn Tiến Cường	25/8/2001	Nam	Tin học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh		43,5	43,5		
2242	C32242	Nguyễn Tuấn Đạt	28/10/1987	Nam	Tin học	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		50	50		
2243	C32243	Lê Thị Dịu	18/9/2002	Nữ	Tin học	THPT Yên Hòa	THPT Phúc Lợi		34,5	34,5		
2244	C32244	Hoàng Như Độ	02/6/2003	Nữ	Tin học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		42,5	42,5		
2245	C32245	Nguyễn Việt Dũng	11/8/1991	Nam	Tin học	THPT Nhân Chính	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		51	51	Trúng tuyển NV1	
2246	C32246	Trần Thị Thùy Dương	05/11/2003	Nữ	Tin học	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Khương Đình		50,5	50,5		
2247	C32247	Phùng Đức Duy	02/10/2003	Nam	Tin học	THPT Việt Đức	THPT Trần Nhân Tông		50,5	50,5	Trúng tuyển NV1	
2248	C32248	Bùi Hương Giang	08/01/2002	Nữ	Tin học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Phúc Lợi		55,5	55,5	Trúng tuyển NV1	
2249	C32249	Nguyễn Ngọc Hương Giang	18/11/2003	Nữ	Tin học	THPT Tùng Thiện	THPT Ngọc Tảo		41,5	41,5		
2250	C32250	Nguyễn Thị Thu Hà	17/3/1988	Nữ	Tin học	THPT Tân Lập	THPT Thọ Xuân		53,5	53,5	Trúng tuyển NV2	
2251	C32251	Nguyễn Thị Thanh Hằng	16/12/1999	Nữ	Tin học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
2252	C32252	Đào Hồng Hạnh	01/6/2002	Nữ	Tin học	THPT Hoài Đức C	THPT Xuân Phương		56	56	Trúng tuyển NV1	
2253	C32253	Nguyễn Thị Hiên	01/11/1986	Nữ	Tin học	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		63	63	Trúng tuyển NV1	
2254	C32254	Đoàn Thu Hiền	20/9/2003	Nữ	Tin học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		54	54		
2255	C32255	Lê Minh Hiếu	07/9/1997	Nam	Tin học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ			80	80	Trúng tuyển NV1	
2256	C32256	Nguyễn Trung Hiếu	24/11/1999	Nam	Tin học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		53	53	Trúng tuyển NV1	
2257	C32257	Tống Minh Hiếu	29/6/1999	Nam	Tin học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		43	43		
2258	C32258	Nguyễn Thị Hoà	10/01/1997	Nữ	Tin học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		57	57	Trúng tuyển NV1	
2259	C32259	Nguyễn Quang Hoàng	21/7/2003	Nam	Tin học	THPT Cầu Giấy	THPT Nhân Chính		36	36		
2260	C32260	Dương Thu Hồng	18/10/2001	Nữ	Tin học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh		57	57	Trúng tuyển NV1	
2261	C32261	Đỗ Thị Thu Huyền	26/10/1996	Nữ	Tin học	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50,5	50,5		
2262	C32262	Nguyễn Thị Thảo Huyền	26/9/2000	Nữ	Tin học	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Khương Đình		51	51	Trúng tuyển NV1	
2263	C32263	Chu Văn Khuyến	23/4/1994	Nam	Tin học	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50,5	50,5	Trúng tuyển NV1	
2264	C32264	Đào Trung Kiên	02/04/1998	Nam	Tin học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		41	41		
2265	C32265	Nguyễn Thị Hà Lê	17/11/1995	Nữ	Tin học	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		50	50		
2266	C32266	Lê Thị Liên	13/11/1982	Nữ	Tin học	THPT Xuân Đỉnh	THPT Tây Hồ		77	77	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2267	C32267	Nguyễn Mai Linh	20/10/2002	Nữ	Tin học	THPT Minh Quang	THPT Tùng Thiện	5	51	56	Trúng tuyển NV1	
2268	C32268	Nguyễn Thị Tuyết Mai	30/10/1994	Nữ	Tin học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tiến Thịnh		51	51	Trúng tuyển NV1	
2269	C32269	Phạm Thị Ngà	22/4/1996	Nữ	Tin học	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Khương Đình		47	47		
2270	C32270	Chu Thị Ngân	06/9/1989	Nữ	Tin học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Hoài Đức C		52	52	Trúng tuyển NV1	
2271	C32271	Nguyễn Thị Kim Ngân	26/04/2002	Nữ	Tin học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		53	53	Trúng tuyển NV2	
2272	C32272	Đỗ Thị Hồng Ngát	30/3/1999	Nữ	Tin học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		92,5	92,5	Trúng tuyển NV1	
2273	C32273	Nguyễn Thị Bích Ngọc	21/12/1994	Nữ	Tin học	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		60,5	60,5	Trúng tuyển NV1	
2274	C32274	Trần Thị Nhung	03/3/1991	Nữ	Tin học	THPT Tiến Thịnh	THPT Tự Lập		53,5	53,5	Trúng tuyển NV1	
2275	C32275	Trần Thị Như Phương	09/02/1996	Nữ	Tin học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
2276	C32276	Nguyễn Thị Sáu	22/3/1987	Nữ	Tin học	THPT Minh Hà	THPT Ngọc Tảo	5	33	38		
2277	C32277	Vũ Thị Minh Tâm	12/8/1990	Nữ	Tin học	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		52	52	Trúng tuyển NV1	
2278	C32278	Bùi Đức Thắng	06/5/2002	Nam	Tin học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		47,5	47,5		
2279	C32279	Nguyễn Mạnh Thắng	15/8/2001	Nam	Tin học	THPT Hoài Đức C	THPT Thọ Xuân		58,5	58,5	Trúng tuyển NV1	
2280	C32280	Vũ Trí Thành	05/4/1990	Nam	Tin học	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
2281	C32281	Nguyễn Thị Phương Thu	04/7/1995	Nữ	Tin học	THPT Đại Mỗ	THPT Hoài Đức C		57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
2282	C32282	Lê Thị Thục	13/12/1989	Nữ	Tin học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		55,5	55,5	Trúng tuyển NV1	
2283	C32283	Nguyễn Thị Hoài Thương	15/3/2003	Nữ	Tin học	THPT Hoài Đức C	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		55	55	Trúng tuyển NV2	
2284	C32284	Phạm Thị Bích Thủy	26/3/1998	Nữ	Tin học	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		38	38		
2285	C32285	Hà Quang Toàn	04/01/2000	Nam	Tin học	THPT Hoài Đức C			43	43		Không xét trường NV2
2286	C32286	Bùi Quỳnh Trang	21/11/2003	Nữ	Tin học	THPT Trần Nhân Tông	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
2287	C32287	Đặng Thị Hiền Trang	06/11/2002	Nữ	Tin học	THPT Tùng Thiện	THPT Ngọc Tảo		56,5	56,5	Trúng tuyển NV1	
2288	C32288	Ngô Thị Huyền Trang	04/03/2003	Nữ	Tin học	THPT Cổ Loa	THPT Bắc Thăng Long		50,5	50,5	Trúng tuyển NV1	
2289	C32289	Nguyễn Thị Ngọc Trang	11/11/1988	Nữ	Tin học	THPT Tân Lập	THPT Hoài Đức C		55	55	Trúng tuyển NV1	
2290	C32290	Trịnh Khánh Tùng	05/7/2001	Nam	Tin học	THPT Tự Lập	THPT Tiến Thịnh		58	58	Trúng tuyển NV1	
2291	C32291	Phạm Ngọc Tuyến	07/5/1995	Nữ	Tin học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		51,5	51,5		
2292	C32292	Lê Bảo Uyên	16/3/2003	Nữ	Tin học	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Nguyễn Văn Trỗi		51	51	Trúng tuyển NV1	
2293	C32293	Trần Thị Thảo Vân	14/9/2002	Nữ	Tin học	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		51,5	51,5	Trúng tuyển NV1	
2294	C32294	Nguyễn Lan Anh	02/3/1995	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Minh Hà	THPT Hoài Đức C		54	54		
2295	C32295	Vũ Thúy Bình	28/10/2003	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Tây Hồ	THPT Mỹ Đình		56,5	56,5	Trúng tuyển NV1	
2296	C32296	Nguyễn Thị Chi	06/7/2003	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Minh Hà	THPT Bắc Thăng Long		53	53		
2297	C32297	Trần Thị Kim Chi	19/4/2003	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Mỹ Đình	THPT Tây Hồ		54,5	54,5		
2298	C32298	Ngô Tiến Cường	28/8/1985	Nam	Công nghệ (KTCN)	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Đông Mỹ		61	61	Trúng tuyển NV1	
2299	C32299	Nguyễn Thị Kim Dung	02/10/1983	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Bắc Thăng Long	THPT Thạch Bàn		52	52		
2300	C32300	Nguyễn Thị Kim Dung	01/5/1995	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Vân Cốc	THPT Hoài Đức C		50	50		
2301	C32301	Tạ Đức Duy	05/4/2002	Nam	Công nghệ (KTCN)	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà		58	58		
2302	C32302	Trần Thu Giang	17/05/2003	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Minh Hà			46	46		Không xét Trường NV2
2303	C32303	Nghiêm Thị Hòa	23/3/1992	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai			55	55	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
2304	C32304	Nguyễn Văn Hưng	03/7/1987	Nam	Công nghệ (KTCN)	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tây Hồ	5	32	37		
2305	C32305	Trần Thanh Hương	07/7/1995	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Minh Hà	THPT Vân Cốc		47	47		
2306	C32306	Đinh Thị Huyền	24/02/2001	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai			42	42		Không xét trường NV2
2307	C32307	Đỗ Thị Thu Huyền	06/5/1996	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		64,5	64,5	Trúng tuyển NV1	
2308	C32308	Nguyễn Ngọc Huyền	31/01/2003	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Thạch Bàn	THPT Bắc Thăng Long		45,5	45,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện ƯT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2309	C32309	Nguyễn Thị Lan	19/11/1988	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Ứng Hòa A	THPT Đồng Mỹ		60,5	60,5	Trúng tuyển NV1	
2310	C32310	Nguyễn Thùy Linh	27/11/2003	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Ứng Hòa A			60	60		Không xét trường NV2
2311	C32311	Phan Thị Lợi	08/3/1991	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà	5	66	71	Trúng tuyển NV1	
2312	C32312	Trần Ngọc Long	10/9/1982	Nam	Công nghệ (KTCN)	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tây Hồ		54,5	54,5		
2313	C32313	Lục Thị Nga	11/02/2002	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Tây Hồ		46	46		
2314	C32314	Đặng Thị Thảo Ngọc	24/6/1997	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		50	50		
2315	C32315	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	19/11/2003	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Thạch Bàn	THPT Mỹ Đình		55,5	55,5		
2316	C32316	Đoàn Thị Nhài	22/9/1996	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Mỹ Đình	THPT Tây Hồ		64	64	Trúng tuyển NV1	
2317	C32317	Phạm Thị Nhẫn	24/4/1991	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Mỹ Đình		56	56		
2318	C32318	Nguyễn Tuyết Nhung	04/3/2003	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Nguyễn Quốc Trinh			58	58		Không xét trường NV2
2319	C32319	Nguyễn Thị Sửu	27/7/1985	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		47,5	47,5		
2320	C32320	Dương Thị Thanh	02/01/1988	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Thạch Bàn			Bỏ thi			
2321	C32321	Phạm Thị Hương Trà	28/12/2002	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		53,5	53,5		
2322	C32322	Bùi Thu Trang	04/7/2003	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tây Hồ		57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
2323	C32323	Đinh Thị Huyền Trang	14/11/2003	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Thạch Bàn			60,5	60,5	Trúng tuyển NV1	
2324	C32324	Ngô Văn Trang	18/02/2003	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tây Hồ		53,5	53,5		
2325	C32325	Nguyễn Duy Trăng	09/10/2002	Nam	Công nghệ (KTCN)	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh		50	50	Trúng tuyển NV1	
2326	C32326	Đinh Thị Tuyết	03/12/1994	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Nguyễn Văn Trỗi			52	52	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
2327	C32327	Trịnh Thị Vinh	29/10/1990	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		55	55	Trúng tuyển NV1	
2328	C32328	Kiều Thị Xuân	10/8/1998	Nữ	Công nghệ (KTCN)	THPT Minh Hà			55	55		
2329	C32329	Đỗ Đức An	31/7/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Nguyễn Văn Trỗi	5	50	55		
2330	C32330	Nguyễn Đắc An	10/11/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Thanh Oai B		68,5	68,5		
2331	C32331	Bùi Thị Vân Anh	27/01/1989	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Bắc Lương Sơn		5	54,5	59,5		
2332	C32332	Bùi Tiến Anh	26/8/2002	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
2333	C32333	Đỗ Tường Anh	20/9/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
2334	C32334	Dương Hải Anh	26/11/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Thạch Bàn		71,5	71,5		
2335	C32335	Lê Tuấn Anh	19/8/1994	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Thất	THPT Hoài Đức C		57	57		
2336	C32336	Nguyễn Hoàng Anh	09/11/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tây Hồ		53	53	Trúng tuyển NV1	
2337	C32337	Nguyễn Thế Anh	08/7/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đức C	THPT Đại Cường		50	50	Trúng tuyển NV1	
2338	C32338	Nguyễn Thị Lan Anh	30/7/1995	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		54	54		
2339	C32339	Trần Minh Anh	31/8/1994	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Lợi	THPT Hoàng Văn Thụ		45	45		
2340	C32340	Trần Tuấn Anh	02/02/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Quang Trung - Hà Đông		52	52		
2341	C32341	Nguyễn Phương Anh	16/6/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		Bỏ thi			
2342	C32342	Vũ Việt Anh	19/11/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Đông		43,5	43,5		
2343	C32343	Bùi Hoàng Ba	05/12/1994	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Hoài Đức C	5	49	54		
2344	C32344	Nguyễn Hà Bắc	14/11/1998	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Ngọc Hồi		61	61		
2345	C32345	Phan Công Hoàng Bảo	20/3/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		26	26		
2346	C32346	Trịnh Ngọc Bảo	03/01/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Đông Anh	THPT Tây Hồ	5	36,5	41,5		
2347	C32347	Tô Thị Bảy	04/8/1995	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		63	63		
2348	C32348	Vương Văn Bảy	20/1/1984	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Tiền Thịnh		40,5	40,5		
2349	C32349	Nguyễn Thị Bích	05/7/1999	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông			76	76	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
2350	C32350	Nguyễn Thị Bích	12/9/1994	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Thanh Oai B	THPT Thanh Oai A		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2351	C32351	Vũ Văn Biên	09/11/1992	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thanh Oai A	THPT Ứng Hòa A		52	52		
2352	C32352	Nguyễn Văn Cao	13/11/1991	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		48	48		
2353	C32353	Đặng Viết Chất	24/12/1990	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		4	4		
2354	C32354	Bùi Phạm Lan Chi	03/12/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Nguyễn Văn Trỗi		73	73		
2355	C32355	Trương Lan Chi	13/12/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		53	53		
2356	C32356	Nguyễn Văn Chi	01/01/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Bắc Thăng Long		48,5	48,5		
2357	C32357	Đào Trọng Chiến	26/11/1998	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		62	62	Trúng tuyển NV1	
2358	C32358	Đỗ Đình Chiến	27/5/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà	THPT Thạch Thất		73	73	Trúng tuyển NV1	
2359	C32359	Nguyễn Đình Chiến	20/10/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Lưu Hoàng	THPT Mỹ Đức C		63,5	63,5	Trúng tuyển NV1	
2360	C32360	Nguyễn Thị Chinh	31/10/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Quang Trung - Hà Đông		84,5	84,5	Trúng tuyển NV1	
2361	C32361	Nguyễn Văn Chính	19/9/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		69,5	69,5		
2362	C32362	Nguyễn Thị Chung	01/5/1994	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Bắc Thăng Long	THPT Yên Hòa		40,3	40,3		
2363	C32363	Lê Quốc Cường	26/10/1999	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		40,5	40,5		
2364	C32364	Trần Hữu Cường	02/4/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		20	20		
2365	C32365	Nguyễn Văn Đam	08/8/1994	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Yên Hòa	2,5	51,8	54,3		
2366	C32366	Lê Hải Đăng	08/02/1986	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Hoài Đức C		30	30		
2367	C32367	Nguyễn Hải Đăng	20/7/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	2,5	57	59,5		
2368	C32368	Nguyễn Hải Đăng	25/3/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thanh Oai B	THPT Ứng Hòa A		57	57		
2369	C32369	Nguyễn Văn Đạo	24/3/1993	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà			36,5	36,5		Không xét trường NV2
2370	C32370	Khương Tiến Đạt	24/9/2000	Nam	Giáo dục thể chất	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Yên Hòa		37,8	37,8		
2371	C32371	Nguyễn Duy Đạt	03/9/1993	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Việt Đức	THPT Hoàng Văn Thụ		Bỏ thi			
2372	C32372	Nguyễn Hữu Đạt	26/6/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Trung Giã	THPT Mỹ Đình		53,3	53,3		
2373	C32373	Lê Thị Ngọc Diễm	15/4/1995	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Thạch Thất	5	56,5	61,5		
2374	C32374	Nguyễn Thị Thu Diễm	08/02/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	5	59	64	Trúng tuyển NV1	
2375	C32375	Triệu Thị Điệu	15/02/1994	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Hoài Đức C	5	84	89	Trúng tuyển NV1	
2376	C32376	Phùng Khắc Đô	17/01/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Thất	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		70,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
2377	C32377	Cấn Ngọc Đoàn	25/5/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Thất	THPT Minh Hà		67,5	67,5		
2378	C32378	Vũ Hoàng Đoàn	12/8/1992	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Việt Đức	THPT Yên Hòa		80	80	Trúng tuyển NV1	
2379	C32379	Phan Đại Đồng	23/01/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Yên Hòa		39,5	39,5		
2380	C32380	Dương Minh Đức	26/7/1997	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Bắc Lương Sơn		59,5	59,5		
2381	C32381	Nguyễn Minh Đức	26/10/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Yên Lãng	THPT Tiền Thịnh		65	65	Trúng tuyển NV1	
2382	C32382	Nguyễn Thượng Đức	06/02/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Bắc Thăng Long	THPT Thạch Bàn		62	62	Trúng tuyển NV1	
2383	C32383	Trần Trung Đức	10/9/1994	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Hồng Thái	TH, THCS và THPT Khương Hạ		58	58	Trúng tuyển NV1	
2384	C32384	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	22/11/1988	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Quang Trung - Hà Đông		40,5	40,5		
2385	C32385	Bùi Văn Dũng	02/9/1990	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Lưu Hoàng	THPT Mỹ Đức C		9,5	9,5		
2386	C32386	Đinh Văn Dũng	26/5/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi	2,5	71	73,5	Trúng tuyển NV1	
2387	C32387	Lê Trung Dũng	16/7/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Đại Cường	THPT Lý Tử Tấn		59,5	59,5	Trúng tuyển NV1	
2388	C32388	Nguyễn Anh Dũng	01/12/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Thất	THPT Hoài Đức C	5	64	69		
2389	C32389	Nguyễn Đức Dũng	15/01/1993	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Thọ	THPT Xuân Khanh		62,5	62,5		
2390	C32390	Nguyễn Mạnh Dũng	01/01/1979	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà	THPT Thạch Thất	5	38,5	43,5		
2391	C32391	Bùi Hải Dương	01/01/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà	5	42	47		
2392	C32392	Cao Văn Dương	06/2/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		66	66		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện ƯT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2393	C32393	Nguyễn Xuân Dương	18/8/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Bàn			46,5	46,5		Không xét trường NV2
2394	C32394	Nguyễn Hữu Duy	19/6/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thanh Oai B	THPT Thanh Oai A		42	42		
2395	C32395	Vũ Tư Duy	25/9/1992	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		Bỏ thi			
2396	C32396	Đỗ Trường Giang	06/6/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		Bỏ thi			
2397	C32397	Nguyễn Văn Giang	08/6/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Đại Cường	THPT Quang Trung - Hà Đông		29,5	29,5		
2398	C32398	Trương Hương Giang	09/5/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		57	57		
2399	C32399	Đỗ Mỹ Hà	19/11/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Thanh Oai B	THPT Ngọc Hồi		59,5	59,5		
2400	C32400	Nguyễn Thị Hà	22/6/1993	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà	5	55,5	60,5		
2401	C32401	Nguyễn Xuân Hà	29/6/1999	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Ngọc Hồi		76	76	Trúng tuyển NV1	
2402	C32402	Trần Thị Thu Hà	02/10/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Tự Lập	THPT Tiến Thịnh		58	58	Trúng tuyển NV1	
2403	C32403	Nguyễn Thanh Hải	22/9/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		69	69		
2404	C32404	Phan Long Hai	18/5/1997	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Yên Viên			69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
2405	C32405	Tạ Đăng Hai	28/6/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Đan Phượng		63	63		
2406	C32406	Tạ Duy Hải	02/1/1990	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh	THPT Hoài Đức C		63,5	63,5		
2407	C32407	Nguyễn Hồng Hạnh	19/7/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Đan Phượng		67,5	67,5		
2408	C32408	Hoàng Văn Tuấn Hào	24/8/2002	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Chúc Động			69	69	Trúng tuyển NV1	
2409	C32409	Đặng Đình Hậu	19/9/1986	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Quang Trung - Hà Đông		Bỏ thi			
2410	C32410	Đoàn Hữu Hậu	02/02/1997	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Việt Đức			70	70	Trúng tuyển NV1	
2411	C32411	Lê Thị Thanh Hậu	12/5/1990	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Tiên Thịnh	THPT Bắc Thăng Long		83	83	Trúng tuyển NV1	
2412	C32412	Nguyễn Trung Hậu	26/7/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Khương Đình		49,8	49,8		
2413	C32413	Nguyễn Hữu Hiến	10/12/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Hồng Thái	THPT Thọ Xuân	2,5	36	38,5		
2414	C32414	Nguyễn Thị Hiền	16/9/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Bàn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		61	61	Trúng tuyển NV1	
2415	C32415	Nguyễn Thị Hiền	13/01/1999	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Thọ Xuân	THPT Phúc Thọ		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
2416	C32416	Lê Xuân Hiệp	02/01/1998	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thanh Oai B	THPT Thanh Oai A		60	60	Trúng tuyển NV1	
2417	C32417	Nguyễn Văn Hiệp	09/9/1991	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Thọ Xuân		50,5	50,5		
2418	C32418	Chu Mạnh Hiếu	14/3/2002	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh			56	56		
2419	C32419	Đinh Văn Hiếu	19/01/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh	THPT Tây Hồ	5	61,5	66,5		
2420	C32420	Nguyễn Đắc Minh Hiếu	03/9/2002	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Hoài Đức C		51,5	51,5		
2421	C32421	Nguyễn Trung Hiếu	23/8/1991	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Trung Giã	THPT Tiến Thịnh		56	56	Trúng tuyển NV1	
2422	C32422	Phùng Minh Hiếu	19/5/1999	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Trung Giã	THPT Bắc Thăng Long		38	38		
2423	C32423	Tạ Minh Hiếu	05/12/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thọ Xuân	THPT Hoài Đức C		34	34		
2424	C32424	Đỗ Việt Hòa	10/4/1992	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		47,5	47,5		
2425	C32425	Đặng Vũ Thu Hoài	01/10/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		Bỏ thi			
2426	C32426	Đinh Thanh Hoài	05/9/1984	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình	5	51,5	56,5		
2427	C32427	Hoàng Thu Hoài	29/10/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Quang Trung - Hà Đông		43	43		
2428	C32428	Phạm Ngọc Hoài	09/11/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Đại Mỗ	THPT Yên Hòa		78,5	78,5	Trúng tuyển NV1	
2429	C32429	Đào Huy Hoàng	23/01/1999	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		59	59		
2430	C32430	Lê Văn Hoàng	05/5/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Thạch Bàn		54	54	Trúng tuyển NV1	
2431	C32431	Nguyễn Minh Hoàng	20/7/1989	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		54	54		
2432	C32432	Nguyễn Sỹ Hoàng	16/10/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Hoài Đức C		45,5	45,5		
2433	C32433	Trần Xuân Hội	22/12/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	2,5	62,5	65		
2434	C32434	Phan Đình Huấn	16/01/1997	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		69,5	69,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí đư tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2435	C32435	Nguyễn Thị Huế	02/7/1997	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông		53,5	53,5		
2436	C32436	Nguyễn Hà Hùng	10/8/1989	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Lưu Hoàng	THPT Mỹ Đức C		50	50	Trúng tuyển NV1	
2437	C32437	Nguyễn Mạnh Hùng	26/6/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Yên Hòa	THPT Đại Mỗ		54,5	54,5		
2438	C32438	Đào Xuân Hưng	16/10/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Quang Trung - Hà Đông		79	79	Trúng tuyển NV1	
2439	C32439	Nguyễn Hữu Hưng	11/4/1983	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Đại Mỗ	THPT Hoài Đức C		30,5	30,5		
2440	C32440	Nguyễn Quang Hưng	24/4/1998	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		28,5	28,5		
2441	C32441	Phương Hoàng Giang Hưng	04/7/1991	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Mỹ Đình		73	73		
2442	C32442	Hồ Thị Mai Hương	24/7/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		76	76	Trúng tuyển NV1	
2443	C32443	Lê Thị Lan Hương	24/01/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		51,5	51,5		
2444	C32444	Lê Thuỵ Hương	14/02/1996	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		55,5	55,5		
2445	C32445	Nguyễn Thị Hương	29/10/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Thọ Xuân		64	64		
2446	C32446	Phạm Thị Thu Hương	06/4/1993	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Quang Trung - Hà Đông		78	78	Trúng tuyển NV1	
2447	C32447	Bùi Thị Hường	24/6/1993	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		51,5	51,5		
2448	C32448	Lê Thị Thu Hường	06/9/1987	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Đại Mỗ	THPT Yên Lãng		62,5	62,5		
2449	C32449	Nguyễn Thị Hường	02/12/1987	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đức C		64	64		
2450	C32450	Vũ Thị Hường	21/12/1993	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Thanh Oai A	THPT Thanh Oai B		85	85	Trúng tuyển NV1	
2451	C32451	Trần Quang Huy	27/01/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Đại Cường	THPT Ứng Hòa A		42	42		
2452	C32452	Đoàn Thị Thu Huyền	24/11/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh		5	57	62		
2453	C32453	Lê Trọng Huỳnh	17/9/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	5	61,5	66,5		
2454	C32454	La Thị Sơn Ka	07/01/1997	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Trung Giã	THPT Ngọc Hồi	5	59,5	64,5	Trúng tuyển NV1	
2455	C32455	Lê Văn Khải	30/7/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thanh Oai A	THPT Quang Trung - Hà Đông		53,5	53,5		
2456	C32456	Nguyễn Thị Khanh	06/02/1987	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Chúc Động		54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	
2457	C32457	Ngô Duy Khánh	13/12/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
2458	C32458	Nguyễn Quốc Khánh	02/9/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Trung Giã	THPT Bắc Thăng Long	2,5	53	55,5		
2459	C32459	Đỗ Trọng Khôi	31/10/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Trung Giã			36,5	36,5		
2460	C32460	Nguyễn Văn Kiên	15/7/1989	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Ngọc Hồi	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		48,5	48,5		
2461	C32461	Nguyễn Sơn Lâm	21/5/1998	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		53,5	53,5		
2462	C32462	Đinh Thị Lan	18/12/1990	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Hoài Đức C		70,5	70,5		
2463	C32463	Nguyễn Thị Lan	27/01/1993	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn	5	63,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
2464	C32464	Đinh Công Lập	17/9/1991	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Nguyễn Văn Trỗi		22,5	22,5		
2465	C32465	Lê Thị Kim Liên	14/3/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Thất	THPT Minh Hà		56,5	56,5		
2466	C32466	Lường Thị Liên	20/8/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Thất	THPT Minh Hà	5	64	69		
2467	C32467	Nguyễn Thị Liễu	26/8/1989	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Thanh Oai B		56,5	56,5		
2468	C32468	Cao Phương Linh	28/5/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Đống Đa	THPT Đại Mỗ		57	57	Trúng tuyển NV1	
2469	C32469	Đặng Hoàng Linh	28/9/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		74	74	Trúng tuyển NV1	
2470	C32470	Dương Đắc Linh	31/10/1994	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai B		63,5	63,5		
2471	C32471	Hà Thị Linh	22/3/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		39,5	39,5		
2472	C32472	Nguyễn Thị Linh	24/02/1992	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Chuyên Hà Nội - AMSTERDAM	THPT Hoài Đức C		75,5	75,5	Trúng tuyển NV1	
2473	C32473	Nguyễn Thị Linh	21/7/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình			74	74	Trúng tuyển NV1	
2474	C32474	Nguyễn Thùy Linh	27/11/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Trung Giã	THPT Tây Hồ		23,5	23,5		
2475	C32475	Nguyễn Văn Linh	18/10/1992	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Tiền Thịnh	THPT Yên Lãng		37,5	37,5		
2476	C32476	Đỗ Huy Lợi	11/10/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Quang Trung - Hà Đông		62	62		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2477	C32477	Nguyễn Văn Lợi	22/01/1990	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		81,5	81,5	Trúng tuyển NV1	
2478	C32478	Đặng Thanh Long	12/12/1998	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Lý Tử Tấn	THPT Ngọc Hồi		72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
2479	C32479	Phùng Văn Long	27/9/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh	THPT Phúc Thọ		52,5	52,5		
2480	C32480	Lê Văn Luật	16/5/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		67	67		
2481	C32481	Lê Thị Ly	12/4/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Ngô Thì Nhậm		84,5	84,5	Trúng tuyển NV1	
2482	C32482	Phan Khánh Ly	10/9/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		34,5	34,5		
2483	C32483	Hoàng Thị Mai	22/4/1999	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Việt Đức	THPT Đại Mỗ	5	20	25		
2484	C32484	Nguyễn Thị Hoa Mai	27/12/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh	THPT Thạch Thất		38,5	38,5		
2485	C32485	Nguyễn Thị Hồng Mai	16/6/1994	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		59,5	59,5		
2486	C32486	Phạm Thị Phương Mai	05/01/1996	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Đại Mỗ	THPT Đại Cường		57,5	57,5		
2487	C32487	Nguyễn Đăng Mạnh	28/9/1991	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thọ Xuân	THPT Phúc Thọ		54,5	54,5		
2488	C32488	Nguyễn Tiến Mạnh	14/4/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		37	37		
2489	C32489	Nguyễn Văn Mạnh	05/10/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		41,5	41,5		
2490	C32490	Phan Lạc Mạnh	12/5/1993	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Thạch Thất		52	52		
2491	C32491	Phí Hữu Mạnh	07/10/1999	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		28	28		
2492	C32492	Lê Hải Minh	12/8/1993	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Lưu Hoàng	THPT Mỹ Đức C		42,5	42,5		
2493	C32493	Lê Tuấn Minh	25/10/2002	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đức A	THPT Mỹ Đức C		78	78	Trúng tuyển NV1	
2494	C32494	Nguyễn Doãn Mừng	01/02/1993	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
2495	C32495	Hoàng Chà My	19/6/1996	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		67,5	67,5		
2496	C32496	Phạm Ngọc Trà My	22/9/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Ngọc Hồi	THPT Ngô Thì Nhậm		68	68	Trúng tuyển NV1	
2497	C32497	Nguyễn Đăng Nam	12/3/1993	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà	THPT Hoài Đức C	5	51,5	56,5		
2498	C32498	Nguyễn Doãn Nam	23/4/2002	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Đại Mỗ		44,5	44,5		
2499	C32499	Nguyễn Hà Nam	15/12/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh	THPT Bắc Lương Sơn	5	61,5	66,5		
2500	C32500	Nguyễn Hải Nam	21/5/1990	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Thọ	THPT Minh Hà	5	44	49		
2501	C32501	Hà Thị Ngát	10/6/1998	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Việt Đức	THPT Nhân Chính	5	45,5	50,5		
2502	C32502	Nguyễn Đức Nghĩa	08/8/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Chúc Động	THPT Nguyễn Văn Trỗi		55	55		
2503	C32503	Đỗ Thị Ánh Ngọc	24/9/200	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Chúc Động	THPT Nguyễn Văn Trỗi		42	42		
2504	C32504	Lê Anh Ngọc	24/10/1990	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Quang Trung - Hà Đông		73	73	Trúng tuyển NV1	
2505	C32505	Vương Thị Ngọc	26/7/1991	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Thăng Long	THPT Việt Đức		77	77	Trúng tuyển NV1	
2506	C32506	Nguyễn Văn Nguyên	14/12/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thọ Xuân	THPT Hồng Thái		33,5	33,5		
2507	C32507	Kim Thị Bích Nhâm	28/8/1992	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Quang Trung - Hà Đông		55,5	55,5		
2508	C32508	Trần Thị Nhung	08/9/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Bàn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		39,5	39,5		
2509	C32509	Nguyễn Văn Nhượng	22/6/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Quang Trung - Hà Đông		57	57		
2510	C32510	Hà Thị Kim Oanh	10/02/1994	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh	THPT Phúc Thọ		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
2511	C32511	Lê Thị Phi	02/10/1989	nữ	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		46,5	46,5		
2512	C32512	Đào Thị Phương	28/11/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Thọ	THPT Nhân Chính		31,5	31,5		
2513	C32513	Nguyễn Thị Phương	18/9/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Hoàng Văn Thụ		67	67		
2514	C32514	Lê Anh Quân	19/9/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Lý Tử Tấn	THPT Ngọc Hồi		46,5	46,5		
2515	C32515	Nguyễn Trường Quân	22/5/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		48	48		
2516	C32516	Nguyễn Văn Quân	02/02/1999	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Việt Đức		50	50		
2517	C32517	Tào Quốc Quân	06/6/1993	nam	Giáo dục thể chất	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
2518	C32518	Đinh Văn Quang	03/11/1993	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh	THPT Phúc Thọ	5	63	68		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2519	C32519	Đỗ Anh Quang	03/9/1991	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		53,5	53,5		
2520	C32520	Quàng Văn Quang	27/7/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long	5	71,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
2521	C32521	Chu Xuân Quý	16/01/1997	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		56	56		
2522	C32522	Vũ Văn Quý	06/11/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Chúc Động	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52	52		
2523	C32523	Đỗ Minh Quý	21/4/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà	THPT Thạch Thất		44	44		
2524	C32524	Đỗ Kiên Quyết	10/7/1991	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi	5	67	72	Trúng tuyển NV1	
2525	C32525	Bùi Ngọc Quỳnh	18/11/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Khương Đình		62,5	62,5		
2526	C32526	Lê Thị Ngọc Quỳnh	09/10/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Lý Tử Tấn		59,5	59,5		
2527	C32527	Lê Thu Quỳnh	24/9/1998	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà	THPT Thạch Thất		36,5	36,5		
2528	C32528	Quách Thị Diễm Quỳnh	28/9/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Tây Hồ	THPT Mỹ Đình		38,5	38,5		
2529	C32529	Đỗ Văn Sáng	14/01/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		Bỏ thi			
2530	C32530	Nguyễn Hương Sáng	02/9/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Hoài Đức C		67,5	67,5		
2531	C32531	Hoàng Thị Sánh	10/5/1992	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Thọ	THPT Thọ Xuân	5	77,5	82,5	Trúng tuyển NV1	
2532	C32532	Nguyễn Mạnh Sinh	28/10/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Đại Mỗ	THPT Quang Trung - Hà Đông		60,5	60,5		
2533	C32533	Đào Phú Sơn	21/11/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Quang Trung - Hà Đông		60,5	60,5		
2534	C32534	Đào Tiến Sơn	05/02/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Hoài Đức C		68	68		
2535	C32535	Hoàng Ngọc Sơn	19/8/1989	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thăng Long	THPT Việt Đức	5	62,5	67,5		
2536	C32536	Nguyễn Đức Sơn	15/9/2002	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đức A	THPT Mỹ Đức C		77	77		
2537	C32537	Đồng Khai Tâm	18/11/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Thanh Oai B		85,5	85,5	Trúng tuyển NV1	
2538	C32538	Nguyễn Thị Tâm	20/10/1991	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Việt Đức	THPT Chuyên Chu Văn An		Bỏ thi			
2539	C32539	Kiều Đức Thạch	18/01/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Tiến Thịnh	THPT Tự Lập		31,5	31,5		
2540	C32540	Vương Đình Thạch	31/01/1997	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Nguyễn Văn Trỗi		41,5	41,5		
2541	C32541	Đặng Thế Thái	23/8/1993	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Lưu Hoàng	THPT Đại Cường		3	3		
2542	C32542	Đỗ Mạnh Thái	21/3/1999	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		50	50		
2543	C32543	Phạm Thị Thắm	02/10/1992	Nữ	Giáo dục thể chất	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Nhân Chính		36	36		
2544	C32544	Nguyễn Hữu Thắng	25/9/1992	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	5	53,5	58,5		
2545	C32545	Lê Thị Thanh	14/3/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
2546	C32546	Nguyễn Thị Thanh	23/11/1994	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Quang Trung - Hà Đông		62,5	62,5		
2547	C32547	Phùng Thị Thanh	07/02/1992	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Việt Đức		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
2548	C32548	Lê Văn Thành	22/9/1994	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Lưu Hoàng	THPT Đại Cường		46,5	46,5		
2549	C32549	Nguyễn Công Thành	05/02/1993	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Tiến Thịnh	THPT Tự Lập		39	39		
2550	C32550	Nguyễn Văn Thành	13/6/1990	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Lưu Hoàng	THPT Mỹ Đức C		33,5	33,5		
2551	C32551	Phan Văn Thành	02/08/1994	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Thọ	THPT Thạch Thất		58	58		
2552	C32552	Trần Duy Thành	26/06/1998	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
2553	C32553	Chu Phương Thảo	22/10/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Khanh	THPT Thạch Thất		57	57		
2554	C32554	Hoàng Thị Thu Thảo	02/5/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		43	43		
2555	C32555	Lê Thị Phương Thảo	08/12/1994	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		53,8	53,8		
2556	C32556	Nguyễn Thanh Thảo	01/02/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		64,8	64,8		
2557	C32557	Phạm Thị Thảo	29/03/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		57,8	57,8		
2558	C32558	Nguyễn Thị Thìn	15/12/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Thọ	THPT Bắc Lương Sơn		47	47		
2559	C32559	Chu Hữu Hưng Thịnh	16/01/1997	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Ngọc Hồi		50	50		
2560	C32560	Ngô Đức Thọ	02/8/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		32	32		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2561	C32561	Hoàng Thị Thoan	25/9/1983	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Thanh Oai A		18	18		
2562	C32562	Vũ Thị Thơm	06/4/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		30	30		
2563	C32563	Nguyễn Văn Thông	01/12/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Đan Phượng	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		69	69	Trúng tuyển NV1	
2564	C32564	Cao Thị Thu	07/06/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Trung Giã		66	66	Trúng tuyển NV1	
2565	C32565	Đặng Minh Thu	23/6/1998	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		58,5	58,5		
2566	C32566	Lê Thị Thu	18/10/1992	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Trung Giã	THPT Tiền Thịnh		88	88	Trúng tuyển NV1	
2567	C32567	Phan Thị Thu	07/05/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Chúc Động	THPT Nguyễn Văn Trỗi		32	32		
2568	C32568	Tưởng Thị Thuần	11/10/1990	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Ứng Hòa A	THPT Lưu Hoàng		54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	
2569	C32569	Nguyễn Văn Thức	26/11/2002	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Ngọc Hồi	THPT Quang Trung - Hà Đông		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
2570	C32570	Đỗ Văn Thuỷ	04/7/1992	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai B		72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
2571	C32571	Lê Thanh Thuỷ	01/9/1997	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Tây Hồ	THPT Việt Đức		53,5	53,5	Trúng tuyển NV1	
2572	C32572	Nguyễn Thị Thuỷ	09/8/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Yên Hòa	THPT Quang Trung - Hà Đông		66	66	Trúng tuyển NV1	
2573	C32573	Nguyễn Thị Thúy	14/5/1994	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Thanh Oai B		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
2574	C32574	Phạm Văn Thủy	06/9/1987	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		25,5	25,5		
2575	C32575	Bùi Thị Thuỷ Tiên	06/10/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Thanh Oai B	THPT Thanh Oai A		54,5	54,5		
2576	C32576	Hoàng Thị Thủy Tiên	15/9/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		53,5	53,5		
2577	C32577	Dương Minh Tiến	21/8/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		55	55		
2578	C32578	Lê Hoàng Tiến	22/11/1998	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	5	32,5	37,5		
2579	C32579	Nguyễn Sỹ Tiến	26/11/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Thọ	THPT Thạch Thất		62	62		
2580	C32580	Nguyễn Mạnh Toàn	19/11/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		52,5	52,5		
2581	C32581	Lê Thị Út Trà	11/6/1993	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Quang Trung - Đống Đa		59	59		
2582	C32582	Nguyễn Đăng Thu Trà	06/9/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Nguyễn Thi Minh Khai		52,5	52,5		
2583	C32583	Lê Ngô Ngọc Trâm	24/10/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Nhân Chính	THPT Chúc Động		75,5	75,5	Trúng tuyển NV1	
2584	C32584	Đỗ Thuỳ Trang	16/11/2000	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Quang Trung - Đống Đa		59	59		
2585	C32585	Nguyễn Huyền Trang	26/11/2003	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Chúc Động	THPT Nguyễn Văn Trỗi		54,5	54,5		
2586	C32586	Nguyễn Thị Trang	27/3/1996	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		81	81	Trúng tuyển NV1	
2587	C32587	Trần Thị Trang	29/4/2002	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Yên Viên		58	58		
2588	C32588	Vũ Thu Huyền Trang	14/02/1997	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Mỹ Đình		76	76	Trúng tuyển NV1	
2589	C32589	Vũ Thu Phương Trang	14/02/1997	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Yên Hòa		64,5	64,5		
2590	C32590	Nguyễn Quốc Triệu	08/01/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Thất	THPT Minh Hà		61	61		
2591	C32591	Lê Bùi Đức Trọng	25/11/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		41,5	41,5		
2592	C32592	Nguyễn Quang Trung	21/3/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		62	62		
2593	C32593	Hoàng Gia Trường	12/7/1990	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đức C	THPT Lưu Hoàng		51,5	51,5	Trúng tuyển NV1	
2594	C32594	Lê Huy Trường	28/01/1994	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Mỹ Đức A		Bỏ thi			
2595	C32595	Nguyễn Thế Truyền	03/7/1998	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		66	66		
2596	C32596	Nguyễn Văn Truyền	09/11/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Tiền Thịnh	THPT Tự Lập		78,5	78,5	Trúng tuyển NV1	
2597	C32597	Nguyễn Hữu Tú	06/4/1997	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Quang Trung - Hà Đông		Bỏ thi			
2598	C32598	Nguyễn Thanh Tú	25/7/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Thạch Thất	THPT Minh Hà		75	75	Trúng tuyển NV1	
2599	C32599	Nguyễn Hữu Tuân	21/02/1995	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Lương Sơn		31,5	31,5		
2600	C32600	Nguyễn Đình Tuấn	11/9/1993	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Ngọc Hồi	THPT Đông Mỹ		38	38		
2601	C32601	Vũ Anh Tuấn	02/7/2000	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình	THPT Yên Hòa		33	33		
2602	C32602	Cấn Anh Tùng	18/10/1997	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà	THPT Thạch Thất		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2603	C32603	Cao Thanh Tùng	02/6/2002	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		32,5	32,5		
2604	C32604	Doãn Thanh Tùng	07/11/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Quang Trung - Đống Đa		77,5	77,5	Trúng tuyển NV1	
2605	C32605	Dương Thanh Tùng	16/8/1999	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Tiền Thinh	THPT Trung Giã		42	42		
2606	C32606	Lê Văn Tùng	03/8/1990	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình	5	48	53		
2607	C32607	Nguyễn Thanh Tùng	15/10/1996	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		76	76	Trúng tuyển NV1	
2608	C32608	Phùng Khắc Tuyến	16/5/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		45	45		
2609	C32609	Đỗ Viết Tuyến	27/3/1991	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Quang Trung - Hà Đông		46,5	46,5		
2610	C32610	Lương Thị Thu Uyên	18/11/2001	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Yên Hòa		32	32		
2611	C32611	Đặng Nguyễn Quốc Việt	09/7/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Thọ			41,5	41,5		
2612	C32612	Dương Thế Vinh	05/11/2003	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Nguyễn Văn Trỗi		73	73		
2613	C32613	Nguyễn Văn Vũ	03/4/2001	Nam	Giáo dục thể chất	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông		53	53		
2614	C32614	Nguyễn Hải Yến	10/7/1992	Nữ	Giáo dục thể chất	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Khương Đình		60,5	60,5		
2615	C22615	Mai Xín Hiêng	03/01/2000	Nữ	Giáo dục thể chất - THCS	PTCS Xã Đàn	THPT Yên Hòa		62	62	Trúng tuyển NV1	
2616	C22616	Nguyễn Phương Uyên	09/6/1995	Nữ	Giáo dục thể chất - THCS	PTCS Xã Đàn	TH, THCS và THPT Khương Hạ		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
2617	C12617	Đào Ngọc Trâm Anh	18/3/1996	Nữ	Giáo dục tiểu học	PTCS Xã Đàn	TH Bình Minh		67,5	67,5	Trúng tuyển NV1	
2618	C12618	Dương Thị Tú Anh	28/8/2002	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			69	69		
2619	C12619	Hoàng Ngọc Anh	04/10/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			48	48		
2620	C12620	Hoàng Quỳnh Anh	09/11/2002	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			49	49		
2621	C12621	Hoàng Thị Lan Anh	09/10/1996	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			Không xét trường NV2
2622	C12622	Lê Hà Anh	02/5/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học		TH, THCS và THPT Khương Hạ		Bỏ thi			Không xét Trường NV1
2623	C12623	Lê Thị Lan Anh	16/8/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			64	64		
2624	C12624	Lê Thị Vân Anh	15/8/1993	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2625	C12625	Nguyễn Duyên Phương Anh	02/7/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			69	69		
2626	C12626	Nguyễn Hải Anh	13/6/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			64	64		
2627	C12627	Nguyễn Ngọc Anh	03/12/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			64	64		
2628	C12628	Nguyễn Thị Lan Anh	16/4/2000	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			Không xét trường NV2
2629	C12629	Trần Hải Anh	30/3/1999	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			62	62		
2630	C12630	Trần Thị Hải Anh	18/10/2000	Nữ	Giáo dục tiểu học		TH, THCS và THPT Khương Hạ		48,5	48,5		Không xét Trường NV1
2631	C12631	Nguyễn Thị Ánh	23/12/1997	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			54	54		
2632	C12632	Nguyễn Thị Bình	30/1/1996	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			71	71		Không xét trường NV2
2633	C12633	Nguyễn Thuý Bình	06/4/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			67,5	67,5		
2634	C12634	Dương Nguyễn Minh Châu	30/6/2000	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			68,5	68,5		
2635	C12635	Đỗ Mai Chi	06/12/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			67,5	67,5		
2636	C12636	Nguyễn Quỳnh Chi	26/01/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			70,5	70,5		
2637	C12637	Nguyễn Thị Anh Đào	11/12/1985	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			48	48		
2638	C12638	Đỗ Thị Huyền Diệu	08/10/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	TH Bình Minh		47,5	47,5		
2639	C12639	Ngô Thị Thúy Dịu	12/01/2002	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2640	C12640	Nguyễn Ngọc Thuỳ Dung	12/8/2002	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			48	48		Không xét trường NV2
2641	C12641	Nguyễn Long Thành Duy	10/7/2000	Nam	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2642	C12642	Nguyễn Thị Duyên	13/02/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2643	C12643	Nguyễn Thị Duyên	02/9/1996	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2644	C12644	Phan Mỹ Duyên	29/8/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			66,5	66,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2645	C12645	Đào Châu Giang	06/9/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học		TH, THCS và THPT Khương Hạ		43,5	43,5		Không xét Trường NV1
2646	C12646	Bùi Việt Hà	10/8/1996	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			54	54		
2647	C12647	Dương Thị Thu Hà	15/10/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			64,5	64,5		
2648	C12648	Ngô Minh Hằng	05/01/2002	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			62,5	62,5		
2649	C12649	Nguyễn Thị Thu Hằng	15/6/1995	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			60,5	60,5		
2650	C12650	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/02/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			72	72		
2651	C12651	Nguyễn Thị Thu Hằng	09/02/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			72,5	72,5		
2652	C12652	Nguyễn Thị Thu Hằng	22/01/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			83,5	83,5		
2653	C12653	Trần Thị Thanh Hằng	12/9/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			65,5	65,5		
2654	C12654	Nguyễn Thúy Hạnh	17/11/1999	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			61,5	61,5		
2655	C12655	Tô Mai Hạnh	06/01/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			88	88	Trúng tuyển NV1	
2656	C12656	Trương Bích Hạnh	07/12/1999	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			62,5	62,5		
2657	C12657	Trần Thị Thúy Hiền	25/02/1999	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			70	70		
2658	C12658	Triệu Tố Hoa	07/6/1988	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH Bình Minh	PTCS Xã Đàn		39	39		Vị trí Đoàn đội
2659	C12659	Bùi Thị Hoài	06/5/1990	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			74,5	74,5		
2660	C12660	Nguyễn Thị Huệ	21/7/1990	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH Bình Minh	PTCS Xã Đàn		50,5	50,5		
2661	C12661	Nguyễn Minh Hương	26/01/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			62	62		
2662	C12662	Nguyễn Quỳnh Hương	22/12/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			71,5	71,5		
2663	C12663	Nguyễn Thị Thu Hương	24/10/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			66,5	66,5		
2664	C12664	Ngô Thu Hường	14/12/1996	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2665	C12665	Nguyễn Thị Hường	11/5/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			53	53		Không xét trường NV2
2666	C12666	Nguyễn Thị Hường	27/5/1994	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2667	C12667	Bùi Thị Khánh Huyền	22/11/2000	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			71	71		
2668	C12668	Cao Thanh Huyền	13/7/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			68	68		
2669	C12669	Nguyễn Thanh Huyền	11/7/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học		TH, THCS và THPT Khương Hạ		43,5	43,5		Không xét Trường NV1
2670	C12670	Nguyễn Thị Khánh Huyền	15/12/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			42	42		
2671	C12671	Trịnh Thị Thanh Huyền	20/9/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2672	C12672	Nguyễn Thanh Lam	10/9/1992	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			48,5	48,5		Không xét trường NV2
2673	C12673	Phạm Thị Lan	13/10/1985	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2674	C12674	Phạm Thị Tuyết Lan	01/7/1984	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2675	C12675	Trần Thị Lan	26/9/1996	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			50,5	50,5		
2676	C12676	Hoàng Thị Kim Lệ	17/9/1993	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		5	70,5	75,5		Không xét trường NV2
2677	C12677	Trần Thị Bích Liên	17/12/1995	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			69	69		
2678	C12678	Đỗ Thị Linh	21/8/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			73	73		
2679	C12679	Nguyễn Lê Quý Linh	14/9/2003	Nam	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			46	46		
2680	C12680	Nguyễn Thị Nhật Linh	23/6/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			64	64		
2681	C12681	Phạm Thị Thùy Linh	03/11/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			66	66		
2682	C12682	Phí Linh Linh	12/8/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			72	72		
2683	C12683	Trần Thị Diệu Linh	09/9/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2684	C12684	Dương Huệ Linh	01/01/2002	Nữ	Giáo dục tiểu học	PTCS Xã Đàn	TH Bình Minh	5	52	57		
2685	C12685	Nguyễn Thị Loan	25/10/1997	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			61	61		
2686	C12686	Nguyễn Thị Luyến	03/02/1996	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2687	C12687	Đặng Thảo Ly	13/7/2000	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			61,5	61,5		
2688	C12688	Nguyễn Hương Ly	04/7/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			54,5	54,5		
2689	C12689	Đinh Thị Mai	17/01/1989	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2690	C12690	Trần Thị Thanh Mai	20/8/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		5	84,5	89,5	Trúng tuyển NV1	
2691	C12691	Nguyễn Thị Thanh Minh	12/4/1993	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			69,5	69,5		
2692	C12692	Nguyễn Thị Mùi	26/6/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			40,5	40,5		
2693	C12693	Nguyễn Trà My	20/4/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2694	C12694	Bùi Thúy Nga	15/12/2000	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			41	41		
2695	C12695	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	10/8/1995	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			74	74		
2696	C12696	Nguyễn Thị Thu Nga	13/01/1994	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	PTCS Nguyễn Đình Chiểu		87	87	Trúng tuyển NV1	
2697	C12697	Nguyễn Văn Nga	23/12/1997	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			83	83		Không xét trường NV2
2698	C12698	Nguyễn Thị Thanh Ngân	26/12/2002	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			72,5	72,5		
2699	C12699	Nguyễn Thị Thu Ngân	26/10/1992	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	PTCS Nguyễn Đình Chiểu		75	75		
2700	C12700	Nguyễn Thu Ngân	11/02/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			82	82		
2701	C12701	Tạ Thị Ngát	16/3/1997	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			60	60		
2702	C12702	Hoàng Như Ngọc	07/8/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			63	63		
2703	C12703	Nguyễn Hồng Ngọc	19/02/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			66	66		
2704	C12704	Nguyễn Thị Nguyệt	08/12/1991	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH Bình Minh	TH, THCS và THPT Khương Hạ	5	36,5	41,5		
2705	C12705	Ngô Lan Nhi	06/5/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			63,5	63,5		
2706	C12706	Nguyễn Thị Uyên Nhi	24/9/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			69	69		
2707	C12707	Trần Yến Nhi	12/9/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			70	70		
2708	C12708	Nguyễn Thị Nhị	15/9/1994	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			66	66		
2709	C12709	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/12/2000	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			Không xét trường NV2
2710	C12710	Hoàng Thị Nhung	08/8/1995	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			72	72		
2711	C12711	Dương Khánh Ni	01/12/1992	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2712	C12712	Nguyễn Diệu Ninh	07/5/2000	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			53	53		
2713	C12713	Đặng Phương Oanh	02/12/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			53	53		
2714	C12714	Nguyễn Thị Thu Phương	28/9/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			74	74		
2715	C12715	Ngô Kim Phượng	20/8/2003	nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			76	76		
2716	C12716	Lê Bích Quyên	19/7/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	PTCS Nguyễn Đình Chiểu	TH Bình Minh		71	71	Trúng tuyển NV1	
2717	C12717	Nguyễn Thị Quyên	20/5/1995	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			60	60		
2718	C12718	Tống Thị Quyên	29/8/1999	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			34,5	34,5		
2719	C12719	Đỗ Như Quỳnh	25/01/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			62,5	62,5		
2720	C12720	Lê Như Quỳnh	18/02/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			59,5	59,5		
2721	C12721	Vũ Thị Diễm Quỳnh	25/10/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			50	50		
2722	C12722	Nguyễn Thị Sang	21/7/1992	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			46	46		
2723	C12723	Lê Thanh Tâm	27/11/1995	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2724	C12724	Tống Thị Thanh Tâm	02/01/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			53,5	53,5		
2725	C12725	Nguyễn Thị Phương Thanh	21/01/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			77,5	77,5		
2726	C12726	Phan Thúy Thanh	28/9/2002	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			78	78		
2727	C12727	Hoàng Trần Phương Thảo	08/7/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH Bình Minh	PTCS Nguyễn Đình Chiểu		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
2728	C12728	Lê Phương Thảo	05/01/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			82,5	82,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2729	C12729	Nguyễn Hương Thảo	14/01/2000	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	TH Bình Minh		53,5	53,5		
2730	C12730	Nguyễn Thị Thu Thảo	31/12/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	PTCS Nguyễn Đình Chiểu	TH Bình Minh		60,5	60,5		
2731	C12731	Ngô Mỹ Thu	27/6/2000	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			63	63		
2732	C12732	Nguyễn Hoài Thu	22/7/2000	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			Không xét trường NV2
2733	C12733	Nguyễn Minh Thu	19/10/1999	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			84,5	84,5		
2734	C12734	Nguyễn Thị Thương	08/4/1998	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2735	C12735	Đỗ Thị Thuý	15/7/1995	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			61	61		
2736	C12736	Nguyễn Thanh Thuý	02/01/1999	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			56,5	56,5		
2737	C12737	Kiều Thị Thuyết	03/02/1990	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			40	40		
2738	C12738	Quách Thị Thủy Tiên	19/7/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			77,5	77,5		
2739	C12739	Tòng Thị Cẩm Tiến	29/11/1999	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2740	C12740	Hoàng Thanh Trà	19/6/1997	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			61,5	61,5		Không xét trường NV2
2741	C12741	Bùi Thị Thu Trang	29/9/2002	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		5	50,5	55,5		
2742	C12742	Đinh Thị Thùy Trang	29/3/1997	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		5	45	50		
2743	C12743	Lê Kiều Trang	19/12/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			60	60		
2744	C12744	Nguyễn Thị Phương Trang	22/6/1994	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			59	59		
2745	C12745	Nguyễn Thị Thu Trang	03/10/1996	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			Bỏ thi			
2746	C12746	Nguyễn Thu Trang	27/11/1991	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			83,5	83,5		
2747	C12747	Nguyễn Thu Trang	22/12/2002	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			58	58		
2748	C12748	Nguyễn Thuỳ Trang	09/7/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			81	81		
2749	C12749	Phạm Thị Trang	10/8/2001	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH Bình Minh	PTCS Nguyễn Đình Chiểu		78,5	78,5	Trúng tuyển NV1	
2750	C12750	Trịnh Kiều Trang	21/10/2002	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			41	41		
2751	C12751	Lò Văn Trường	03/6/1994	Nam	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		5	76	81		
2752	C12752	Cấn Thị Mai Tú	02/01/1996	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			72	72		
2753	C12753	Khuất Cẩm Tú	19/12/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			71	71		
2754	C12754	Nguyễn Thị Tươi	19/01/1999	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			51	51		
2755	C12755	Phan Thị Tuyết	09/02/1985	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			72	72		
2756	C12756	Nguyễn Thị Phương Uyên	26/02/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			58	58		
2757	C12757	Nguyễn Thị Vân	25/11/1992	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			65	65		
2758	C12758	Trần Hồng Vân	12/10/1996	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			59,5	59,5		
2759	C12759	Lâu Thị Vân	06/4/2003	Nữ	Giáo dục tiểu học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		5	37,5	42,5		
2760	C12760	Trịnh Thị Yến	29/9/1992	Nữ	Giáo dục tiểu học	PTCS Nguyễn Đình Chiểu	TH Bình Minh		55,5	55,5		
2761	C32761	Vũ Thị An	19/5/1998	Nữ	Địa lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
2762	C32762	Kim Thị Lan Anh	27/01/2001	Nữ	Địa lí	THPT Văn Cốc	THPT Đan Phượng		66	66	Trúng tuyển NV1	
2763	C32763	Lê Thị Anh	25/02/2001	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Ứng Hòa A		55	55	Trúng tuyển NV1	
2764	C32764	Nguyễn Diệu Anh	19/5/2003	Nữ	Địa lí	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		53	53	Trúng tuyển NV2	
2765	C32765	Nguyễn Lê Huy Anh	27/8/2003	Nam	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		59,5	59,5		
2766	C32766	Nguyễn Thị Kiều Anh	14/11/1993	Nữ	Địa lí	THPT Khương Đình	THPT Đống Đa		32,5	32,5		
2767	C32767	Nguyễn Thị Kim Anh	24/02/1995	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		46	46		
2768	C32768	Nguyễn Thị Vân Anh	02/5/1998	Nữ	Địa lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		55	55		
2769	C32769	Sỳ Thị Lan Anh	31/7/2002	Nữ	Địa lí	THPT Trần Nhân Tông	THPT Phan Đình Phùng		42	42		
2770	C32770	Văn Hà Anh	07/7/1999	Nữ	Địa lí	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông		65	65		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2771	C32771	Lại Ngọc Ánh	27/02/1997	Nữ	Địa lí	THPT Phú Xuyên B	THPT Ứng Hòa A		67,5	67,5		
2772	C32772	Vũ Quang Bắc	22/9/2000	Nam	Địa lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		45,5	45,5		
2773	C32773	Phan Thị Bình	23/3/1990	Nữ	Địa lí	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		78	78	Trúng tuyển NV1	
2774	C32774	Đỗ Thị Chính	31/7/1988	Nữ	Địa lí	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		44	44		
2775	C32775	Trịnh Văn Chính	01/4/2003	nam	Địa lí	THPT Chương Mỹ A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		68	68	Trúng tuyển NV1	
2776	C32776	Nguyễn Văn Chung	22/12/1996	Nam	Địa lí	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		45,5	45,5		
2777	C32777	Vũ Thị Cúc	09/01/2003	Nữ	Địa lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Việt Đức		74,5	74,5		
2778	C32778	Đậu Xuân Đang	18/8/2003	Nam	Địa lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		60,5	60,5		
2779	C32779	Lương Thị Dung	25/11/2002	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Đông Mỹ		48	48		
2780	C32780	Nguyễn Thị Dung	22/5/1989	Nữ	Địa lí	THPT Ngọc Hồi	THPT Đông Mỹ		61	61	Trúng tuyển NV1	
2781	C32781	Vi Thị Dung	03/8/1989	Nữ	Địa lí	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long	5	Bỏ thi			
2782	C32782	Nguyễn Thuỳ Dương	30/7/2000	Nữ	Địa lí	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
2783	C32783	Hà Thị Duyên	02/11/1994	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình	5	72,5	77,5	Trúng tuyển NV1	
2784	C32784	Lê Thị Hương Giang	26/7/1994	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Lý Tử Tấn		46,5	46,5		
2785	C32785	Nguyễn Trà Giang	04/5/2002	Nữ	Địa lí	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		48	48		
2786	C32786	Lương Ngọc Hà	04/12/2003	Nữ	Địa lí	THPT Thạch Bàn	THPT Khương Đình		63,5	63,5		
2787	C32787	Nguyễn Thu Hà	04/12/1996	Nữ	Địa lí	THPT Đông Mỹ	THPT Ngọc Hồi		Bỏ thi			
2788	C32788	Nguyễn Việt Hà	21/10/2001	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Lương Sơn		71	71		
2789	C32789	Hoàng Thị Hải	03/11/1995	Nữ	Địa lí	THPT Tự Lập		5	69	74	Trúng tuyển NV1	
2790	C32790	Bùi Ngọc Hân	09/10/2002	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		61,5	61,5		
2791	C32791	Nguyễn Thị Ngọc Hân	27/11/1995	Nữ	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức A		56	56		
2792	C32792	Chu Thị Thu Hằng	04/12/2002	Nữ	Địa lí	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức A		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
2793	C32793	Đặng Thị Bích Hằng	21/11/2003	Nữ	Địa lí	THPT Đan Phượng	THPT Văn Cốc	5	51	56		
2794	C32794	Nguyễn Thị Hằng	14/8/2003	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		63	63		
2795	C32795	Nguyễn Thị Hạnh	09/04/1996	Nữ	Địa lí	THPT Tiên Thinh	THPT Bắc Thăng Long		70,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
2796	C32796	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	04/3/1999	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức A		62	62		
2797	C32797	Lục Thị Hậu	07/02/1991	Nữ	Địa lí	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long	5	47,5	52,5		
2798	C32798	Nguyễn Thị Hậu	09/7/1994	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Phú Xuyên B		30,5	30,5		
2799	C32799	Nguyễn Thị Hiền	11/11/2000	Nữ	Địa lí	THPT Hoài Đức A	THPT Quang Trung - Hà Đông		58,5	58,5		
2800	C32800	Phạm Mai Hiên	14/10/2002	Nữ	Địa lí	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Đan Phượng	5	44,5	49,5		
2801	C32801	Đào Thị Thu Hiền	14/8/2001	Nữ	Địa lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
2802	C32802	Lê Thị Hiền	04/6/1994	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Quang Trung - Hà Đông		50	50	Trúng tuyển NV1	
2803	C32803	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/11/1997	Nữ	Địa lí	THPT Phú Xuyên B	THPT Lý Tử Tấn		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
2804	C32804	Lê Công Hiếu	10/8/1991	Nam	Địa lí	THPT Phan Đình Phùng	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		44	44		
2805	C32805	Bùi Thị Thanh Hoa	05/7/1995	Nữ	Địa lí	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		69	69	Trúng tuyển NV1	
2806	C32806	Nguyễn Phương Hoa	19/02/2002	Nữ	Địa lí	THPT Khương Đình	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
2807	C32807	Nông Thị Hoa	10/02/2003	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Xuân Phương	5	64	69		
2808	C32808	Nguyễn Thu Hoà	19/9/1995	Nữ	Địa lí	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Trần Nhân Tông		65,5	65,5	Trúng tuyển NV2	
2809	C32809	Nguyễn Tiến Hoàng	24/8/2000	Nam	Địa lí	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		62,5	62,5	Trúng tuyển NV1	
2810	C32810	Lưu Thị Hoạt	08/02/1996	Nữ	Địa lí	THPT Vân Tảo	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	5	53	58	Trúng tuyển NV1	
2811	C32811	Nguyễn Thị Hồng	04/4/2001	Nữ	Địa lí	THPT Đông Anh	THPT Tự Lập		50	50		
2812	C32812	Phạm Thị Thu Hồng	13/3/1992	Nữ	Địa lí	THPT Phúc Lợi	THPT Xuân Phương	5	37,5	42,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2813	C32813	Nguyễn Thị Huế	10/7/1992	Nữ	Địa lí	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		47,5	47,5		
2814	C32814	Nguyễn Thị Hồng Huệ	20/01/2002	Nữ	Địa lí	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Quang Trung - Hà Đông		61	61	Trúng tuyển NV1	
2815	C32815	Trần Thị Huệ	05/9/2003	Nữ	Địa lí	THPT Khương Đình	THPT Ngô Thì Nhậm	5	51,5	56,5		
2816	C32816	Nguyễn Ngọc Hương	31/12/1999	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Thạch Bàn		60	60	Trúng tuyển NV1	
2817	C32817	Nguyễn Thị Hương	04/3/1992	Nữ	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức A		51,5	51,5		
2818	C32818	Nguyễn Thị Lan Hương	21/7/2002	Nữ	Địa lí	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		51,5	51,5		
2819	C32819	Phạm Thanh Hương	30/9/2001	Nữ	Địa lí	THPT Phúc Lợi	THPT Phan Đình Phùng		54,5	54,5		
2820	C32820	Đặng Phan Ngọc Huy	20/7/2003	Nam	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Văn Cốc		30,5	30,5		
2821	C32821	Nguyễn Quang Huy	02/8/2001	Nam	Địa lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
2822	C32822	Phạm Đình Huy	14/8/2002	Nam	Địa lí	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		54	54	Trúng tuyển NV1	
2823	C32823	Đào Thị Huyền	10/9/1990	Nữ	Địa lí	THPT Minh Hà	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
2824	C32824	Ngô Thanh Huyền	18/12/1996	Nữ	Địa lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Quang Trung - Hà Đông		73,5	73,5		
2825	C32825	Nguyễn Ngọc Huyền	03/12/2002	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
2826	C32826	Nguyễn Thị Huyền	09/7/2003	Nữ	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		76	76	Trúng tuyển NV1	
2827	C32827	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02/7/2001	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phú Xuyên B		51	51		
2828	C32828	Phạm Thị Thu Huyền	21/12/2003	Nữ	Địa lí	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Trần Nhân Tông		47,5	47,5		
2829	C32829	Phùng Thị Huyền	07/9/2002	Nữ	Địa lí	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Thạch Bàn		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
2830	C32830	Trần Thị Thu Huyền	19/9/2002	Nữ	Địa lí	THPT Xuân Phương	THPT Quang Trung - Hà Đông		59,5	59,5		
2831	C32831	Trần Thuý Huyền	15/5/1990	Nữ	Địa lí	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Nhân Chính		55,5	55,5		
2832	C32832	Vũ Ngọc Huyền	26/4/2003	Nữ	Địa lí	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		58,5	58,5	Trúng tuyển NV1	
2833	C32833	Nguyễn Đoàn Khang	10/9/1991	Nam	Địa lí	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Đông Mỹ		59	59	Trúng tuyển NV1	
2834	C32834	Nguyễn Tuấn Kiệt	06/6/2002	Nam	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		62	62		
2835	C32835	Nguyễn Thị Lân	08/11/2002	Nữ	Địa lí	THPT Chương Mỹ A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		67,5	67,5		
2836	C32836	Nguyễn Thị Lệ	28/8/1995	Nữ	Địa lí	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		63,5	63,5		
2837	C32837	Nguyễn Thị Liên	01/03/1992	Nữ	Địa lí	THPT Hoài Đức A	THPT Tân Lập	5	74	79	Trúng tuyển NV1	
2838	C32838	Hoàng Thị Liễu	21/01/2001	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Thạch Bàn	5	64	69		
2839	C32839	Hoàng Đặng Liệu	29/9/2002	Nữ	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	5	65,5	70,5		
2840	C32840	Bùi Thị Linh	14/6/2001	Nữ	Địa lí	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		57	57		
2841	C32841	Đinh Như Linh	11/4/1993	Nam	Địa lí	THPT Tự Lập	THPT Bắc Thăng Long	5	54	59		
2842	C32842	Đinh Thị Diệu Linh	05/10/2023	Nữ	Địa lí	THPT Chương Mỹ A	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
2843	C32843	Kiều Ngọc Linh	22/02/2002	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		41	41		
2844	C32844	Nguyễn Mai Linh	01/12/2001	Nữ	Địa lí	THPT Phan Đình Phùng	THPT Đống Đa		78	78	Trúng tuyển NV1	
2845	C32845	Nguyễn Ngọc Linh	07/9/1998	Nữ	Địa lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		87	87	Trúng tuyển NV1	
2846	C32846	Trần Nhật Linh	06/12/1997	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ	5	65,5	70,5		
2847	C32847	Nguyễn Thị Loan	13/7/1993	Nữ	Địa lí	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		52	52		
2848	C32848	Xa Thuý Lụa	06/9/2003	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thạch Bàn	5	69	74	Trúng tuyển NV1	
2849	C32849	Nguyễn Thị Lương	07/10/2003	Nữ	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức A		72	72		
2850	C32850	Bùi Thị Thanh Mai	14/02/2002	Nữ	Địa lí	THPT Đan Phượng	THPT Tân Lập		52	52		
2851	C32851	Dương Thị Mai	12/11/1997	Nữ	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		58	58		
2852	C32852	Hà Thị Mai	30/3/2003	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình	5	62,5	67,5	Trúng tuyển NV1	
2853	C32853	Phan Thị Ngọc Mai	17/9/2002	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		62	62		
2854	C32854	Tạ Thị Mai	28/10/1999	Nữ	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		57	57		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2855	C32855	Trần Thị Tuyết Mai	15/08/2003	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		57	57		
2856	C32856	Vi Thị Miền	08/6/2002	Nữ	Địa lí	THPT Bắc Thăng Long	THPT Việt Đức	5	47	52		
2857	C32857	Phạm Ngọc Minh	28/11/2002	Nữ	Địa lí	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		38,5	38,5		
2858	C32858	Lê Trà My	17/10/2002	Nữ	Địa lí	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		Bỏ thi			
2859	C32859	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	03/9/1996	Nữ	Địa lí	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
2860	C32860	Lê Thị Ngà	25/10/1995	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		42	42		
2861	C32861	Đỗ Thị Ngân	21/7/1991	Nữ	Địa lí	THPT Đông Mỹ	THPT Ngô Thì Nhậm		55	55	Trúng tuyển NV1	
2862	C32862	Lê Hồng Ngân	21/01/1996	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức A		54	54		
2863	C32863	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/7/1989	Nữ	Địa lí	THPT Ứng Hòa A	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		54,5	54,5		
2864	C32864	Vũ Kim Ngân	13/6/2002	Nữ	Địa lí	THPT Đông Mỹ	THPT Mỹ Đình		48,5	48,5		
2865	C32865	Vũ Thị Ngần	17/8/1997	Nữ	Địa lí	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi	5	Bỏ thi			
2866	C32866	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	04/4/2003	Nữ	Địa lí	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		56,5	56,5		
2867	C32867	Nguyễn Thị Ngọc	03/3/1986	Nữ	Địa lí	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		64	64	Trúng tuyển NV1	
2868	C32868	Phan Thị Ngọc	14/8/1992	Nữ	Địa lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		58,5	58,5		
2869	C32869	Đỗ Thị Thảo Nguyên	28/9/2002	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		56	56		
2870	C32870	Nguyễn Thảo Nhi	25/01/2002	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		54	54		
2871	C32871	Bùi Thị Như	08/4/1993	Nữ	Địa lí	THPT Chương Mỹ B	THPT Thanh Oai B		53,5	53,5	Trúng tuyển NV1	
2872	C32872	Lã Hồng Nhung	17/9/2002	Nữ	Địa lí	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn	5	53	58		
2873	C32873	Nguyễn Thị Ninh	12/7/1997	Nữ	Địa lí	THPT Hồng Thái	THPT Mỹ Đình		77,5	77,5	Trúng tuyển NV1	
2874	C32874	Kiều Thị Oanh	24/4/1997	Nữ	Địa lí	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức A		38,5	38,5		
2875	C32875	Giàng A Phú	30/4/2000	Nam	Địa lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Khương Đình	5	25	30		
2876	C32876	Nguyễn Đình Phúc	18/9/1999	Nam	Địa lí	THPT Dương Xá	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	
2877	C32877	Lương Minh Phùng	09/9/2000	Nam	Địa lí	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn	5	43	48		
2878	C32878	Hoàng Thị Phương	06/12/1994	Nữ	Địa lí	THPT Hoài Đức A	THPT Hoài Đức C		61	61		
2879	C32879	Kiều Thị Phương	30/12/1990	Nữ	Địa lí	THPT Phú Xuyên B	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		67	67		
2880	C32880	Lương Thị Minh Phương	25/11/1993	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Lý Tự Trọng		48,5	48,5		
2881	C32881	Nguyễn Thị Phương	19/9/2000	Nữ	Địa lí	THPT Hoài Đức C			56	56		Không xét trường NV2
2882	C32882	Đào Thị Phượng	16/4/1995	Nữ	Địa lí	THPT Đông Anh	THPT Tiền Thịnh		58,5	58,5		
2883	C32883	Nguyễn Thị Phượng	13/02/1997	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		54	54		
2884	C32884	Vũ Thị Quyến	03/4/1989	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Quang Trung - Hà Đông		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
2885	C32885	Bùi Như Quỳnh	28/4/2002	Nữ	Địa lí	THPT Tân Lập	THPT Hoài Đức A		58	58	Trúng tuyển NV1	
2886	C32886	Đồng Thị Quỳnh	06/6/2002	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ A		50	50		
2887	C32887	Lục Thị Hương Quỳnh	16/7/2003	Nữ	Địa lí	THPT Đại Mỗ	THPT Phan Đình Phùng	5	51,5	56,5		
2888	C32888	Trần Thị Như Quỳnh	21/8/2003	Nữ	Địa lí	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		50	50		
2889	C32889	Nguyễn Trường San	03/11/2001	Nam	Địa lí	THPT Việt Đức	THPT Trần Nhân Tông		79,5	79,5	Trúng tuyển NV1	
2890	C32890	Giang Văn Sơn	11/11/1986	Nam	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		72,5	72,5		
2891	C32891	Nguyễn Hồng Sơn	05/4/2003	Nam	Địa lí	THPT Ứng Hòa A	THPT Mỹ Đình		58	58	Trúng tuyển NV1	
2892	C32892	Nguyễn Ngọc Tâm	29/5/1998	Nữ	Địa lí	THPT Trương Định	THPT Nguyễn Quốc Trinh		Bỏ thi			
2893	C32893	Lê Đình Thanh	01/11/2003	Nam	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Nhân Chính		58,5	58,5	Trúng tuyển NV2	
2894	C32894	Trần Thị Thanh Thanh	03/10/1994	Nữ	Địa lí	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		Bỏ thi			
2895	C32895	Đào Văn Thành	28/11/1987	Nam	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Vân Cốc		33,5	33,5		
2896	C32896	Lê Văn Thao	06/01/1994	Nam	Địa lí	THPT Khương Đình	THPT Ngọc Hồi		29,5	29,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2897	C32897	Đoàn Phương Thảo	27/10/2003	Nữ	Địa lí	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		61	61	Trúng tuyển NV1	
2898	C32898	Hồ Thị Thu Thảo	21/9/2002	Nữ	Địa lí	THPT Hồng Thái	THPT Tân Lập		64	64		
2899	C32899	Lý Thị Thoa	05/5/1997	Nữ	Địa lí	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà	5	78	83	Trúng tuyển NV1	
2900	C32900	Đinh Thị Thu Thơm	14/9/1995	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		40,5	40,5		
2901	C32901	Nguyễn Thị Thơm	27/11/1997	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT Xuân Phương		72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
2902	C32902	Bùi Hà Thu	28/8/1992	Nữ	Địa lí	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	5	57,5	62,5	Trúng tuyển NV1	
2903	C32903	Đinh Thị Thu	06/09/1996	Nữ	Địa lí	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	5	55,5	60,5		
2904	C32904	Lê Thị Thu	31/8/1993	Nữ	Địa lí	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		53,5	53,5		
2905	C32905	Nguyễn Thị Thu	18/8/1998	Nữ	Địa lí	THPT Đan Phượng	THPT Tân Lập		77	77	Trúng tuyển NV1	
2906	C32906	Hoàng Thanh Thư	16/4/2001	Nữ	Địa lí	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh		42,5	42,5		
2907	C32907	Nguyễn Thị Thuận	09/4/1995	Nữ	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Vân Cốc		56,5	56,5		
2908	C32908	Nguyễn Thị Thuận	30/01/2001	Nữ	Địa lí	THPT Thanh Oai B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		46,5	46,5		
2909	C32909	Nguyễn Thị Thuận	27/4/1987	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		74	74		
2910	C32910	Lê Thị Hồng Thuý	28/8/1993	Nữ	Địa lí	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Thanh Oai A		81,5	81,5	Trúng tuyển NV1	
2911	C32911	Nguyễn Thị Minh Thuý	07/02/1992	Nữ	Địa lí	THPT Ứng Hòa A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		47,5	47,5		
2912	C32912	Nguyễn Thị Thuý	04/3/1994	Nữ	Địa lí	THPT Lý Tự Tấn	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		35,5	35,5		
2913	C32913	Trần Thị Thuỳ	13/01/2002	Nữ	Địa lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		44	44		
2914	C32914	Đỗ Thị Thuỳ	10/9/1989	Nữ	Địa lí	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Đông Mỹ		54,5	54,5		
2915	C32915	Vũ Cẩm Thúy	20/5/1997	Nữ	Địa lí	THPT Đại Mỗ	THPT Hoài Đức A		69	69	Trúng tuyển NV1	
2916	C32916	Vũ Thị Thúy	03/4/2003	Nữ	Địa lí	THPT Đống Đa	THPT Mỹ Đình		62	62	Trúng tuyển NV1	
2917	C32917	Nguyễn Thị Thúy	11/9/1996	Nữ	Địa lí	THPT Hoài Đức A	THPT Đan Phượng		67,5	67,5		
2918	C32918	Nguyễn Việt Tiến	26/02/1998	Nam	Địa lí	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức A		71,5	71,5	Trúng tuyển NV1	
2919	C32919	Lê Thị Thu Trang	12/6/1990	Nữ	Địa lí	THPT Khương Đình	THPT Ngô Thì Nhậm		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
2920	C32920	Lưu Thị Phương Trang	09/4/2003	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức A	5	53	58		
2921	C32921	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	21/01/2002	Nữ	Địa lí	THPT Phan Đình Phùng	THPT Mỹ Đình		59,5	59,5		
2922	C32922	Nguyễn Thị Trang	10/5/1999	Nữ	Địa lí	THPT Thanh Oai A	THPT Thanh Oai B		52,5	52,5	Trúng tuyển NV1	
2923	C32923	Trần Phạm Minh Trang	06/01/2000	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Thạch Bàn		52	52		
2924	C32924	Trần Thị Quỳnh Trang	28/8/1991	Nữ	Địa lí	THPT Việt Đức	THPT Phan Đình Phùng		61	61		
2925	C32925	Đào Thị Trúc	12/11/2002	Nữ	Địa lí	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Đông Mỹ		Bỏ thi			
2926	C32926	Hoàng Công Tuấn	16/01/2000	Nam	Địa lí	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa	THPT Xuân Phương		37	37		
2927	C32927	Nguyễn Văn Tuấn	08/5/1994	Nam	Địa lí	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		65	65		
2928	C32928	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/02/2001	Nữ	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Đại Mỗ		50	50		
2929	C32929	Nguyễn Thị Tuyết	18/10/1990	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		55,5	55,5		
2930	C32930	Trần Thị Tuyết	08/8/1997	Nữ	Địa lí	THPT Hoài Đức A	THPT Mỹ Đình		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
2931	C32931	Hoàng Thị Vân	15/7/1992	Nữ	Địa lí	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi	5	66	71	Trúng tuyển NV1	
2932	C32932	Phan Hồng Vân	08/12/2001	Nữ	Địa lí	THPT Thạch Bàn	THPT Vân Cốc	5	54	59		
2933	C32933	Hà Thảo Vi	19/6/1997	Nữ	Địa lí	THPT Việt Đức	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		48	48		
2934	C32934	Ngô Thị Huyền Vi	20/10/2002	Nữ	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Quang Trung - Hà Đông		Bỏ thi			
2935	C32935	Đỗ Thái Việt	05/10/2002	Nam	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		72,5	72,5		
2936	C32936	Chu Thị Vuông	08/01/1991	Nữ	Địa lí	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức A		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
2937	C32937	Trần Hà Vy	21/10/2002	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Việt Đức		71,5	71,5		
2938	C32938	Đinh Thị Xuyên	15/10/1992	Nữ	Địa lí	THPT Ứng Hòa A	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		52	52		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2939	C32939	Bùi Hải Yến	17/5/2002	Nữ	Địa lí	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Ngọc Hồi	5	54,5	59,5		
2940	C32940	Hoàng Thị Hải Yến	08/3/1996	Nữ	Địa lí	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà	5	65	70		
2941	C32941	Nguyễn Thị Yến	05/5/2000	Nữ	Địa lí	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		72	72		
2942	C32942	Vũ Thị Yến	01/12/1993	Nữ	Địa lí	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà	5	53	58		
2943	C32943	Đàm Thị Vân Anh	16/6/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Xuân Giang	THPT Trung Giã		53	53		
2944	C32944	Đỗ Hải Anh	28/8/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Nhân Chính		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
2945	C32945	Lê Thị Vân Anh	15/8/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		58,5	58,5		
2946	C32946	Nguyễn Chi Vân Anh	08/5/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Hoài Đức C	THPT Xuân Phương		59,5	59,5		
2947	C32947	Nguyễn Diệu Anh	25/10/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		65,5	65,5		
2948	C32948	Nguyễn Nam Anh	09/10/2000	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		51,5	51,5		
2949	C32949	Nguyễn Phương Anh	30/7/2001	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		60,5	60,5		
2950	C32950	Nguyễn Thế Anh	30/11/2003	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Nhân Chính		68,5	68,5		
2951	C32951	Nguyễn Thị Mai Anh	26/8/2001	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Lý Tử Tấn		52	52		
2952	C32952	Nguyễn Tiến Anh	04/3/2002	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Xuân Phương			52,5	52,5		
2953	C32953	Phạm Lan Anh	23/10/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Lưu Hoàng	THPT Hợp Thanh		53,5	53,5	Trúng tuyển NV1	
2954	C32954	Phạm Phương Anh	27/12/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nhân Chính	THPT Nguyễn Văn Trỗi		61	61	Trúng tuyển NV1	
2955	C32955	Phạm Vân Anh	18/9/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Thanh Oai A		58,5	58,5		
2956	C32956	Tạ Kiều Anh	20/09/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		57	57		
2957	C32957	Thân Thị Tú Anh	06/01/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Phan Đình Phùng	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		55	55	Trúng tuyển NV1	
2958	C32958	Trịnh Ngọc Anh	09/02/2001	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Xuân Phương		48,5	48,5		
2959	C32959	Nguyễn Hải Vân Ánh	19/3/1995	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đại Mỗ	THPT Việt Đức		57,5	57,5		
2960	C32960	Nguyễn Thị Minh Ánh	08/10/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		47	47		
2961	C32961	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/3/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Xuân Giang	THPT Sóc Sơn		63,5	63,5	Trúng tuyển NV1	
2962	C32962	Trần Thị Kim Ánh	10/10/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	THPT Minh Hà		64,5	64,5		
2963	C32963	Hoàng Thọ Bình	26/11/1997	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		57,5	57,5		
2964	C32964	Nguyễn Thị Bình	07/6/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đông Anh			68	68	Trúng tuyển NV1	
2965	C32965	Hà Thị Chang	01/9/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trung Giã	THPT Xuân Giang	5	64	69		
2966	C32966	Nguyễn Thị Kim Chi	21/8/1995	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		58	58		
2967	C32967	Tạ Quỳnh Chi	30/3/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Đông Mỹ		63,5	63,5	Trúng tuyển NV1	
2968	C32968	Hoàng Thị Chung	19/9/1995	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình	5	68,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
2969	C32969	Phí Thị Chung	07/9/1995	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Minh Hà	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất	5	68	73	Trúng tuyển NV1	
2970	C32970	Nguyễn Đình Công	13/11/1996	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		64	64		
2971	C32971	Nguyễn Trạch Dân	25/11/1995	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Hoài Đức C			51	51		
2972	C32972	Phạm Thị Anh Đào	05/11/1994	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Phan Đình Phùng	THPT Trần Nhân Tông		50,5	50,5		
2973	C32973	Phạm Thị Bích Diệp	13/01/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đại Mỗ	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		54,5	54,5		
2974	C32974	Cao Thị Diệu	27/12/1990	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đa Phúc	THPT Tây Hồ	5	56	61	Trúng tuyển NV2	
2975	C32975	Đinh Văn Đông	11/02/1995	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		72,5	72,5		
2976	C32976	Cao Thị Dung	05/8/1994	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Lý Tử Tấn		59,5	59,5	Trúng tuyển NV1	
2977	C32977	Nguyễn Thị Hồng Dung	10/3/1990	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		60	60	Trúng tuyển NV1	
2978	C32978	Vũ Thị Duyên	19/10/1996	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đông Anh	THPT Quang Trung - Hà Đông		56	56		
2979	C32979	Dương Thị Gấm	16/7/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trung Giã	THPT Đa Phúc		65,5	65,5		
2980	C32980	Nguyễn Thị Giang	22/4/2000	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đông Anh	THPT Xuân Giang		50	50		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện ƯT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
2981	C32981	Nguyễn Thị Hương Giang	14/02/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đa Phúc	THPT Xuân Giang		66,5	66,5	Trúng tuyển NV1	
2982	C32982	Đinh Thị Thu Hà	12/4/1990	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Minh Quang	THPT Bất Bạt	5	74,5	79,5	Trúng tuyển NV1	
2983	C32983	Dương Thị Hà	04/10/1984	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		64	64		
2984	C32984	Nguyễn Ngọc Hoàng Hà	04/12/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		55,5	55,5		
2985	C32985	Nguyễn Thanh Hải	28/10/1995	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		54,5	54,5		
2986	C32986	Tô Thuý Hân	01/7/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trần Nhân Tông	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
2987	C32987	Ngô Thu Hằng	28/7/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đông Anh	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		62	62	Trúng tuyển NV2	
2988	C32988	Bùi Linh Hạnh	21/8/1996	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Đại Mỗ	5	75	80	Trúng tuyển NV1	
2989	C32989	Nguyễn Thị Bích Hạnh	13/9/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tây Hồ		50	50		
2990	C32990	Lê Thị Hảo	18/11/1996	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Lý Tử Tấn	THPT Lưu Hoàng		53	53		
2991	C32991	Vũ Thị Hảo	15/12/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đại Mỗ	THPT Quang Trung - Hà Đông		Bỏ thi			
2992	C32992	Đặng Thúy Hiền	12/10/2001	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ứng Hòa B	THPT Lưu Hoàng		68	68	Trúng tuyển NV1	
2993	C32993	Đào Thu Hiền	02/11/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tiền Phong		53,5	53,5		
2994	C32994	Ngô Thị Thu Hiền	07/10/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Quang Trung - Hà Đông		Bỏ thi			
2995	C32995	Nguyễn Thúy Hiền	29/12/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Đông Anh		67	67		
2996	C32996	Nguyễn Trần Trung Hiếu	10/11/2001	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trung Giã	THPT Đa Phúc	5	53	58		
2997	C32997	Nguyễn Thị Thanh Hoa	15/6/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đa Phúc	THPT Mỹ Đình		54,5	54,5		
2998	C32998	Vũ Thanh Hoa	04/6/1995	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		42	42		
2999	C32999	Vũ Thị Yến Hoa	02/8/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Lý Tử Tấn		5	61	66	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
3000	C33000	Nguyễn Thị Hoài	06/7/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Tây Hồ	5	Bỏ thi			
3001	C33001	Nguyễn Huy Hoàng	17/11/1999	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đại Mỗ	THPT Ngô Thì Nhậm		Bỏ thi			
3002	C33002	Đỗ Thị Thu Hương	14/01/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Hoàng Văn Thụ	5	60,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
3003	C33003	Đoàn Thị Hương	22/02/1995	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà		55,5	55,5		
3004	C33004	Lê Thị Hương	17/5/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà		62	62	Trúng tuyển NV1	
3005	C33005	Nguyễn Thu Hương	24/10/1988	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Quang Trung - Hà Đông		60,5	60,5	Trúng tuyển NV1	
3006	C33006	Chu Thị Hường	28/8/1996	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Tây Hồ		56,5	56,5	Trúng tuyển NV1	
3007	C33007	Hoàng Thị Huyên	02/02/2001	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đông Anh	5	68,5	73,5		
3008	C33008	Đoàn Thị Huyền	20/01/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		59,5	59,5		
3009	C33009	Hà Thị Huyền	02/01/1991	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Việt Đức		Bỏ thi			
3010	C33010	Hà Thị Thu Huyền	30/8/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Việt Đức	THPT Quang Trung - Hà Đông		58	58		
3011	C33011	Nguyễn Thị Huyền	25/6/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Thạch Bàn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		61	61	Trúng tuyển NV1	
3012	C33012	Nông Thị Huyền	29/10/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ứng Hòa B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52,5	52,5		
3013	C33013	Trương Hải Lan	01/11/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngọc Hồi	THPT Đồng Mỹ		57	57		
3014	C33014	Đặng Bích Lệ	22/7/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		54	54		
3015	C33015	Vũ Thị Lệ	06/10/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Thạch Bàn	THPT Quang Trung - Hà Đông		55,5	55,5		
3016	C33016	Lê Diệu Linh	16/12/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đông Anh	THPT Tây Hồ		58	58		
3017	C33017	Liêu Thị Linh	26/6/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông		5	77,5	82,5	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
3018	C33018	Nguyễn Hương Linh	09/7/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Sóc Sơn	THPT Thạch Bàn		59,5	59,5		
3019	C33019	Nguyễn Thị Diệu Linh	04/6/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật		THPT Bắc Lương Sơn		51,5	51,5		Không xét trường NV1
3020	C33020	Nguyễn Thị Hà Linh	23/10/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Hợp Thanh	THPT Đại Cường		54	54	Trúng tuyển NV1	
3021	C33021	Nguyễn Thị Mai Linh	03/9/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		55	55	Trúng tuyển NV1	
3022	C33022	Nguyễn Thuỳ Linh	23/3/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Việt Đức	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		65,5	65,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3023	C33023	Nguyễn Thùy Linh	29/4/2000	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Việt Đức	THPT Chuyên Chu Văn An		67,5	67,5		
3024	C33024	Võ Thị Đan Linh	03/02/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Việt Đức	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		70	70	Trúng tuyển NV1	
3025	C33025	Võ Thị Khánh Linh	08/3/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Việt Đức		Bỏ thi			
3026	C33026	Ngô Hồng Loan	18/8/1982	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Ngô Thì Nhậm		50,5	50,5		
3027	C33027	Phạm Thị Hồng Loan	22/3/1990	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Bất Bạt	THPT Ngô Quyền - Ba Vì		62	62		
3028	C33028	Trần Thị Loan	27/10/1988	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Tự Lập	THPT Tiên Phong		60	60	Trúng tuyển NV1	
3029	C33029	Trương Thị Loan	10/5/1988	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Đại Mỗ		60	60		
3030	C33030	Nguyễn Thị Linh Lợi	16/7/1995	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Minh Hà	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất		76	76	Trúng tuyển NV1	
3031	C33031	Nguyễn Thị Ngọc Mai	21/10/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ A		60,5	60,5	Trúng tuyển NV2	
3032	C33032	Nguyễn Trần Ngọc Mai	06/3/2000	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Bắc Thăng Long	THPT Xuân Phương		78	78	Trúng tuyển NV1	
3033	C33033	Trần Thị Mơ	08/6/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trung Giã	THPT Đa Phúc		71	71	Trúng tuyển NV1	
3034	C33034	Nguyễn Thị Trà My	27/5/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Việt Đức	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		68,5	68,5		
3035	C33035	Quách Thị Hà My	07/6/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trần Nhân Tông	THPT Việt Đức		56	56		
3036	C33036	Trần Thị Hà My	31/10/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
3037	C33037	Nguyễn Thị Hồng Năng	01/7/1993	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Vân Cốc	THPT Đại Mỗ	5	55	60		
3038	C33038	Trần Thị Năng	17/9/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Vân Cốc	THPT Đại Mỗ		67,5	67,5	Trúng tuyển NV1	
3039	C33039	Lê Thị Thanh Ngoan	28/10/1996	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		50,5	50,5		
3040	C33040	Nguyễn Thị Ngoan	02/7/1990	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ứng Hòa B	THPT Đại Cường	5	Bỏ thi			
3041	C33041	Đàm Thị Bích Ngọc	06/10/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Xuân Giang	THPT Trung Giã		59	59		
3042	C33042	La Thị Bảo Ngọc	30/5/2001	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Việt Đức		57,5	57,5		
3043	C33043	Vũ Thị Ngọc	21/9/1990	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Sóc Sơn	THPT Xuân Giang		83	83	Trúng tuyển NV1	
3044	C33044	Hoàng Minh Nguyệt	25/12/1988	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	THPT Ngọc Hồi	5	65,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
3045	C33045	Kiều Thanh Nhàn	29/5/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Bất Bạt	THPT Minh Quang		60	60		
3046	C33046	Hoàng Phương Nhi	07/7/2000	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		73	73	Trúng tuyển NV1	
3047	C33047	Vũ Hảo Lan Nhi	19/11/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		69	69	Trúng tuyển NV1	
3048	C33048	Bùi Thị Yến Nhung	11/11/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nhân Chính	THPT Thạch Bàn		56	56		
3049	C33049	Doãn Hồng Nhung	19/02/2001	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	TH, THCS và THPT Khương Hạ		45	45		
3050	C33050	Nguyễn Thị Nhung	06/10/1996	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Tiên Phong	THPT Sóc Sơn		54	54		
3051	C33051	Nguyễn Trang Nhung	26/11/1999	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Đại Mỗ	5	46,5	51,5		
3052	C33052	Đinh Thu Phương	29/11/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		55	55		
3053	C33053	Nguyễn Anh Phương	21/01/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Trần Nhân Tông		58,5	58,5		
3054	C33054	Nguyễn Mai Phương	01/7/2000	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		52	52		
3055	C33055	Nguyễn Thị Phương	22/10/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		58	58		
3056	C33056	Nguyễn Thị Phương	26/7/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Ngô Thì Nhậm		76,5	76,5		
3057	C33057	Trần Thị Phương	23/02/1989	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngô Thì Nhậm	TH, THCS và THPT Khương Hạ		58,5	58,5		
3058	C33058	Đặng Gia Quang	18/4/2002	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		48,5	48,5		
3059	C33059	Đỗ Tú Quyên	06/9/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Ngọc Hồi		57,5	57,5		
3060	C33060	Nguyễn Hữu Quyết	28/12/1998	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
3061	C33061	Bùi Thị Như Quỳnh	10/7/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Đại Mỗ		66	66	Trúng tuyển NV1	
3062	C33062	Hoàng Thị Như Quỳnh	28/11/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đông Anh	THPT Đa Phúc		52,5	52,5		
3063	C33063	Hoàng Thị Quỳnh	01/01/1998	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình	5	53,5	58,5		
3064	C33064	Lê Thị Hương Quỳnh	19/8/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nhân Chính	THPT Nguyễn Văn Trỗi		51,5	51,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3065	C33065	Nguyễn Như Quỳnh	20/02/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Ứng Hòa B		60,5	60,5		
3066	C33066	Nguyễn Thị Quỳnh	11/5/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đức B		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
3067	C33067	Vũ Xuân Quỳnh	07/11/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Tân Dân	THPT Lý Tử Tấn		50,5	50,5	Trúng tuyển NV1	
3068	C33068	Bùi Thị Thu Sinh	08/11/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		68,5	68,5		
3069	C33069	Ngô Thị Tâm	26/4/1994	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trung Giã	THPT Xuân Giang		69	69		
3070	C33070	Nguyễn Minh Tâm	26/12/2001	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông			55,5	55,5		Không xét trường NV2
3071	C33071	Bùi Mạnh Tấn	01/9/2001	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
3072	C33072	Trần Thị Thái	26/10/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đại Cường	THPT Lưu Hoàng		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
3073	C33073	Trần Thị Thanh	15/02/1989	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Tiền Phong	THPT Đông Anh		59	59	Trúng tuyển NV1	
3074	C33074	Bùi Thị Phương Thảo	11/5/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Lưu Hoàng	5	64,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
3075	C33075	Hoàng Thị Thảo	11/9/1999	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Mỹ Đình		80	80	Trúng tuyển NV1	
3076	C33076	Nguyễn Thị Phương Thảo	31/10/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Tây Mỗ		58	58	Trúng tuyển NV1	
3077	C33077	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/9/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		66	66	Trúng tuyển NV1	
3078	C33078	Tô Thị Thanh Thảo	09/3/2000	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		61,5	61,5		
3079	C33079	Trần Thanh Thảo	14/10/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lý Tử Tấn		60,5	60,5		
3080	C33080	Phạm Thị Thơ	08/10/1990	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đại Mỗ	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		73	73	Trúng tuyển NV1	
3081	C33081	Khuất Thị Thơm	05/10/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngô Quyền - Ba Vì			62,5	62,5		
3082	C33082	Nguyễn Thị Thơm	10/4/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		Bỏ thi			
3083	C33083	Bùi Hương Thu	11/08/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		50,5	50,5		
3084	C33084	Lều Thị Hoài Thu	03/05/1994	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
3085	C33085	Nguyễn Thị Thu	20/9/1996	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Nhân Chính		Bỏ thi			
3086	C33086	Nguyễn Thị Thu	08/10/1989	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Vân Tảo	THPT Lý Tử Tấn		64	64	Trúng tuyển NV1	
3087	C33087	Quách Thị Minh Thư	17/11/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Vân Cốc	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		58,5	58,5		
3088	C33088	Hoàng Thị Thương	10/11/1989	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Minh Quang	THPT Bất Bạt	5	61	66		
3089	C33089	Triệu Thị Thương	20/7/1993	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Việt Đức	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	5	55,5	60,5		
3090	C33090	Đào Hồng Thuý	30/11/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai A		60,5	60,5		
3091	C33091	Hoàng Thị Thuý	11/3/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		64,5	64,5	Trúng tuyển NV1	
3092	C33092	Nguyễn Thị Thuý	29/5/1992	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Ngô Thì Nhậm		63	63		
3093	C33093	Nguyễn Thị Thuý	20/7/1995	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Bất Bạt	THPT Minh Quang		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
3094	C33094	Tạ Thị Thuý	11/01/1999	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Hoài Đức C	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
3095	C33095	La Hồng Thúy	10/3/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Thanh Oai A	THPT Quang Trung - Hà Đông	5	52,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
3096	C33096	Vũ Thị Thu Thủy	29/11/1994	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Nhân Chính		71,5	71,5	Trúng tuyển NV1	
3097	C33097	Nguyễn Thị Thu Trà	08/3/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Minh Quang	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	5	52	57		
3098	C33098	Đàm Thùy Trang	14/02/2001	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đồng Mỹ	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		56	56	Trúng tuyển NV1	
3099	C33099	Đinh Thuỳ Trang	29/5/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Minh Quang	THPT Bất Bạt	5	62,5	67,5		
3100	C33100	Hoàng Thanh Trang	28/6/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	THPT Bất Bạt		61,5	61,5		
3101	C33101	Lê Quỳnh Trang	17/9/2001	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đại Mỗ	THPT Quang Trung - Hà Đông		66	66	Trúng tuyển NV1	
3102	C33102	Lê Thu Trang	26/10/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		57,5	57,5		
3103	C33103	Nguyễn Thị Kiều Trang	15/6/1993	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Tự Lập	THPT Sóc Sơn		51,5	51,5		
3104	C33104	Nguyễn Thị Thu Trang	28/3/1996	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		61	61	Trúng tuyển NV1	
3105	C33105	Nguyễn Thị Trang	11/5/2002	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		56,5	56,5		
3106	C33106	Đặng Thị Trinh	16/8/1996	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Ngô Thì Nhậm		Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3107	C33107	Lương Quốc Trung	28/11/2003	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		68,5	68,5		
3108	C33108	Tạ Ngọc Trung	14/10/1997	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Lưu Hoàng	THPT Ứng Hoà B	2.5	50	52.5		
3109	C33109	Bùi Quang Trường	10/02/2002	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Đại Mỗ	5	66,5	71,5	Trúng tuyển NV1	
3110	C33110	Lê Ngọc Tú	05/3/1985	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn	5	67	72	Trúng tuyển NV1	
3111	C33111	Trần Anh Tuấn	19/11/1990	Nam	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long		63	63	Trúng tuyển NV1	
3112	C33112	Nguyễn Thị Tùng	02/11/1979	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Đại Mỗ		42,5	42,5		
3113	C33113	Lê Thị Tươi	25/02/1989	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	THPT Bất Bạt		68	68	Trúng tuyển NV1	
3114	C33114	Nguyễn Thị Kim Tuyến	16/01/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ứng Hòa B			65,5	65,5		
3115	C33115	Quách Thị Thanh Vân	24/8/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Hoài Đức C	THPT Tây Hồ		53,5	53,5		
3116	C33116	Nguyễn Thị Vẻ	02/3/2001	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Nhân Chính		54,5	54,5		
3117	C33117	Nguyễn Thị Vinh	21/8/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Ngọc Hồi	THPT Đông Mỹ		62	62	Trúng tuyển NV1	
3118	C33118	Đỗ Thị Vui	24/10/1997	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		70	70		
3119	C33119	Phạm Khánh Vy	12/10/2003	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Việt Đức	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		74	74	Trúng tuyển NV1	
3120	C33120	Nguyễn Thị Yến	05/10/1995	Nữ	Giáo dục kinh tế và pháp luật	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức C		61	61		
3121	C33121	Bùi Thị Thuý An	16/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		50,5	50,5		
3122	C33122	Cao Quỳnh An	24/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		58,5	58,5		
3123	C33123	Đỗ Đức An	16/01/2003	Nam	Toán học	THPT Văn Nội	THPT Bắc Thăng Long		68,8	68,8		
3124	C33124	Lê Hoàng Hoài An	13/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đại Mỗ		62,5	62,5		
3125	C33125	Lê Hồng An	25/4/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		66	66		
3126	C33126	Lê Thanh An	15/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		67,5	67,5		
3127	C33127	Lê Thị An	04/9/1998	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Khương Đình		65,8	65,8		
3128	C33128	Lê Vương Tường An	13/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Thanh Oai B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		64	64		
3129	C33129	Nguyễn Huy An	01/03/2001	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		35,3	35,3		
3130	C33130	Trần Thu An	11/10/2003	nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		60,8	60,8		
3131	C33131	Nguyễn Trường An	17/7/1997	Nam	Toán học	THPT Văn Nội	THPT Bắc Thăng Long		82,5	82,5	Trúng tuyển NV1	
3132	C33132	An Ngọc Quế Anh	18/8/1994	Nữ	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Khương Đình		66,5	66,5		
3133	C33133	Bùi Hải Anh	01/02/1997	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lý Tử Tấn		72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
3134	C33134	Bùi Minh Anh	11/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		51,8	51,8		
3135	C33135	Bùi Thị Hà Anh	22/11/1994	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		56,3	56,3		
3136	C33136	Bùi Thị Phương Anh	15/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ		31	31		
3137	C33137	Đặng Thị Mai Anh	04/10/1995	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Đông Mỹ		50,3	50,3		
3138	C33138	Đào Mỹ Hạnh Anh	09/01/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		Bỏ thi			
3139	C33139	Đinh Thị Mai Anh	29/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		50,5	50,5		
3140	C33140	Đinh Thị Phương Anh	09/9/1995	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		55,5	55,5		
3141	C33141	Đỗ Hồng Anh	17/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		54,5	54,5		
3142	C33142	Đỗ Minh Anh	10/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		58	58		
3143	C33143	Đỗ Phương Anh	09/8/1998	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		53	53		
3144	C33144	Đương Ngọc Anh	25/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		61,3	61,3		
3145	C33145	Hà Thị Vân Anh	06/3/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		53	53		
3146	C33146	Hà Trần Minh Anh	09/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi	5	55,5	60,5		
3147	C33147	Hoàng Thị Phương Anh	15/3/1994	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân	5	65,3	70,3		
3148	C33148	Kiều Thị Vân Anh	27/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		53,8	53,8		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3149	C33149	Lã Tuấn Anh	03/7/1993	Nam	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Đông Mỹ		70,3	70,3		
3150	C33150	Lê Minh Anh	28/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân		42	42		
3151	C33151	Lê Phương Anh	23/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Đại Mỗ		58,3	58,3		
3152	C33152	Lê Thị Hải Anh	15/02/1997	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
3153	C33153	Lê Thị Mai Anh	11/9/1995	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Bắc Thăng Long		67,8	67,8	Trúng tuyển NV1	
3154	C33154	Lê Thục Anh	13/11/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		31	31		
3155	C33155	Lương Thị Mai Anh	16/3/1992	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Minh Phú		Bỏ thi			
3156	C33156	Mai Hải Anh	26/10/2000	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		62,5	62,5		
3157	C33157	Mai Thị Lan Anh	30/4/2001	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Yên Hòa		55,8	55,8		
3158	C33158	Mai Thị Quỳnh Anh	13/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		45	45		
3159	C33159	Mai Tuấn Anh	07/9/2003	Nam	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		66	66		
3160	C33160	Ngô Mai Anh	15/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		49	49		
3161	C33161	Ngô Thị Hoài Anh	18/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Đa Phúc		47	47		
3162	C33162	Ngô Thị Ngọc Anh	07/3/1994	Nữ	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Lý Tử Tấn		44,8	44,8		
3163	C33163	Ngô Thị Quỳnh Anh	30/5/2002	Nữ	Toán học	THPT Tây Hồ	THPT Bắc Thăng Long		56,5	56,5		
3164	C33164	Ngô Tuấn Anh	22/11/1999	Nam	Toán học		THPT Phan Đình Phùng		Bỏ thi			Không xét Trường NV1
3165	C33165	Nguyễn Bảo Anh	18/7/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Mỹ Đình		37,5	37,5		
3166	C33166	Nguyễn Bình Minh Anh	08/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		60	60		
3167	C33167	Nguyễn Đào Quỳnh Anh	19/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Yên Hòa		49	49		
3168	C33168	Nguyễn Đức Anh	07/12/1992	Nam	Toán học	THPT Việt Đức	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		75	75	Trúng tuyển NV1	
3169	C33169	Nguyễn Hà Anh	22/11/2001	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Quốc Trinh		58,3	58,3	Trúng tuyển NV1	
3170	C33170	Nguyễn Hải Anh	03/1/2003	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tự Lập		61,5	61,5		
3171	C33171	Nguyễn Hải Anh	24/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		51,8	51,8		
3172	C33172	Nguyễn Lan Anh	18/7/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		35,8	35,8		
3173	C33173	Nguyễn Lan Anh	06/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		Bỏ thi			
3174	C33174	Nguyễn Lương Huyền Anh	10/08/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Khương Đình		51	51		
3175	C33175	Nguyễn Mai Anh	02/07/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Mỹ Đình		54	54		
3176	C33176	Nguyễn Mạnh Trung Anh	23/01/2000	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		56,5	56,5		
3177	C33177	Nguyễn Minh Anh	04/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		39	39		
3178	C33178	Nguyễn Ngọc Anh	25/5/2003	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		61	61		
3179	C33179	Nguyễn Thị Châu Anh	13/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Bắc Thăng Long		36,5	36,5		
3180	C33180	Nguyễn Thị Hà Anh	05/11/1991	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		57,3	57,3		
3181	C33181	Nguyễn Thị Hiền Anh	18/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Yên Hòa		71	71		
3182	C33182	Nguyễn Thị Kiều Anh	28/9/1999	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		62,3	62,3		
3183	C33183	Nguyễn Thị Kim Anh	12/02/1997	Nữ	Toán học	THPT Xuân Giang	THPT Trung Giã		60	60		
3184	C33184	Nguyễn Thị Lan Anh	01/6/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		66,3	66,3		
3185	C33185	Nguyễn Thị Mai Anh	03/7/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		43,8	43,8		
3186	C33186	Nguyễn Thị Ngọc Anh	17/5/1985	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		47,5	47,5		
3187	C33187	Nguyễn Thị Ngọc Anh	13/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Khương Đình		64,8	64,8		
3188	C33188	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	22/3/2001	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Thanh Oai B		50	50		
3189	C33189	Nguyễn Thị Phương Anh	06/01/1998	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đông Mỹ		52,5	52,5		
3190	C33190	Nguyễn Thị Vân Anh	21/7/1996	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		44	44		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3191	C33191	Nguyễn Thị Vân Anh	31/8/2000	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		61,5	61,5		
3192	C33192	Nguyễn Thuỳ Anh	01/8/1999	Nữ	Toán học	THPT Xuân Giang	THPT Tự Lập		Bỏ thi			
3193	C33193	Nguyễn Tú Anh	03/3/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lý Tử Tấn	5	60,3	65,3		
3194	C33194	Nguyễn Tuấn Anh	11/01/1987	Nam	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		69,5	69,5		
3195	C33195	Nguyễn Tuấn Anh	04/4/1996	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		60,5	60,5		
3196	C33196	Nguyễn Việt Anh	15/12/1997	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Yên Hòa		56	56		
3197	C33197	Phạm Ngọc Anh	03/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		55,8	55,8		
3198	C33198	Phạm Phương Anh	22/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Nguyễn Văn Trỗi		40	40		
3199	C33199	Phạm Phương Anh	21/4/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		47	47		
3200	C33200	Phạm Thị Phương Anh	07/6/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		61,3	61,3		
3201	C33201	Phạm Thị Vân Anh	27/4/2000	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Đại Mỗ		68,5	68,5		
3202	C33202	Phan Hà Anh	20/10/2001	Nữ	Toán học		THPT Lưu Hoàng		Bỏ thi			Không xét trường NV1
3203	C33203	Phùng Thị Trung Anh	30/9/1995	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		61,8	61,8		
3204	C33204	Tạ Lê Tùng Anh	16/11/2002	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		45,5	45,5		
3205	C33205	Tạ Thị Kin Oanh	28/12/1995	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		57	57		
3206	C33206	Trần Châu Anh	09/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		Bỏ thi			
3207	C33207	Trần Đức Anh	02/10/1999	Nam	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		63,5	63,5		
3208	C33208	Trần Phương Anh	06/5/1997	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Khương Đình		50	50		
3209	C33209	Trần Quỳnh Anh	17/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Yên Hòa		38	38		
3210	C33210	Trần Quỳnh Anh	29/9/2000	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Đông Mỹ		64,5	64,5		
3211	C33211	Trần Thị Ngọc Anh	17/8/1998	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		39,3	39,3		
3212	C33212	Trần Tuấn Anh	26/11/2003	Nam	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		4	4		
3213	C33213	Trịnh Thị Phương Anh	20/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Hợp Thanh		39	39		
3214	C33214	Trương Tú Anh	08/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		68,5	68,5		
3215	C33215	Vũ Thị Lan Anh	16/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Viết Đức	THPT Thạch Bàn		54,5	54,5		
3216	C33216	Đặng Thuý Anh	03/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		69	69		
3217	C33217	Đinh Quỳnh Anh	09/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		56,5	56,5		
3218	C33218	Vũ Thị Tú Anh	22/11/1999	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		54,5	54,5		
3219	C33219	Đào Ngọc Ánh	16/8/1999	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Đan Phượng		40	40		
3220	C33220	Đỗ Ngọc Ánh	19/11/2000	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		51,5	51,5		
3221	C33221	Đỗ Thị Hoàng Ánh	03/9/1988	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		62	62		
3222	C33222	Đỗ Thị Minh Ánh	21/08/2003	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Minh Hà		34	34		
3223	C33223	Đoàn Ngọc Ánh	04/12/1997	Nữ	Toán học	THPT Văn Cốc	THPT Minh Hà		53,5	53,5		
3224	C33224	Khuất Thị Ngọc Ánh	03/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Văn Cốc		58	58		
3225	C33225	Lê Thị Minh Ánh	09/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		75	75	Trúng tuyển NV1	
3226	C33226	Nguyễn Minh Ánh	30/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		42,5	42,5		
3227	C33227	Nguyễn Ngọc Ánh	14/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Đan Phượng		Bỏ thi			
3228	C33228	Nguyễn Nhật Ánh	01/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Khương Đình		55,3	55,3		
3229	C33229	Nguyễn Thế Thị Ngọc Ánh	30/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		55	55		
3230	C33230	Nguyễn Thị Ánh	19/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		44,3	44,3		
3231	C33231	Nguyễn Thị Ánh	10/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Vân Nội		62	62	Trúng tuyển NV1	
3232	C33232	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	27/07/2002	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Vân Nội		60	60		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3233	C33233	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/3/2002	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Thanh Oai B		Bỏ thi			
3234	C33234	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	25/11/1999	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Mỹ Đình		55,5	55,5		
3235	C33235	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		43	43		
3236	C33236	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/8/2001	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		44	44		
3237	C33237	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/7/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		76,8	76,8	Trúng tuyển NV1	
3238	C33238	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	06/9/1998	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		66	66		
3239	C33239	Nguyễn Thị Nhật Ánh	06/6/1999	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		50,5	50,5		
3240	C33240	Tạ Thị Ánh	03/01/1991	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
3241	C33241	Ngô Thị Ban	07/4/1995	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		66,3	66,3		
3242	C33242	Nguyễn Ngọc Bằng	02/11/1995	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		16	16		
3243	C33243	Lê Ngọc Bích	17/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		48,8	48,8		
3244	C33244	Phạm Ngọc Bích	20/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Đồng Mỹ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		22,5	22,5		
3245	C33245	Vũ Ngọc Bích	10/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		35	35		
3246	C33246	Bùi Sỹ Bình	26/3/2003	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		48,5	48,5		
3247	C33247	Đặng Thị Thanh Bình	11/3/1999	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Chuyên Sơn Tây		29	29		
3248	C33248	Đỗ Thanh Bình	24/4/2000	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đan Phượng		75	75		
3249	C33249	Doãn Thị Như Bình	10/02/2002	nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		73	73	Trúng tuyển NV1	
3250	C33250	Nguyễn Thanh Bình	05/9/2003	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Đan Phượng		71,3	71,3		
3251	C33251	Trần Thị Hồng Bưởi	29/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Văn Cốc		60	60		
3252	C33252	Trương Sơn Ca	01/01/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		52	52		
3253	C33253	Đồng Văn Cảnh	17/02/2002	Nam	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		71,8	71,8	Trúng tuyển NV1	
3254	C33254	Lê Thị Ngọc Châm	26/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52,3	52,3		
3255	C33255	Nguyễn Văn Chanh	22/01/1986	Nam	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		43,5	43,5		
3256	C33256	Chu Minh Châu	06/7/1999	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Lưu Hoàng		65,3	65,3		
3257	C33257	Chử Thị Minh Châu	16/12/1997	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Lý Tử Tấn		45,3	45,3		
3258	C33258	Phạm Minh Châu	25/6/1999	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Đồng Mỹ		57,3	57,3		
3259	C33259	Phạm Minh Châu	24/8/1985	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
3260	C33260	Vũ Minh Châu	21/6/2000	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		47,8	47,8		
3261	C33261	Đinh Thị Chi	01/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		64	64		
3262	C33262	Đỗ Phương Chi	31/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Thạch Bàn		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
3263	C33263	Lê Thuỳ Chi	21/4/1999	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		Bỏ thi			
3264	C33264	Nguyễn Hà chi	08/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		74,3	74,3	Trúng tuyển NV1	
3265	C33265	Nguyễn Khánh Chi	09/12/1996	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		58,5	58,5		
3266	C33266	Nguyễn Khánh Chi	10/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Tây Hồ		30	30		
3267	C33267	Nguyễn Lê Mai Chi	01/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Minh Hà		67,5	67,5		
3268	C33268	Nguyễn Ngọc Kim Chi	05/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		56	56		
3269	C33269	Nguyễn Quỳnh Chi	31/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
3270	C33270	Nguyễn Thị Chi	12/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		60,5	60,5		
3271	C33271	Nguyễn Thị Linh Chi	18/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đan Phượng		58	58		
3272	C33272	Nguyễn Thị Yến Chi	04/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		43	43		
3273	C33273	Trần Quỳnh Chi	07/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
3274	C33274	Trương Thị Khánh Chi	22/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Việt Đức	THPT Mỹ Đình		50	50		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3275	C33275	Vũ Linh Chi	24/1/1991	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		53	53		
3276	C33276	Vũ Thị Linh Chi	06/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ			58,8	58,8		
3277	C33277	Nguyễn Kim Chi	26/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Phúc Lợi		37,5	37,5		
3278	C33278	Đàm Anh Chiến	07/12/2003	Nam	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Tự lập		50	50		
3279	C33279	Hồ Trung Chiến	29/10/1997	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		27,5	27,5		
3280	C33280	Trần Mạnh Chiến	20/9/2003	Nam	Toán học	THPT Hợp Thanh	THPT Lưu Hoàng		57,8	57,8		
3281	C33281	Trần Thị Chiến	08/3/1997	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		55,3	55,3		
3282	C33282	Vũ Minh Chiến	29/4/1998	Nam	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Đan Phượng		62	62		
3283	C33283	Nguyễn Bảo Chung	03/10/1998	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Đại Mỗ		55,5	55,5		
3284	C33284	Nguyễn Đình Chung	27/11/2001	Nam	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Đa Phúc		59,3	59,3	Trúng tuyển NV1	
3285	C33285	Nguyễn Văn Chung	20/5/1997	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
3286	C33286	Đặng Đình Chương	01/8/2003	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Xuân Phương		50,5	50,5		
3287	C33287	Lê Thị Chuyên	17/3/1986	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		50	50		
3288	C33288	Nguyễn Quang Chuyên	25/9/1996	Nam	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		55	55		
3289	C33289	Ngô Thị Cúc	07/3/1995	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		40,5	40,5		
3290	C33290	Vũ Thị Cúc	07/10/1991	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Thanh Oai B		Bỏ thi			
3291	C33291	Phạm Tiến Cương	12/5/2000	Nam	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		Bỏ thi			
3292	C33292	Đào Minh Cường	18/8/2003	Nam	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		48	48		
3293	C33293	Nguyễn Mạnh Cường	04/5/1996	Nam	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đan Phượng		57	57		
3294	C33294	Nguyễn Việt Cường	06/10/2001	Nam	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		48,5	48,5		
3295	C33295	Trần Mạnh Cường	26/11/1995	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
3296	C33296	Lê Anh Đài	24/9/2001	nam	Toán học	THPT Hợp Thanh	THPT Lưu Hoàng		67,5	67,5	Trúng tuyển NV1	
3297	C33297	Vũ Văn Đại	20/11/1997	Nam	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		68	68		
3298	C33298	Kiều Thị Dần	14/5/1998	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		41,5	41,5		
3299	C33299	Lê Linh Đan	15/7/1999	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Phan Đình Phùng		Bỏ thi			
3300	C33300	Phạm Trần Tuyết Đan	21/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		51	51		
3301	C33301	Đỗ Hữu Đàn	05/4/1999	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		46	46		
3302	C33302	Lê Tiểu Đăng	01/8/2001	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Đại Mỗ	5	39	44		
3303	C33303	Trịnh Hải Đăng	17/9/2002	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		38	38		
3304	C33304	Vũ Minh Đăng	25/9/2003	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		59,3	59,3		
3305	C33305	Nguyễn Thị Đào	05/04/1992	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		44	44		
3306	C33306	Trần Hồng Đào	08/02/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		Bỏ thi			
3307	C33307	Đỗ Phan Thành Đạt	03/3/2001	Nam	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		39,8	39,8		
3308	C33308	Đỗ Văn Đạt	16/3/2002	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59	59		
3309	C33309	Phạm Quang Đạt	11/02/1992	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		48,3	48,3		
3310	C33310	Trịnh Đình Đạt	23/9/2002	nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		45,8	45,8		
3311	C33311	Trương Đình Đạt	14/8/1994	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		30	30		
3312	C33312	Nguyễn Thị Hải Diệp	11/12/1998	Nữ	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Lý Tử Tấn		71,5	71,5		
3313	C33313	Mai Thị Diệu	15/7/1984	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		72	72		
3314	C33314	Nguyễn Thị Huyền Diệu	28/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Đại Mỗ		41	41		
3315	C33315	Trần Thị Diệu	07/05/1995	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		62,5	62,5		
3316	C33316	Đỗ Công Định	23/10/1980	Nam	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Vân Nội	5	Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3317	C33317	Đỗ Thị Dịu	07/01/1990	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		57,5	57,5		
3318	C33318	Mai Thị Hương Diu	28/10/2001	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		34,8	34,8		
3319	C33319	Nguyễn Văn Quốc Doanh	14/11/1998	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		53,5	53,5		
3320	C33320	Lê Thị Phương Đông	29/3/1995	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Minh Hà		43,3	43,3		
3321	C33321	Nguyễn Văn Du	02/8/1994	Nam	Toán học	THPT Hợp Thanh	THPT Lưu Hoàng		44,5	44,5		
3322	C33322	Bùi Mạnh Đức	07/4/1999	nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		30,8	30,8		
3323	C33323	Lê Đình Đức	17/7/2001	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Lý Thường Kiệt		57	57		
3324	C33324	Nguyễn Thế Đức	23/7/2003	Nam	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Hợp Thanh		55,8	55,8		
3325	C33325	Nguyễn Trung Đức	16/10/2001	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		44,5	44,5		
3326	C33326	Nguyễn Tường Đức	19/8/2001	Nam	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Vân Nội		Bỏ thi			
3327	C33327	Nguyễn Văn Đức	20/7/1993	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		57	57		
3328	C33328	Phùng Chí Đức	17/11/2003	Nam	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Đông Mỹ		45	45		
3329	C33329	Tăng Thị Đức	16/9/1988	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân		57	57		
3330	C33330	Trần Anh Đức	26//5/2003	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		60,8	60,8		
3331	C33331	Nguyễn Văn Đức	08/10/2002	Nam	Toán học		THPT Nguyễn Văn Trỗi		38,5	38,5		Không xét Trường NV1
3332	C33332	Đinh Thị Tuyết Dung	20/02/1989	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		65,5	65,5		
3333	C33333	Kim Thị Dung	07/9/1999	Nữ	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		72	72		
3334	C33334	Nguyễn Thị Dung	23/10/1999	Nữ	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		52,3	52,3		
3335	C33335	Nguyễn Thị Dung	07/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Xuân Giang	THPT Nguyễn Văn Trỗi		37,8	37,8		
3336	C33336	Nguyễn Thuỳ Dung	04/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		37,5	37,5		
3337	C33337	Nguyễn Thuỳ Dung	15/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		65	65		
3338	C33338	Nguyễn Thuỳ Dung	17/09/1997	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
3339	C33339	Nguyễn Xuân Dung	18/3/1997	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		77,8	77,8	Trúng tuyển NV1	
3340	C33340	Tạ Thị Dung	04/11/1995	Nữ	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Thạch Bàn		82	82	Trúng tuyển NV1	
3341	C33341	Dương Thị Dung	27/01/2000	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Vân Nội		50	50		
3342	C33342	Lê Thị Dung	08/6/1984	Nữ	Toán học	THPT Tây Hồ	THPT Bắc Thăng Long		52,5	52,5		
3343	C33343	Đinh Tiến Dũng	02/11/1994	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Yên Hòa		66	66		
3344	C33344	Lê Mạnh Dũng	29/9/2003	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		34,5	34,5		
3345	C33345	Nguyễn Anh Dũng	30/4/1998	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		80	80	Trúng tuyển NV1	
3346	C33346	Nguyễn Hoàng Dũng	22/02/1978	Nam	Toán học	THPT Vân Nội	THPT Bắc Thăng Long	5	51	56		
3347	C33347	Nguyễn Văn Dũng	09/02/2001	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		35,3	35,3		
3348	C33348	Phạm Tất Dũng	04/01/1998	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		63	63		
3349	C33349	Phạm Tiến Dũng	20/01/1997	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		50	50		
3350	C33350	Trương Tiến Dũng	28/9/1991	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		66,3	66,3		
3351	C33351	Hoàng Thuỳ Dương	21/8/1997	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
3352	C33352	Khuất Đăng Dương	03/02/2002	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		64,3	64,3		
3353	C33353	Nguyễn Hoàng Dương	22/11/2001	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		52,5	52,5		
3354	C33354	Nguyễn Thị Thùy Dương	18/5/2000	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		60,3	60,3		
3355	C33355	Nguyễn Thùy Dương	18/4/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Minh Hà		50,5	50,5		
3356	C33356	Nguyễn Văn Thái Dương	21/11/2003	Nam	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		64	64		
3357	C33357	Phạm An Dương	19/12/2003	nam	Toán học	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		45	45		
3358	C33358	Phạm Thanh Dương	30/8/1989	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		38	38		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3359	C33359	Phạm Thị Dương	29/3/1999	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Thọ Xuân		65	65		
3360	C33360	Trần Khánh Dương	21/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59	59		
3361	C33361	Vũ Thị Dương	28/8/1995	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		48	48		
3362	C33362	Lê Tuấn Duy	20/4/2002	Nam	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Văn Trỗi		45	45		
3363	C33363	Nguyễn Minh Duy	30/12/2002	Nam	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Đại Mỗ		58,3	58,3		
3364	C33364	Nguyễn Quốc Duy	27/02/1996	Nam	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		68	68		
3365	C33365	Trần Quang Duy	31/12/2001	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		65,5	65,5		
3366	C33366	Hoàng Thị Hà Duyên	11/01/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương	5	Bỏ thi			
3367	C33367	Nguyễn Thị Duyên	31/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		59,5	59,5		
3368	C33368	Tào Thị Duyên	28/5/1992	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Chương Mỹ B		57	57		
3369	C33369	Trần Thị Mỹ Duyên	01/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Thọ Xuân		38,5	38,5		
3370	C33370	Vũ Thị Duyên	11/10/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		51,8	51,8		
3371	C33371	Bạch Thị Trà Giang	20/8/1996	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		50,3	50,3		
3372	C33372	Chu Hương Giang	12/4/2001	Nữ	Toán học	THPT Thạch Bàn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		31,8	31,8		
3373	C33373	Đặng Thị Hương Giang	02/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		37,3	37,3		
3374	C33374	Đỗ Hải Giang	04/5/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		33,5	33,5		
3375	C33375	Đỗ Thị Trà Giang	24/08/2002	Nữ	Toán học	THPT Xuân Giang	THPT Đa Phúc		52,5	52,5		
3376	C33376	Hoàng Thị Kim Giang	22/1/2003	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		39	39		
3377	C33377	Hoàng Tống Giang	23/02/1998	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		52	52		
3378	C33378	Lê Hương Giang	14/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
3379	C33379	Nguyễn Hà Giang	31/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Trung Giã		50,8	50,8		
3380	C33380	Nguyễn Hương Giang	06/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		24	24		
3381	C33381	Nguyễn Thị Giang	13/8/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi			43,5	43,5		
3382	C33382	Nguyễn Thị Hương Giang	04/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		34	34		
3383	C33383	Nguyễn Thị Trà Giang	26/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		40,5	40,5		
3384	C33384	Nguyễn Thu Giang	13/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		56	56		
3385	C33385	Phan Văn Giang	15/10/2003	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		54	54		
3386	C33386	Tạ Hương Giang	06/12/2000	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Vân Cốc		66	66		
3387	C33387	Trần Quang Giang	02/05/2003	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		56	56		
3388	C33388	Trần Thị Hương Giang	19/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Thanh Oai B		54,3	54,3		
3389	C33389	Trịnh Thị Hương Giang	09/7/1996	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		51	51		
3390	C33390	Vương Thị Hồng Giang	27/01/1995	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		47	47		
3391	C33391	Vũ Thị Hương Giang	25/9/1995	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		40	40		
3392	C33392	Đặng Thu Hà	10/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		49	49		
3393	C33393	Đinh Thu Hà	24/10/2000	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Bắc Thăng Long		52	52		
3394	C33394	Đỗ Thị Thu Hà	14/4/2000	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Nguyễn Văn Trỗi		39	39		
3395	C33395	Đỗ Trần Ngân Hà	25/5/2000	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		38	38		
3396	C33396	Đoàn Đức Hà	19/12/2001	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		55,8	55,8		
3397	C33397	Dương Thị Phương Hà	21/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		40	40		
3398	C33398	Kim Thị Thu Hà	02/4/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		44	44		
3399	C33399	Lê Thu Hà	12/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đông Mỹ		50	50		
3400	C33400	Nguyễn Hải Hà	20/8/2001	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		58	58		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3401	C33401	Nguyễn Hồng Hà	29/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Bắc Thăng Long		54	54		
3402	C33402	Nguyễn Ngân Hà	28/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		53,5	53,5		
3403	C33403	Nguyễn Ngọc Lâm Hà	16/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		46,5	46,5		
3404	C33404	Nguyễn Thái Hà	18/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		41,5	41,5		
3405	C33405	Nguyễn Thị Hà	11/01/1998	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		63	63		
3406	C33406	Nguyễn Thi Hà	16/5/1992	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		50	50		
3407	C33407	Nguyễn Thị Nguyệt Hà	04/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Đồng Mỹ		51,8	51,8		
3408	C33408	Nguyễn Thị Thu Hà	21/9/1996	Nữ	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		45	45		
3409	C33409	Nguyễn Thị Thuý Hà	05/5/1997	Nữ	Toán học	THPT Thạch Bàn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		58,8	58,8		
3410	C33410	Nguyễn Thu Hà	14/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		47,8	47,8		
3411	C33411	Nguyễn Thu Hà	25/6/1993	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		55	55		
3412	C33412	Nguyễn Thu Hà	23/9/1994	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		56	56		
3413	C33413	Phạm Mỹ Hà	13/3/2000	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		48	48		
3414	C33414	Phạm Thị Hà	21/4/1991	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Lý Thường Kiệt		50,5	50,5		
3415	C33415	Phạm Thị Hà	26/11/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		44,8	44,8		
3416	C33416	Phạm Thu Hà	26/02/1994	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân		49,5	49,5		
3417	C33417	Phùng Mạnh Hà	16/6/2000	Nam	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Khương Đình		46,8	46,8		
3418	C33418	Phùng Thị Thu Hà	24/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		48,5	48,5		
3419	C33419	Tạ Khánh Hà	31/01/1999	Nam	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		82,8	82,8	Trúng tuyển NV1	
3420	C33420	Trần Thị Hà	18/3/1997	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		63,8	63,8		
3421	C33421	Trần Thị Thu Hà	11/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Vân Cốc		38	38		
3422	C33422	Trần Thu Hà	11/10/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		59	59		
3423	C33423	Trương Ngân Hà	28/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Xuân Phương		49,5	49,5		
3424	C33424	Vũ Thị Hà	29/7/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		86,5	86,5	Trúng tuyển NV1	
3425	C33425	Vũ Việt Hà	25/3/1996	Nữ	Toán học	THPT Tây Hồ	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		64,5	64,5		
3426	C33426	Đào Thị Hải	24/7/1991	Nữ	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		64,8	64,8		
3427	C33427	Lý Thị Hải	08/8/1996	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		51,8	51,8		
3428	C33428	Nguyễn Hoàng Hải	31/01/1998	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		48	48		
3429	C33429	Nguyễn Hồng Hải	25/02/2000	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		45	45		
3430	C33430	Nguyễn Thị Hải	11/8/1998	Nữ	Toán học	THPT Trung Giã	THPT Vân Cốc		52	52		
3431	C33431	Trần Thị Hải	10/04/1998	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		36,5	36,5		
3432	C33432	Nguyễn Thị Ngọc Hân	15/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		50,5	50,5		
3433	C33433	Nguyễn Thị Ngọc Hân	17/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đại Mỗ		60	60		
3434	C33434	Trần Mạnh Hân	19/3/2002	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		50	50		
3435	C33435	Đỗ Thị Thu Hằng	25/01/1997	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		39,3	39,3		
3436	C33436	Hoàng Thị Minh Hằng	13/9/1990	Nữ	Toán học	THPT Thạch Bàn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		32,3	32,3		
3437	C33437	Lê Minh Hằng	27/02/1998	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		60,5	60,5		
3438	C33438	Lê Thị Thuý Hằng	20/9/1999	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		56	56		
3439	C33439	Lương Việt Hằng	03/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Vân Nội		42,5	42,5		
3440	C33440	Lưu Thị Hằng	15/12/1996	Nữ	Toán học	THPT Trung Giã	THPT Mỹ Đình		62,5	62,5	Trúng tuyển NV1	
3441	C33441	Nguyễn Minh Hằng	12/5/2001	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đại Mỗ		28,5	28,5		
3442	C33442	Nguyễn Thanh Hằng	10/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		53	53		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3443	C33443	Nguyễn Thanh Hằng	28/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Chương Mỹ B		55,5	55,5		
3444	C33444	Nguyễn Thị Hằng	30/5/1990	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - AMSTERDAM	THPT Mỹ Đình		65,5	65,5		
3445	C33445	Nguyễn Thị Minh Hằng	04/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Thọ Xuân	5	57,5	62,5		
3446	C33446	Nguyễn Thị Thanh Hằng	12/10/2000	Nữ	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Yên Hòa		77,5	77,5	Trúng tuyển NV1	
3447	C33447	Nguyễn Thị Thu Hằng	11/9/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi			64,5	64,5		Không xét trường NV2
3448	C33448	Nguyễn Thị Thu Hằng	27/7/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		58,3	58,3		
3449	C33449	Nguyễn Thị Thu Hằng	25/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		45	45		
3450	C33450	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/4/1996	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		58	58		
3451	C33451	Nguyễn Thu Hằng	17/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Minh Hà		48	48		
3452	C33452	Nguyễn Thu Hằng	18/7/1996	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		70	70	Trúng tuyển NV1	
3453	C33453	Nguyễn Thu Hằng	01/12/2000	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		53	53		
3454	C33454	Nguyễn Thu Hằng	15/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		33,5	33,5		
3455	C33455	Phùng Thị Hằng	10/05/1995	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		65,8	65,8		
3456	C33456	Tạ Thị Bích Hằng	30/01/1996	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà	5	63	68	Trúng tuyển NV1	
3457	C33457	Thẩm Thu Hằng	02/5/2002	Nữ	Toán học	THPT Thạch Bàn	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		62,8	62,8		
3458	C33458	Đỗ Thị Hằng	20/12/1997	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Bắc Thăng Long		Bỏ thi			
3459	C33459	Dương Thị Hằng	31/8/1998	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		48,5	48,5		
3460	C33460	Vũ Thị Hằng	09/02/1994	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Mỹ Đình		24,5	24,5		
3461	C33461	Đinh Mỹ Hạnh	24/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		71,8	71,8		
3462	C33462	Dương Minh Hạnh	03/9/1990	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân	2,5	24	26,5		
3463	C33463	Hoàng Thị Hạnh	19/3/1995	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		64	64		
3464	C33464	Ngô Thị Hạnh	16/12/1991	Nữ	Toán học	THPT Văn Nội	THPT Xuân Giang		40	40		
3465	C33465	Nguyễn Hồng Hạnh	20/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Đan Phượng		35	35		
3466	C33466	Nguyễn Thị Hạnh	21/5/2001	Nữ	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		40	40		
3467	C33467	Nguyễn Thị Hạnh	10/9/1997	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		62,5	62,5		
3468	C33468	Nguyễn Thị Thu Hạnh	18/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		47,3	47,3		
3469	C33469	Phạm Hồng Hạnh	30/12/1998	Nữ	Toán học	THPT Trung Giã	THPT Minh Phú		58,8	58,8		
3470	C33470	Phùng Thị Hạnh	03/12/1998	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		41,5	41,5		
3471	C33471	Vũ Thị Hồng Hạnh	17/8/1994	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		50,8	50,8		
3472	C33472	Đỗ Thị Hồng Hạnh	20/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Nguyễn Văn Trỗi		44,8	44,8		
3473	C33473	Nguyễn Thị Minh Hảo	22/02/1999	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		48,5	48,5		
3474	C33474	Nguyễn Thị Minh Hảo	04/8/1995	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Minh Hà		54,5	54,5		
3475	C33475	Nguyễn Thị Ngọc Hảo	14/10/1995	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Mỹ Đình		50	50		
3476	C33476	Phạm Như Hảo	28/8/1995	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		61,5	61,5		
3477	C33477	Vũ Hữu Hảo	20/9/2000	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi	5	51	56		
3478	C33478	Vũ Thanh Hảo	12/10/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh			50	50		
3479	C33479	Nguyễn Thanh Hậu	08/8/1999	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		46,3	46,3		
3480	C33480	Nguyễn Thị Hậu	29/10/1994	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		60	60		
3481	C33481	Nguyễn Thị Hiên	16/10/1989	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
3482	C33482	Đinh Thu Hiền	09/12/1988	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		34	34		
3483	C33483	Đỗ Thị Thu Hiền	26/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lưu Hoàng		41,8	41,8		
3484	C33484	Đoàn Thị Hiền	03/3/1989	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3485	C33485	Hoàng Thị Hiền	09/11/1999	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Phan Đình Phùng		35,8	35,8		
3486	C33486	Hoàng Thị Hiền	10/01/1984	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		34,5	34,5		
3487	C33487	Kiều Thu Hiền	19/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		36	36		
3488	C33488	Lê Thị Thu Hiền	25/6/1997	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Bắc Thăng Long		52,5	52,5		
3489	C33489	Mai Thị Hiền	06/01/2000	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		61	61		
3490	C33490	Nguyễn Thị Hiền	28/12/1994	Nữ	Toán học	THPT Trung Giã	THPT Tự Lập		51,5	51,5		
3491	C33491	Nguyễn Thị Hiền	27/10/1999	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		65,5	65,5		
3492	C33492	Nguyễn Thị Thanh Hiền	16/3/1998	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Vân Nội		47,5	47,5		
3493	C33493	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/8/2001	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		61	61		
3494	C33494	Nguyễn Thu Hiền	07/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		70	70		
3495	C33495	Trần Thị Hiền	23/9/1991	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		57,3	57,3		
3496	C33496	Trịnh Thu Hiền	05/5/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		62,5	62,5		
3497	C33497	Vũ Thị Thu Hiền	17/12/1992	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		56	56		
3498	C33498	Phùng Thị Diệu Hiền	27/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Mỹ Đình		62	62		
3499	C33499	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	18/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tự Lập		66	66	Trúng tuyển NV1	
3500	C33500	Vũ Công Hiệp	06/9/2003	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		82,3	82,3	Trúng tuyển NV1	
3501	C33501	Đỗ Duy Minh Hiếu	01/10/2003	Nam	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		28	28		
3502	C33502	Lưu Minh Hiếu	21/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ		11	11		
3503	C33503	Lý Công Hiếu	11/5/1988	Nam	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn	5	70,3	75,3	Trúng tuyển NV1	
3504	C33504	Ngô Đức Duy Hiếu	22/12/2002	Nam	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		57,5	57,5		
3505	C33505	Nguyễn Công Hiếu	10/10/1999	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		10,5	10,5		
3506	C33506	Nguyễn Minh Hiếu	23/8/2002	Nam	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đan Phượng		66,3	66,3		
3507	C33507	Nguyễn Thị Minh Hiếu	06/8/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân		42,5	42,5		
3508	C33508	Nguyễn Trung Hiếu	11/3/2002	Nam	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Nguyễn Văn Trỗi		43,5	43,5		
3509	C33509	Trần Đức Hiếu	17/9/1999	Nam	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Yên Hòa		88	88	Trúng tuyển NV1	
3510	C33510	Trần Trung Hiếu	02/01/2002	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		45	45		
3511	C33511	Trương Quang Hiếu	20/10/1996	Nam	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn	2,5	45	47,5		
3512	C33512	Biện Thị Hoa	17/12/1999	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		64	64		
3513	C33513	Đàm Như Hoa	13/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		47	47		
3514	C33514	Đỗ Thị Thu Hoa	05/1/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
3515	C33515	Đoàn Thị Hoa	20/7/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Bắc Lương Sơn		52,5	52,5		
3516	C33516	Dương Thị Hoa	08/02/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		60,3	60,3		
3517	C33517	Hoàng Thị Hoa	30/6/1992	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50	50		
3518	C33518	Nguyễn Mai Hoa	07/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đan Phượng		38	38		
3519	C33519	Nguyễn Phương Hoa	26/5/1994	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Thanh Oai B		47	47		
3520	C33520	Nguyễn Thị Hoa	03/03/2001	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		43,5	43,5		
3521	C33521	Nguyễn Thị Hoa	01/9/1989	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Đại Mỗ		58,3	58,3		
3522	C33522	Nguyễn Thị Hoa	21/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Văn Cốc	THPT Minh Hà		38,5	38,5		
3523	C33523	Nguyễn Thị Mai Hoa	28/11/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		50,5	50,5		
3524	C33524	Nguyễn Thị Thảo Hoa	01/10/1990	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Đan Phượng		32,5	32,5		
3525	C33525	Phạm Thị Phương Hoa	11/3/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		37	37		
3526	C33526	Trần Thị Hoa	02/9/1995	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		74	74		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện ƯT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3527	C33527	Lê Vĩnh Hoà	29/12/2003	Nam	Toán học	THPT Thanh Oai B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52	52		
3528	C33528	Nguyễn Minh Hoà	05/7/2003	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
3529	C33529	Dương Văn Hòa	31/10/1992	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		32	32		
3530	C33530	Đào Thu Hoài	04/02/1999	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		19	19		
3531	C33531	Đỗ Thị Hoài	29/12/1994	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Xuân Phương		38,5	38,5		
3532	C33532	Hà Thị Thu Hoài	16/7/1992	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Đan Phượng		42	42		
3533	C33533	Nguyễn Thị Hoài	20/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		49,5	49,5		
3534	C33534	Phạm Thị Thu Hoài	19/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Bắc Thăng Long		32	32		
3535	C33535	Trịnh Thị Hoài	25/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Trung Giã	THPT Bắc Thăng Long		50,8	50,8		
3536	C33536	Nguyễn Thị Hoan	18/4/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		45,3	45,3		
3537	C33537	Phạm Văn Hoan	29/7/1992	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		67,5	67,5		
3538	C33538	Ngô Thị Hoan	01/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		49,3	49,3		
3539	C33539	Nguyễn Đình Hoàn	01/7/1998	Nam	Toán học	THPT Phan Đình Phùng			73	73		
3540	C33540	Nguyễn Thị Thu Hoàn	08/9/2000	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		Bỏ thi			
3541	C33541	Đỗ Việt Hoàng	28/9/1998	Nam	Toán học	THPT Xuân Giang	THPT Trung Giã		82,5	82,5	Trúng tuyển NV1	
3542	C33542	Lê Việt Hoàng	20/01/2002	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		58	58		
3543	C33543	Lê Việt Hoàng	20/01/2003	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		36	36		
3544	C33544	Nguyễn Bá Hoàng	14/8/1984	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		35	35		
3545	C33545	Nguyễn Đức Hoàng	22/12/2003	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		40,3	40,3		
3546	C33546	Nguyễn Minh Hoàng	12/3/2002	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		37,3	37,3		
3547	C33547	Nguyễn Thế Huy Hoàng	14/10/2002	Nam	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân		48,3	48,3		
3548	C33548	Võ Trọng Huy Hoàng	25/10/2002	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		48	48		
3549	C33549	Đỗ Thị Hồng	24/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Xuân Phương		46	46		
3550	C33550	Hồ Thu Hồng	23/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai B		36	36		
3551	C33551	Nguyễn Ánh Hồng	09/4/2003	Nữ	Toán học	THPT Đồng Mỹ	THPT Khương Đình		51,5	51,5		
3552	C33552	Nguyễn Thị Bích Hồng	16/9/1996	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		66,8	66,8		
3553	C33553	Nguyễn Thị Bích Hồng	10/9/1993	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
3554	C33554	Nguyễn Thị Hồng	06/02/1995	Nữ	Toán học	THPT Vân Nội	THPT Nguyễn Văn Trỗi		37,3	37,3		
3555	C33555	Nguyễn Thị Kim Hồng	29/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		51,3	51,3		
3556	C33556	Nguyễn Thị Thu Hồng	04/6/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		60,8	60,8		
3557	C33557	Trần Thị Hồng	02/5/1989	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đan Phượng		58	58		
3558	C33558	Nguyễn Khánh Huân	09/12/2001	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		47,5	47,5		
3559	C33559	Nguyễn Thị Huế	08/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		37,5	37,5		
3560	C33560	Tạ Thị Huế	03/3/2002	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		51,3	51,3		
3561	C33561	Ngô Thị Huế	03/07/1991	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		Bỏ thi			
3562	C33562	Kim Thị Huệ	06/10/1993	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		70	70		
3563	C33563	Lê Thị Hồng Huệ	18/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Mỹ Đình		44,3	44,3		
3564	C33564	Lê Thị Huệ	20/7/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Vân Nội		72	72	Trúng tuyển NV1	
3565	C33565	Phan Thị Huệ	11/9/1991	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		62,3	62,3		
3566	C33566	Tô Thị Huệ	16/4/1999	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
3567	C33567	Nguyễn Ngọc Hùng	23/02/2003	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		40,8	40,8		
3568	C33568	Lê Đức Hưng	19/3/1995	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Mỹ Đình		70	70		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3569	C33569	Ngô Đức Hưng	27/9/2003	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		44,3	44,3		
3570	C33570	Trần Bá Hưng	25/5/2001	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		71,8	71,8		
3571	C33571	Bùi Thu Hương	08/01/2000	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		57,5	57,5		
3572	C33572	Chu Lan Hương	08/02/1992	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		56	56		
3573	C33573	Đỗ Thanh Hương	03/4/2002	Nữ	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Xuân Giang		33,5	33,5		
3574	C33574	Hồ Thị Thu Hương	15/8/2000	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		67	67		
3575	C33575	Hoàng Yến Hương	07/12/2000	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		64	64		
3576	C33576	Kiều Thị Mai Hương	18/4/1997	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		48,5	48,5		
3577	C33577	Lê Thị Hương	15/8/2000	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Minh Hà		71,5	71,5		
3578	C33578	Lê Thị Mai Hương	29/9/1998	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		68	68		
3579	C33579	Nguyễn Mai Hương	27/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		46	46		
3580	C33580	Nguyễn Minh Hương	03/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Vân Nội	THPT Bắc Thăng Long		44	44		
3581	C33581	Nguyễn Thị Diệu Hương	26/4/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		59,3	59,3		
3582	C33582	Nguyễn Thị Hương	23/4/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Mỹ Đình		70	70		
3583	C33583	Nguyễn Thị Hương	13/6/1994	Nữ	Toán học	THPT Thanh Oai B	THPT Nguyễn Văn Trỗi	5	75	80	Trúng tuyển NV1	
3584	C33584	Nguyễn Thị Lan Hương	05/02/1998	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Vân Nội		Bỏ thi			
3585	C33585	Nguyễn Thị Mai Hương	17/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Vân Cốc		36,5	36,5		
3586	C33586	Nguyễn Thị Thanh Hương	12/9/1999	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		66	66		
3587	C33587	Nguyễn Thị Thanh Hương	14/6/1996	Nữ	Toán học	THPT Thanh Oai B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		63,8	63,8		
3588	C33588	Nguyễn Thị Thu Hương	17/11/2001	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
3589	C33589	Nguyễn Thị Thu Hương	14/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		54	54		
3590	C33590	Nguyễn Thị Thu Hương	01/11/1991	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi	1,5	66	67,5		
3591	C33591	Nguyễn Thu Hương	07/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		42	42		
3592	C33592	Nguyễn Thu Hương	23/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
3593	C33593	Phạm Lan Hương	04/12/2000	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ		46	46		
3594	C33594	Phạm Mai Hương	26/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		56,3	56,3		
3595	C33595	Phạm Thị Hương	28/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59,8	59,8		
3596	C33596	Phan Thu Hương	11/12/1994	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Minh Phú		46,8	46,8		
3597	C33597	Trịnh Lan Hương	03/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Bắc Thăng Long		47,5	47,5		
3598	C33598	Vũ Thị Thanh Hương	21/01/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		51,5	51,5		
3599	C33599	Vũ Thị Thu Hương	15/04/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		60	60		
3600	C33600	Vương Thị Hương	27/10/1991	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân	5	54,3	59,3		
3601	C33601	Trần Thị Minh Hướng	31/10/1995	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50	50		
3602	C33602	Đỗ Thị Hường	08/02/1992	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		51,5	51,5		
3603	C33603	Đỗ Thị Hường	24/10/1989	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		62,5	62,5		
3604	C33604	Hoàng Thị Thuý Hường	03/3/1977	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		56,5	56,5		
3605	C33605	Lê Thị Thu Hường	18/01/1996	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		46	46		
3606	C33606	Nguyễn Thị Hường	25/9/1998	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
3607	C33607	Nguyễn Thị Thu Hường	06/12/1997	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai B		63,5	63,5		
3608	C33608	Phùng Thu Hường	15/5/1991	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		66	66		
3609	C33609	Trần Thị Hường	14/12/1993	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		54	54		
3610	C33610	Vũ Thị Hường	16/7/1998	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		43	43		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3611	C33611	Vũ Thị Thu Hường	22/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - AMSTERDAM	THPT Mỹ Đình		68,3	68,3		
3612	C33612	Nguyễn Thị Hường	29/12/1998	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		67,5	67,5		
3613	C33613	Chu Khánh Huy	12/10/2002	Nam	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		60,5	60,5		
3614	C33614	Hoàng Chung Huy	18/11/2002	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		46	46		
3615	C33615	Nguyễn Bá Huy	27/11/2001	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		64,3	64,3		
3616	C33616	Nguyễn Quang Huy	22/6/1997	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		56,8	56,8		
3617	C33617	Nguyễn Quang Huy	19/7/2000	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		34,5	34,5		
3618	C33618	Vương Lam Huy	20/01/1999	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		60,3	60,3		
3619	C33619	Nguyễn Minh Huy	15/4/1999	Nam	Toán học	THPT Thạch Bàn	THPT Thọ Xuân		61,8	61,8		
3620	C33620	Bùi Thanh Huyền	15/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình		53	53		
3621	C33621	Bùi Thị Thanh Huyền	09/6/1999	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		67,8	67,8		
3622	C33622	Bùi Thị Thanh Huyền	14/4/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Đại Mỗ		31,5	31,5		
3623	C33623	Cao Thị Khánh Huyền	01/7/2002	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		50	50		
3624	C33624	Đặng Thanh Huyền	17/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		38,5	38,5		
3625	C33625	Đặng Thị Thu Huyền	12/6/1991	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		53	53		
3626	C33626	Điêu Ngọc Huyền	07/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Đại Mỗ		56,5	56,5		
3627	C33627	Đỗ Thị Khánh Huyền	04/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		62,3	62,3		
3628	C33628	Dương Thị Khánh Huyền	16/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Đông Mỹ		50	50		
3629	C33629	Dương Thị Thu Huyền	11/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
3630	C33630	Hồ Thị Ngọc Huyền	08/4/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		35,5	35,5		
3631	C33631	Khổng Thị Thu Huyền	09/7/2002	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Trung Giã		38	38		
3632	C33632	Khuất Thanh Huyền	10/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Văn Cốc		53,5	53,5		
3633	C33633	Lê Thị Khánh Huyền	04/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		40	40		
3634	C33634	Lê Thị Thanh Huyền	30/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		53	53		
3635	C33635	Lê Thị Thanh Huyền	08/6/1992	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		61,5	61,5		
3636	C33636	Nguyễn Chi Thu Huyền	09/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		38	38		
3637	C33637	Nguyễn Khánh Huyền	25/7/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		33,5	33,5		
3638	C33638	Nguyễn Mai Huyền	10/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		35	35		
3639	C33639	Nguyễn Thị Huyền	11/10/2001	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		41,5	41,5		
3640	C33640	Nguyễn Thị Huyền	09/6/1993	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		48,3	48,3		
3641	C33641	Nguyễn Thị Huyền	08/8/1995	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		64,5	64,5		
3642	C33642	Nguyễn Thị Huyền	16/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Hợp Thanh		38	38		
3643	C33643	Nguyễn Thị Huyền	25/12/1995	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		80,3	80,3	Trúng tuyển NV1	
3644	C33644	Nguyễn Thị Khánh Huyền	10/9/1999	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lưu Hoàng		Bỏ thi			
3645	C33645	Nguyễn Thị Khánh Huyền	24/8/1995	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
3646	C33646	Nguyễn Thị Khánh Huyền	29/10/2000	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		59,5	59,5		
3647	C33647	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	16/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Trung Giã		66,5	66,5		
3648	C33648	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/07/1997	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		68	68		
3649	C33649	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	03/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		44,8	44,8		
3650	C33650	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14/02/1996	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		42	42		
3651	C33651	Nguyễn Thị Thanh Huyền	29/10/1998	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Sơn Tây			54	54		
3652	C33652	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30/5/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		50,5	50,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3653	C33653	Nguyễn Thị Thu Huyền	13/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Mỹ Đình	5	35	40		
3654	C33654	Nguyễn Thị Thu Huyền	23/7/1999	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đại Mỗ		30	30		
3655	C33655	Phạm Thanh Huyền	27/02/1995	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Nguyễn Văn Trỗi		60	60		
3656	C33656	Tạ Ngọc Huyền	12/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		63,5	63,5		
3657	C33657	Trần Thị Ngọc Huyền	20/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59,5	59,5		
3658	C33658	Vũ Ngọc Huyền	22/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		58,5	58,5		
3659	C33659	Vũ Thanh Huyền	22/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Hợp Thanh	THPT Lưu Hoàng		39,5	39,5		
3660	C33660	Vũ Thị Huyền	22/11/1991	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Quốc Trinh		50,5	50,5		
3661	C33661	Vũ Thị Thanh Huyền	09/02/1997	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		62,5	62,5		
3662	C33662	Vũ Thu Huyền	27/4/2003	Nữ	Toán học	THPT Thanh Oai B	THPT Lý Tử Tấn		57	57		
3663	C33663	Nguyễn Thị Huyền	23/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Xuân Phương		35,5	35,5		
3664	C33664	Nguyễn Đạt Trí Khang	21/8/1996	Nam	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		63	63		
3665	C33665	Phạm Lê Khanh	28/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		59	59		
3666	C33666	Chu Tân Khánh	27/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		41,8	41,8		
3667	C33667	Nguyễn Khánh	01/7/2003	Nam	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		81	81	Trúng tuyển NV1	
3668	C33668	Nguyễn Thị Ngân Khánh	21/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		52,5	52,5		
3669	C33669	Trần Ngọc Khánh	21/12/1999	Nam	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		65	65		
3670	C33670	Bùi Minh Khoa	25/02/2000	Nam	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đan Phượng	5	70,5	75,5		
3671	C33671	Nguyễn Đăng Khoa	17/11/2003	Nam	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam			52,5	52,5		
3672	C33672	Lê Thị Minh Khuê	17/7/1997	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		71,8	71,8	Trúng tuyển NV1	
3673	C33673	Ngô Thị Minh Khuê	16/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		62	62		
3674	C33674	Nguyễn Minh Khuê	20/02/2000	Nữ	Toán học		THPT Thạch Bàn		62,5	62,5		Không xét Trường NV1
3675	C33675	Nguyễn Minh Khuê	19/6/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chuyên Sơn Tây		66	66		
3676	C33676	Nguyễn Thị Minh Khuê	28/12/1999	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		64	64		
3677	C33677	Nguyễn Mạnh Khương	25/9/1995	Nam	Toán học	THPT Xuân Giang	THPT Đa Phúc		63,5	63,5		
3678	C33678	Nguyễn Trọng Khương	29/12/1996	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		61,3	61,3		
3679	C33679	Bùi Thị Khuyên	27/3/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Tự Lập		38	38		
3680	C33680	Nguyễn Thị Khuyên	24/3/1992	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		42,8	42,8		
3681	C33681	Vũ Thị Khuyên	02/8/1990	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	5	Bỏ thi			
3682	C33682	Dương Đức Kiên	08/12/2001	Nam	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		39	39		
3683	C33683	Vũ Trung Kiên	15/7/1997	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Đông Mỹ		30,8	30,8		
3684	C33684	Nguyễn Văn Kiệt	29/8/1992	Nam	Toán học	THPT Xuân Giang	THPT Trung Giã		68,3	68,3		
3685	C33685	Dương Văn Kiêu	11/11/1993	Nam	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Tự Lập	5	Bỏ thi			
3686	C33686	Đỗ Thị Kiều	27/11/1992	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Thọ Xuân		43,3	43,3		
3687	C33687	Đinh Thị Thanh Lam	26/11/2000	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Chương Mỹ B		52,3	52,3		
3688	C33688	Lê Thị Lam	01/12/2000	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		65,3	65,3	Trúng tuyển NV1	
3689	C33689	Nguyễn Huệ Lam	09/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Tây Hồ	THPT Phan Đình Phùng		72,5	72,5		
3690	C33690	Nguyễn Tùng Lâm	20/7/1995	Nam	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Nguyễn Văn Trỗi		65,3	65,3	Trúng tuyển NV1	
3691	C33691	Nguyễn Tùng Lâm	26/4/1987	Nam	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đan Phượng		63,3	63,3		
3692	C33692	Phạm Văn Lâm	03/3/1985	Nam	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		43	43		
3693	C33693	Đặng Thị Phương Lan	21/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		51,3	51,3		
3694	C33694	Hồ Thị Lan	16/10/1993	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		35	35		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3695	C33695	Kiều Thu Lan	20/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		34,8	34,8		
3696	C33696	Nguyễn Mai Lan	10/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân		46	46		
3697	C33697	Nguyễn Ngọc Lan	04/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		26	26		
3698	C33698	Nguyễn Phương Lan	03/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		63,3	63,3		
3699	C33699	Nguyễn Thị Lan	11/7/2001	Nữ	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ			42	42		
3700	C33700	Nguyễn Thị Lan	23/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		58,5	58,5		
3701	C33701	Nguyễn Thị Lan	14/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		57	57		
3702	C33702	Nguyễn Thị Lan	25/12/2000	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Chương Mỹ B		38,8	38,8		
3703	C33703	Nguyễn Thị Ngọc Lan	18/01/1991	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Hà		57,8	57,8		
3704	C33704	Phạm Ngọc Lan	12/3/1987	Nữ	Toán học	THPT Hợp Thanh	THPT Lưu Hoàng		61	61		
3705	C33705	Tô Thị Tuyết Lan	12/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Lý Tử Tấn		40	40		
3706	C33706	Trần Thị Ngọc Lan	11/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		51,3	51,3		
3707	C33707	Vũ Thị Lan	04/8/1989	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		50,3	50,3		
3708	C33708	Hoàng Trọng Lân	30/7/2002	Nam	Toán học	THPT Trung Giã	THPT Đa Phúc		28,5	28,5		
3709	C33709	Nguyễn Thị Lanh	07/10/1999	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		72	72	Trúng tuyển NV1	
3710	C33710	Nguyễn Thị Lanh	10/01/1994	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Xuân Giang		22	22		
3711	C33711	Hoàng Thị Lệ	24/7/1991	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		48	48		
3712	C33712	Cao Thị Liên	18/3/1990	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		35,3	35,3		
3713	C33713	Đào Thị Liên	01/7/1995	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Vân Cốc		50,5	50,5	Trúng tuyển NV1	
3714	C33714	Nguyễn Tiến Liên	15/11/1980	Nam	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		43,5	43,5		
3715	C33715	Đặng Khánh Linh	30/7/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình			48	48		Không xét trường NV2
3716	C33716	Đặng Phương Linh	07/3/1998	Nữ	Toán học	THPT Lý Thường Kiệt			52,5	52,5		Không xét trường NV2
3717	C33717	Đinh Diệu Linh	16/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		58,3	58,3		
3718	C33718	Đinh Thị Diệu Linh	29/4/1997	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Đại Mỗ		68,5	68,5		
3719	C33719	Đỗ Ngọc Linh	08/4/1991	Nữ	Toán học	THPT Vân Nội	THPT Mỹ Đình		39,5	39,5		
3720	C33720	Đỗ Thùy Linh	24/01/1999	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		42,5	42,5		
3721	C33721	Đoàn Thuỳ Linh	02/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		62,5	62,5		
3722	C33722	Dương Bảo Linh	27/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
3723	C33723	Dương Hoài Linh	16/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Xuân Giang		23	23		
3724	C33724	Hắc Khánh Linh	01/09/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		52,5	52,5		
3725	C33725	Hoàng Mai Linh	12/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Việt Đức	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		24,8	24,8		
3726	C33726	Hoàng Phương Linh	21/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Phan Đình Phùng		5	48,5	53,5		Không xét trường NV2
3727	C33727	Kiều Diệu Linh	14/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Lưu Hoàng		Bỏ thi			
3728	C33728	Lại Hải Linh	18/06/2003	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		56,5	56,5		
3729	C33729	Lê Ngọc Linh	30/10/2001	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		53,8	53,8		
3730	C33730	Đoàn Nhật Linh	27/5/2002	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59,5	59,5	Trúng tuyển NV1	
3731	C33731	Lê Thị Kiều Linh	12/7/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		43	43		
3732	C33732	Lê Thị Phương Linh	27/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Khương Đình		25,5	25,5		
3733	C33733	Lê Thị Thảo Linh	18/10/2000	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		53,5	53,5		
3734	C33734	Lê Thị Thuỳ Linh	06/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		42	42		
3735	C33735	Lương Tiểu Linh	02/03/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		37,3	37,3		
3736	C33736	Lưu Thùy Linh	17/8/1999	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		34,5	34,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3737	C33737	Ngô Thị Phương Linh	Không ghi	Nữ	Toán học	THPT Vân Nội	THPT Thăng Long		34,5	34,5		
3738	C33738	Nguyễn Diệu Linh	13/11/1998	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Khương Đình		82	82	Trúng tuyển NV1	
3739	C33739	Nguyễn Diệu Linh	23/02/1994	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
3740	C33740	Nguyễn Hiền Linh	11/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Trung Giã	THPT Bắc Thăng Long		36	36		
3741	C33741	Nguyễn Hoàng Bảo Linh	10/12/2000	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		15,5	15,5		
3742	C33742	Nguyễn Khánh Linh	26/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		52	52		
3743	C33743	Nguyễn Khoa Linh	13/12/2003	Nam	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ		52	52		
3744	C33744	Nguyễn Lại Tú Linh	31/7/1998	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		63,5	63,5		
3745	C33745	Nguyễn Ngọc Huyền Linh	02/12/1994	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đa Phúc		60	60		
3746	C33746	Nguyễn Thi Diệu Linh	12/7/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
3747	C33747	Nguyễn Thị Khánh Linh	20/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Mỹ Đình		78	78	Trúng tuyển NV1	
3748	C33748	Nguyễn Thị Khánh Linh	26/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		69,5	69,5		
3749	C33749	Nguyễn Thị Khánh Linh	26/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		45,5	45,5		
3750	C33750	Nguyễn Thị Ngọc Linh	16/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Vân Cốc		41,5	41,5		
3751	C33751	Nguyễn Thị Phương Linh	29/01/2001	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		86,5	86,5	Trúng tuyển NV1	
3752	C33752	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	09/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Đan Phượng		40	40		
3753	C33753	Nguyễn Thị Thùy Linh	16/02/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		59	59		
3754	C33754	Nguyễn Thuỳ Linh	26/10/1995	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Đông Mỹ		42	42		
3755	C33755	Nguyễn Thùy Linh	20/4/1995	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		60	60		
3756	C33756	Nguyễn Thùy Linh	23/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		53,5	53,5		
3757	C33757	Nguyễn Tuấn Linh	20/9/1998	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		42,5	42,5		
3758	C33758	Nguyễn Việt Thuỳ Linh	29/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
3759	C33759	Phạm Dương Khánh Linh	01/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Xuân Phương		43,5	43,5		
3760	C33760	Phạm Khánh Linh	22/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Yên Viên			55,3	55,3		Không xét trường NV2
3761	C33761	Phạm Thị Phương Linh	16/11/1994	Nữ	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		61,8	61,8		
3762	C33762	Phạm Thuỳ Linh	12/9/1993	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Nguyễn Quốc Trinh		64,5	64,5		
3763	C33763	Phạm Thùy Linh	29/7/2003	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		54,8	54,8		
3764	C33764	Phan Thị Thuỳ Linh	10/6/1990	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
3765	C33765	Phùng Thị Linh	20/8/1997	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		54,5	54,5		
3766	C33766	Tô Thị Khánh Linh	28/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Đông Mỹ		32	32		
3767	C33767	Trần Đặng Nhật Linh	01/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		56	56		
3768	C33768	Trần Diệu Linh	25/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi	5	77	82	Trúng tuyển NV1	
3769	C33769	Trần Hoàng Ý Linh	06/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		44	44		
3770	C33770	Trần Phương Linh	27/12/1999	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam			34	34		
3771	C33771	Trần Thị Diệu Linh	08/01/1997	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		55	55		
3772	C33772	Trịnh Thuỳ Linh	29/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đông Mỹ		67	67		
3773	C33773	Trương Thị Mỹ Linh	15/5/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lý Tử Tấn		64	64		
3774	C33774	Ứng Thị Thùy Linh	14/3/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		45,5	45,5		
3775	C33775	Võ Thùy Linh	17/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
3776	C33776	Vũ Ngọc Linh	08/3/1999	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		39	39		
3777	C33777	Ngô Mỹ Linh	06/8/1997	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Khương Đình		40,5	40,5		
3778	C33778	Đặng Thị Loan	03/11/1997	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		58,5	58,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3779	C33779	Hoàng Thị Loan	22/6/1998	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		45,5	45,5		
3780	C33780	Lê Thị Phương Loan	14/5/1995	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ	5	31	36		
3781	C33781	Nguyễn Thanh Loan	30/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Mỹ Đình		60	60		
3782	C33782	Nguyễn Thị Loan	20/4/2002	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Trung Giã		54	54		
3783	C33783	Tô Thị Loan	16/12/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	5	48,5	53,5		
3784	C33784	Tống Thị Loan	12/3/1986	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đan Phượng		Bỏ thi			
3785	C33785	Trần Thị Loan	18/01/1999	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
3786	C33786	Nguyễn Đức Lộc	16/11/1999	Nam	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Quốc Trinh		58	58		
3787	C33787	Phạm Duy Lộc	24/10/2000	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		38	38		
3788	C33788	Đặng Thắng Lợi	02/3/1995	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình	5	61	66		
3789	C33789	Nguyễn Tiến Lợi	13/4/1990	Nam	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Bắc Thăng Long		68	68		
3790	C33790	Nguyễn Danh Long	01/8/1995	Nam	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		32	32		
3791	C33791	Nguyễn Hải Long	02/6/2002	Nam	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ		42	42		
3792	C33792	Nguyễn Kim Long	15/3/1994	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		42,8	42,8		
3793	C33793	Nguyễn Văn Long	08/10/1997	Nam	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		46,8	46,8		
3794	C33794	Thái Nhật Long	13/6/2002	Nam	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		35,3	35,3		
3795	C33795	Trịnh Văn Long	19/6/2003	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Mỹ Đình		38,3	38,3		
3796	C33796	Vương Mạnh Long	22/5/2002	Nam	Toán học	THPT Đồng Mỹ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		26,8	26,8		
3797	C33797	Nguyễn Thành Luân	01/11/2003	Nam	Toán học	THPT Đồng Mỹ	THPT Lý Tử Tấn		31,3	31,3		
3798	C33798	Nguyễn Thị Lưng	21/5/1998	Nữ	Toán học	THPT Xuân Giang	THPT Đa Phúc		35,8	35,8		
3799	C33799	Hoàng Thị Lương	29/01/1996	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Xuân Giang		52,5	52,5		
3800	C33800	Nguyễn Thị Lương	13/7/2003	Nữ	Toán học	THPT Trung Giã	THPT Xuân Giang		49	49		
3801	C33801	Phạm Hiền Lương	15/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Yên Hòa		36	36		
3802	C33802	Nguyễn Đình Hải Lượng	18/10/1999	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		52	52		
3803	C33803	Nguyễn Thị Lưu	18/3/1988	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		69	69		
3804	C33804	Đinh Thị Luyến	02/4/1991	Nữ	Toán học	THPT Văn Nội	THPT Bắc Thăng Long		39,8	39,8		
3805	C33805	Đàm Thảo Ly	24/3/1998	Nữ	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		63	63		
3806	C33806	Đào Mai Ly	12/2/1995	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		69,5	69,5		
3807	C33807	Hoàng Thị Lưu Ly	18/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		26	26		
3808	C33808	Mai Thị Hương Ly	17/10/2000	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Mỹ Đình		43,5	43,5		
3809	C33809	Ngô Hương Ly	16/01/1999	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Minh Phú		Bỏ thi			
3810	C33810	Nguyễn Thị Khánh Ly	01/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59,5	59,5		
3811	C33811	Nguyễn Thị Trúc Ly	22/3/2000	Nữ	Toán học	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
3812	C33812	Trần Hương Ly	27/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		68	68		
3813	C33813	Bùi Khánh Ly	30/6/1998	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		42,5	42,5		
3814	C33814	Bùi Thị Lý	28/10/1996	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Tây Hồ		63	63		
3815	C33815	Đinh Thị Hương Mai	01/5/1992	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
3816	C33816	Đinh Thị Tuyết Mai	28/7/1994	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		65	65		
3817	C33817	Kim Thị Mai	21/8/1995	Nữ	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Mỹ Đình		54,5	54,5		
3818	C33818	Lê Thị Mai	05/12/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		31	31		
3819	C33819	Lê Thị Mai	13/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		35,5	35,5		
3820	C33820	Ngô Quỳnh Mai	17/11/1999	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		58,3	58,3		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3821	C33821	Nguyễn Thanh Mai	21/10/2000	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		63	63		
3822	C33822	Nguyễn Thị Thanh Mai	05/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		44,3	44,3		
3823	C33823	Phùng Thị Mai	05/05/1991	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		57,5	57,5		
3824	C33824	Trần Ngọc Mai	23/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		60	60		
3825	C33825	Trần Thị Ngọc Mai	14/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		53,5	53,5		
3826	C33826	Trịnh Ngọc Mai	19/5/2000	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình	5	67	72		
3827	C33827	Hoàng Thị Mến	15/10/1991	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
3828	C33828	Trần Thị Mến	14/6/1989	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		59	59		
3829	C33829	Nguyễn Văn Mạnh	12/8/1988	Nam	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Xuân Giang		58	58		
3830	C33830	Phạm Văn Mạnh	07/8/1997	Nam	Toán học	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Bắc Thăng Long		69,5	69,5		
3831	C33831	Phan Bá Mạnh	07/12/2000	Nam	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tự Lập		39,5	39,5		
3832	C33832	Trần Quang Mạnh	18/01/1987	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đa Phúc		Bỏ thi			
3833	C33833	Chu Hoàng Minh	16/10/2002	Nam	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Yên Hòa		53,5	53,5		
3834	C33834	Đỗ Thanh Minh	21/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		Bỏ thi			
3835	C33835	Hoàng Bình Minh	22/02/2000	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		40	40		
3836	C33836	Lê Thị Minh	11/4/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		59,5	59,5		
3837	C33837	Lưu Hoàng Minh	01/3/2001	Nam	Toán học	THPT Tây Hồ	THPT Xuân Phương		65	65		
3838	C33838	Nghiêm Hải Minh	22/11/2002	Nam	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Yên Hòa		44,5	44,5		
3839	C33839	Nguyễn Đức Minh	04/7/2001	Nam	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50	50		
3840	C33840	Nguyễn Đức Minh	20/3/1994	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		52	52		
3841	C33841	Nguyễn Hồng Minh	21/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		53	53		
3842	C33842	Nguyễn Hồng Minh	07/3/1995	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Quốc Trinh		58	58		
3843	C33843	Nguyễn Khang Minh	06/5/2002	Nam	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		62	62		
3844	C33844	Nguyễn Ngọc Minh	28/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi		47	47		
3845	C33845	Nguyễn Thị Ngọc Minh	24/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		55	55		
3846	C33846	Nguyễn Thị Nhật Minh	16/4/1997	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Khương Đình		50,5	50,5		
3847	C33847	Nguyễn Văn Minh	20/8/2000	Nam	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Nguyễn Văn Trỗi		55	55	Trúng tuyển NV1	
3848	C33848	Phạm Thị Ngọc Minh	08/4/1999	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		Bỏ thi			
3849	C33849	Phạm Tuấn Minh	23/02/2003	Nam	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		14	14		
3850	C33850	Phan Ngọc Minh	14/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Bắc Thăng Long		27	27		
3851	C33851	Trịnh Ngọc Minh	28/12/1996	Nam	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Đan Phượng		48,8	48,8		
3852	C33852	Vương Quang Minh	04/11/1994	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		53,3	53,3		
3853	C33853	Trần Thị Minh	12/7/1984	Nữ	Toán học	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
3854	C33854	Nguyễn Thị Mơ	18/7/1993	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		47	47		
3855	C33855	Đinh Thị Hà My	17/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		44	44		
3856	C33856	Hoàng Hà My	19/3/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		43,5	43,5		
3857	C33857	Lê Thị Hà My	10/7/1997	Nữ	Toán học	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Yên Viên		33	33		
3858	C33858	Nguyễn Trà My	09/7/2002	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Thạch Bàn		64,5	64,5		
3859	C33859	Phạm Thị Trà My	13/7/1997	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Xuân Giang		60,5	60,5		
3860	C33860	Vũ Lê Hà My	01/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		57,5	57,5		
3861	C33861	Đinh Thị Mỹ	07/02/1992	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Thọ Xuân		61,3	61,3		
3862	C33862	Trần Thị Na	08/8/1999	Nữ	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		61,5	61,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3863	C33863	Vũ Thị Na	12/3/1988	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
3864	C33864	Chử Anh Nam	21/4/1996	Nam	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Văn Nội		Bỏ thi			
3865	C33865	Nguyễn Thị Thanh Nam	12/12/1996	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Trung Giã		53,5	53,5		
3866	C33866	Nguyễn Trọng Nam	07/4/2000	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		35,5	35,5		
3867	C33867	Phạm Đình Nam	05/8/2000	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		40,5	40,5		
3868	C33868	Trịnh Bảo Nam	18/5/2003	Nam	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		41	41		
3869	C33869	Vũ Hoàng Nam	01/10/2003	Nam	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		68	68		
3870	C33870	Vũ Minh Nam	20/8/2003	Nam	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		51	51		
3871	C33871	Vũ Phương Nam	16/10/1998	Nam	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đan Phượng		89,5	89,5	Trúng tuyển NV1	
3872	C33872	Bùi Thị Việt Nga	10/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59	59		
3873	C33873	Cấn Thị Vân Nga	19/7/1990	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Minh Hà		35	35		
3874	C33874	Đỗ Thị Thúy Nga	28/10/1999	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		64,5	64,5		
3875	C33875	Ngô Thúy Nga	25/7/1988	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Yên Viên		49,5	49,5		
3876	C33876	Nguyễn Thanh Nga	08/01/2001	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Minh Hà		37	37		
3877	C33877	Nguyễn Thanh Nga	10/11/2001	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		40	40		
3878	C33878	Nguyễn Thanh Nga	04/02/1990	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Lưu Hoàng		40	40		
3879	C33879	Nguyễn Thị Nga	12/10/1998	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
3880	C33880	Nguyễn Thị Thanh Nga	25/01/1996	Nữ	Toán học	THPT Thanh Oai B	THPT Mỹ Đình		68,5	68,5		
3881	C33881	Phạm Thị Thuý Nga	02/9/1999	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
3882	C33882	Tống Thị Nga	09/5/2002	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Chương Mỹ B		52,3	52,3		
3883	C33883	Trần Phương Nga	13/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam			66	66		
3884	C33884	Nguyễn Thị Nga	16/8/1997	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		60,8	60,8		
3885	C33885	Nguyễn Thị Thanh Nga	03/7/1994	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Xuân Phương		60,8	60,8		
3886	C33886	Kiều Thị Bích Ngà	25/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Khương Đình		40	40		
3887	C33887	Đinh Kim Ngân	29/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		52,5	52,5		
3888	C33888	Đỗ Thị Kiều Ngân	21/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Quang		49,5	49,5		
3889	C33889	Hoàng Thị Ngân	01/02/1999	Nữ	Toán học	THPT Văn Nội	THPT Bắc Thăng Long		54,5	54,5		
3890	C33890	Kiều Thị Ngân	11/4/2003	Nữ	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân		52	52		
3891	C33891	Ngô Thị Kim Ngân	11/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		61,5	61,5		
3892	C33892	Ngô Thu Ngân	26/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		49	49		
3893	C33893	Nguyễn Thị Thu Ngân	04/9/1992	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		65	65		
3894	C33894	Nguyễn Thị Thuý Ngân	31/8/1991	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		55	55		
3895	C33895	Nguyễn Thúy Ngân	03/4/2002	Nữ	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Việt Đức		37,5	37,5		
3896	C33896	Phạm Thị Hà Ngân	28/8/1992	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		46,3	46,3		
3897	C33897	Phạm Thị Thu Ngân	04/3/1999	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Đông Mỹ		53,5	53,5		
3898	C33898	Phùng Thị Ngân	14/10/1993	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Lưu Hoàng		65,3	65,3		
3899	C33899	Tạ Minh Ngân	20/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bo thi			
3900	C33900	Nguyễn Thị Ngần	06/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Tự Lập		26,5	26,5		
3901	C33901	Nguyễn Thị Ngát	31/10/2001	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tự lập		57,8	57,8		
3902	C33902	Ngô Thế Nghĩa	12/11/2002	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		56,3	56,3		
3903	C33903	Nguyễn Minh Nghĩa	05/9/2000	Nam	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Minh Hà		78,3	78,3	Trúng tuyển NV1	
3904	C33904	Đặng Bích Ngọc	15/10/1990	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Thanh Oai B		45,8	45,8		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3905	C33905	Đào Thị Ngọc	15/10/1997	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		47,3	47,3		
3906	C33906	Dương Thị Bích Ngọc	18/4/1995	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		52	52		
3907	C33907	Hoàng Bích Ngọc	23/9/1990	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Đại Mỗ		75,5	75,5	Trúng tuyển NV1	
3908	C33908	Hoàng Thị Minh Ngọc	27/3/1994	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
3909	C33909	Hoàng Thị Ngọc	12/8/1993	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		67	67		
3910	C33910	Kiều Thị Bích Ngọc	25/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Thanh Oai B		41,3	41,3		
3911	C33911	Nguyễn Ánh Ngọc	19/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ		65,3	65,3		
3912	C33912	Nguyễn Bích Ngọc	11/11/2001	Nữ	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Đông Mỹ		47,5	47,5		
3913	C33913	Nguyễn Hồng Ngọc	09/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		31,8	31,8		
3914	C33914	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	01/9/1997	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
3915	C33915	Nguyễn Thị Minh Ngọc	10/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Yên Hòa		Bỏ thi			
3916	C33916	Nguyễn Thị Minh Ngọc	16/8/1991	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		Bỏ thi			
3917	C33917	Nguyễn Thị Ngọc	03/8/1995	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		30	30		
3918	C33918	Nguyễn Thị Ngọc	04/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân		46,5	46,5		
3919	C33919	Phùng Thị Bích Ngọc	27/9/1996	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Văn Trỗi		74	74		
3920	C33920	Tạ Hồng Ngọc	19/11/1999	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân		42,3	42,3		
3921	C33921	Tống Thị Hồng Ngọc	23/8/1989	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
3922	C33922	Trịnh Thị Ánh Ngọc	19/10/1997	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Tự Lập		54,3	54,3		
3923	C33923	Vũ Hồng Ngọc	03/5/2002	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		47,5	47,5		
3924	C33924	Vũ Thị Bảo Ngọc	13/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Phan Đình Phùng		56	56		
3925	C33925	Chu Tuấn Ngọc	25/2/2002	Nam	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		57	57		
3926	C33926	Phạm Thị Minh Ngọc	01/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		78	78	Trúng tuyển NV1	
3927	C33927	Trần Thị Ngọt	15/02/1989	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		42	42		
3928	C33928	Đinh Thảo Nguyên	18/9/1995	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đan Phượng		43,3	43,3		
3929	C33929	Lê Đình Nguyên	25/12/2002	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		55	55		
3930	C33930	Nguyễn Hạnh Nguyên	01/7/2001	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59	59		
3931	C33931	Nguyễn Thị Nguyên	12/06/2000	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B	5	27,5	32,5		
3932	C33932	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	25/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		55	55		
3933	C33933	Trần Khải Nguyên	30/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Đan Phượng		39	39		
3934	C33934	Lê Minh Nguyệt	15/4/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		42	42		
3935	C33935	Lê Minh Nguyệt	09/11/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		54	54		
3936	C33936	Nguyễn Minh Nguyệt	28/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		44	44		
3937	C33937	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	30/01/1995	Nữ	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Bắc Lương Sơn		58,3	58,3		
3938	C33938	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	08/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50	50		
3939	C33939	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	18/5/2002	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Mỹ Đình		37,5	37,5		
3940	C33940	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	15/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Đông Mỹ		67	67		
3941	C33941	Nguyễn Thị Nguyệt	15/9/1997	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		42,5	42,5		
3942	C33942	Đỗ Thị Nhàn	11/7/1998	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đa Phúc		62	62		
3943	C33943	Lê Thanh Nhàn	03/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		27,8	27,8		
3944	C33944	Quản Thị Nhàn	15/6/1991	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lưu Hoàng		32,3	32,3		
3945	C33945	Lê Hữu Nhất	20/12/1985	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi	1,5	50,5	52		
3946	C33946	Lê Quốc Nhất	27/8/1984	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		54,8	54,8		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3947	C33947	Nguyễn Hoàng Nhật	19/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		65,3	65,3		
3948	C33948	Cù Thái Tuyết Nhi	28/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		41,8	41,8		
3949	C33949	Đỗ Phương Nhi	08/4/2000	Nữ	Toán học	THPT Việt Đức	THPT Đại Mỗ		57,3	57,3		
3950	C33950	Kiều Yến Nhi	13/11/2001	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		44	44		
3951	C33951	Nguyễn Phương Yến Nhi	27/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		32,5	32,5		
3952	C33952	Nguyễn Thảo Nhi	28/11/1996	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ		66,8	66,8		
3953	C33953	Nguyễn Thị Yến Nhi	02/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		51,3	51,3		
3954	C33954	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		66	66		
3955	C33955	Vũ Thị Lan Nhi	08/02/2000	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		43	43		
3956	C33956	Trần Thị Yến Nhi	12/12/1999	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		47	47		
3957	C33957	Đỗ Thị Nhi	15/5/1989	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		63	63		
3958	C33958	Hoàng Thị Như	19/11/1997	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		60	60		
3959	C33959	Nguyễn Thị Như	16/01/1984	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Đông Mỹ		55,5	55,5		
3960	C33960	Đỗ Thị Hồng Nhung	20/01/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
3961	C33961	Dương Ngọc Nhung	27/8/1997	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		Bỏ thi			
3962	C33962	Dương Thị Hồng Nhung	07/10/1987	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		54,3	54,3		
3963	C33963	Dương Thị Nhung	07/9/1999	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		52,5	52,5		
3964	C33964	Hoa Hồng Nhung	01/4/1998	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Mỹ Đình		57,3	57,3		
3965	C33965	Hoàng Thị Nhung	12/01/1992	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Mỹ Đình		74	74		
3966	C33966	Nguyễn Hồng Nhung	23/01/1997	Nữ	Toán học	THPT Việt Đức	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		63,3	63,3		
3967	C33967	Nguyễn Ngọc Nhung	26/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Thăng Long		28	28		
3968	C33968	Nguyễn Thị Hồng Nhung	25/12/1998	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Bắc Thăng Long		43,3	43,3		
3969	C33969	Nguyễn Thị Hồng Nhung	17/01/1996	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		56	56		
3970	C33970	Nguyễn Thị Nhung	24/6/1998	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Mỹ Đình		57	57		
3971	C33971	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	18/11/2001	Nữ	Toán học	THPT Trung Giã	THPT Thọ Xuân		38,3	38,3		
3972	C33972	Phạm Thị Nhung	04/4/1990	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		58,8	58,8		
3973	C33973	Tạ Thị Nhung	10/3/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		59	59		
3974	C33974	Trần Hồng Nhung	21/09/2001	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Tây Hồ		55	55		
3975	C33975	Trương Thị Tuyết Nhung	10/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Thạch Bàn	THPT Phúc Lợi		45,3	45,3		
3976	C33976	Vũ Hồng Nhung	15/4/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		Bỏ thi			
3977	C33977	Vũ Hồng Nhung	02/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		56	56		
3978	C33978	Chử Thị Trang Nhung	04/7/2001	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		57	57		
3979	C33979	Nguyễn Hồng Nhung	25/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		67,5	67,5		
3980	C33980	Phan Thị Hồng Nhung	04/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Văn Nội		45,3	45,3		
3981	C33981	Lê Thị Ninh	25/8/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		59	59		
3982	C33982	Nguyễn Thị Ninh	10/12/1997	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		51,3	51,3		
3983	C33983	Nguyễn Thị Nụ	19/01/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		Bỏ thi			
3984	C33984	Trần Thị Nụ	30/12/1994	Nữ	Toán học	THPT Thạch Bàn	THPT Việt Đức		63,3	63,3		
3985	C33985	Vũ Thị Nụ	29/01/1987	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		47,8	47,8		
3986	C33986	Vũ Thị Nụ	11/01/1991	Nữ	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		54,5	54,5		
3987	C33987	Lê Kiều Oanh	08/11/2001	Nữ	Toán học		THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		46	46		Không xét Trường NV1
3988	C33988	Nguyễn Kim Oanh	24/11/1998	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		62,5	62,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
3989	C33989	Nguyễn Phương Oanh	01/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Vân Cốc		26	26		
3990	C33990	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	15/5/1994	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		48	48		
3991	C33991	Nguyễn Thị Kim Oanh	06/06/2001	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Nguyễn Văn Trỗi		75,5	75,5	Trúng tuyển NV1	
3992	C33992	Nguyễn Thị Vân Oanh	18/7/1995	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Vân Cốc		65,5	65,5		
3993	C33993	Phùng Thị Oanh	22/10/2001	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Bắc Thăng Long		40,5	40,5		
3994	C33994	Vũ Kiều Oanh	24/5/1992	Nữ	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Mỹ Đình	5	74,8	79,8		
3995	C33995	Đỗ Lê Phan	05/6/2002	Nam	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		58	58		
3996	C33996	Nguyễn Ngọc Phát	18/12/1996	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đông Mỹ		45	45		
3997	C33997	Hoa Quốc Phong	05/11/2002	Nam	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Bắc Thăng Long		46,3	46,3		
3998	C33998	Nguyễn Văn Phú	21/5/1995	Nam	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		54,8	54,8		
3999	C33999	Nguyễn Xuân Phú	25/12/1997	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		70	70		
4000	C34000	Tống Văn Phúc	01/9/1989	Nam	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Nguyễn Văn Trỗi		48	48		
4001	C34001	Bùi Thị Thu Phương	24/02/1993	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B	5	Bỏ thi			
4002	C34002	Đặng Hà Phương	28/7/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		42,3	42,3		
4003	C34003	Đỗ Hoàng Phương	26/4/2001	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Chương Mỹ B		52	52		
4004	C34004	Đỗ Thanh Phương	25/10/1997	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		78,8	78,8	Trúng tuyển NV1	
4005	C34005	Dương Mai Phương	26/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Yên Hòa		57	57		
4006	C34006	Hoàng Mai Phương	17/8/1997	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Đan Phượng		59,3	59,3		
4007	C34007	Lê Ánh Phương	28/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		54	54		
4008	C34008	Lê Hồng Phương	16/01/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
4009	C34009	Lê Thị Hà Phương	26/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		51,5	51,5		
4010	C34010	Lê Thu Phương	10/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long			42	42		Không xét trường NV2
4011	C34011	Nguyễn Bích Phương	02/01/1996	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		49,5	49,5		
4012	C34012	Nguyễn Hoài Phương	25/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50,5	50,5		
4013	C34013	Nguyễn Hoài Phương	14/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Mỹ Đình		56,8	56,8		
4014	C34014	Nguyễn Lan Phương	09/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Phúc Lợi		37,5	37,5		
4015	C34015	Nguyễn Minh Phương	17/01/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		24,3	24,3		
4016	C34016	Nguyễn Nghiêm Phương	03/6/1998	Nam	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đan Phượng		33	33		
4017	C34017	Nguyễn Thị Hồng Phương	26/02/1991	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50,8	50,8		
4018	C34018	Nguyễn Thị Minh Phương	16/9/1995	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn	5	53,8	58,8		
4019	C34019	Nguyễn Thị Phương	04/5/1990	Nữ	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Thạch Bàn		Bỏ thi			
4020	C34020	Nguyễn Thu Phương	14/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		49	49		
4021	C34021	Phạm Thanh Phương	29/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Đại Mỗ		47,3	47,3		
4022	C34022	Phạm Thị Thu Phương	06/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		50,8	50,8		
4023	C34023	Trần Ánh Phương	25/09/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		53,5	53,5		
4024	C34024	Trần Nguyễn Phương	10/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		50,3	50,3		
4025	C34025	Trần Thảo Phương	24/3/2002	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		45	45		
4026	C34026	Trương Thị Minh Phương	25/9/1991	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		38	38		
4027	C34027	Võ Minh Phương	27/4/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Yên Hòa		58,5	58,5		
4028	C34028	Võ Trần Mai Phương	10/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		45	45		
4029	C34029	Vũ Minh Phương	09/12/1996	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Lý Tử Tấn		34,5	34,5		
4030	C34030	Nguyễn Thu Phương	28/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Văn Nội	THPT Bắc Thăng Long		45,5	45,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4031	C34031	Phạm Thị Thu Phương	02/4/2000	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4032	C34032	Vũ Hà Phương	30/10/1998	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	TH, THCS và THPT Khương Hạ		36	36		
4033	C34033	Đào Thị Mai Phượng	25/7/1996	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Đa Phúc		40	40		
4034	C34034	Đào Thị Phượng	10/4/1994	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Quốc Trinh		29,5	29,5		
4035	C34035	Nguyễn Hồng Phượng	29/6/1995	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		Bỏ thi			
4036	C34036	Nguyễn Thị Phương	19/9/2000	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		54,5	54,5		
4037	C34037	Nguyễn Thị Phượng	23/6/1994	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
4038	C34038	Nguyễn Thị Phượng	01/01/2000	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Thọ Xuân		33,5	33,5		
4039	C34039	Trần Hồng Phượng	28/4/1996	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		63,3	63,3		
4040	C34040	Vũ Minh Phượng	13/02/1982	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đại Mỗ		48,5	48,5		
4041	C34041	Nguyễn Chí Quân	10/11/2000	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		67,5	67,5		
4042	C34042	Nguyễn Văn Quân	23/8/1999	Nam	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Đại Mỗ		54,3	54,3		
4043	C34043	Trần Minh Quân	30/11/2002	Nam	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Bắc Lương Sơn		51,8	51,8		
4044	C34044	Trương Công Quân	16/01/2002	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		53	53		
4045	C34045	Lại Minh Quang	27/02/2002	Nam	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Phúc Lợi		38,5	38,5		
4046	C34046	Lê Huy Quang	23/01/2000	Nam	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		68,5	68,5		
4047	C34047	Nguyễn Minh Quang	18/10/1997	Nam	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		87,5	87,5	Trúng tuyển NV1	
4048	C34048	Nguyễn Vinh Quang	28/6/2003	Nam	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		40	40		
4049	C34049	Nguyễn Thị Kim Quy	18/5/1995	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		55,3	55,3		
4050	C34050	Nguyễn Thị Quyên	30/3/2002	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		Bỏ thi			
4051	C34051	Ngô Vương Quyền	08/8/1994	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		62,5	62,5		
4052	C34052	Đỗ Ngọc Quỳnh	07/8/1999	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		74	74	Trúng tuyển NV1	
4053	C34053	Doãn Như Quỳnh	06/3/1993	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Văn Cốc		60,8	60,8		
4054	C34054	Hoàng Thị Quỳnh	20/01/1998	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ			66	66		
4055	C34055	Ngô Như Quỳnh	05/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Phương		47	47		
4056	C34056	Ngô Thị Như Quỳnh	06/5/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59,8	59,8		
4057	C34057	Nguyễn Hương Quỳnh	14/3/1999	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		53	53		
4058	C34058	Nguyễn Như Quỳnh	23/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	TH, THCS và THPT Khương Hạ		Bỏ thi			
4059	C34059	Nguyễn Như Quỳnh	25/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Đại Mỗ		50	50		
4060	C34060	Nguyễn Như Quỳnh	27/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		8,8	8,8		
4061	C34061	Nguyễn Như Quỳnh	24/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Văn Cốc	THPT Đan Phượng		37,5	37,5		
4062	C34062	Nguyễn Thanh Quỳnh	06/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		18	18		
4063	C34063	Nguyễn Thị Như Quỳnh	24/5/1997	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		52	52		
4064	C34064	Nguyễn Thị Quỳnh	20/12/1998	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		56	56		
4065	C34065	Nguyễn Thị Quỳnh	19/01/1996	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		55,5	55,5		
4066	C34066	Nguyễn Thu Quỳnh	11/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		37,5	37,5		
4067	C34067	Phạm Thị Xuân Quỳnh	16/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
4068	C34068	Phạm Thúy Quỳnh	14/03/2002	Nữ	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
4069	C34069	Phùng Thị Quỳnh	21/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Thọ Xuân		42	42		
4070	C34070	Quách Thị Như Quỳnh	07/6/1999	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		61	61		
4071	C34071	Trần Thị Như Quỳnh	03/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		61	61		
4072	C34072	Nguyễn Thị Sinh	10/12/1997	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		44	44		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4073	C34073	Đinh Xuân Sơn	02/01/2003	Nam	Toán học	THPT Việt Đức	THPT Phan Đình Phùng		58	58		
4074	C34074	Đỗ Hồng Sơn	13/10/1996	Nam	Toán học	THPT Đồng Mỹ	THPT Bắc Lương Sơn		56,8	56,8		
4075	C34075	Phạm Thái Sơn	09/01/1996	Nam	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		72,5	72,5		
4076	C34076	Quách Thành Sơn	01/12/2002	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Thanh Oai B		26,5	26,5		
4077	C34077	Trần Minh Sơn	30/7/1998	Nam	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Nguyễn Quốc Trinh		75	75	Trúng tuyển NV1	
4078	C34078	Trần Văn Sơn	18/12/2003	Nam	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Đan Phượng		55	55		
4079	C34079	Trịnh Thanh Sơn	13/11/2003	Nam	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		58	58		
4080	C34080	Nguyễn Duy Tài	11/8/1996	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		75	75	Trúng tuyển NV1	
4081	C34081	Bùi Thị Thanh Tâm	09/4/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		44,5	44,5		
4082	C34082	Đinh Thị Minh Tâm	19/5/2001	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		66	66		
4083	C34083	Đinh Thị Tâm	14/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Xuân Giang	THPT Đa Phúc		44,5	44,5		
4084	C34084	Đỗ Thị Tâm	07/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Tự Lập		45	45		
4085	C34085	Nguyễn Thị Ánh Tâm	11/6/1999	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Đại Mỗ		56,5	56,5		
4086	C34086	Quách Minh Tâm	15/01/1994	Nữ	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		42	42		
4087	C34087	Trần Đăng Tâm	09/10/2000	Nam	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Việt Đức		39,3	39,3		
4088	C34088	Lê Thị Thanh Tân	17/7/1992	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		29	29		
4089	C34089	Nguyễn Thế Tân	11/5/2001	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		50	50		
4090	C34090	Đặng Hồng Thái	04/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Đồng Mỹ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		65	65		
4091	C34091	Nguyễn Danh Thái	22/6/2001	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		57,5	57,5		
4092	C34092	Đặng Hồng Thắm	28/12/1999	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Đan Phượng		Bỏ thi			
4093	C34093	Nguyễn Thị Thắm	04/11/1989	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Đan Phượng		58,5	58,5		
4094	C34094	Trần Thị Thắm	02/01/1987	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		57,5	57,5		
4095	C34095	Đỗ Minh Thắng	09/12/2002	Nam	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Tây Hồ		44	44		
4096	C34096	Lê Đình Thắng	26/3/2000	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		57	57		
4097	C34097	Nguyễn Chiến Thắng	25/01/2002	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		30	30		
4098	C34098	Nguyễn Quyết Thắng	04/02/1993	Nam	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Hợp Thanh		33	33		
4099	C34099	Nguyễn Văn Thắng	15/02/2002	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		37	37		
4100	C34100	Đặng Thị Thanh	30/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
4101	C34101	Đinh Thị Hải Thanh	01/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		37,8	37,8		
4102	C34102	Đoàn Thị Thanh	15/01/1995	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Thọ Xuân		57	57		
4103	C34103	Lý Thị Mai Thanh	18/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		57,3	57,3		
4104	C34104	Nguyễn Phương Thanh	25/4/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Bắc Thăng Long		32,5	32,5		
4105	C34105	Nguyễn Phương Thanh	14/12/1997	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lý Tử Tấn		57,5	57,5		
4106	C34106	Nguyễn Thị Thanh	01/12/1992	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		62,8	62,8		
4107	C34107	Nguyễn Thị Thanh	10/6/1985	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
4108	C34108	Nguyễn Thị Thanh	03/01/1995	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		48	48		
4109	C34109	Nguyễn Thị Thanh	15/12/1995	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Nguyễn Quốc Trinh		31	31		
4110	C34110	Nguyễn Thị Thanh	11/11/1999	Nữ	Toán học	THPT Hợp Thanh	THPT Lưu Hoàng		52,5	52,5		
4111	C34111	Nguyễn Thị Thanh Thanh	18/12/2000	Nữ	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Văn Nội		40	40		
4112	C34112	Tạ Thị Phương Thanh	18/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		28	28		
4113	C34113	Vũ Thị Phương Thanh	04/5/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		66,3	66,3		
4114	C34114	Bùi Xuân Thành	08/01/2002	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Thanh Oai B		20,5	20,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4115	C34115	Dư Đại Thành	04/5/2001	Nam	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Bắc Lương Sơn		41,3	41,3		
4116	C34116	Ngô Thị Thành	03/9/1984	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		39,8	39,8		
4117	C34117	Nguyễn Giang Thành	19/12/1987	Nam	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Việt Đức		57	57		
4118	C34118	Nguyễn Khắc Thành	14/4/1990	Nam	Toán học	THPT Hợp Thanh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	2,5	45	47,5		
4119	C34119	Đặng Thị Thao	05/8/1990	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		58	58		
4120	C34120	Nguyễn Văn Thao	11/10/1987	Nam	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
4121	C34121	Đàm Thị Thảo	11/9/1989	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Minh Phú		Bỏ thi			
4122	C34122	Đặng Thị Phương Thao	21/6/2000	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		66,5	66,5		
4123	C34123	Đặng Thị Thảo	17/6/1987	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		62,5	62,5		
4124	C34124	Đoàn Thị Thanh Thảo	07/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		32,5	32,5		
4125	C34125	Đoàn Thị Thảo	07/3/1999	Nữ	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
4126	C34126	Lê Thị Hương Thảo	27/11/2000	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		57,5	57,5		
4127	C34127	Lê Thị Thanh Thảo	05/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		47,5	47,5		
4128	C34128	Lê Thị Thảo	29/6/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		42,5	42,5		
4129	C34129	Mai Thanh Thảo	05/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		56	56		
4130	C34130	Nghiêm Phương Thảo	23/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		43,8	43,8		
4131	C34131	Ngô Phương Thảo	13/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Việt Đức		66	66		
4132	C34132	Nguyễn Đắc Thảo	28/01/2003	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		Bỏ thi			
4133	C34133	Nguyễn Huyền Thảo	27/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Yên Hòa		46,5	46,5		
4134	C34134	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	07/10/1997	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn			36,5	36,5		Không xét trường NV2
4135	C34135	Nguyễn Phương Thảo	04/11/1997	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		55,5	55,5		
4136	C34136	Nguyễn Phương Thảo	08/6/2000	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Yên Hòa		62,3	62,3		
4137	C34137	Nguyễn Thị Bích Thảo	16/02/1995	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		68,3	68,3		
4138	C34138	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50	50		
4139	C34139	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/12/1994	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Yên Hòa		70	70	Trúng tuyển NV1	
4140	C34140	Nguyễn Thị Thạch Thảo	26/10/2001	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Thọ Xuân		68,8	68,8		
4141	C34141	Nguyễn Thị Thanh Thảo	01/9/1992	Nữ	Toán học	THPT Xuân Giang	THPT Yên Hòa		Bỏ thi			
4142	C34142	Nguyễn Thị Thảo	07/8/1994	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng			42	42		Không xét trường NV2
4143	C34143	Nguyễn Thị Thảo	07/02/1988	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		50,5	50,5		
4144	C34144	Nguyễn Thị Thu Thảo	03/01/1995	Nữ	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
4145	C34145	Nguyễn Thu Thảo	13/11/2000	Nữ	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		40	40		
4146	C34146	Phạm Thu Thảo	10/4/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		52	52		
4147	C34147	Phùng Phương Thảo	26/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Đan Phượng		35	35		
4148	C34148	Trần Ngọc Thảo	10/3/1999	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		65	65		
4149	C34149	Trần Phương Thảo	02/8/1992	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		58,5	58,5		
4150	C34150	Trần Thị Phương Thảo	06/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Yên Viên		31,8	31,8		
4151	C34151	Trần Thị Thảo	01/05/2002	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Lý Tử Tấn		38,5	38,5		
4152	C34152	Trần Thị thảo	15/9/2000	Nữ	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Việt Đức		65,8	65,8		
4153	C34153	Trịnh Thị Thu Thảo	03/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Chương Mỹ B		42	42		
4154	C34154	Vi Thị Thảo	15/8/1991	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Xuân Giang		61	61		
4155	C34155	Vũ Phương Thảo	23/7/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		58	58		
4156	C34156	Nguyễn Hương Thảo	03/11/1998	Nữ	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Đa Phúc		32,5	32,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4157	C34157	Hoàng Dạ Thi	29/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		50	50		
4158	C34158	Trần Tùng Thiện	20/01/2000	Nam	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
4159	C34159	Lê Đức Thịnh	21/12/2003	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Lưu Hoàng		27	27		
4160	C34160	Nguyễn Thị Thịnh	22/7/1995	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		52	52		
4161	C34161	Lê Anh Thọ	11/5/2002	Nam	Toán học	THPT Trung Giã	THPT Thanh Oai B		37,5	37,5		
4162	C34162	Phạm Đài Thọ	27/8/1997	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		61	61		
4163	C34163	Nguyễn Tiến Thơm	28/02/1996	Nam	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		62	62		
4164	C34164	Chu Huyền Thu	18/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Tây Hồ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		52,8	52,8		
4165	C34165	Đoàn Thị Thu	12/9/1999	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		47,5	47,5		
4166	C34166	Lê Thị Kim Thu	24/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		58	58		
4167	C34167	Ngô Hoài Thu	20/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Yên Hòa		79	79		
4168	C34168	Nguyễn Thị Phương Thu	03/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		54,5	54,5		
4169	C34169	Nguyễn Thị Thu	25/12/2000	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		50,5	50,5		
4170	C34170	Nguyễn Thị Thu	14/12/1996	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
4171	C34171	Phạm Thị Thu	07/01/1989	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Mỹ Đình		70	70	Trúng tuyển NV1	
4172	C34172	Phạm Thị Thu	08/12/1988	Nữ	Toán học	THPT Tây Hồ	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		50,5	50,5		
4173	C34173	Vũ Minh Thu	01/7/2000	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân		22	22		
4174	C34174	Vũ Thị Hà Thu	06/8/1995	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Mỹ Đình		71,3	71,3		
4175	C34175	Đỗ Minh Thư	25/8/2001	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		68,5	68,5		
4176	C34176	Hà Anh Thư	13/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		39	39		
4177	C34177	Lại Anh Thư	05/12/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		11,5	11,5		
4178	C34178	Nguyễn Anh Thư	08/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Thạch Bàn			62	62		Không xét Trường NV2
4179	C34179	Nguyễn Minh Thư	27/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lưu Hoàng		31,5	31,5		
4180	C34180	Nguyễn Thị Hồng Thư	08/3/2002	Nữ	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Thọ Xuân		53,5	53,5		
4181	C34181	Phan Thị Anh Thư	19/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Vân Cốc	THPT Đan Phượng		32,5	32,5		
4182	C34182	Hà Thu Thuận	15/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		32,5	32,5		
4183	C34183	Nguyễn Thị Hiền Thục	23/7/2002	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		32,5	32,5		
4184	C34184	Đào Quỳnh Thương	08/7/2001	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Minh Hà		57,5	57,5		
4185	C34185	Đào Thị Thương	26/5/2000	Nữ	Toán học	THPT Tây Hồ	THPT Bắc Thăng Long		56,5	56,5		
4186	C34186	Nguyễn Hoài Thương	01/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		56,5	56,5		
4187	C34187	Nguyễn Thị Hà Thương	14/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		62,5	62,5		
4188	C34188	Nguyễn Thị Hoài Thương	04/11/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đan Phượng		74	74		
4189	C34189	Nguyễn Thị Huyền Thương	24/6/1999	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		Bỏ thi			
4190	C34190	Vũ Diệu Thương	25/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4191	C34191	Đỗ Thị Thuý	29/02/1988	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		48	48		
4192	C34192	Khuất Thị Ngọc Thuý	12/9/1996	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		49	49		
4193	C34193	Lý Thị Thuý	21/5/1995	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		59,8	59,8		
4194	C34194	Nguyễn Thị Ngọc Thuý	24/11/1994	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		42,5	42,5		
4195	C34195	Nguyễn Thị Thuý	16/8/1987	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		54,5	54,5		
4196	C34196	Nguyễn Thị Thuý	27/10/1991	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
4197	C34197	Nguyễn Thị Thuý	30/3/1997	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		48,3	48,3		
4198	C34198	Phạm Thị Thuý	09/7/1994	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình		51	51		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4199	C34199	Tạ Thị Hồng Thuý	23/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		56	56		
4200	C34200	Trương Thanh Thuý	30/11/1999	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		70,8	70,8		
4201	C34201	Bùi Thị Thuý	03/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng	5	Bỏ thi			
4202	C34202	Dương Minh Thuý	30/6/1998	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Thọ Xuân		53,3	53,3		
4203	C34203	Hoàng Minh Thuý	02/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Khương Đình		51,5	51,5		
4204	C34204	An Thị Thu Thuý	20/12/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Minh Hà		74,8	74,8	Trúng tuyển NV1	
4205	C34205	Đỗ Thị Thuý	17/9/1992	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		64,8	64,8		
4206	C34206	Hoàng Ngọc Thuý	12/01/2003	Nam	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Văn Nội		Bỏ thi			
4207	C34207	Nguyễn Thanh Thuý	05/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Minh Phú		50,3	50,3		
4208	C34208	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	07/11/1990	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lưu Hoàng		60,3	60,3		
4209	C34209	Nguyễn Thị Thuý	12/01/1995	Nữ	Toán học	THPT Tây Hồ	THPT Lý Thường Kiệt		Bỏ thi			
4210	C34210	Nguyễn Thị Thuý	17/5/1991	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
4211	C34211	Thạch Thị Bích Thuỷ	20/8/1998	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
4212	C34212	Đào Thị Thúy	15/10/1994	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Thọ Xuân		67,5	67,5		
4213	C34213	Lại Thị Thúy	17/7/1993	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		53	53		
4214	C34214	Bùi Thị Thanh Thủy	04/7/1985	Nữ	Toán học	THPT Văn Cốc	THPT Đan Phượng		62,3	62,3		
4215	C34215	Bùi Thị Thu Thủy	07/9/1986	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Tự Lập		60,5	60,5		
4216	C34216	Hoàng Phương Thủy	09/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		63,5	63,5		
4217	C34217	Nguyễn Thị Thủy	04/11/1986	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đa Phúc		50	50		
4218	C34218	Trần Thanh Thủy	18/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		56	56		
4219	C34219	Vũ Thị Thanh Thủy	23/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Nguyễn Văn Trỗi		38,8	38,8		
4220	C34220	Vũ Thị Thu Thủy	01/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		37,5	37,5		
4221	C34221	Nguyễn Thị Tiên	01/3/1994	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		37	37		
4222	C34222	Vương Hương Tiên	15/9/1994	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lưu Hoàng		Bỏ thi			
4223	C34223	Nguyễn Anh Tiến	07/11/1992	nam	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Bắc Thăng Long		42	42		
4224	C34224	Chu Thanh Tiệp	06/10/1990	Nam	Toán học	THPT Văn Nội	THPT Bắc Thăng Long		58	58		
4225	C34225	Ngô Thị Tình	08/5/1994	Nữ	Toán học	THPT Xuân Giang	THPT Đan Phượng		39,5	39,5		
4226	C34226	Vũ Thị Tình	12/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Trung Giã	THPT Đa Phúc		45,5	45,5		
4227	C34227	Nguyễn Thị Toàn	10/12/1993	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
4228	C34228	Giang Văn Toàn	17/02/1991	Nam	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		63,5	63,5		
4229	C34229	Lại Văn Tôn	11/4/1994	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		55	55		
4230	C34230	Đỗ Thị Thu Trà	24/01/1997	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
4231	C34231	Ngô Thu Trà	22/5/1998	Nữ	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		50	50		
4232	C34232	Trần Thu Trà	13/5/2001	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Đông Mỹ		52,5	52,5		
4233	C34233	Vũ Thị Thu Trà	08/7/1998	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		64	64		
4234	C34234	Phan Thị Trâm	08/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		61	61		
4235	C34235	Bùi Thị Ngọc Trâm	12/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		44	44		
4236	C34236	Phùng Thu Trang	16/3/2000	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Xuân Phương		36,5	36,5		
4237	C34237	Bùi Quỳnh Trang	27/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Xuân Phương		33,8	33,8		
4238	C34238	Bùi Thị Huyền Trang	19/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đại Mỗ		44,8	44,8		
4239	C34239	Cao Minh Trang	25/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		51	51		
4240	C34240	Đặng Thị Thu Trang	19/6/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		63,3	63,3		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4241	C34241	Đặng Thị Trang	24/02/1994	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Xuân Giang		55,5	55,5		
4242	C34242	Đào Minh Trang	11/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Yên Hòa		67	67		
4243	C34243	Đào Thị Huyền Trang	23/09/1995	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân		52,3	52,3		
4244	C34244	Đào Thị Huyền Trang	28/9/1994	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đại Mỗ		57,8	57,8		
4245	C34245	Đào Thị Trang	28/4/1999	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		39,5	39,5		
4246	C34246	Đỗ Thị Thu Trang	31/12/1996	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		64,5	64,5		
4247	C34247	Dương Thu Trang	23/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		55,8	55,8		
4248	C34248	Hà Thu Trang	15/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		39	39		
4249	C34249	Hồ Hoàng Trang	08/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		64,5	64,5		
4250	C34250	Hoàng Hà Trang	31/01/2000	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Khương Đình		70,5	70,5		
4251	C34251	Hoàng Huyền Trang	26/9/1994	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
4252	C34252	Hoàng Thị Thuỳ Trang	25/5/1996	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		60	60		
4253	C34253	Khổng Thu Trang	08/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Trung Giã			33,5	33,5		Không xét trường NV2
4254	C34254	Kiều Thu Trang	15/8/2000	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		65,5	65,5		
4255	C34255	Kim Thùy Trang	05/5/2002	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Quốc Trinh		35	35		
4256	C34256	Lâm Thị Kiều Trang	09/01/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		49	49		
4257	C34257	Lê Thị Minh Trang	20/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Đan Phượng		42,3	42,3		
4258	C34258	Lê Thị Trang	24/4/1999	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Mỹ Đình		48,5	48,5		
4259	C34259	Lê Thiên Trang	18/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		46	46		
4260	C34260	Lê Thu Trang	25/4/1998	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Mỹ Đình		40	40		
4261	C34261	Lưu Thị Thu Trang	17/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Đại Mỗ		54,8	54,8		
4262	C34262	Ngô Phương Trang	05/9/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		62,5	62,5		
4263	C34263	Ngô Thị Trang	11/01/1999	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		50,5	50,5		
4264	C34264	Nguyễn Hà Trang	01/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Lý Tử Tấn		57	57		
4265	C34265	Nguyễn Hạnh Trang	25/8/2000	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		50	50		
4266	C34266	Nguyễn Hiền Trang	06/7/1992	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
4267	C34267	Nguyễn Huyền Trang	22/4/1995	Nữ	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		50,5	50,5		
4268	C34268	Nguyễn Thị Hương Trang	10/09/1994	Nữ	Toán học	THPT Minh Phú	THPT Xuân Giang		Bỏ thi			
4269	C34269	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Mỹ Đình	5	67	72		
4270	C34270	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/7/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Văn Cốc		48	48		
4271	C34271	Nguyễn Thị Huyền Trang	17/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Đại Mỗ		47,5	47,5		
4272	C34272	Nguyễn Thị Kiều Trang	10/4/1993	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		76,3	76,3	Trúng tuyển NV1	
4273	C34273	Nguyễn Thị Kiều Trang	11/1/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		50,8	50,8		
4274	C34274	Nguyễn Thị Kiều Trang	26/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
4275	C34275	Nguyễn Thị Phương Trang	06/03/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		41,8	41,8		
4276	C34276	Nguyễn Thị Thu Trang	17/3/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		35	35		
4277	C34277	Nguyễn Thị Thu Trang	12/10/1996	Nữ	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		51	51		
4278	C34278	Nguyễn Thị Thu Trang	01/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		54	54		
4279	C34279	Nguyễn Thị Thùy Trang	03/10/2002	Nữ	Toán học	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		62,5	62,5		
4280	C34280	Nguyễn Thị Thùy Trang	03/10/2000	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Văn Cốc		Bỏ thi			
4281	C34281	Nguyễn Thị Trang	10/11/2000	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		61	61		
4282	C34282	Nguyễn Thị Trang	18/7/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		57	57		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4283	C34283	Nguyễn Thị Trang	24/6/2003	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Bắc Thăng Long		45,3	45,3		
4284	C34284	Nguyễn Thị Trang	06/7/1993	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
4285	C34285	Nguyễn Thu Trang	12/9/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		52,8	52,8		
4286	C34286	Nguyễn Thu Trang	26/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		67	67		
4287	C34287	Nguyễn Thu Trang	06/5/2001	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		56	56		
4288	C34288	Nguyễn Thu Trang	10/01/2001	Nữ	Toán học	THPT Tây Hồ	THPT Đan Phượng		44,5	44,5		
4289	C34289	Nguyễn Thu Trang	21/02/1998	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Đan Phượng		60	60		
4290	C34290	Nguyễn Thu Trang	01/3/2002	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Tây Hồ		50,5	50,5		
4291	C34291	Nguyễn Thu Trang	15/4/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Khương Đình		50	50		
4292	C34292	Nguyễn Thu Trang	29/6/2000	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Bắc Lương Sơn		59	59		
4293	C34293	Nguyễn Thu Trang	09/02/1995	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đan Phượng		Bỏ thi			
4294	C34294	Nguyễn Thuỳ Trang	29/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Bắc Thăng Long		42	42		
4295	C34295	Nguyễn Thùy Trang	03/11/1996	Nữ	Toán học	THPT Văn Nội	THPT Thọ Xuân		41	41		
4296	C34296	Nguyễn Thùy Trang	24/09/2002	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Thọ Xuân		51,5	51,5		
4297	C34297	Nguyễn Thùy Trang	13/12/2001	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		44	44		
4298	C34298	Nguyễn Vân Trang	11/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		43,3	43,3		
4299	C34299	Phạm Huyền Trang	01/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		20,5	20,5		
4300	C34300	Phạm Lê Minh Trang	01/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Đan Phượng		7,8	7,8		
4301	C34301	Phạm Thị Hiền Trang	13/5/1999	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		34,5	34,5		
4302	C34302	Phạm Thị Huyền Trang	27/12/1996	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		61,8	61,8		
4303	C34303	Phạm Thu Trang	29/8/1999	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Phương		68,8	68,8		
4304	C34304	Phạm Thu Trang	14/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		37,5	37,5		
4305	C34305	Phạm Vũ Lan Trang	24/12/2000	Nữ	Toán học	THPT Văn Nội	THPT Bắc Thăng Long		50,5	50,5		
4306	C34306	Phan Thị Quỳnh Trang	08/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đại Mỗ		78	78	Trúng tuyển NV1	
4307	C34307	Tạ Quỳnh Trang	29/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Mỹ Đình		64	64		
4308	C34308	Tạ Thị Sao Trang	08/10/1991	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Đan Phượng		58,5	58,5		
4309	C34309	Tạ Thị Thuỳ Trang	10/5/2002	Nữ	Toán học	THPT Tự Lập	THPT Minh Phú		43,3	43,3		
4310	C34310	Vũ Quỳnh Trang	11/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		42,8	42,8		
4311	C34311	Vũ Thị Kiều Trang	08/06/2003	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		33,5	33,5		
4312	C34312	Vũ Thị Trang	11/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		49,5	49,5		
4313	C34313	Vương Quỳnh Trang	02/11/2003	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		40,5	40,5		
4314	C34314	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/10/1989	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Thạch Bàn		Bỏ thi			
4315	C34315	Nguyễn Thị Thu Trang	25/7/1998	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
4316	C34316	Nguyễn Anh Trí	04/4/1993	Nam	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Mỹ Đình		51	51		
4317	C34317	Nguyễn Minh Trí	05/8/2002	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		56	56		
4318	C34318	Nguyễn Hồ Hải Triều	01/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Phan Đình Phùng	THPT Đại Mỗ		52,3	52,3		
4319	C34319	Trần Văn Triệu	21/10/1990	Nam	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		58	58		
4320	C34320	Đỗ Thị Thùy Trinh	15/11/1998	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		70,3	70,3		
4321	C34321	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	30/5/2001	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Mỹ Đình		53,3	53,3		
4322	C34322	Nguyễn Thị Việt Trinh	30/9/1999	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4323	C34323	Nguyễn Trung Trông	23/9/2002	Nam	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		66,3	66,3		
4324	C34324	Bùi Thành Trung	20/7/1982	Nam	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Mỹ Đình		52	52		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4325	C34325	Nguyễn Đức Trung	13/11/2001	Nam	Toán học	THPT Tây Hồ	THPT Xuân Phương		45	45		
4326	C34326	Nguyễn Tuấn Trung	07/6/1996	Nam	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đan Phượng		53	53		
4327	C34327	Thành Đức Trung	02/02/1993	Nam	Toán học	THPT Việt Đức	THPT Yên Hòa		53,5	53,5		
4328	C34328	Đỗ Quang Trường	18/12/2002	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		Bỏ thi			
4329	C34329	Đỗ Viết Trường	10/8/1993	Nam	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Xuân Phương		44	44		
4330	C34330	Nguyễn Thị Trường	15/10/1991	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình			36	36		
4331	C34331	Bùi Xuân Tú	09/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Phúc Lợi		45	45		
4332	C34332	Đặng Minh Tú	16/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
4333	C34333	Đặng Thị Cẩm Tú	07/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		37,3	37,3		
4334	C34334	Lý Anh Tú	07/7/1990	Nam	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Việt Đức		66	66		
4335	C34335	Nguyễn Anh Tú	12/02/2002	nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		57	57		
4336	C34336	Nguyễn Thị Ngọc Tú	16/9/1999	Nữ	Toán học	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		56	56		
4337	C34337	Nguyễn Văn Tú	31/10/1995	Nam	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		75	75	Trúng tuyển NV1	
4338	C34338	Phạm Ngọc Tú	23/6/1985	Nam	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		70,5	70,5		
4339	C34339	Dương Cẩm Tú	09/8/2003	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Mỹ Đình		66	66		
4340	C34340	Đặng Hoàng Tuấn	16/12/1996	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đông Mỹ		52	52		
4341	C34341	Nguyễn Minh Tuấn	10/8/2002	Nam	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Lý Thường Kiệt		55	55		
4342	C34342	Nguyễn Quốc Tuấn	23/9/1997	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		52	52		
4343	C34343	Lê Thị Minh Tuệ	07/7/1996	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Xuân Phương		55,5	55,5		
4344	C34344	Hoàng Lê Nhật Tùng	12/6/1998	Nam	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		77	77	Trúng tuyển NV1	
4345	C34345	Lê Đức Tùng	07/2/1994	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Khương Đình		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
4346	C34346	Nguyễn Duy Tùng	09/12/1989	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		47	47		
4347	C34347	Nguyễn Thanh Tùng	21/9/1996	Nam	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Lý Tử Tấn		57	57		
4348	C34348	Nguyễn Tiến Tùng	27/12/1997	Nam	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Phan Đình Phùng		75	75	Trúng tuyển NV1	
4349	C34349	Trần Thanh Tùng	11/08/2002	Nam	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Tây Hồ		36,5	36,5		
4350	C34350	Trần Văn Tùng	08/07/1998	Nam	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Nguyễn Quốc Trinh		46,3	46,3		
4351	C34351	Vũ Thị Tươi	22/8/1996	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		62	62		
4352	C34352	Bùi Thị Kim Tuyến	21/10/1995	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		50,5	50,5		
4353	C34353	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12/4/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		36,3	36,3		
4354	C34354	Hoàng Thị Ánh Tuyết	14/10/1994	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Xuân Phương		29,3	29,3		
4355	C34355	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	26/8/1998	Nữ	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59,5	59,5		
4356	C34356	Nguyễn Bảo Uyên	30/5/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Xuân Phương		41	41		
4357	C34357	Nguyễn Kiều Uyên	31/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Đan Phượng		52	52		
4358	C34358	Nguyễn Thị Thu Uyên	09/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đan Phượng		41	41		
4359	C34359	Nguyễn Thị Uyên	23/6/1997	Nữ	Toán học	THPT Thanh Oai B	THPT Chương Mỹ B		59,5	59,5		
4360	C34360	Nguyễn Thị Uyên	14/02/1996	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		53	53		
4361	C34361	Phạm Tú Uyên	17/7/2000	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		38,5	38,5		
4362	C34362	Trần Thị Uyên	12/01/1997	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		71	71		
4363	C34363	Bùi Thị Vân	22/4/1992	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		40,5	40,5		
4364	C34364	Đinh Thị Hồng Vân	26/7/1989	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Đan Phượng		52,5	52,5		
4365	C34365	Đỗ Khánh Vân	28/01/2003	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		44,5	44,5		
4366	C34366	Đỗ Thị Mỹ Vân	05/10/1999	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đại Mỗ		45	45		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4367	C34367	Mai Thị Vân	12/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		40,3	40,3		
4368	C34368	Ngô Thị Thanh Vân	24/5/1994	Nữ	Toán học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Văn Nội		56,5	56,5		
4369	C34369	Nguyễn Hồng Vân	01/10/1995	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		53	53		
4370	C34370	Nguyễn Thị Vân	22/5/1993	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4371	C34371	Nguyễn Vũ Thảo Vân	13/12/2003	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thọ Xuân		53,8	53,8		
4372	C34372	Phạm Thị Kiều Vân	16/12/1987	Nữ	Toán học	THPT Xuân Phương	THPT Đại Mỗ	5	60	65		
4373	C34373	Trịnh Thu Vân	07/3/1997	Nữ	Toán học	THPT Lý Tử Tấn	THPT Mỹ Đình		69,3	69,3	Trúng tuyển NV1	
4374	C34374	Vũ Cẩm Vân	03/11/1997	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		43	43		
4375	C34375	Phí Thị Khánh Vân	22/5/1997	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		72,8	72,8		
4376	C34376	Bùi Hà Vi	22/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		63,3	63,3		
4377	C34377	Lê Hà Vi	18/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Lưu Hoàng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		42,3	42,3		
4378	C34378	Lê Uyên Vi	21/10/1991	Nữ	Toán học	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		29,8	29,8		
4379	C34379	Đinh Công Việt	10/02/1997	Nam	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		50	50		
4380	C34380	Nguyễn Tuấn Việt	03/11/2001	Nam	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Nguyễn Văn Trỗi		65	65		
4381	C34381	Bùi Tiến Vinh	18/6/1991	Nam	Toán học	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Bắc Lương Sơn	2,5	48,3	50,8		
4382	C34382	Nguyễn Phúc Vinh	25/10/1983	Nam	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		59	59		
4383	C34383	Vũ Quang Vinh	29/6/2002	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Phan Đình Phùng		48	48		
4384	C34384	Nguyễn Thế Tuấn Vũ	25/3/1995	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Mỹ Đình		64	64		
4385	C34385	Tống Nguyên Vũ	16/9/2002	Nam	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Khương Đình		69,3	69,3		
4386	C34386	Hà Bích Vượng	21/7/1996	Nữ	Toán học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đan Phượng		Bỏ thi			
4387	C34387	Lê Tường Vy	18/9/2003	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		38	38		
4388	C34388	Đào Thị Minh Xuân	04/02/2002	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		50,5	50,5		
4389	C34389	Đỗ Tâm Xuân	05/2/2002	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
4390	C34390	Hoàng Anh Xuân	03/11/2002	Nam	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		45,8	45,8		
4391	C34391	Phạm Thị Thanh Xuân	02/11/2002	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		39,5	39,5		
4392	C34392	Phạm Thị Thanh Xuân	10/3/1999	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4393	C34393	Đặng Văn Xuyên	21/10/1990	Nam	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Nguyễn Quốc Trinh		Bỏ thi			
4394	C34394	Vũ Thị Xuyến	26/4/1990	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B	5	41	46		
4395	C34395	Võ Thị Minh Ý	19/7/1986	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		68,3	68,3		
4396	C34396	Bùi Thị Yến	27/3/2003	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	TH, THCS và THPT Khương Hạ	5	33,3	38,3		
4397	C34397	Đỗ Thị Hải Yến	07/6/1993	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		76,3	76,3	Trúng tuyển NV1	
4398	C34398	Đỗ Thị Hải Yến	26/11/1994	Nữ	Toán học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		58,5	58,5		
4399	C34399	Đỗ Thị Hải Yến	13/5/1996	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Sơn Tây	THPT Bắc Lương Sơn		70,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
4400	C34400	Hoàng Thị Hải Yến	01/11/1993	Nữ	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	THPT Hợp Thanh		66,5	66,5		
4401	C34401	Hoàng Thị Hải Yến	15/8/1992	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		42,5	42,5		
4402	C34402	Khuất Thị Hải Yến	23/10/1998	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		72	72	Trúng tuyển NV1	
4403	C34403	Lê Bảo Yến	03/3/2002	Nữ	Toán học	THPT Thanh Oai B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		51	51		
4404	C34404	Lê Thị Hải Yến	15/3/2001	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đa Phúc		64,5	64,5		
4405	C34405	Ngô Thị Hải Yến	26/12/2000	Nữ	Toán học	THPT Tây Hồ	THPT Bắc Thăng Long		90	90	Trúng tuyển NV1	
4406	C34406	Nguyễn Hải Yến	27/10/1997	Nữ	Toán học	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Lưu Hoàng		75,3	75,3	Trúng tuyển NV1	
4407	C34407	Nguyễn Hải Yến	24/8/1996	Nữ	Toán học	THPT Đông Mỹ	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		63	63		
4408	C34408	Nguyễn Thị Hoàng Yến	07/03/2001	Nữ	Toán học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		58	58		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4409	C34409	Nguyễn Thị Phi Yến	25/8/2002	Nữ	Toán học	THPT Đan Phượng	THPT Minh Hà		40	40		
4410	C34410	Nguyễn Thị Yến	21/3/1998	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		46	46		
4411	C34411	Nguyễn Thị Yến	13/12/1993	Nữ	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		42,5	42,5		
4412	C34412	Nguyễn Thị Yến	09/10/2003	Nữ	Toán học	THPT Đa Phúc	THPT Bắc Thăng Long		52	52		
4413	C34413	Nguyễn Thị Yến	18/11/1996	Nữ	Toán học	THPT Minh Hà	THPT Nguyễn Văn Trỗi		68	68		
4414	C34414	Nguyễn Thị Yến	29/9/1997	Nữ	Toán học	THPT Đại Mỗ	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		74	74	Trúng tuyển NV1	
4415	C34415	Nhân Thị Hải Yến	30/9/2000	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59,3	59,3		
4416	C34416	Phan Thị Yến	02/10/1991	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		52	52		
4417	C34417	Trần Hải Yến	13/02/2003	Nữ	Toán học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Mỹ Đình		62,5	62,5		
4418	C24418	Trần Hải Phương	15/02/2003	Nữ	Toán học - THCS	PTCS Xã Đàn			65	65	Trúng tuyển NV1	Vị trí Đoàn đội
4419	C24419	Nguyễn Thu Hà	11/4/1989	Nữ	Sinh học - THCS	PTCS Nguyễn Đình Chiểu			66	66	Trúng tuyển NV1	
4420	C34420	Đỗ Hoàng Anh	04/3/2002	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Thọ Xuân	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	5	62	67	Trúng tuyển NV1	
4421	C34421	Giáp Hoài Thế Anh	26/8/1998	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
4422	C34422	Kim Thị Yến Anh	05/10/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Quang Trung - Hà Đông		39	39		
4423	C34423	Lê Thị Anh	22/10/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		41,5	41,5		
4424	C34424	Lục Thị Phương Anh	27/6/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Thạch Bàn	THPT Bắc Thăng Long	5	43,5	48,5		
4425	C34425	Mai Thị Lan Anh	10/2/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Tân Dân	THPT Phú Xuyên A		61	61	Trúng tuyển NV1	
4426	C34426	Nguyễn Đức Anh	15/6/1998	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		53,5	53,5		
4427	C34427	Nguyễn Như Thị Thảo Anh	20/6/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		52	52		
4428	C34428	Nông Thế Anh	19/12/2001	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Cầu Giấy	THPT Mỹ Đình	5	44,5	49,5		
4429	C34429	Lê Ngọc Ánh	10/10/1997	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Cầu Giấy	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		26	26		
4430	C34430	Nguyễn Văn Bắc	16/8/1991	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		31,5	31,5		
4431	C34431	Nguyễn Thanh Bình	23/3/1997	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		38	38		
4432	C34432	Nguyễn Thị Châm	28/10/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Sóc Sơn	THPT Đông Anh		62	62		
4433	C34433	Nguyễn Thị Ngọc Châm	14/5/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Ứng Hòa A	THPT Phú Xuyên B		51	51		
4434	C34434	Bùi Hải Chánh	25/12/1994	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Thọ Xuân		39,5	39,5		
4435	C34435	Lê Thị Linh Chi	09/8/2003	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Khương Đình		51,5	51,5		
4436	C34436	Trịnh Thị Kim Chi	02/01/2003	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Khương Đình	THPT Việt Đức	5	47	52		
4437	C34437	Bùi Hồng Cúc	15/12/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Quảng Oai		42	42		
4438	C34438	Nghiêm Xuân Cường	25/02/1994	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Hoài Đức B	THPT Thọ Xuân		53	53		
4439	C34439	Phạm Lý Đại	02/12/1998	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Mỹ Đình	THPT Đống Đa		33	33		
4440	C34440	Nguyễn Thị Đào	21/2/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Ứng Hòa A	THPT Mỹ Đức B		57	57		
4441	C34441	Hoàng Xuân Đạt	17/10/1998	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Cầu Giấy	THPT Đại Mỗ	5	61,5	66,5	Trúng tuyển NV1	
4442	C34442	Lê Thị Đức	17/9/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phú Xuyên B	THPT Phú Xuyên A		35,5	35,5		
4443	C34443	Nguyễn Văn Đức	27/10/1996	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Minh Phú	THPT Sóc Sơn		40	40		
4444	C34444	Nguyễn Thuỳ Dung	13/11/2001	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Sóc Sơn	THPT Xuân Đỉnh		43	43		
4445	C34445	Trần Thị Kim Dung	20/3/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Hoàng Văn Thụ	THPT Đoàn kết - Hai Bà Trưng	5	58	63	Trúng tuyển NV1	
4446	C34446	Lê Đăng Dương	19/3/1989	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn	5	Bỏ thi			
4447	C34447	Nguyễn Quý Duy	08/6/2003	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Quảng Oai	THPT Khương Đình		55,5	55,5		
4448	C34448	Đặng Thị Thu Hà	07/11/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Mỹ Đức B	THPT Ứng Hòa A		58	58	Trúng tuyển NV1	
4449	C34449	Dương Thị Hà	07/10/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đông Mỹ		36,5	36,5		
4450	C34450	Hoàng Thị Hà	12/02/1993	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		41,5	41,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí đự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện ƯT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4451	C34451	Phạm Thu Hà	29/8/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		58,5	58,5		
4452	C34452	Nguyễn Thị Thanh Hải	29/01/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức B		43	43		
4453	C34453	Bùi Thị Hằng	05/11/1989	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		63,5	63,5	Trúng tuyển NV1	
4454	C34454	Lưu Thị Thu Hằng	05/10/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phú Xuyên A	THPT Khương Đình		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
4455	C34455	Nguyễn Thị Hằng	20/10/1999	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		31	31		
4456	C34456	Quan Thị Hằng	22/9/1992	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Sóc Sơn		5	74	79	Trúng tuyển NV1	
4457	C34457	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	22/9/1991	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Quảng Oai	THPT Đại Mỗ		63	63		
4458	C34458	Nguyễn Đức Hạnh	07/5/1993	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Sóc Sơn	THPT Minh Phú	5	45,5	50,5		
4459	C34459	Thân Thị Bích Hảo	03/10/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Mỹ Đình	THPT Việt Đức		78	78	Trúng tuyển NV1	
4460	C34460	Hoàng Thị Thu Hiền	08/3/1990	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Thạch Bàn		72	72		
4461	C34461	Khương Thị Thu Hiền	18/9/1983	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Đại Mỗ		76	76	Trúng tuyển NV1	
4462	C34462	Lò Thị Hiền	07/5/2001	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình	5	74,5	79,5	Trúng tuyển NV1	
4463	C34463	Long Thị Hiền	01/7/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Quảng Oai	THPT Thọ Xuân	5	82,5	87,5	Trúng tuyển NV1	
4464	C34464	Trần Thị Hiền	20/11/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		80,5	80,5		
4465	C34465	Nguyễn Minh Hiếu	17/11/1999	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Quảng Oai	THPT Thọ Xuân		78	78		
4466	C34466	Khuất Thị Hoa	13/7/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Hồng Thái	THPT Phú Xuyên A		83	83	Trúng tuyển NV1	
4467	C34467	Nguyễn Thị Hoa	30/5/1994	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Ứng Hòa A	THPT Mỹ Đức B		46,5	46,5		
4468	C34468	Tô Thị Hoài	10/10/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức B		66	66		
4469	C34469	Nguyễn Thị Hoan	05/4/1999	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Minh Phú	THPT Tân Dân		53,5	53,5		
4470	C34470	Trần Mạnh Hoàng	09/3/1996	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Việt Đức			50,5	50,5		Không xét trường NV2
4471	C34471	Phạm Quang Hợi	07/12/1995	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Tự Lập	THPT Minh Phú		53	53		
4472	C34472	Nguyễn Hồng Huệ	19/3/1999	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Phú Xuyên A		81,5	81,5	Trúng tuyển NV1	
4473	C34473	Phan Văn Hùng	18/5/1996	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Cầu Giấy		5	53,5	58,5		
4474	C34474	Phạm Thị Hương	20/01/2003	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Khương Đình	THPT Quang Trung - Hà Đông	5	57	62	Trúng tuyển NV1	
4475	C34475	Ma Thị Huyền	20/11/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Việt Đức	THPT Đoàn kết - Hai Bà Trưng	5	77	82	Trúng tuyển NV1	
4476	C34476	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/10/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Thọ Xuân			57,5	57,5		Không xét trường NV2
4477	C34477	Triệu Thị Huyền	27/06/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phú Xuyên A	THPT Phú Xuyên B	5	51	56		
4478	C34478	Vi Thanh Huyền	19/01/2001	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Thạch Bàn	THPT Dương Xá	5	39,5	44,5		
4479	C34479	Nguyễn Ngọc Khánh	25/9/1993	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đông Mỹ	THPT Khương Đình		39	39		
4480	C34480	Phạm Trung Kiên	11/6/1995	nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đại Mỗ	THPT Bắc Thăng Long	5	41	46		
4481	C34481	Trần Bá Lâm	17/11/1999	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Quảng Oai	THPT Bắc Lương Sơn	2.5	57	59.5		
4482	C34482	Đinh Thị Lan	23/6/1994	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		45	45		
4483	C34483	Lưu Thị Nhật Lệ	08/7/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình		53	53		
4484	C34484	Đặng Thị Linh	12/11/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Minh Hà	THPT Khương Đình		51,5	51,5		
4485	C34485	Phạm Thị Thuỳ Linh	22/6/2003	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		39,5	39,5		
4486	C34486	Phùng Thị Mỹ Linh	15/4/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Thọ Xuân		28	28		
4487	C34487	Trương Thị Chi Linh	19/8/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Hoài Đức B	THPT Đại Mỗ		60	60		
4488	C34488	Vũ Thị Linh	06/3/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đông Mỹ			40	40		Không xét trường NV2
4489	C34489	Nguyễn Bá Lĩnh	13/02/1990	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Mỹ Đức B	THPT Ứng Hòa A	2,5	45,5	48		
4490	C34490	Vũ Thị Loan	27/7/1990	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đại Mỗ	THPT Quang Trung - Hà Đông		64	64	Trúng tuyển NV1	
4491	C34491	Nguyễn Thị Lương	14/7/1992	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Minh Phú	THPT Sóc Sơn		75	75	Trúng tuyển NV1	
4492	C34492	Bùi Thị Luyến	25/7/1989	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đông Mỹ	THPT Khương Đình		59,5	59,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4493	C34493	Ngô Thị Mai	16/3/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Văn Nội	THPT Bắc Thăng Long		58	58	Trúng tuyển NV1	
4494	C34494	Nguyễn Thị Minh	25/01/2001	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Thọ Xuân	THPT Quảng Oai		63	63	Trúng tuyển NV1	
4495	C34495	Lê Huyền My	04/10/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		70,5	70,5		
4496	C34496	Lê Văn Nam	01/3/1994	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Hoàng Văn Thụ		85,5	85,5	Trúng tuyển NV1	
4497	C34497	Nguyễn Văn Nam	07/03/1997	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Hoài Đức B	THPT Mỹ Đình		65	65	Trúng tuyển NV1	
4498	C34498	Hoàng Thị Nga	04/10/1990	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Quảng Oai			63	63		
4499	C34499	Đỗ Thị Kim Ngân	06/9/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Thọ Xuân		66	66	Trúng tuyển NV1	
4500	C34500	Vũ Thị Ngọc	25/7/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Đông Anh		77,5	77,5	Trúng tuyển NV2	
4501	C34501	Đỗ Trường Nguyên	07/11/2003	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đại Mỗ	THPT Quang Trung - Hà Đông		57,5	57,5		
4502	C34502	Triệu Thị Nguyệt	08/9/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Khương Đình	THPT Văn Nội	5	29	34		
4503	C34503	Lê Thị Hồng Nhung	21/10/2003	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Đống Đa	5	43	48		
4504	C34504	Nguyễn Thị Nhung	13/01/1994	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		35	35		
4505	C34505	Khương Thị Nụ	10/11/1994	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		58,5	58,5		
4506	C34506	Tô Thanh Phúc	23/6/1996	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phú Xuyên B	THPT Phú Xuyên A		39,5	39,5		
4507	C34507	Nguyễn Thị Anh Phương	03/02/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đông Mỹ	THPT Quang Trung - Hà Đông		61,5	61,5		
4508	C34508	Trần Thu Phương	17/10/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đống Đa	THPT Cầu Giấy		62,5	62,5	Trúng tuyển NV1	
4509	C34509	Tưởng Thị Quý	17/09/2003	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Khương Đình		43	43		
4510	C34510	Nguyễn Thuỳ Quyên	30/01/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Dương Xá	THPT Nguyễn Gia Thiều		75	75	Trúng tuyển NV1	
4511	C34511	Đương Thế Quyền	03/8/1999	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phú Xuyên B	THPT Ứng Hòa A	2,5	Bỏ thi			
4512	C34512	Lường Văn Quyết	26/4/2003	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đông Anh	THPT Bắc Thăng Long	5	27	32		
4513	C34513	Nguyễn Thị Quỳnh	14/7/1994	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đại Mỗ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		36	36		
4514	C34514	Nguyễn Đức Thắng	01/02/1997	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Hoài Đức B	THPT Thọ Xuân		44	44		
4515	C34515	Ngô Huyền Thanh	18/9/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Hoài Đức B		50	50		
4516	C34516	Nguyễn Thị Thanh	25/06/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Bắc Thăng Long	THPT Cầu Giấy		54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	
4517	C34517	Nguyễn Thị Thoa	21/6/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Khương Đình	THPT Hồng Thái		69	69	Trúng tuyển NV1	
4518	C34518	Lê Thị Ngọc Thu	22/10/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Đông Mỹ		39,5	39,5		
4519	C34519	Nguyễn Thị Thu	20/7/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Hoài Đức B		55,5	55,5	Trúng tuyển NV1	
4520	C34520	Bùi Thị Thanh Thương	08/11/2003	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		45,5	45,5		
4521	C34521	Phùng Thị Hoài Thương	29/08/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Việt Đức		44,5	44,5		
4522	C34522	Đinh Thu Thủy	11/9/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	5	76,5	81,5	Trúng tuyển NV1	
4523	C34523	Nguyễn Thị Thu Trang	01/10/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Thạch Bàn	THPT Nguyễn Gia Thiều		59,5	59,5	Trúng tuyển NV1	
4524	C34524	Nguyễn Thu Trang	15/9/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Ứng Hòa A	THPT Mỹ Đức B		77	77	Trúng tuyển NV1	
4525	C34525	Phạm Thị Trang	02/10/1992	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đông Mỹ	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
4526	C34526	Kiều Xuân Trường	22/01/1998	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn	2,5	76	78,5	Trúng tuyển NV1	
4527	C34527	Nguyễn Đình Trường	15/8/1996	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Sóc Sơn	THPT Đông Anh		41,5	41,5		
4528	C34528	Nguyễn Đình Tú	19/5/1995	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		54	54	Trúng tuyển NV1	
4529	C34529	Đỗ Thị Tươi	09/9/1996	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Đông Mỹ	THPT Hoàng Văn Thụ		76	76	Trúng tuyển NV1	
4530	C34530	Nguyễn Thị Tươi	29/8/1991	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Tự Lập	THPT Bắc Thăng Long		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
4531	C34531	Vũ Thị Vân	26/5/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Khương Đình	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		44	44		
4532	C34532	Mai Anh Việt	05/10/1990	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Dương Xá	THPT Văn Nội	2,5	46	48,5		
4533	C34533	Hoàng Văn Vương	30/6/1999	Nam	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Cầu Giấy	THPT Bắc Thăng Long	5	Bỏ thi			
4534	C34534	Lê Thị Yến	02/5/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Quảng Oai	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4535	C34535	Nguyễn Thị Yến	08/11/1992	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Phú Xuyên A	THPT Phú Xuyên B		63	63	Trúng tuyển NV2	
4536	C34536	Trịnh Thị Yến	09/5/1995	Nữ	Giáo dục quốc phòng và an ninh	THPT Tự Lập	THPT Thọ Xuân		52	52		
4537	C34537	Hoàng Thành Ái	19/5/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		51,5	51,5		
4538	C34538	Đặng Thị Tâm Anh	19/4/1990	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		45	45		
4539	C34539	Đinh Lan Anh	27/10/2003	nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		47,5	47,5		
4540	C34540	Hoàng Thị Lan Anh	28/12/2003	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		51	51		
4541	C34541	Kiều Thị Phương Anh	04/11/1997	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Xuân Khanh		57	57		
4542	C34542	Lâm Thảo Anh	20/4/1997	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4543	C34543	Ngô Thị Phương Anh	12/5/2000	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		58,5	58,5		
4544	C34544	Nguyễn Cao Phương Anh	03/02/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		38	38		
4545	C34545	Nguyễn Hữu Hải Anh	03/9/2002	Nam	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Hoài Đức C		34,5	34,5		
4546	C34546	Nguyễn Kim Anh	12/7/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình			52	52		
4547	C34547	Nguyễn Quế Anh	22/8/2000	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		76	76		
4548	C34548	Nguyễn Thị Anh	15/4/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		53	53		
4549	C34549	Nguyễn Thị Kim Anh	19/4/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		47,5	47,5		
4550	C34550	Nguyễn Thị Ngọc Anh	03/7/1996	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52	52		
4551	C34551	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	23/3/2001	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		65,5	65,5		
4552	C34552	Nguyễn Thị Vân Anh	01/4/1998	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		56,5	56,5		
4553	C34553	Nguyễn Tuấn Anh	20/5/1995	Nam	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		42	42		
4554	C34554	Nguyễn Việt Anh	31/8/2000	Nam	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		61,5	61,5		
4555	C34555	Phạm Ngọc Anh	04/10/2003	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		51	51		
4556	C34556	Phạm Thị Kim Anh	29/7/1997	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Xuân Khanh		Bỏ thi			
4557	C34557	Trịnh Thị Vân Anh	18/9/1996	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		59	59		
4558	C34558	Vũ Tuấn Anh	08/01/2000	Nam	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		59,5	59,5		
4559	C34559	Nguyễn Quỳnh Anh	31/3/1996	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		46	46		
4560	C34560	Nguyễn Thị Lan Anh	03/4/1999	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4561	C34561	Cành Thị Ánh	06/4/1992	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		52	52		
4562	C34562	Diêm Thị Ánh	27/9/1996	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Hoài Đức C		55	55		
4563	C34563	Hoàng Thị Ngọc Ánh	01/7/1996	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
4564	C34564	Nguyễn Thị Ánh	24/4/1997	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Khương Đình		54,5	54,5		
4565	C34565	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03/01/1996	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		62	62		
4566	C34566	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11/12/2002	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		61,5	61,5		
4567	C34567	Phan Thị Ánh	19/10/1994	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		72	72	Trúng tuyển NV1	
4568	C34568	Phùng Thị Ngọc Ánh	04/07/1999	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		52,5	52,5		
4569	C34569	Tạ Hồng Ngọc Ánh	14/4/1997	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
4570	C34570	Nguyễn Văn Bích	23/01/1986	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Khanh		55	55		
4571	C34571	Nghiêm Mạnh Bình	06/12/2002	Nam	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
4572	C34572	Nguyễn Thị Cẩm	22/4/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		37,5	37,5		
4573	C34573	Đinh Khánh Chi	26/10/2002	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		44,5	44,5		
4574	C34574	Hoàng Nguyễn Phương Chi	06/12/2003	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Bắc Lương Sơn		54,5	54,5		
4575	C34575	Ngô Tùng Chi	09/10/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		51,5	51,5		
4576	C34576	Nguyễn Lã Bảo Chi	25/3/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		59	59		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4577	C34577	Nguyễn Quỳnh Chi	12/5/1995	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		76,5	76,5		
4578	C34578	Nguyễn Thị Linh Chi	15/12/1995	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
4579	C34579	Nguyễn Vũ Mai Chi	18/9/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		44	44		
4580	C34580	Nguyễn Thị Chinh	25/6/1994	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		70,5	70,5		
4581	C34581	Hoàng Thị Chúc	12/9/1996	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		71,5	71,5		
4582	C34582	Nguyễn Kim Cúc	17/10/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		60,5	60,5		
4583	C34583	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/9/1999	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		54,5	54,5		
4584	C34584	Đường Văn Cường	17/01/2000	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		44,5	44,5		
4585	C34585	Khiếu Mạnh Cường	11/9/1991	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
4586	C34586	Đỗ Trung Đại	26/4/2001	Nam	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Xuân Khanh		44	44		
4587	C34587	Vũ Thị Diễn	23/4/1993	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Bắc Lương Sơn		46	46		
4588	C34588	Nguyễn Hồng Diệu	20/12/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52,5	52,5		
4589	C34589	Phạm Thị Thùy Dinh	28/10/1992	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
4590	C34590	Đỗ Văn Đoàn	30/12/1988	Nam	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4591	C34591	Hoàng Văn Đông	24/7/1994	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		55	55		
4592	C34592	Dương Minh Đức	07/01/2000	Nam	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		39,5	39,5		
4593	C34593	Kiều Minh Đức	03/12/2001	Nam	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		20	20		
4594	C34594	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	31/7/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		65,5	65,5		
4595	C34595	Bùi Xuân Dũng	29/7/2000	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		61	61		
4596	C34596	Nguyễn Thế Dũng	15/05/1997	Nam	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		38,5	38,5		
4597	C34597	Nguyễn Xuân Dũng	17/02/1987	Nam	Hóa học	THPT Khương Đình			56,5	56,5		
4598	C34598	Nguyễn Thị Ánh Dương	17/01/2002	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		52	52		
4599	C34599	Nguyễn Thị Dương	17/12/1997	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		69	69	Trúng tuyển NV1	
4600	C34600	Nguyễn Thị Thùy Dương	15/8/2002	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		46,5	46,5		
4601	C34601	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/11/2000	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		53	53		
4602	C34602	Tạ Thuỳ Dương	03/02/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		53,5	53,5		
4603	C34603	Vũ Thị Thuỳ Dương	22/9/1989	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4604	C34604	Vương Đăng Dương	06/4/2000	Nam	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Hoài Đức C		65,5	65,5		
4605	C34605	Nguyễn Thị Duyên	13/02/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		34	34		
4606	C34606	Nguyễn Hương Giang	08/12/2003	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		40,5	40,5		
4607	C34607	Nguyễn Thị Hương Giang	16/12/1991	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Xuân Khanh		59,5	59,5		
4608	C34608	Phạm Thị Giang	21/4/1989	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		41,5	41,5		
4609	C34609	Thạch Minh Giang	11/3/2000	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình			50,5	50,5		
4610	C34610	Bùi Thị Ngọc Hà	07/8/1997	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		Bỏ thi			
4611	C34611	Đào Thu Hà	04/01/1996	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
4612	C34612	Hoàng Thị Ngọc Hà	21/9/1999	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		63,5	63,5		
4613	C34613	Nguyễn Nhị Hà	20/9/1992	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		48	48		
4614	C34614	Nguyễn Phương Hà	04/02/2000	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		45,5	45,5		
4615	C34615	Nguyễn Thị Giang Hà	08/04/1992	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52,5	52,5		
4616	C34616	Nguyễn Thị Hà	04/11/1994	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		62	62		
4617	C34617	Nguyễn Thị Hà	23/10/1997	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Minh Hà		60	60		
4618	C34618	Nguyễn Thị Hà	08/01/1999	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Hoài Đức C		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4619	C34619	Nguyễn Thị Thu Hà	15/3/2001	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		56,5	56,5		
4620	C34620	Nguyễn Thu Hà	02/7/1996	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4621	C34621	Trần Việt Hà	14/2/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		39,5	39,5		
4622	C34622	Vũ Vân Hà	28/4/1999	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		67	67		
4623	C34623	Nguyễn Nam Hải	05/7/2002	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		51	51		
4624	C34624	Nguyễn Ngọc Hải	03/01/1997	nam	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		39	39		
4625	C34625	Đồng Thị Thu Hằng	18/3/2000	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		51	51		
4626	C34626	Lê Thị Hằng	10/11/2003	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình		50	50		
4627	C34627	Lê Thị Thúy Hằng	17/10/1979	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		47	47		
4628	C34628	Nguyễn Thị Hằng	02/09/1988	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		65	65		
4629	C34629	Nguyễn Thị Thu Hằng	21/11/1995	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		58	58		
4630	C34630	Nguyễn Thị Thuý Hằng	31/10/1997	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Hà		65	65		
4631	C34631	Trần Thúy Hằng	14/10/1996	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50	50		
4632	C34632	Đoàn Mỹ Hạnh	17/01/2002	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Khương Đình		46	46		
4633	C34633	Nguyễn Thị Hạnh	01/02/2000	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		54,5	54,5		
4634	C34634	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	16/04/2000	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4635	C34635	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28/5/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		60,5	60,5		
4636	C34636	Chu Thị Thanh Hảo	16/02/2003	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Minh Hà		53,5	53,5		
4637	C34637	Nguyễn Văn Hậu	16/4/2000	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		67	67		
4638	C34638	Chu Thị Thảo Hiền	16/01/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Khanh		45	45		
4639	C34639	Nguyễn Thị Hiền	15/9/1998	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4640	C34640	Nguyễn Thu Hiền	21/12/1998	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Khương Đình		67,5	67,5		
4641	C34641	Tạ Kim Thanh Hiền	16/12/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		49,5	49,5		
4642	C34642	Tường Minh Hiền	14/8/2001	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		40	40		
4643	C34643	Vũ Trần Thế Hiển	06/8/1999	Nam	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		54	54		
4644	C34644	Nguyễn Quốc Hiệp	03/02/2003	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		62,5	62,5		
4645	C34645	Nguyễn Văn Hiếu	18/12/2002	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		52	52		
4646	C34646	Nguyễn Thị Thanh Hoa	28/4/1991	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình			50,5	50,5		
4647	C34647	Nguyễn Thị Thu Hoa	20/11/1999	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		53	53		
4648	C34648	Nguyễn Thanh Hoà	01/7/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		54	54		
4649	C34649	Vũ Nhi Hoà	20/3/2001	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
4650	C34650	Đinh Thị Thu Hoài	26/10/2002	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		40,5	40,5		
4651	C34651	Đinh Thị Thanh Hoàn	06/7/1994	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52,5	52,5		
4652	C34652	Nguyễn Thị Hoàn	27/11/1996	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		56	56		
4653	C34653	Đặng Thị Hồng	09/4/1995	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Hoài Đức C		53	53		
4654	C34654	Nguyễn Thị Ánh Hồng	14/12/2003	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Xuân Khanh		55,5	55,5		
4655	C34655	Phạm Mai Hồng	24/8/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		41	41		
4656	C34656	Trần Ngọc Hồng	02/04/1998	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
4657	C34657	Đỗ Thị Huệ	19/11/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		53	53		
4658	C34658	Phạm Thị Huệ	15/10/1995	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		Bo thi			
4659	C34659	Dương Phi Hùng	20/11/2002	Nam	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		82	82	Trúng tuyển NV1	
4660	C34660	Lê Thị Hương	15/10/1986	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		44	44		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4661	C34661	Lê Thu Hương	29/9/2001	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		52,5	52,5		
4662	C34662	Nguyễn Lan Hương	24/7/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		40	40		
4663	C34663	Nguyễn Thị Hương	04/8/1992	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4664	C34664	Nguyễn Thị Hương	04/01/1991	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4665	C34665	Nguyễn Thị Mai Hương	13/6/1999	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		65	65		
4666	C34666	Nguyễn Thị Sông Hương	21/6/2000	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		43	43		
4667	C34667	Nguyễn Thu Hương	21/10/1996	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		51	51		
4668	C34668	Nguyễn Thu Hương	04/02/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Xuân Đỉnh		62,5	62,5		
4669	C34669	Phạm Mai Hương	29/6/2002	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Xuân Khanh		Bỏ thi			
4670	C34670	Phan Thị Mai Hương	20/3/1997	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		65,5	65,5		
4671	C34671	Trần Thanh Hương	21/3/1999	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		52,5	52,5		
4672	C34672	Trần Thị Hương	20/8/1996	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		56,5	56,5		
4673	C34673	Doãn Thu Hường	24/5/2003	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		55,5	55,5		
4674	C34674	Lê Quang Huy	04/6/1995	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình			65	65		
4675	C34675	Bùi Ánh Huyền	19/12/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		53,5	53,5		
4676	C34676	Chu Thị Huyền	21/4/1991	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		60	60		
4677	C34677	Cù Thị Huyền	07/04/2003	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		58	58		
4678	C34678	Nguyễn Thảo Huyền	04/4/2003	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		51	51		
4679	C34679	Nguyễn Thị Huyền	07/8/1994	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		63	63		
4680	C34680	Trần Diệu Huyền	22/8/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Minh Hà		50,5	50,5		
4681	C34681	Trịnh Thị Huyền	25/06/1992	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
4682	C34682	Vũ Thị Thanh Huyền	14/01/2001	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
4683	C34683	Đỗ Khánh Huyền	28/3/2003	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		55,5	55,5		
4684	C34684	Phạm Thị Khánh	27/01/1996	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Nguyễn Văn Trỗi		49	49		
4685	C34685	Nguyễn Thị Bảo Khuyên	05/4/1990	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Bắc Lương Sơn		59	59		
4686	C34686	Nguyễn Thị Lam	17/8/2000	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50	50		
4687	C34687	Hoàng Thị Lan	05/10/1989	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		47	47		
4688	C34688	Nguyễn Thị Lan	23/01/2001	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		57	57		
4689	C34689	Vũ Mai Lan	01/01/1991	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		62,5	62,5		
4690	C34690	Vũ Thị Ngọc Lan	10/04/1999	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		42	42		
4691	C34691	Lê Thị Liên	12/5/1998	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		39,5	39,5		
4692	C34692	Ngô Thị Liên	13/7/1993	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		49	49		
4693	C34693	Nguyễn Thị Phương Liên	30/01/1994	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		56,5	56,5		
4694	C34694	Vũ Thị Liên	16/08/1989	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
4695	C34695	Đào Thị Thảo Linh	31/10/1995	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		57,5	57,5		
4696	C34696	Đỗ Khánh Linh	26/02/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		47,5	47,5		
4697	C34697	Đỗ Thảo Linh	17/11/2002	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Bắc Lương Sơn		46	46		
4698	C34698	Đỗ Thị Hoài Linh	08/8/2001	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C			71,5	71,5	Trúng tuyển NV1	
4699	C34699	Đỗ Thị Linh	28/9/2001	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		39	39		
4700	C34700	Đỗ Thị Thuỳ Linh	18/5/1996	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		66,5	66,5		
4701	C34701	Hoàng Ngọc Yến Linh	01/11/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		67,5	67,5		
4702	C34702	Lê Ánh Linh	20/7/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		62,5	62,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện ƯT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4703	C34703	Lê Thị Huyền Linh	31/10/2003	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình		47	47		
4704	C34704	Ngô Thị Thùy Linh	29/12/1999	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Xuân Khanh		55	55		
4705	C34705	Nguyễn Khánh Linh	05/02/2002	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi			53	53		Không xét trường NV2
4706	C34706	Nguyễn Phương Linh	25/6/2003	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		57	57		
4707	C34707	Nguyễn Thị Bằng Linh	05/06/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		50	50		
4708	C34708	Nguyễn Thùy Linh	03/9/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		47	47		
4709	C34709	Nguyễn Vương Linh	25/12/2002	Nam	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Hoài Đức C		62	62		
4710	C34710	Phạm Khánh Linh	18/11/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		41,5	41,5		
4711	C34711	Phan Thị Mỹ Linh	30/4/1999	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Khương Đình		40,5	40,5		
4712	C34712	Quyền Phương Linh	01/11/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		57	57		
4713	C34713	Chu Diệu Linh	23/5/1997	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50	50		
4714	C34714	Đỗ Thị Kiều Loan	17/11/1996	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		55	55		
4715	C34715	Nguyễn Thị Luyến	04/04/2003	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		52	52		
4716	C34716	Nguyễn Thị Khánh Ly	01/02/2002	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		55	55		
4717	C34717	Đinh Thị Mai	25/02/1994	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Xuân Khanh		56,5	56,5		
4718	C34718	Đỗ Thanh Mai	20/9/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
4719	C34719	Hà Phương Mai	28/8/1998	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
4720	C34720	Hoàng Phương Mai	15/5/1999	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		72,5	72,5		
4721	C34721	Nguyễn Thanh Mai	05/9/1991	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		66	66		
4722	C34722	Nguyễn Thị Hoàng Mai	22/9/1996	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		52,5	52,5		
4723	C34723	Nguyễn Thị Mai	17/6/1996	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		54	54		
4724	C34724	Nguyễn Thị Mai	28/10/1995	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		66	66		
4725	C34725	Lê Văn Mạnh	16/8/1998	Nam	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình		56,5	56,5		
4726	C34726	Vũ Thị Mơ	14/6/1991	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình		50,5	50,5		
4727	C34727	Nguyễn Huyền My	12/01/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		37,5	37,5		
4728	C34728	Nguyễn Thị Hà My	07/4/2002	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Khương Đình		44	44		
4729	C34729	Nguyễn Thị Mỹ	29/01/2000	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		55,5	55,5		
4730	C34730	Phạm Thị Mỹ	12/11/1997	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		60	60		
4731	C34731	Phạm Thị Thanh Mỹ	19/11/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		50	50		
4732	C34732	Vũ Nguyễn Hải Nam	01/9/2003	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		43	43		
4733	C34733	Cấn Thị Thúy Nga	20/02/1996	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
4734	C34734	Lê Thị Thanh Nga	01/5/2003	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi			50,5	50,5		Không xét trường NV2
4735	C34735	Nguyễn Phương Nga	12/7/2000	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Mỹ Đình		67	67	Trúng tuyển NV1	
4736	C34736	Nguyễn Thị Nga	18/12/1995	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		59	59		
4737	C34737	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	27/9/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		54	54		
4738	C34738	Nguyễn Thu Nga	12/11/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		26	26		
4739	C34739	Phạm Thúy Nga	11/01/1996	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		53	53		
4740	C34740	Bùi Thu Ngà	21/8/1999	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		56,5	56,5		
4741	C34741	Mai Thúy Ngà	24/01/1994	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		52	52		
4742	C34742	Đào Thị Ngân	27/7/1995	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		35	35		
4743	C34743	Phan Thị Ngân	26/6/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		48	48		
4744	C34744	Tô Quỳnh Ngân	05/02/1995	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4745	C34745	Nguyễn Thị Hồng Ngát	08/9/2003	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Xuân Khanh		40,5	40,5		
4746	C34746	Nguyễn Hữu Minh Nghĩa	12/12/2000	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		33,5	33,5		
4747	C34747	Bùi Hồng Ngọc	27/6/2000	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		38,5	38,5		
4748	C34748	Đào Thị Bích Ngọc	09/3/2003	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		46	46		
4749	C34749	Hoàng Minh Ngọc	11/6/1995	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		42	42		
4750	C34750	Kiều Minh Ngọc	25/10/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		52,5	52,5		
4751	C34751	Lê Bá Ngọc	06/10/1992	Nam	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		Bỏ thi			
4752	C34752	Nguyễn Hồng Ngọc	22/7/1995	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		53	53		
4753	C34753	Nguyễn Như Ngọc	19/02/2003	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Minh Hà		47	47		
4754	C34754	Nguyễn Thị Như Ngọc	20/11/2003	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		43	43		
4755	C34755	Vũ Thị Bích Ngọc	18/12/1989	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		71	71		
4756	C34756	Phạm Thị Thảo Nguyên	29/10/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		45,5	45,5		
4757	C34757	Phan Thị Nguyệt	17/6/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		55,5	55,5		
4758	C34758	Lại Thu Nhàn	19/8/2001	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		48	48		
4759	C34759	Nguyễn Thị Nhàn	04/10/1997	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
4760	C34760	Trương Thị Thúy Nhàn	08/3/1989	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Minh Hà		54,5	54,5		
4761	C34761	Nguyễn Thị Yến Nhi	27/9/2003	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		60	60		
4762	C34762	Thới Thị Kim Nhi	04/4/1995	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		60,5	60,5	Trúng tuyển NV1	
4763	C34763	Trần Hoài Nhi	15/4/2000	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		56,5	56,5		
4764	C34764	Đỗ Yến Nhi	21/8/2001	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
4765	C34765	Nguyễn Thị Nhung	10/7/1996	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		57,5	57,5		
4766	C34766	Nguyễn Thị Phi Nhung	23/4/2003	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi			46	46		
4767	C34767	Phạm Hồng Nhung	02/12/1997	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		66	66		
4768	C34768	Trần Thị Nhung	06/12/1997	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		50	50		
4769	C34769	Bùi Thị Nhương	18/3/1983	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		62	62		
4770	C34770	Phạm Thị Nữ	08/4/1989	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		58	58		
4771	C34771	Đào Thị Nương	26/3/1993	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		52,5	52,5		
4772	C34772	Nguyễn Thị Kim Oanh	27/01/1996	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
4773	C34773	Nguyễn Thị Kim Oanh	28/12/1995	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		55	55		
4774	C34774	Nguyễn Thị Oanh	02/6/1994	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		41,5	41,5		
4775	C34775	Vũ Lâm Oanh	04/01/1999	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Lương Sơn		61,5	61,5		
4776	C34776	Nguyễn Kim Oanh	11/3/1995	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		65,5	65,5		
4777	C34777	Lê Hồng Phong	10/01/1998	Nam	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		54	54		
4778	C34778	Nguyễn Hồng Phong	02/01/2002	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		39	39		
4779	C34779	Nguyễn Hồng Phúc	15/4/2001	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Xuân Khanh		Bỏ thi			
4780	C34780	Trần Huy Phúc	22/5/2001	Nam	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		47	47		
4781	C34781	Đỗ Thu Phương	07/5/2002	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Minh Hà		45	45		
4782	C34782	Hà Mai Phương	28/8/1998	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Xuân Khanh		58,5	58,5		
4783	C34783	Ngô Minh Phương	17/7/1987	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình			56	56		
4784	C34784	Nguyễn Minh Phương	09/12/1993	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		59,5	59,5		
4785	C34785	Nguyễn Thị Phương	20/5/1998	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		67	67		
4786	C34786	Phạm Minh Phương	28/9/1999	nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		66	66		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4787	C34787	Trịnh Thị Phương	20/11/1996	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		58,5	58,5		
4788	C34788	Lê Thị Phượng	19/12/2003	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		46,5	46,5		
4789	C34789	Trần Văn Quang	25/5/1995	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		73	73		
4790	C34790	Lữ Đức Quý	07/8/2003	Nam	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		38	38		
4791	C34791	Nguyễn Thị Lệ Quyên	05/3/1993	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C	5	50,5	55,5		
4792	C34792	Bạch Thị Như Quỳnh	21/7/1997	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Bắc Lương Sơn	5	55	60		
4793	C34793	Bùi Như Quỳnh	19/12/1996	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		70	70		
4794	C34794	Đỗ Như Quỳnh	23/01/1997	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
4795	C34795	Đoàn Như Quỳnh	02/6/1999	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Bắc Lương Sơn		55	55		
4796	C34796	Hà Thúy Quỳnh	20/9/1997	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		26	26		
4797	C34797	Lê Thị Quỳnh	06/01/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		44,5	44,5		
4798	C34798	Lê Thị Quỳnh	11/4/2003	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		62,5	62,5		
4799	C34799	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	24/12/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
4800	C34800	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	22/4/1997	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		45,5	45,5		
4801	C34801	Nguyễn Thị Quỳnh	17/12/1996	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
4802	C34802	Nguyễn Thuý Quỳnh	10/12/1997	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		61,5	61,5		
4803	C34803	Nguyễn Vũ Như Quỳnh	10/8/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		47	47		
4804	C34804	Tạ Thị Quỳnh	12/12/1998	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		69	69		
4805	C34805	Trần Thị Quỳnh	25/9/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		58	58		
4806	C34806	Bùi Thị Sâm	04/12/1995	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		45,5	45,5		
4807	C34807	Vũ Thị Sinh	12/7/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình	5	62,5	67,5		
4808	C34808	Đặng Văn Sơn	04/10/2001	Nam	Hóa học	THPT Khương Đình			68	68		Không xét trường NV2
4809	C34809	Đỗ Thị Tố Tâm	01/11/2002	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		50	50		
4810	C34810	Lại Thanh Tâm	30/4/1995	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		61	61		
4811	C34811	Nguyễn Minh Tâm	22/12/2002	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		39,5	39,5		
4812	C34812	Nguyễn Thị Minh Tâm	20/12/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52	52		
4813	C34813	Nguyễn Thị Tâm	18/11/1996	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Minh Hà		51	51		
4814	C34814	Trần Thị Thanh Tâm	13/6/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		58,5	58,5		
4815	C34815	Phan Duy Tăng	27/4/2003	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		51	51		
4816	C34816	Nguyễn Thị Thắm	27/12/1994	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4817	C34817	Phạm Thị Thắm	30/9/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50,5	50,5		
4818	C34818	Hoàng Thị Thanh	28/8/1998	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		66,5	66,5		
4819	C34819	Nguyễn Khắc Thanh	14/10/2000	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
4820	C34820	Nguyễn Thu Thanh	17/4/2002	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Hoài Đức C		50,5	50,5		
4821	C34821	Bùi Phương Thảo	26/10/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		46,5	46,5		
4822	C34822	Đặng Thị Thảo	13/8/2002	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4823	C34823	Đào Vũ Thanh Thảo	20/02/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		38,5	38,5		
4824	C34824	Đinh Phương Thảo	29/4/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		52	52		
4825	C34825	Đinh Thị Phương Thảo	02/12/1996	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		45	45		
4826	C34826	Dương Thị Thanh Thảo	12/11/2001	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		51	51		
4827	C34827	Lê Thanh Thảo	15/6/2002	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Hoài Đức C		52	52		
4828	C34828	Lê Thu Thảo	16/6/2000	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		50,5	50,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4829	C34829	Nguyễn Thị Thanh Thảo	14/7/2000	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		52	52		
4830	C34830	Nguyễn Thị Thảo	24/9/2003	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		43,5	43,5		
4831	C34831	Nguyễn Thu Thảo	12/4/2003	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		38	38		
4832	C34832	Nguyễn Thu Thảo	16/3/1994	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		46	46		
4833	C34833	Phí Thị Thảo	12/6/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Minh hà		64,5	64,5		
4834	C34834	Trịnh Thị Thu Thảo	31/7/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		55	55		
4835	C34835	Nguyễn Minh Thiên	30/10/2002	nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		22	22		
4836	C34836	Nguyễn Thị Thọ	26/4/1990	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Nguyễn Văn Trỗi		53	53		
4837	C34837	Bùi Thị Thơm	22/8/1998	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C			51	51		Không xét trường NV2
4838	C34838	Nguyễn Thị Thơm	25/01/1994	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
4839	C34839	Đỗ Thị Thu	21/4/1994	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
4840	C34840	Lưu Hoài Thu	16/6/1995	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		63,5	63,5		
4841	C34841	Nguyễn Thị Minh Thu	26/9/2002	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Hoài Đức C		40,5	40,5		
4842	C34842	Nguyễn Thị Thu	14/9/1992	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4843	C34843	Vũ Thị Hoài Thu	26/02/1998	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		55	55		
4844	C34844	Lê Văn Thuận	11/10/1991	Nam	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		39	39		
4845	C34845	Bùi Thị Lan Thương	18/02/2000	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình			31	31		
4846	C34846	Lưu Huệ Thương	14/9/1995	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		69,5	69,5		
4847	C34847	Đỗ Thị Thuý	27/02/1994	Nữ	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Minh Hà		48,5	48,5		
4848	C34848	Mai Thị Thuý	09/12/1988	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		56	56		
4849	C34849	Nguyễn Thanh Thuý	24/4/2002	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Bắc Lương Sơn		55,5	55,5		
4850	C34850	Nguyễn Thị Thuý	19/5/1996	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Nguyễn Văn Trỗi		46	46		
4851	C34851	Nguyễn Thị Minh Thuý	17/01/2002	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		44,5	44,5		
4852	C34852	Nguyễn Ngọc Thuý	15/7/2002	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		40	40		
4853	C34853	Nguyễn Thị Thuỳ	10/9/1999	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
4854	C34854	Nguyễn Thu Thuý	02/02/2002	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình			55	55		Không xét trường NV2
4855	C34855	Nguyễn Thị Thúy	28/6/1988	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		50	50		
4856	C34856	Nguyễn Vân Thanh Thủy	25/8/1991	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi			47	47		
4857	C34857	Phạm Thị Thúy	07/01/1990	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Văn Trỗi		60	60		
4858	C34858	Trần Thu Thủy	06/02/2001	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		51	51		
4859	C34859	Phạm Minh Tĩnh	02/3/2001	Nam	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Nguyễn Văn Trỗi		51	51		
4860	C34860	Nguyễn Thị Thu Trà	28/5/2003	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Mỹ Đình		53	53		
4861	C34861	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	18/10/1991	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi		5	46,5	51,5		
4862	C34862	Bùi Thị Thu Trang	20/5/2000	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		42	42		
4863	C34863	Nguyễn Đoan Trang	29/03/2003	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		54	54		
4864	C34864	Nguyễn Thị Kiều Trang	18/10/1993	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C			57,5	57,5		Không xét trường NV2
4865	C34865	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	10/3/2002	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Xuân Khanh		52	52		
4866	C34866	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	03/11/1999	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		69,5	69,5		
4867	C34867	Nguyễn Thị Trang	06/7/1994	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		63,5	63,5		
4868	C34868	Vũ Thu Trang	23/11/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		54,5	54,5		
4869	C34869	Vũ Thu Trang	23/9/1997	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
4870	C34870	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	30/5/2003	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình			50	50		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4871	C34871	Đỗ Minh Trí	15/9/2002	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức C		70	70		
4872	C34872	Hoàng Minh Tuấn	06/01/1997	Nam	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		32,5	32,5		
4873	C34873	Nguyễn Đình Tùng	23/8/1999	Nam	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		60	60		
4874	C34874	Nguyễn Thị Tươi	12/5/1986	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		48	48		
4875	C34875	Trần Thị Tươi	22/01/2003	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		51	51		
4876	C34876	Hoàng Mạnh Tường	18/9/2003	Nam	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		41	41		
4877	C34877	Phạm Văn Tường	01/9/1995	Nam	Hóa học	THPT Xuân Khanh	THPT Mỹ Đình		51	51		
4878	C34878	Trịnh Thị Tuyết	18/7/1994	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		57,5	57,5		
4879	C34879	Đặng Thị Út	03/7/1989	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		66	66		
4880	C34880	Phạm Thu Uyên	13/11/1997	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		51	51		
4881	C34881	Bùi Thị Thuỳ Vân	22/9/2000	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		51	51		
4882	C34882	Đào Thị Vân	10/9/1994	Nữ	Hóa học	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Hà		55	55		
4883	C34883	Nguyễn Thu Vân	26/11/2002	Nữ	Hóa học	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		58,5	58,5		
4884	C34884	Nguyễn Trọng Minh Vân	26/11/1997	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		42	42		
4885	C34885	Phạm Thị Vân	21/12/2002	Nữ	Hóa học	THPT Hoài Đức C	THPT Minh Hà		48,5	48,5		
4886	C34886	Nguyễn Thị Vui	08/01/1997	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		56	56		
4887	C34887	Nguyễn Thị Vui	03/2/1993	Nữ	Hóa học	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi	5	52	57		
4888	C34888	Nguyễn Diệu Xuân	07/6/1997	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		53	53		
4889	C34889	Đỗ Thị Yến	24/11/1996	Nữ	Hóa học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
4890	C34890	Đoàn Thị Yến	09/11/2003	Nữ	Hóa học	THPT Minh Hà	THPT Xuân Khanh		65,5	65,5		
4891	C34891	Lương Thị Yến	02/8/1993	Nữ	Hóa học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		45,5	45,5		
4892	C34892	Mai Thị Yến	18/9/1997	Nữ	Hóa học	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		60	60		
4893	C34893	Hoàng Thị Mai A	11/9/1991	Nữ	Âm nhạc	THPT Cầu Giấy	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		76	76		
4894	C34894	Đặng Thị Thúy An	26/3/1992	Nữ	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		5	37	42		
4895	C34895	Bùi Thị Kim Anh	09/7/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Thạch Bàn		70,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
4896	C34896	Cao Lan Anh	10/11/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Hoài Đức A	THPT Tân Lập		66	66		
4897	C34897	Đỗ Tú Anh	22/02/1996	Nữ	Âm nhạc	THPT Xuân Khanh	THPT Tùng Thiện		62	62		
4898	C34898	Đoàn Thị Ngọc Anh	21/6/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Kim Liên	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		68,8	68,8	Trúng tuyển NV1	
4899	C34899	Đồng Thị Vân Anh	02/3/1988	Nữ	Âm nhạc	THPT Thượng Cát	THPT Hồng Thái		80,5	80,5	Trúng tuyển NV1	
4900	C34900	Hà Kiều Anh	17/8/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Cầu Giấy	THPT Hoài Đức B		52,5	52,5		
4901	C34901	Hoàng Mỹ Anh	15/11/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Ba Vì	THPT Bất Bạt	5	47	52		
4902	C34902	Lê Phạm Diệp Anh	06/3/1998	Nữ	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	TH, THCS và THPT Khương Hạ		44,5	44,5		
4903	C34903	Lê Thị Phương Anh	10/12/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Kim Liên	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		53	53		
4904	C34904	Nguyễn Cao Đức Anh	20/10/2003	Nam	Âm nhạc	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	THPT Đống Đa		56	56	Trúng tuyển NV1	
4905	C34905	Nguyễn Lan Anh	02/11/1996	Nữ	Âm nhạc	THPT Việt Đức	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		60,5	60,5		
4906	C34906	Nguyễn Lê Hoài Anh	21/7/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Sóc Sơn	THPT Kim Anh		83,5	83,5	Trúng tuyển NV1	
4907	C34907	Nguyễn Thị Phương Anh	12/9/1989	Nữ	Âm nhạc	THPT Cầu Giấy	THPT Ngọc Tảo		55,5	55,5		
4908	C34908	Nguyễn Thị Thuỳ Anh	05/01/1990	Nữ	Âm nhạc	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Thanh Oai A		55	55		
4909	C34909	Nguyễn Việt Anh	29/11/2000	Nam	Âm nhạc	THPT Khương Đình	THPT Đống Đa		65	65		
4910	C34910	Phạm Thế Anh	31/12/2002	Nam	Âm nhạc	THPT Bắc Thăng Long	THPT Kim Anh		56	56	Trúng tuyển NV1	
4911	C34911	Phạm Thị Lan Anh	26/3/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Cầu Giấy	THPT Đống Đa		47,5	47,5		
4912	C34912	Thân Quốc Anh	14/02/1999	Nam	Âm nhạc	THPT Thăng Long	THPT Khương Đình		55	55		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4913	C34913	Mai Thị Vân Anh	29/01/1998	Nữ	Âm nhạc	THPT Phạm Hồng Thái	THPT Tây Hồ		31	31		
4914	C34914	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/5/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Khương Đình	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		67,5	67,5		
4915	C34915	Lê Thị Hồng Bích	26/10/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Ngô Quyền - Ba vì	THPT Bất Bạt		Bỏ thi			
4916	C34916	Nguyễn Thị Châm	08/3/1994	Nữ	Âm nhạc	THPT Thanh Oai A	THPT Hoài Đức B		78,5	78,5		
4917	C34917	Chu Bảo Chi	06/01/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Phan Đình Phùng	THPT Phạm Hồng Thái		82	82	Trúng tuyển NV1	
4918	C34918	Đoàn Thị Cúc	06/9/1998	Nữ	Âm nhạc	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		55,5	55,5		
4919	C34919	Nguyễn Văn Cường	19/5/2002	Nam	Âm nhạc	THPT Minh Khai	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		78	78	Trúng tuyển NV1	
4920	C34920	Đinh Tiến Đạt	12/10/1999	Nam	Âm nhạc	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Thăng Long		64,5	64,5		
4921	C34921	Vũ Văn Đoán	16/08/1987	Nam	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Thanh Oai A		53	53		
4922	C34922	Ngô Quang Đức	13/02/1996	Nam	Âm nhạc	THPT Khương Đình	THPT Đống Đa		66	66		
4923	C34923	Tống Văn Đức	15/8/1998	Nam	Âm nhạc	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		41	41		
4924	C34924	Trần Thanh Dung	25/01/2000	Nữ	Âm nhạc	THPT Phạm Hồng Thái	THPT Sóc Sơn		63	63	Trúng tuyển NV1	
4925	C34925	Trần Thị Thùy Dung	10/3/2000	Nữ	Âm nhạc	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Hoài Đức B		54	54		
4926	C34926	Vũ Thị Mỹ Dung	24/02/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Kim Liên		70,3	70,3	Trúng tuyển NV1	
4927	C34927	Nguyễn Hoàng Dũng	19/12/2000	Nam	Âm nhạc	THPT Phạm Hồng Thái	THPT Yên Lãng		53,3	53,3		
4928	C34928	Bùi Đăng Dương	29/10/2000	Nam	Âm nhạc	THPT Kim Liên	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		61	61		
4929	C34929	Đinh Hải Dương	18/02/2002	Nam	Âm nhạc	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Đống Đa		76,5	76,5		
4930	C34930	Lê Thị Út Dương	12/12/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		73	73		
4931	C34931	Lê Thị Giang	03/10/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Thọ Xuân	THPT Hồng Thái		56	56	Trúng tuyển NV1	
4932	C34932	Nguyễn Hương Giang	13/12/1991	Nữ	Âm nhạc	THPT Việt Đức	THPT Chuyên Chu Văn An	5	74	79		
4933	C34933	Nguyễn Thị Hương Giang	12/9/1996	Nữ	Âm nhạc	THPT Chương Mỹ A	THPT Chương Mỹ B		47,3	47,3		
4934	C34934	Vũ Thị Lệ Giang	03/8/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Đống Đa	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		44,3	44,3		
4935	C34935	Đinh Thị Hà	29/11/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Kim Liên	THPT Khương Đình		31,5	31,5		
4936	C34936	Lê Ngọc Hải	31/8/1981	Nữ	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Khương Đình	5	49	54		
4937	C34937	Hoàng Thị Hằng	28/12/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức A		79,5	79,5	Trúng tuyển NV1	
4938	C34938	Trần Thị Minh Hằng	19/12/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức A		60	60		
4939	C34939	Nguyễn Thị Hạnh	13/4/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Thượng Cát	THPT Thọ Xuân		74,5	74,5		
4940	C34940	Trần Thị Háo	26/10/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Phúc Thọ	THPT Tùng Thiện		55	55	Trúng tuyển NV1	
4941	C34941	Nguyễn Thị Thúy Hiên	18/02/1997	Nữ	Âm nhạc	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B	5	61,5	66,5		
4942	C34942	Lại Thị Hiền	10/02/1989	Nữ	Âm nhạc	THPT Đại Cường	THPT Lưu Hoàng		53,5	53,5	Trúng tuyển NV2	
4943	C34943	Nguyễn Thị Minh Hiền	20/5/1987	Nữ	Âm nhạc	THPT Vân Tảo	THPT Phú Xuyên B	5	86,5	91,5	Trúng tuyển NV1	
4944	C34944	Trịnh Văn Hiệp	09/5/1994	Nam	Âm nhạc	THPT Thạch Bàn	THPT Dương Xá		63	63	Trúng tuyển NV1	
4945	C34945	Nguyễn Trọng Hiếu	20/01/1993	Nam	Âm nhạc	THPT Việt Đức	THPT Phan Đình Phùng		61	61		
4946	C34946	Đặng Bác Hồ	14/11/2003	Nam	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Chương Mỹ A	5	58	63		
4947	C34947	Bùi Thị Hoa	04/6/1995	Nữ	Âm nhạc	THPT Hoài Đức A	THPT Hoài Đức B		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
4948	C34948	Nguyễn Quỳnh Hoa	12/12/1986	Nữ	Âm nhạc	THPT Thượng Cát	THPT Hồng Thái	5	52	57		
4949	C34949	Nguyễn Thị Hoan	18/12/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Thanh Oai A	THPT Hoài Đức B		75	75		
4950	C34950	Nguyễn Thị Huệ	26/9/1992	Nữ	Âm nhạc	THPT Tự Lập	THPT Tiền Thịnh		64	64	Trúng tuyển NV1	
4951	C34951	Bùi Thị Hương	08/11/1997	Nữ	Âm nhạc	THPT Ngọc Tảo	THPT Phúc Thọ		81	81	Trúng tuyển NV1	
4952	C34952	Hoàng Thị Hương	25/10/1993	Nữ	Âm nhạc	THPT Đông Anh			58	58		
4953	C34953	Nguyễn Thị Mai Hương	27/4/1998	Nữ	Âm nhạc	THPT Đống Đa	THPT Phan Đình Phùng		46,5	46,5		
4954	C34954	Nguyễn Thị Xuân Hương	01/4/1982	Nữ	Âm nhạc	THPT Thượng Cát	THPT Tây Hồ		70	70		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4955	C34955	Phạm Thị Thanh Hương	01/4/1992	Nữ	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Khương Đình		70	70		
4956	C34956	Vũ Thị Hương	27/10/1993	Nữ	Âm nhạc	THPT Thăng Long	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		77	77	Trúng tuyển NV1	
4957	C34957	Dương Quang Huy	28/3/1988	Nam	Âm nhạc	THPT Hoài Đức B	THPT Hoài Đức C	5	57	62		
4958	C34958	Nguyễn Khánh Huyền	08/12/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Thăng Long	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		61	61		
4959	C34959	Trần Thị Huyền	07/02/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		32	32		
4960	C34960	Ngô Nhật Huynh	01/4/2002	Nam	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Khương Đình		66,5	66,5		
4961	C34961	Lê Bảo Khanh	05/02/2003	Nam	Âm nhạc	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Minh Phú		50	50	Trúng tuyển NV2	
4962	C34962	Bạch Thị Lan	31/01/1986	Nữ	Âm nhạc	THPT Mỹ Đức B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		60,5	60,5	Trúng tuyển NV1	
4963	C34963	Nguyễn Thị Lan	03/9/1996	Nữ	Âm nhạc	THPT Cầu Giấy	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
4964	C34964	Lưu Thuỳ Linh	10/11/2001	Nữ	Âm nhạc	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Khương Đình		65,5	65,5		
4965	C34965	Nguyễn Hoàng Linh	26/7/1999	Nam	Âm nhạc	THPT Việt Đức	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	2,5	79,5	82		
4966	C34966	Nguyễn Thị Hồng Linh	05/12/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Ngọc Tảo	THPT Phúc Thọ		54	54		
4967	C34967	Nguyễn Thị Mỹ Linh	04/01/1995	Nữ	Âm nhạc	THPT Bất Bạt	THPT Ba Vì		70,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
4968	C34968	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	23/11/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Khương Đình	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		55,5	55,5		
4969	C34969	Nguyễn Thị Thùy Linh	06/3/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Chương Mỹ B	THPT Hoài Đức B		80,5	80,5	Trúng tuyển NV1	
4970	C34970	Nguyễn Thuỳ Linh	18/3/1995	Nữ	Âm nhạc	THPT Chương Mỹ B	THPT Nguyễn Văn Trỗi		48,5	48,5		
4971	C34971	Đỗ Thị Lụa	16/02/1988	Nữ	Âm nhạc	THPT Cầu Giấy	THPT Chuyên Chu Văn An		91,5	91,5	Trúng tuyển NV1	
4972	C34972	Nguyễn Thị Khánh Ly	02/3/1996	Nữ	Âm nhạc	THPT Tân Lập	THPT Hoài Đức A		86	86	Trúng tuyển NV1	
4973	C34973	Nguyễn Vũ Cẩm Ly	22/10/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Việt Đức	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		90	90	Trúng tuyển NV1	
4974	C34974	Bùi Thị Lý	20/11/1997	Nữ	Âm nhạc	THPT Khương Đình	THPT Kim Liên		Bỏ thi			
4975	C34975	Nguyễn Thị Mai	01/4/1987	Nữ	Âm nhạc	THPT Xuân Khanh	THPT Bắc Lương Sơn		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
4976	C34976	Trịnh Xuân Mạnh	12/02/1999	Nam	Âm nhạc	THPT Chương Mỹ A			66	66		Không xét trường NV2
4977	C34977	Phạm Thị Mừng	24/11/1990	Nữ	Âm nhạc	THPT Kim Liên	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa	5	24	29		
4978	C34978	Đỗ Thị Trà My	10/02/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Minh Hà	THPT Ngọc Tảo		44	44		
4979	C34979	Nguyễn Phương Nam	22/01/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Ứng Hòa A	THPT Ứng Hòa B		42,5	42,5		
4980	C34980	Nguyễn Thị Nga	27/02/1991	Nữ	Âm nhạc	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	THPT Thanh Oai A		62	62		
4981	C34981	Nguyễn Thị Nga	12/10/1990	Nữ	Âm nhạc	THPT Khương Đình	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		36	36		
4982	C34982	Trần Thị Thu Nga	27/5/1993	Nữ	Âm nhạc	THPT Đống Đa	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		75,5	75,5	Trúng tuyển NV1	
4983	C34983	Đỗ Thùy Ngân	08/11/1998	Nữ	Âm nhạc	THPT Chuyên Chu Văn An	THPT Bắc Thăng Long		88,5	88,5	Trúng tuyển NV1	
4984	C34984	Nguyễn Thị Thu Ngân	22/10/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		80,5	80,5	Trúng tuyển NV1	
4985	C34985	Nguyễn Thu Ngân	12/9/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Thăng Long	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		Bỏ thi			
4986	C34986	Nguyễn Trần Hà Ngân	26/11/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		88	88	Trúng tuyển NV1	
4987	C34987	Đinh Quang Nghĩa	23/09/1993	Nam	Âm nhạc	THPT Phan Đình Phùng	THPT Kim Liên		75,5	75,5		
4988	C34988	Lương Minh Nghĩa	20/2/1998	Nam	Âm nhạc	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai			62	62	Trúng tuyển NV1	
4989	C34989	Nguyễn Khánh Ngọc	31/8/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Việt Đức	THPT Kim Liên		62	62		
4990	C34990	Nguyễn Như Ngọc	24/4/1996	Nữ	Âm nhạc	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Chương Mỹ A		67	67	Trúng tuyển NV1	
4991	C34991	Nguyễn Thu Nguyệt	30/3/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Kim Liên	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		Bỏ thi			
4992	C34992	Phạm Ánh Nguyệt	10/7/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Minh Khai	THPT Hoài Đức C		46,5	46,5		
4993	C34993	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	16/02/1998	Nữ	Âm nhạc	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Chuyên Sơn Tây		58	58	Trúng tuyển NV1	
4994	C34994	Chu Thị Nhung	08/01/2000	Nữ	Âm nhạc	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ	5	72,5	77,5		
4995	C34995	Dương Vũ Hồng Nhung	22/5/1997	Nữ	Âm nhạc	THPT Đông Anh	THPT Lý Thường Kiệt		70	70	Trúng tuyển NV1	
4996	C34996	Vũ Văn Ninh	17/7/1996	Nam	Âm nhạc	THPT Tây Hồ	THPT Cầu Giấy		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
4997	C34997	Lê Thành Phong	02/10/2002	Nam	Âm nhạc	THPT Hoài Đức B	THPT Hoài Đức A		71	71		
4998	C34998	Đỗ Huyền Phương	23/8/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Thọ Xuân	THPT Phạm Hồng Thái		46,5	46,5		
4999	C34999	Đoàn Thu Phương	03/12/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Thượng Cát	THPT Bắc Thăng Long		47	47		
5000	C35000	Nguyễn Thị Phương	09/3/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Khương Đình		27,5	27,5		
5001	C35001	Nguyễn Thị Thu Phương	08/6/1998	Nữ	Âm nhạc	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	THPT Minh Khai		74	74		
5002	C35002	Trần Thị Phương	01/7/1988	Nữ	Âm nhạc	THPT Hoài Đức B	THPT Hoài Đức A		36	36		
5003	C35003	Phạm Thị Ngọc Phượng	03/8/1996	Nữ	Âm nhạc	THPT Hoài Đức A	THPT Hoài Đức B		63	63		
5004	C35004	Nguyễn Hải Quân	02/9/1992	Nam	Âm nhạc	THPT Phan Đình Phùng	THPT Chuyên Chu Văn An		61	61		
5005	C35005	Nguyễn Huy Quân	13/5/2001	nam	Âm nhạc	THPT Khương Đình	THPT Ba Vì	5	73	78	Trúng tuyển NV2	
5006	C35006	Dương Văn Quang	02/6/2000	Nam	Âm nhạc	THPT Hoài Đức B	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
5007	C35007	Trần Minh Quang	22/12/2002	Nam	Âm nhạc	THPT Hoài Đức A	THPT Hoài Đức B		74	74		
5008	C35008	Cao Thị Quế	15/10/1992	Nữ	Âm nhạc	THPT Tân Lập	THPT Hồng Thái		75	75	Trúng tuyển NV2	
5009	C35009	Nguyễn Thị Quỳnh	28/02/1987	Nữ	Âm nhạc	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ A		64,5	64,5		
5010	C35010	Nguyễn Thị Năm Sao	12/11/1998	Nữ	Âm nhạc	THPT Xuân Khanh	THPT Ba Vì	5	67	72		
5011	C35011	Nguyễn Thị Sen	27/8/1987	Nữ	Âm nhạc	THPT Mỹ Đức A	THPT Ứng Hòa A		37	37		
5012	C35012	Nguyễn Thị Thắm	24/01/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Thanh Oai A		42	42		
5013	C35013	Nguyễn Đức Thắng	27/01/1989	Nam	Âm nhạc	THPT Mỹ Đức B		5	34,5	39,5		
5014	C35014	Quách Thị Thanh	18/9/1995	Nữ	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai	5	83,5	88,5	Trúng tuyển NV1	
5015	C35015	Trần Việt Thành	04/7/2003	Nam	Âm nhạc	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ A		71	71	Trúng tuyển NV1	
5016	C35016	Hoàng Thị Thảo	21/6/1995	Nữ	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Hoài Đức B		51,5	51,5		
5017	C35017	Vũ Thị Hương Thảo	29/11/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Khương Đình	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		47	47		
5018	C35018	Vũ Thị Phương Thảo	14/10/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Cầu Giấy	THPT Kim Liên		45,5	45,5		
5019	C35019	Hoàng Thị Thi	03/4/1988	Nữ	Âm nhạc	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa	THPT Đống Đa	5	66	71		
5020	C35020	Trần Văn Thiên	19/8/2002	Nam	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Cầu Giấy		Bỏ thi			
5021	C35021	Bùi Thị Kim Thịnh	30/9/1994	Nữ	Âm nhạc	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	THPT Ba Vì		41	41		
5022	C35022	Lê Thị Anh Thơ	06/3/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Hoài Đức A	THPT Hoài Đức C		25,5	25,5		
5023	C35023	Phạm Thị Diệu Thu	15/12/1989	Nữ	Âm nhạc	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ B		27	27		
5024	C35024	Lê Thị Hoài Thương	11/4/2001	Nữ	Âm nhạc	THPT Đống Đa	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	5	50	55		
5025	C35025	Nguyễn Thị Thủy Tiên	25/11/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức B		41	41		
5026	C35026	Vũ Thị Tiên	20/6/1990	Nữ	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Khương Đình		47	47		
5027	C35027	Nguyễn Thị Trà	11/3/2000	Nữ	Âm nhạc	THPT Phan Đình Phùng	THPT Đống Đa		63	63		
5028	C35028	Trịnh Thị Trâm	23/9/1991	Nữ	Âm nhạc	THPT Chương Mỹ A	THPT Chương Mỹ B		65	65		
5029	C35029	Đoàn Thị Huyền Trang	10/02/1989	Nữ	Âm nhạc	THPT Chương Mỹ A	THPT Thanh Oai A		40	40		
5030	C35030	Hồ Thu Trang	31/8/1986	Nữ	Âm nhạc	THPT Việt Đức	THPT Phan Đình Phùng		43	43		
5031	C35031	Khuất Thị Huyền Trang	19/3/1997	Nữ	Âm nhạc	THPT Xuân Khanh	THPT Tùng Thiện		Bỏ thi			
5032	C35032	Nguyễn Thị Thu Trang	04/01/1994	Nữ	Âm nhạc	THPT Tùng Thiện	THPT Minh Hà		57	57	Trúng tuyển NV2	
5033	C35033	Nguyễn Thị Thu Trang	07/10/1994	Nữ	Âm nhạc	THPT Kim Anh	THPT Minh Phú		78	78	Trúng tuyển NV1	
5034	C35034	Nguyễn Thị Vân Trang	21/9/1999	Nữ	Âm nhạc	THPT Kim Liên	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		56	56		
5035	C35035	Nguyễn Thùy Trang	24/9/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Ứng Hòa A	THPT Lưu Hoàng		84,5	84,5	Trúng tuyển NV1	
5036	C35036	Trần Huyền Trang	22/9/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Tùng Thiện	THPT Phúc Thọ		62	62	Trúng tuyển NV1	
5037	C35037	Trần Thị Thu Trang	11/01/1997	Nữ	Âm nhạc	THPT Chương Mỹ A	THPT Chương Mỹ B		86	86		
5038	C35038	Trần Thị Trang	16/07/1993	Nữ	Âm nhạc	THPT Chương Mỹ A	THPT Chương Mỹ B		47,5	47,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5039	C35039	Bùi Thị Trinh	29/08/1988	Nữ	Âm nhạc	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Minh Khai	5	Bỏ thi			
5040	C35040	Nguyễn Hồng Tư	21/4/1989	Nam	Âm nhạc	THPT Thanh Oai A	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		85,5	85,5	Trúng tuyển NV1	
5041	C35041	Nguyễn Tiến Tùng	31/01/1995	Nam	Âm nhạc	THPT Mỹ Đức A	THPT Ứng Hòa A		Bỏ thi			
5042	C35042	Thân Đức Tùng	20/10/1987	Nam	Âm nhạc	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Chương Mỹ A		38	38		
5043	C35043	Đoãn Thị Kim Tuyến	29/9/1993	Nữ	Âm nhạc	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Tùng Thiện		66,5	66,5		
5044	C35044	Lường Thị Kim Uyên	02/4/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Hoài Đức B	THPT Khương Đình	5	83	88	Trúng tuyển NV1	
5045	C35045	Nguyễn Thị Tú Uyên	08/11/2002	Nữ	Âm nhạc	THPT Tân Lập	THPT Thượng Cát		45,5	45,5		
5046	C35046	Hoàng Thị Hồng Vân	10/02/1989	Nữ	Âm nhạc	THPT Hoài Đức B	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		77	77		
5047	C35047	Nguyễn Hoàng Vân	02/5/2003	Nữ	Âm nhạc	THPT Yên Lãng	THPT Tiền Thịnh		63	63	Trúng tuyển NV1	
5048	C35048	Nguyễn Thị Vân	02/7/1997	Nữ	Âm nhạc	THPT Hoài Đức B	THPT Thanh Oai A		70	70		
5049	C35049	Trần Quốc Việt	15/11/2003	Nam	Âm nhạc	THPT Khương Đình	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		83	83	Trúng tuyển NV1	
5050	C35050	Lê Thị Uyên Vy	20/4/1998	Nữ	Âm nhạc	THPT Chương Mỹ A	THPT Ba Vì	5	85,5	90,5	Trúng tuyển NV1	
5051	C35051	Hoàng Thị Kim Yến	10/11/1991	Nữ	Âm nhạc	THPT Cầu Giấy	THPT Khương Đình		80,5	80,5		
5052	C35052	Hoàng Thị Hải Yến	05/10/1988	Nữ	Âm nhạc	THPT Đại Cường	TH, THCS và THPT Khương Hạ		60	60	Trúng tuyển NV1	
5053	C35053	Vũ Thị Phương Anh	20/02/2003	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình		75,5	75,5	Trúng tuyển NV1	
5054	C35054	Nguyễn Thị Dung	06/01/1988	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Xuân Khanh	THPT Thọ Xuân	5	70	75	Trúng tuyển NV1	
5055	C35055	Lê Thị Hậu	08/11/1997	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Khương Đình	THPT Trung Văn		67	67		
5056	C35056	Lê Thị Hiền	15/12/2003	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Đại Mỗ	THPT Xuân Khanh		56	56		
5057	C35057	Trần Thị Hoà	15/4/1992	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Thọ Xuân	THPT Đại Mỗ		48	48		
5058	C35058	Bùi Thị Thùy Linh	23/6/2002	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Xuân Khanh	THPT Thọ Xuân		60,5	60,5		
5059	C35059	Nguyễn Thị Lương	19/7/2003	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Trung Văn	THPT Thọ Xuân		62,5	62,5		
5060	C35060	Vũ Phương Minh	08/11/2003	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình		62	62		
5061	C35061	Trịnh Thị Trà My	29/9/2003	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Khương Đình	THPT Trung Văn		71,5	71,5	Trúng tuyển NV1	
5062	C35062	Đỗ Thị Hồng Nhung	05/4/2003	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Đại Mỗ	THPT Trung Văn		Bỏ thi			
5063	C35063	Dương Thị Thu Phương	08/12/2002	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Thọ Xuân	THPT Xuân Khanh		53	53		
5064	C35064	Nguyễn Thị Phượng	07/7/1990	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Trung Văn	THPT Thọ Xuân		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
5065	C35065	Trần Thị Thanh	19/9/2003	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Khương Đình	THPT Trung Văn		51	51		
5066	C35066	Đặng Thị Thơ	08/6/1988	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Đại Mỗ	THPT Trung Văn		69	69		
5067	C35067	Nguyễn Thị Thanh Thuý	02/12/1990	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Đại Mỗ	THPT Trung Văn		41	41		
5068	C35068	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	21/11/2003	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Trung Văn	THPT Đại Mỗ		72	72		
5069	C35069	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	09/10/1993	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Trung Văn	THPT Khương Đình		52	52		
5070	C35070	Đỗ Hồng Vy	10/7/2002	Nữ	Công nghệ (KTNN)	THPT Thọ Xuân			61	61	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
5071	C35071	Đỗ Lan Anh	13/12/1996	Nữ	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Tân Lập		Bỏ thi			
5072	C35072	Hoàng Tú Anh	17/10/1997	Nữ	Sinh học	THPT Tân Dân	THPT Ngọc Tảo		Bỏ thi			
5073	C35073	Lê Thị Hoàng Anh	10/11/1996	Nữ	Sinh học	THPT Ngọc Tảo	THPT Thọ Xuân		67,5	67,5		
5074	C35074	Lê Thị Trâm Anh	23/7/2003	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Bắc Thăng Long		63	63		
5075	C35075	Lỗ Phương Anh	16/9/2003	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Việt Đức		60,5	60,5		
5076	C35076	Nguyễn Thị Kim Anh	07/01/1997	Nữ	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		67,5	67,5		
5077	C35077	Nguyễn Trịnh Vân Anh	26/11/2003	Nữ	Sinh học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Thọ Xuân		61,5	61,5		
5078	C35078	Phan Thị Hoàng Anh	02//9/2003	Nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Nguyễn Văn Cừ		62,5	62,5		
5079	C35079	Trần Hà Anh	31/10/2003	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Thọ Xuân		64	64		
5080	C35080	Vũ Thị Phương Anh	23/10/2002	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ		65,5	65,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5081	C35081	Đào Ngọc Ánh	14/02/2003	Nữ	Sinh học	THPT Tùng Thiện	THPT Ba Vì		65,5	65,5		
5082	C35082	Lê Ngọc Ánh	22/10/2002	Nữ	Sinh học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Khương Đình		66,5	66,5		
5083	C35083	Thái Nguyễn Ngọc Anh	20/12/2003	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Cừ		58	58		
5084	C35084	Trần Thị Minh Ánh	20/4/2002	Nữ	Sinh học		THPT Tùng Thiện		Bỏ thi			Không xét Trường NV1
5085	C35085	Vũ Xuân Bách	30/5/2003	Nam	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Khương Đình		66,5	66,5		
5086	C35086	Nguyễn Ngọc Bích	29/01/2002	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Thọ Xuân		Bỏ thi			
5087	C35087	Phan Thị Thúy Đào	18/02/1996	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		65,5	65,5		
5088	C35088	Lê Thu Diễn	08/11/1994	Nữ	Sinh học	THPT Ngọc Tảo	THPT Bắc Thăng Long		60	60		
5089	C35089	Nguyễn Khánh Diệp	25/5/2001	Nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Nguyễn Văn Cừ		52	52		
5090	C35090	Vũ Trung Đức	01/8/2003	Nam	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Tân Dân		49	49		
5091	C35091	Đinh Thuỳ Dung	25/11/2003	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5092	C35092	Phí Vũ Dũng	27/10/2003	Nam	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình		57,5	57,5		
5093	C35093	Dương Bạch Dương	20/9/2002	Nữ	Sinh học	THPT Tân Dân		5	Bỏ thi			Không xét trường NV2
5094	C35094	Nguyễn Thuỳ Dương	27/12/2000	Nữ	Sinh học	THPT Tùng Thiện	THPT Ngọc Tảo		58,5	58,5		
5095	C35095	Bùi Thị Duyên	17/4/1995	nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Bắc Thăng Long		58,5	58,5		
5096	C35096	Nguyễn Mỹ Duyên	29/6/2002	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5097	C35097	Đoàn Hoàng Giang	17/02/1985	Nam	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Mỹ Đình		64,5	64,5		
5098	C35098	Đoàn Thị Hương Giang	21/11/2002	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		62,5	62,5		
5099	C35099	Ngô Hương Giang	18/11/2003	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		63,5	63,5		
5100	C35100	Ngo Thị Hương Giang	24/3/2002	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		64	64		
5101	C35101	Bùi Việt Hà	02/01/2001	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình	5	74	79	Trúng tuyển NV1	
5102	C35102	Hồ Thị Hà	16/05/1997	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Ngọc Tảo		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
5103	C35103	Nguyễn Thị Ngọc Hà	22/7/2001	Nữ	Sinh học	THPT Ba Vì	THPT Bắc Thăng Long		59,5	59,5		
5104	C35104	Hoàng Thị Thanh Hải	29/01/2000	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		86	86	Trúng tuyển NV1	
5105	C35105	Trần Thu Hằng	27/12/2001	Nữ	Sinh học	THPT Tùng Thiện	THPT Ba Vì		58,5	58,5		
5106	C35106	Lê Thị Hảo	02/01/1999	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		64,5	64,5		
5107	C35107	Lê Văn Hậu	07/10/1992	Nam	Sinh học	THPT Ngọc Tảo	THPT Tùng Thiện		63	63		
5108	C35108	Trần Thúy Hiền	30/10/2001	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		60	60		
5109	C35109	Vũ Thảo Hiền	20/02/1998	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		58	58		
5110	C35110	Nguyễn Thị Phương Hoa	04/9/1998	Nữ	Sinh học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam			88	88	Trúng tuyển NV1	
5111	C35111	Nguyễn Thị Phương Hoa	12/9/2003	Nữ	Sinh học	THPT Tân Lập	THPT Đại Mỗ		46	46		
5112	C35112	Vũ Thắm Thanh Hoa	22/8/2003	Nữ	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
5113	C35113	Trần Thu Hoà	07/10/1992	Nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		61,5	61,5		
5114	C35114	Tống Thị Thu Hoài	16/9/2002	Nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Khương Đình		61	61		
5115	C35115	Dương Trọng Hoan	11/12/2002	nam	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		51,5	51,5		
5116	C35116	Lê Bích Hồng	29/9/1992	Nữ	Sinh học	THPT Ba Vì	THPT Mỹ Đình		61	61		
5117	C35117	Lê Thị Thanh Hồng	15/5/1998	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		52	52		
5118	C35118	Nguyễn Thị Hồng	27/4/1998	Nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Đại Mỗ		56	56		
5119	C35119	Nguyễn Thị Thuý Hồng	02/11/1997	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Tân Lập		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
5120	C35120	Lê Thị Huế	20/10/1999	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		69,5	69,5		
5121	C35121	Nguyễn Như Huế	20/7/2002	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình	5	0	5		
5122	C35122	Nguyễn Thị Huế	19/3/1995	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Tân Dân		44,5	44,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5123	C35123	Lê Thị Hương	20/8/1987	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình	5	59,5	64,5		
5124	C35124	Trần Thị Mai Hương	21/5/1999	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Khương Đình		50	50		
5125	C35125	Vương Thị Quỳnh Hương	04/01/2000	Nữ	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Tân Lập		68,5	68,5		
5126	C35126	Thái Thị Thu Hường	18/3/1981	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5127	C35127	Chu Thị Hường	15/11/1989	Nữ	Sinh học	THPT Tùng Thiện	THPT Thọ Xuân		70	70	Trúng tuyển NV1	
5128	C35128	Hoàng Nhật Huy	25/7/2003	Nam	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		47	47		
5129	C35129	Dương Thị Huyền	18/12/2001	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		59	59		
5130	C35130	Nguyễn Như Huyền	04/3/1997	Nữ	Sinh học	THPT Tân Lập	THPT Tân Dân		Bỏ thi			
5131	C35131	Nguyễn Thị Huyền	13/12/1991	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5132	C35132	Hoàng Thị Ký	21/03/1998	Nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Khương Đình	5	66,5	71,5		
5133	C35133	Lư Thị Lanh	13/8/2001	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình	5	61,5	66,5		
5134	C35134	Hoàng Thị Lệ	10/7/1992	Nữ	Sinh học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		59,5	59,5		
5135	C35135	Nguyễn Thị Bích Liên	04/06/1994	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		63	63		
5136	C35136	Nguyễn Thị Phương Liên	24/8/1989	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Ngọc Tảo		55,5	55,5		
5137	C35137	Nguyễn Thị Thùy Liên	04/5/1999	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Tân Lập		63,5	63,5		
5138	C35138	Hà Thị Linh	22/2/1995	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Ngọc Tảo	5	58	63		
5139	C35139	Lê Ngọc Thuỳ Linh	09/5/2000	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
5140	C35140	Nguyễn Khánh Linh	22/8/2002	Nữ	Sinh học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	PTCS Nguyễn Đình Chiểu		59	59		
5141	C35141	Nguyễn Ngọc Linh	12/11/2003	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
5142	C35142	Nguyễn Thị Mỹ Linh	18/8/1997	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình	5	59,5	64,5		
5143	C35143	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	22/10/1994	Nữ	Sinh học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Nguyễn Văn Cừ		69	69		
5144	C35144	Phạm Thảo Linh	22/10/2003	Nữ	Sinh học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Đại Mỗ		65,5	65,5		
5145	C35145	Phạm Thị Thuỳ Linh	22/6/1996	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52	52		
5146	C35146	Hà Kiều Loan	09/6/1994	Nữ	Sinh học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Mỹ Đình	5	69	74		
5147	C35147	Hoàng Thị Loan	14/11/2003	Nữ	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		58	58		
5148	C35148	Nguyễn Mạnh Long	18/4/2000	Nam	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Khương Đình		60,5	60,5		
5149	C35149	Nguyễn Thị Lương	09/10/1996	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Tân Lập		62,5	62,5		
5150	C35150	Hà Thu Ly	27/6/1994	Nữ	Sinh học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Việt Đức		74,5	74,5		
5151	C35151	Nguyễn Thảo Ly	24/11/1998	Nữ	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình		66	66		
5152	C35152	Khổng Thị Mai	02/9/1992	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		73,5	73,5		
5153	C35153	Kiều Thị Hương Mai	29/8/1996	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình		63,5	63,5		
5154	C35154	Nguyễn Thị Mai	23/6/1996	Nữ	Sinh học	THPT Ngọc Tảo	THPT Thọ Xuân		81,5	81,5	Trúng tuyển NV1	
5155	C35155	Trung Thị Tuyết Mai	18/01/1992	Nữ	Sinh học	THPT Ba Vì	THPT Thọ Xuân		55	55		
5156	C35156	Vũ Ngọc Mai	23/9/2003	Nữ	Sinh học	THPT Ngọc Tảo	THPT Mỹ Đình		70,5	70,5		
5157	C35157	Phạm Bùi Quang Minh	03/11/2002	Nam	Sinh học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Việt Đức		80,5	80,5		
5158	C35158	Phan Thị Minh	15/08/1990	Nữ	Sinh học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đại Mỗ		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
5159	C35159	Nguyễn Thị Trà My	23/3/2002	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ		Bỏ thi			
5160	C35160	Phạm Bùi Trúc My	27/10/2002	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình	5	58	63		
5161	C35161	Trần Thị Nga	02/8/1990	Nữ	Sinh học	THPT Tùng Thiện	THPT Ba Vì		57,5	57,5		
5162	C35162	Nguyễn Thị Kim Ngân	27/7/1983	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		50	50		
5163	C35163	Vũ Xuân Nghị	24/5/2000	Nam	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		66,5	66,5		
5164	C35164	Chu Thị Thu Ngọc	16/8/1996	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Tân Lập		50	50		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5165	C35165	Nguyễn Thị Ngọc	25/01/1997	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân			52,5	52,5		
5166	C35166	Nguyễn Thị Yến Ngọc	14/6/1996	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Đại Mỗ		73	73	Trúng tuyển NV1	
5167	C35167	Phạm Thị Ngọc	06/01/1997	Nữ	Sinh học	THPT Tân Lập			65	65		Không xét trường NV2
5168	C35168	Tạ Mỹ Ngọc	19/12/2001	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		61	61		
5169	C35169	Trần Nguyễn Minh Ngọc	25/8/2003	Nữ	Sinh học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Việt Đức		53,5	53,5		
5170	C35170	Đặng Thị Hương Nguyệt	08/07/1997	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Tùng Thiện		Bỏ thi			
5171	C35171	Nguyễn Thị Thuý Nhàn	17/4/2003	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Tân Lập		Bỏ thi			
5172	C35172	Vũ Thị Nhiên	08/10/1992	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Tùng Thiện		28	28		
5173	C35173	Âu Thị Quỳnh Như	25/5/1996	Nữ	Sinh học	THPT Ngọc Tảo	THPT Ba Vì		59,5	59,5		
5174	C35174	Dương Thị Nhung	16/7/1995	Nữ	Sinh học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Khương Đình		67,5	67,5	Trúng tuyển NV1	
5175	C35175	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18/8/1987	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình		65,5	65,5		
5176	C35176	Nguyễn Thị Nhung	16/7/1996	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ		53,5	53,5		
5177	C35177	Nguyễn Thị Oanh	04/11/2002	Nữ	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		57	57		
5178	C35178	Vũ Thị Hồng Phúc	21/01/1982	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		65,5	65,5		
5179	C35179	Hà Văn Phước	08/02/2002	Nam	Sinh học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Bắc Thăng Long		85	85		
5180	C35180	Nguyễn Minh Phương	22/8/2003	Nữ	Sinh học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình		66	66		
5181	C35181	Phạm Thị Phương	28/3/1997	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Tân Dân		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
5182	C35182	Trần Duy Thị Phương	09/11/1996	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Ngọc Tảo		41,5	41,5		
5183	C35183	Nguyễn Thị Nhã Phượng	14/5/1995	Nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Mỹ Đình		61,5	61,5		
5184	C35184	Nguyễn Mậu Hoàng Quân	04/9/2003	Nam	Sinh học	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
5185	C35185	Nguyễn Thị Tú Quyên	18/11/1998	Nữ	Sinh học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Khương Đình		62,5	62,5		
5186	C35186	Trần Thị Quyên	04/9/1994	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Việt Đức		71,5	71,5		
5187	C35187	Lê Ngọc Quyết	15/10/2002	Nam	Sinh học	THPT Tân Lập	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
5188	C35188	Đinh Nguyễn Hương Quỳnh	22/11/1998	Nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Khương Đình		60	60		
5189	C35189	Nguyễn Hữu Thị Quỳnh	16/12/1995	Nữ	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
5190	C35190	Phạm Ngọc Quỳnh	08/8/1999	Nữ	Sinh học	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		58,5	58,5		
5191	C35191	Trần Thị Sương	27/3/2002	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Bắc Thăng Long		56,5	56,5		
5192	C35192	Nguyễn Phương Thanh	30/4/1999	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		49	49		
5193	C35193	Nguyễn Văn Thanh	15/4/1986	Nam	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Đại Mỗ		60	60		
5194	C35194	Lê Thế Thảo	24/12/2002	Nam	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		71	71		
5195	C35195	Lương Thị Thảo	29/9/2003	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Đại Mỗ		60	60		
5196	C35196	Nguyễn Bích Thảo	27/7/2003	Nữ	Sinh học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Đại Mỗ		59,5	59,5		
5197	C35197	Nguyễn Thị Phương Thảo	19/02/2002	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình		58,5	58,5		
5198	C35198	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/01/1996	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Bắc Thăng Long		66	66	Trúng tuyển NV1	
5199	C35199	Chu Đình Thiện	20/01/1989	Nam	Sinh học	THPT Ba Vì	THPT Ngọc Tảo	5	64	69	Trúng tuyển NV1	
5200	C35200	Đoàn Thị Trang Thơ	14/7/2001	Nữ	Sinh học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Khương Đình		64,5	64,5		
5201	C35201	Lê Thị Thu	28/04/1994	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		72,5	72,5		
5202	C35202	Nguyễn Thị Thu	28/10/1997	Nữ	Sinh học	THPT Ba Vì	THPT Khương Đình		59,5	59,5		
5203	C35203	Phạm Thị Thu	02/7/1995	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Tân Lập		74	74	Trúng tuyển NV1	
5204	C35204	Đặng Thị Oanh Thư	18/12/2003	Nữ	Sinh học	THPT Tân Lập	THPT Ngọc Tảo		55	55		
5205	C35205	Phan Thị Thanh Thư	23/12/2003	Nữ	Sinh học	THPT Tân Lập	THPT Đại Mỗ		55,5	55,5		
5206	C35206	Đỗ Thị Thuý	09/10/1983	Nữ	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình	5	58,5	63,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5207	C35207	Đoàn Thị Thúy	06/3/2001	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		76,5	76,5		
5208	C35208	Nguyễn Minh Thúy	10/02/2001	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		63,5	63,5		
5209	C35209	Trần Thị Phương Thúy	12/02/1999	Nữ	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Mỹ Đình		55,5	55,5		
5210	C35210	Đinh Thị Bích Thủy	26/4/1998	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
5211	C35211	Nguyễn Thúy Tiên	31/8/2002	Nữ	Sinh học	THPT Ba Vì	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5212	C35212	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	26/3/1993	Nữ	Sinh học	THPT Đại Mỗ	THPT Khương Đình	5	50	55		
5213	C35213	Hoàng Thị Trang	24/9/1995	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Khương Đình		60	60		
5214	C35214	Lê Thị Trang	10/6/2000	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		62	62		
5215	C35215	Mai Hải Trang	07/4/1989	Nữ	Sinh học	THPT Tân Dân	THPT Khương Đình		54	54		
5216	C35216	Nguyễn Thị Hà Trang	29/5/1994	Nữ	Sinh học	THPT Tân Lập	THPT Mỹ Đình		59	59		
5217	C35217	Phạm Thị Huyền Trang	21/01/1988	Nữ	Sinh học	THPT Tân Dân	THPT Nguyễn Văn Trỗi		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
5218	C35218	Trần Hồng Trang	07/01/1987	Nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Bắc Thăng Long		73,5	73,5		
5219	C35219	Trần Nguyễn Thủy Trang	16/8/2003	Nữ	Sinh học	THPT Thọ Xuân	THPT Tân Lập		58	58		
5220	C35220	Lương Cẩm Tú	19/7/2003	Nữ	Sinh học	THPT Tân Lập	THPT Thọ Xuân		64,5	64,5		
5221	C35221	Lê Minh Tuấn	21/3/1997	Nam	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		52,5	52,5		
5222	C35222	Huỳnh Việt Tùng	02/02/1991	Nam	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đình		62	62		
5223	C35223	Phan Thị Ánh Tuyết	08/12/1993	Nữ	Sinh học	THPT Tân Dân	THPT Khương Đình		62,5	62,5		
5224	C35224	Vũ Thị Tuyết	15/12/2003	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Nguyễn Văn Trỗi		60	60		
5225	C35225	Dương Thị Uyên	17/6/2001	Nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	TH, THCS và THPT Khương Hạ	5	61,5	66,5		
5226	C35226	Lê Bích Vân	15/01/2000	Nữ	Sinh học	THPT Việt Đức	THPT Khương Đình		75	75	Trúng tuyển NV1	
5227	C35227	Nguyễn Thị Hồng Vân	02/11/2003	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Tùng Thiện		61,5	61,5		
5228	C35228	Phạm Thị Vượng	16/3/1991	Nữ	Sinh học	THPT Bắc Thăng Long	THPT Mỹ Đình	5	64	69		
5229	C35229	Nguyễn Khánh Vy	06/10/2003	Nữ	Sinh học	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		56	56		
5230	C35230	Đỗ Thị Vỹ	09/3/2003	Nữ	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Tân Dân		57,5	57,5		
5231	C35231	Nguyễn Thị Xuân	28/4/2001	Nữ	Sinh học	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		67,5	67,5		
5232	C35232	Nguyễn Thị Hai Yến	10/7/1994	Nữ	Sinh học	THPT Tùng Thiện	THPT Ngọc Tảo		70	70		
5233	C35233	Bùi Thúy An	28/01/1999	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		58	58		
5234	C35234	Nguyễn Hoàng Thúy An	21/11/1999	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		18	18		
5235	C35235	Nguyễn Thị Khánh An	23/6/1999	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi			54	54		
5236	C35236	Bùi Thị Mỹ Anh	21/3/1997	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Minh Hà		51,5	51,5		
5237	C35237	Chu Ngọc Anh	14/02/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		48,5	48,5		
5238	C35238	Đàm Quân Anh	07/11/1995	Nam	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Mỹ Đình		39,5	39,5		
5239	C35239	Đặng Thị Lan Anh	27/4/1996	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		86	86	Trúng tuyển NV1	
5240	C35240	Đào Hồng Anh	09/10/2001	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Mỹ Đình		52	52		
5241	C35241	Hoàng Hà Anh	28/10/1995	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		56	56		
5242	C35242	Hứa Minh Anh	22/7/2001	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		38	38		
5243	C35243	Lê Thảo Anh	21/10/2001	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		54	54		
5244	C35244	Lê Thị Kim Anh	11/12/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		55	55		
5245	C35245	Lưu Nhật Anh	10/10/1997	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		58	58		
5246	C35246	Mầu Thị Phương Anh	25/5/2003	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		60,5	60,5		
5247	C35247	Nguyễn Đức Anh	22/12/2002	Nam	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		50,5	50,5		
5248	C35248	Nguyễn Thị Lam Anh	28/02/2002	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		74,5	74,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5249	C35249	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12/11/1999	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
5250	C35250	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	01/11/2003	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		46	46		
5251	C35251	Nguyễn Văn Anh	29/11/1998	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		59,5	59,5		
5252	C35252	Phạm Duy Anh	21/5/2003	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		38,5	38,5		
5253	C35253	Phan Đức Anh	12/3/2001	Nam	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		41,5	41,5		
5254	C35254	Tạ Minh Tuấn Anh	09/01/2001	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		71	71		
5255	C35255	Vũ Hải Anh	23/4/2001	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		59,5	59,5		
5256	C35256	Đặng Nguyệt Ánh	27/10/1998	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		53,5	53,5		
5257	C35257	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/6/2002	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		64,5	64,5		
5258	C35258	Phạm Vũ Bằng	10/10/2000	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		67	67		
5259	C35259	Đỗ Thanh Bình	17/12/2003	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Khương Đình		82	82		
5260	C35260	Nguyễn Văn Cầu	28/3/1991	Nam	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Khương Đình		70	70		
5261	C35261	Phan Thị Thuỳ Châm	22/7/2002	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		52	52		
5262	C35262	Trương Thị Minh Châu	30/7/1995	Nữ	Vật lí	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		62	62	Trúng tuyển NV1	
5263	C35263	Nguyễn Văn Chính	07/11/1994	Nam	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đông Mỹ		77	77		
5264	C35264	Vũ Chí Công	02/7/2002	Nam	Vật lí	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		56,5	56,5		
5265	C35265	Bùi Bá Cường	17/01/1985	Nam	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		58	58		
5266	C35266	Tạ Bá Cường	17/6/1991	Nam	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình	5	76	81	Trúng tuyển NV1	
5267	C35267	Nguyễn Hữu Đại	18/9/2000	Nam	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		74	74		
5268	C35268	Nguyễn Thị Đan	05/3/1987	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình	5	52	57		
5269	C35269	Hứa Xuân Đạt	28/4/2001	Nam	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		50,5	50,5		
5270	C35270	Lê Thị Ngọc Diệp	16/8/2001	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
5271	C35271	Hoàng Thị Dinh	16/10/1991	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Đông Mỹ		60,5	60,5		
5272	C35272	Vũ Thị Dịu	09/12/1991	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		61,5	61,5		
5273	C35273	Đào Minh Đức	02/5/2002	Nam	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		53,5	53,5		
5274	C35274	Lê Văn Đức	14/4/1991	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Đông Mỹ		67	67		
5275	C35275	Lê Kim Dung	19/10/2002	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		45	45		
5276	C35276	Lê Thuỳ Dung	14/5/2003	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		56	56		
5277	C35277	Nguyễn Thị Dung	07/3/1997	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		55	55		
5278	C35278	Nguyễn Thị Phương Dung	06/7/1989	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Phúc Lợi	5	57,5	62,5		
5279	C35279	Trần Thị Dung	17/9/1997	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		56,5	56,5		
5280	C35280	Trịnh Khắc Dương	18/07/2001	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		39,5	39,5		
5281	C35281	An Thị Duyên	11/1/2002	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
5282	C35282	Lê Thị Giang	17/7/1994	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
5283	C35283	Lưu Thị Hương Giang	28/7/1993	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		50,5	50,5		
5284	C35284	Ngô Thu Giang	22/11/2000	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		Bỏ thi			
5285	C35285	Nguyễn Hà Giang	07/11/2003	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		54	54		
5286	C35286	Nguyễn Hương Giang	22/11/2000	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		45	45		
5287	C35287	Nguyễn Thị Hương Giang	12/10/1992	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	TH, THCS và THPT Khương Hạ		74,5	74,5	Trúng tuyển NV1	
5288	C35288	Nguyễn Thu Giang	11/9/2001	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
5289	C35289	Bùi Thị Khánh Hà	10/11/2002	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi			55	55		
5290	C35290	Chu Quỳnh Hà	31/3/2002	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		42	42		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5291	C35291	Dương Thị Thu Hà	21/02/1997	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		Bỏ thi			
5292	C35292	Nguyễn Ngọc Hà	09/12/1991	Nam	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Mỹ Đình		59	59		
5293	C35293	Nguyễn Thị Thu Hà	20/10/1996	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		64	64		
5294	C35294	Nguyễn Thị Thu Hà	04/12/1989	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		75,5	75,5		
5295	C35295	Nguyễn Thị Việt Hà	15/10/2002	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		57	57		
5296	C35296	Nguyễn Thu Hà	02/6/1998	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	TH, THCS và THPT Khương Hạ		69	69		
5297	C35297	Nguyễn Thu Hà	11/10/2000	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		6	6		
5298	C35298	Nguyễn Thu Hà	18/9/1993	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
5299	C35299	Phùng Thị Hà	17/4/1997	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		36,5	36,5		
5300	C35300	Trần Hoàng Hà	10/6/1999	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		6	6		
5301	C35301	Chu Thị Hằng	07/8/1993	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		58,5	58,5		
5302	C35302	Nguyễn Thanh Hằng	10/10/2002	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
5303	C35303	Nguyễn Thị Minh Hằng	06/01/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		34,5	34,5		
5304	C35304	Phạm Thị Hằng	14/12/1994	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		52	52		
5305	C35305	Phan Minh Hằng	08/9/2002	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Đông Mỹ		58	58		
5306	C35306	Chu Thị Hạnh	07/3/1994	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		59	59		
5307	C35307	Đinh Hồng Hạnh	03/02/1991	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Thọ Xuân		67,5	67,5		
5308	C35308	Lê Hồng Hạnh	07/12/1999	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		58	58		
5309	C35309	Lê Thị Đức Hạnh	16/11/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		62	62		
5310	C35310	Nguyễn Mỹ Hạnh	24/11/1993	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		40,5	40,5		
5311	C35311	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	04/11/2002	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		75	75		
5312	C35312	Hoàng Thị Hậu	16/8/1991	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	TH, THCS và THPT Khương Hạ		56	56		
5313	C35313	Phan Thị Thanh Hiền	06/9/2001	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Phúc Lợi		45	45		
5314	C35314	Phạm Thị Thanh Hiệp	03/7/1997	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		Bỏ thi			
5315	C35315	Đào Bá Hiếu	09/6/1996	Nam	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Phúc Lợi		62	62		
5316	C35316	Trần Minh Hiếu	15/4/1995	Nam	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		64	64		
5317	C35317	Trần Hưng Hiếu	01/8/2002	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		68,5	68,5		
5318	C35318	Ngô Thị Hoa	24/4/1999	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5319	C35319	Nguyễn Thị Hoa	09/2/1997	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi			50,5	50,5		
5320	C35320	Nguyễn Thị Hoa	09/7/1996	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Thọ Xuân		62,5	62,5		
5321	C35321	Vũ Thị Hoa	18/01/1995	Nữ	Vật lí	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		61,5	61,5		
5322	C35322	Hạ Thị Hoài	04/9/1998	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình			67	67		Không xét trường NV2
5323	C35323	Nguyễn Bá Hoàng	02/01/1984	Nam	Vật lí	THPT Phúc Lợi	TH, THCS và THPT Khương Hạ		55	55		
5324	C35324	Giang Thị Hồng	25/11/1993	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Phúc Lợi		82,5	82,5	Trúng tuyển NV1	
5325	C35325	Lê Thị Hồng	11/01/1994	Nữ	Vật lí	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
5326	C35326	Phạm Thuý Hồng	24/5/1999	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Phúc Lợi		64,5	64,5		
5327	C35327	Trần Thị Tuyết Hồng	28/12/2003	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Đông Mỹ		53	53		
5328	C35328	Nguyễn Thị Huế	11/11/1984	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5329	C35329	Nguyễn Thị Thanh Huế	10/8/1991	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Mỹ Đình		61	61		
5330	C35330	Bùi Thị Huệ	26/6/1996	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		51,5	51,5		
5331	C35331	Hà Thị Huệ	10/12/1996	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ	5	44,5	49,5		
5332	C35332	Nguyễn Thanh Huệ	09/01/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		53,5	53,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5333	C35333	Nguyễn Thị Huệ	13/9/1990	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		67,5	67,5		
5334	C35334	Nguyễn Thị Huệ	24/4/2003	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		71	71		
5335	C35335	Đinh Quốc Hưng	03/9/1993	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		59	59		
5336	C35336	Đỗ Thị Thu Hương	31/7/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		59	59		
5337	C35337	Lê Lan Hương	11/6/1998	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		57	57		
5338	C35338	Lê Thu Hương	29/5/2001	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Phúc Lợi		55	55		
5339	C35339	Lương Thu Hương	27/8/1999	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		36,5	36,5		
5340	C35340	Nguyễn Thị Hương	05/11/2000	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		60,5	60,5		
5341	C35341	Nguyễn Thị Thu Hương	04/9/1993	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		56	56		
5342	C35342	Nguyễn Thu Hương	22/4/1995	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		62,5	62,5		
5343	C35343	Trần Thị Thu Hương	26/3/1984	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		74	74		
5344	C35344	Trần Thu Hương	04/7/1997	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		58,5	58,5		
5345	C35345	Vũ Văn Hướng	25/9/2003	Nam	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		69,5	69,5		
5346	C35346	Cao Lương Vân Hường	30/6/1993	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	TH, THCS và THPT Khương Hạ		69,5	69,5		
5347	C35347	Nguyễn Thu Hường	26/02/2000	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		62,5	62,5		
5348	C35348	Trần Đặng Mai Hường	16/02/2003	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		48	48		
5349	C35349	Đào Ngọc Huyền	19/02/2002	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		62	62		
5350	C35350	Đào Ngọc Huyền	13/3/1999	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		53	53		
5351	C35351	Dương Thị Ngọc Huyền	05/11/1999	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		55,5	55,5		
5352	C35352	Hoàng Thị Thanh Huyền	09/6/1998	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		66	66		
5353	C35353	Lê Thị Thanh Huyền	16/6/2001	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Minh Hà		42,5	42,5		
5354	C35354	Ngô Thanh Huyền	28/10/2003	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		58	58		
5355	C35355	Nguyễn Thanh Huyền	23/8/1997	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		85,5	85,5		
5356	C35356	Nguyễn Thị Huyền	15/10/1996	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		59	59		
5357	C35357	Nguyễn Thị Huyền	16/6/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		40	40		
5358	C35358	Nguyễn Thu Huyền	08/10/2000	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		56,5	56,5		
5359	C35359	Tạ Thu Huyền	17/8/1995	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Mỹ Đình		30	30		
5360	C35360	Trần Thị Thanh Huyền	01/01/2003	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Mỹ Đình		87,5	87,5	Trúng tuyển NV1	
5361	C35361	Vũ Khánh Huyền	16/10/1999	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		51,5	51,5		
5362	C35362	Vũ Ngọc Huyền	04/12/2003	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
5363	C35363	Trịnh Đức Kiên	17/11/2002	Nam	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		51	51		
5364	C35364	Nguyễn Thị Lan	09/4/1993	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5365	C35365	Nguyễn Thị Phương Lan	20/02/2002	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		57,5	57,5		
5366	C35366	Nguyễn Thị Lê	08/01/1995	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		75,5	75,5		
5367	C35367	Nguyễn Thị Diễm Lệ	06/02/2002	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		56	56		
5368	C35368	Nguyễn Thị Liên	03/6/1991	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		63,5	63,5		
5369	C35369	Phạm Kim Liên	03/9/1998	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		60,5	60,5		
5370	C35370	Trần Thị Liên	06/8/1994	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		Bỏ thi			
5371	C35371	Bùi Khánh Linh	17/02/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		67,5	67,5		
5372	C35372	Hoàng Thị Ngọc Linh	12/02/2002	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		70	70		
5373	C35373	Ngô Trần Nhật Linh	18/2/2000	Nam	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		65,5	65,5		
5374	C35374	Nguyễn Hồng Linh	09/9/1997	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		60	60		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5375	C35375	Nguyễn Thị Diệu Linh	26/6/2002	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		55,5	55,5		
5376	C35376	Nguyễn Thị Khánh Linh	13/08/2000	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		59,5	59,5		
5377	C35377	Nguyễn Thị Linh	04/10/2000	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		51,5	51,5		
5378	C35378	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	15/4/2001	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		53,5	53,5		
5379	C35379	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	24/8/2000	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		57,5	57,5		
5380	C35380	Nguyễn Thuỳ Linh	05/4/2002	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
5381	C35381	Quách Khánh Linh	30/9/2001	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		25,5	25,5		
5382	C35382	Tô Hải Linh	01/3/2002	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		54	54		
5383	C35383	Tô Phương Linh	30/12/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		53,5	53,5		
5384	C35384	Trần Hương Linh	30/11/2000	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		63,5	63,5		
5385	C35385	Trần Mỹ Linh	26/7/2003	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		37,5	37,5		
5386	C35386	Đoàn Thị Loan	23/9/1997	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		35,5	35,5		
5387	C35387	Nguyễn Thị Thanh Loan	07/07/1989	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		85	85	Trúng tuyển NV1	
5388	C35388	Phan Thị Loan	13/8/1989	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		66	66		
5389	C35389	Trần Kim Loan	13/01/1998	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		58,5	58,5		
5390	C35390	Vương Trí Thị Loan	06/10/1996	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		56,5	56,5		
5391	C35391	Lê Tiến Long	23/9/2000	Nam	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		66,5	66,5		
5392	C35392	Trần Bảo Long	28/01/1998	Nam	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Mỹ Đình		76	76		
5393	C35393	Nguyễn Trọng Luân	20/11/1988	Nam	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		59	59		
5394	C35394	Nguyễn Thị Lương	17/10/1993	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình			73,5	73,5		Không xét trường NV2
5395	C35395	Nguyễn Thanh Thuý Ly	10/5/2002	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ			55,5	55,5		
5396	C35396	Phùng Thị Diệu Ly	13/12/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		56,5	56,5		
5397	C35397	Lê Thị Lý	29/12/1990	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		48,5	48,5		
5398	C35398	Nguyễn Thị Lý	29/11/2002	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Thọ Xuân		54,5	54,5		
5399	C35399	Đào Thị Mai	25/6/2003	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		57	57		
5400	C35400	Trần Ngọc Mạnh	18/5/2003	Nam	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		60	60		
5401	C35401	Trần Thị Mây	25/4/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		60,5	60,5		
5402	C35402	Dương Ngọc Minh	14/12/2003	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	TH, THCS và THPT Khương Hạ		Bỏ thi			
5403	C35403	Lê Nguyễn Hải Minh	19/01/2002	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		59,5	59,5		
5404	C35404	Nguyễn Thị Mơ	04/4/1998	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		58,5	58,5		
5405	C35405	Bùi Thị Nga	15/12/2000	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		60	60		
5406	C35406	Nguyễn Thị Thúy Nga	17/10/1994	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		47,5	47,5		
5407	C35407	Thân Thị Nga	28/6/1997	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		56,5	56,5		
5408	C35408	Trần Thanh Nga	23/9/1998	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		59	59		
5409	C35409	Nguyễn Đinh Hải Ngân	16/5/1994	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		65,5	65,5		
5410	C35410	Nguyễn Thúy Ngân	19/02/1991	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	TH, THCS và THPT Khương Hạ		33	33		
5411	C35411	Nguyễn Tuyết Ngân	10/05/1999	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
5412	C35412	Phùng Mai Ngân	10/5/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		51,5	51,5		
5413	C35413	Tống Thị Khánh Ngân	20/02/2002	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		65	65		
5414	C35414	Đỗ Trọng Nghĩa	05/11/2003	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		57	57		
5415	C35415	Nguyễn Thị Giáng Ngoan	11/01/1994	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Mỹ Đình		62,5	62,5		
5416	C35416	Đặng Đình Ngọc	29/3/1988	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		61	61		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5417	C35417	Đỗ Thị Hồng Ngọc	16/10/2003	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		50,5	50,5		
5418	C35418	Hà Thị Ngọc	29/9/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		56	56		
5419	C35419	Nguyễn Kim Ngọc	02/4/1999	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		61,5	61,5		
5420	C35420	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	30/6/2001	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		76,5	76,5		
5421	C35421	Nguyễn Thị Ngọc	20/02/1994	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	TH, THCS và THPT Khương Hạ		59,5	59,5		
5422	C35422	Nguyễn Thị Ngọc	29/5/2003	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Mỹ Đình		33	33		
5423	C35423	Nguyễn Thị Nguyên	20/9/1997	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5424	C35424	Phạm Văn Nguyên	27/8/1994	Nam	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		62,5	62,5		
5425	C35425	Lại Thị Bích Nguyệt	25/11/1996	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		46	46		
5426	C35426	Phan Thị Như Nguyệt	14/02/1995	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		59	59		
5427	C35427	Phùng Thị Minh Nguyệt	28/6/2003	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		43,5	43,5		
5428	C35428	Trần Thị Minh Nguyệt	29/12/1998	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		44,5	44,5		
5429	C35429	Nguyễn Thị Nhàn	21/4/1991	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		61,5	61,5		
5430	C35430	Trương Thị Nhàn	13/9/1995	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		47	47		
5431	C35431	Nguyễn Ngọc Nhi	17/12/2002	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		63	63		
5432	C35432	Trần Thị Linh Nhi	12/6/2002	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		58	58		
5433	C35433	Đặng Trang Nhung	19/10/2002	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		60	60		
5434	C35434	Đinh Huyền Nhung	10/09/2002	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		Bỏ thi			
5435	C35435	Đỗ Thị Hồng Nhung	29/6/1992	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		54,5	54,5		
5436	C35436	Đỗ Thị Nhung	24/01/1985	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi			71	71	Trúng tuyển NV1	
5437	C35437	Hoàng Thị Tuyết Nhung	16/10/1994	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ	5	56	61		
5438	C35438	Mẫu Thị Nhung	31/8/2003	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		51,5	51,5		
5439	C35439	Nguyễn Hồng Nhung	14/08/2001	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5440	C35440	Phan Thị Nhung	10/02/1993	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		55,5	55,5		
5441	C35441	Tôn Bích Nhung	12/12/2001	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		52,5	52,5		
5442	C35442	Nguyễn Kiều Oanh	19/7/1995	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		62	62		
5443	C35443	Nguyễn Thị Kim Oanh	12/2/1995	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		52,5	52,5		
5444	C35444	Nguyễn Khắc Phong	18/7/2003	Nam	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		51	51		
5445	C35445	Bùi Thị Phương	28/12/1993	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân			50	50		
5446	C35446	Bùi Thị Thuý Phương	14/4/1993	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
5447	C35447	Đỗ Thị Mai Phương	23/01/2002	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		66,5	66,5		
5448	C35448	Hoàng Thị Phương	07/3/1997	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		54	54		
5449	C35449	Nguyễn Hải Mai Phương	09/9/2001	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		54,5	54,5		
5450	C35450	Nguyễn Hoàng Phương	28/03/1995	Nam	Vật lí	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		57	57		
5451	C35451	Nguyễn Minh Phương	29/5/2003	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		61,5	61,5		
5452	C35452	Nguyễn Thanh Phương	09/12/2002	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		66	66		
5453	C35453	Nguyễn Thị Minh Phương	16/12/1995	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân			65,5	65,5		
5454	C35454	Nguyễn Thị Phương	27/10/1993	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		50	50		
5455	C35455	Nguyễn Thị Phương	03/9/1994	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
5456	C35456	Nguyễn Thị Phương	01/11/2000	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Khương Đình		55,5	55,5		
5457	C35457	Nguyễn Thu Phương	21/11/2003	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		50,5	50,5		
5458	C35458	Phạm Thu Phương	10/5/2003	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Mỹ Đình		59	59		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5459	C35459	Phan Thu Phương	04/01/2000	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		54	54		
5460	C35460	Trần Minh Phương	08/10/2003	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		74	74	Trúng tuyển NV1	
5461	C35461	Lương Thị Quỳnh Phượng	25/11/2002	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Khương Đình		42,5	42,5		
5462	C35462	Nguyễn Thành Quang	15/3/1996	Nam	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		50,5	50,5		
5463	C35463	Nguyễn Bùi Quý	30/12/1996	Nam	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà		61	61		
5464	C35464	Nguyễn Văn Quý	28/10/1988	Nam	Vật lí	THPT Minh Hà		5	51,5	56,5		
5465	C35465	Nguyễn Thị Quyên	27/02/2002	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi			53	53		
5466	C35466	Nguyễn Thị Quyên	14/7/1998	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Khương Đình		80	80		
5467	C35467	Nguyễn Thị Quyên	20/4/1985	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	5	51	56		
5468	C35468	Đinh Như Quỳnh	10/12/1997	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	TH, THCS và THPT Khương Hạ		Bỏ thi			
5469	C35469	Đỗ Thị Như Quỳnh	10/9/1995	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		53	53		
5470	C35470	Lường Như Quỳnh	27/11/2001	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Phúc Lợi		56	56		
5471	C35471	Nguyễn Thu Quỳnh	20/12/1997	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		54	54		
5472	C35472	Hoàng Kim Sinh	20/5/1991	Nam	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		82,5	82,5	Trúng tuyển NV1	
5473	C35473	Nguyễn Dương Thuỳ Sinh	01/6/2002	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		60	60		
5474	C35474	Nguyễn Thị Tâm	23/12/1997	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Khương Đình		57	57		
5475	C35475	Nguyễn Thị Thanh Tâm	07/3/2000	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		55,5	55,5		
5476	C35476	Lại Vy Thắng	27/5/1995	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		41	41		
5477	C35477	Nguyễn Phương Thanh	09/5/1999	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		52	52		
5478	C35478	Nguyễn Thị Thanh	21/3/1988	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Phúc Lợi		71,5	71,5		
5479	C35479	Vũ Thị Thanh	25/12/1992	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		58,5	58,5		
5480	C35480	Nguyễn Thiện Thành	08/4/1998	Nam	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		63,5	63,5		
5481	C35481	Phạm Trung Thành	12/10/2001	Nam	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		40,5	40,5		
5482	C35482	Vũ Long Thành	11/08/2000	Nam	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		69,5	69,5		
5483	C35483	Nguyễn Phương Thảo	26/12/2002	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		53	53		
5484	C35484	Nguyễn Phương Thảo	26/3/1994	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		88	88	Trúng tuyển NV1	
5485	C35485	Nguyễn Phương Thảo	19/11/2003	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Phúc Lợi		79,5	79,5		
5486	C35486	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/10/1989	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		69,5	69,5		
5487	C35487	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/12/1998	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	TH, THCS và THPT Khương Hạ		46	46		
5488	C35488	Nguyễn Thị Thu Thảo	11/3/2002	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Đông Mỹ		41,5	41,5		
5489	C35489	Trần Đức Thiện	14/12/2002	Nam	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		51,5	51,5		
5490	C35490	Phạm Thái Thịnh	30/3/2000	Nữ	Vật lí	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		57,5	57,5		
5491	C35491	Nguyễn Thị Thơ	15/12/1989	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		73,5	73,5		
5492	C35492	Bùi Thị Thuận	05/10/1990	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		62	62		
5493	C35493	Nguyễn Ngọc Thường	27/02/1991	Nam	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		56	56		
5494	C35494	Nguyễn Văn Thuỳ	24/2/1989	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		67	67		
5495	C35495	Đinh Thị Thanh Thuỷ	29/7/2002	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Phúc Lợi		50,5	50,5		
5496	C35496	Nguyễn Thị Thúy	22/12/1988	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Minh Hà		Bỏ thi			
5497	C35497	Đặng Thị Thu Thủy	16/9/1988	Nữ	Vật lí	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Phúc Lợi		Bỏ thi			
5498	C35498	Ngô Thị Thúy	15/08/1993	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		55,5	55,5		
5499	C35499	Khuất Thị Thuy Tiên	20/12/1996	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Phúc Lợi		82	82		
5500	C35500	Mai Đức Toàn	24/5/2001	Nam	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Khương Đình		69,5	69,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5501	C35501	Nguyễn Văn Toàn	10/7/1997	Nam	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5502	C35502	Hà Mạnh Tôn	11/3/2002	Nam	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	TH, THCS và THPT Khương Hạ		53,5	53,5		
5503	C35503	Đàm Thu Trà	06/10/2002	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		51,5	51,5		
5504	C35504	Trần Ngọc Trâm	01/8/2000	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Khương Đình		51	51		
5505	C35505	Đặng Thị Huyền Trang	05/6/2000	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình	5	40	45		
5506	C35506	Hoàng Thị Huyền Trang	28/3/1999	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		65,5	65,5		
5507	C35507	Kiều Trang	29/9/1998	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		60	60		
5508	C35508	Lê Thị Thuỳ Trang	06/11/2003	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Minh Hà		58	58		
5509	C35509	Nguyễn Diệu Trang	04/5/2001	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		59	59		
5510	C35510	Nguyễn Huyền Trang	17/8/1997	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		64	64		
5511	C35511	Nguyễn Thị Hà Trang	22/01/1998	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
5512	C35512	Nguyễn Thị Hà Trang	27/9/1999	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		61,5	61,5		
5513	C35513	Nguyễn Thị Thuý Trang	02/01/2003	Nữ	Vật lí		THPT Thọ Xuân		46,5	46,5		Không xét trường NV1
5514	C35514	Nguyễn Thùy Trang	16/04/2002	Nữ	Vật lí	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		55	55		
5515	C35515	Phạm Quỳnh Trang	23/12/2002	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		43,5	43,5		
5516	C35516	Tạ Thị Thu Trang	07/8/1994	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
5517	C35517	Tăng Thị Hoài Trang	23/9/2000	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5518	C35518	Trần Hà Trang	20/8/2002	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		55,5	55,5		
5519	C35519	Trịnh Thị Linh Trang	05/8/2003	Nữ	Vật lí	TH, THCS và THPT Khương Hạ	THPT Khương Đình		46,5	46,5		
5520	C35520	Trương Thị Thiên Trang	24/6/1996	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		Bỏ thi			
5521	C35521	Nguyễn Phương Trinh	21/6/1994	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình			84	84	Trúng tuyển NV1	
5522	C35522	Trần Trung	04/3/1996	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		88,5	88,5	Trúng tuyển NV1	
5523	C35523	Đinh Phúc Tùng	08/9/2002	Nam	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Minh Hà	5	53	58		
5524	C35524	Nguyễn Danh Tùng	22/7/1991	Nam	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		50	50		
5525	C35525	Nguyễn Thị Tuyết	17/7/2000	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		56	56		
5526	C35526	Vũ Thị Uyên	18/02/1997	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		59,5	59,5		
5527	C35527	Lê Thị Vân	14/02/2003	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Mỹ Đình		60	60		
5528	C35528	Nguyễn Thị Vượng	14/9/1999	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Phúc Lợi		50,5	50,5		
5529	C35529	Nguyễn Thị Ngọc Xuyến	19/9/2001	Nữ	Vật lí	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		38,5	38,5		
5530	C35530	Nguyễn Thị Yên	06/4/1988	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		65,5	65,5		
5531	C35531	Nguyễn Thị Yên	31/3/1994	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	TH, THCS và THPT Khương Hạ		48	48		
5532	C35532	Đỗ Thị Như Yến	21/10/1995	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		58	58		
5533	C35533	Đỗ Thị Yến	10/9/1994	Nữ	Vật lí	THPT Đông Mỹ	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		Bỏ thi			
5534	C35534	Kiều Hoàng Yến	17/11/1994	Nữ	Vật lí	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đình		70,5	70,5		
5535	C35535	Nguyễn Hồng Yến	20/4/2001	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Khương Đình		64	64		
5536	C35536	Nguyễn Thị Hải Yến	28/9/1997	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Mỹ Đình		61,5	61,5		
5537	C35537	Nguyễn Thị Hồng Yến	23/02/1999	Nữ	Vật lí	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	TH, THCS và THPT Khương Hạ		9,5	9,5		
5538	C35538	Nguyễn Thị Yến	01/6/1997	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đình		82,5	82,5	Trúng tuyển NV1	
5539	C35539	Nguyễn Thị Yến	05/02/1992	Nữ	Vật lí	THPT Minh Hà	THPT Khương Đình		60	60		
5540	C35540	Trần Phương Yến	21/10/2000	Nữ	Vật lí	THPT Mỹ Đình	THPT Phúc Lợi		65,5	65,5		
5541	C35541	Vũ Thị Hải Yến	24/6/1999	Nữ	Vật lí	THPT Khương Đình	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		62	62		
5542	C35542	Nguyễn Bình An	14/6/1987	Nam	Mĩ thuật	THPT Bất Bạt			34	34		Không xét trường NV2

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện ƯT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5543	C35543	Mai Anh	20/8/1990	Nữ	Mĩ thuật	THPT Mỹ Đình	THPT Quang Trung - Hà Đông		91,5	91,5	Trúng tuyển NV1	
5544	C35544	Nguyễn Trâm Anh	10/11/2001	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nhân Chính	THPT Kim Liên		70	70	Trúng tuyển NV1	
5545	C35545	Tạ Diễm Anh	19/12/1996	Nữ	Mĩ thuật	THPT Việt Đức	THPT Thăng Long		59,5	59,5	Trúng tuyển NV1	
5546	C35546	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	30/4/2002	Nữ	Mĩ thuật	THPT Bất Bạt	THPT Tùng Thiện		63,5	63,5		
5547	C35547	Trịnh Đức Anh	03/5/1997	Nam	Mĩ thuật	THPT Tùng Thiện	THPT Minh Hà		79,5	79,5	Trúng tuyển NV1	
5548	C35548	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	31/5/1998	Nữ	Mĩ thuật	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Quang Trung - Hà Đông		55,5	55,5		
5549	C35549	Lê Thanh Bắc	16/8/1994	Nữ	Mĩ thuật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		63,5	63,5		
5550	C35550	Trần Thị Mỹ Bình	09/02/1994	Nữ	Mĩ thuật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Hoài Đức B	5	75	80		
5551	C35551	Nguyễn Bảo Châm	29/11/2002	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nhân Chính	THPT Quang Trung - Hà Đông		61,5	61,5		
5552	C35552	Hà Yến Chi	09/9/2000	Nữ	Mĩ thuật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Thường Tín		64	64		
5553	C35553	Nguyễn Thị Phương Chi	28/10/1990	Nữ	Mĩ thuật	THPT Mỹ Đình	THPT Hoài Đức A		50	50		
5554	C35554	Dương Thị Hoa Cúc	03/12/1991	Nữ	Mĩ thuật	THPT Tùng Thiện	THPT Ngô Quyền - Ba Vì		65	65		
5555	C35555	Nguyễn Tiến Đạt	21/3/1999	Nam	Mĩ thuật	THPT Minh Phú	THPT Sóc Sơn		46	46		
5556	C35556	Nguyễn Thị Minh Diệp	20/8/2003	Nữ	Mĩ thuật	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức A		67	67	Trúng tuyển NV1	
5557	C35557	Nguyễn Văn Đông	27/11/1992	Nam	Mĩ thuật	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	THPT Bất Bạt		57	57		
5558	C35558	Đỗ Thị Mỹ Duyên	02/9/2002	Nữ	Mĩ thuật	THPT Kim Liên	THPT Nhân Chính		67	67		
5559	C35559	Lê Trường Giang	15/9/1981	Nam	Mĩ thuật	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		53	53		
5560	C35560	Nguyễn Hương Giang	05/9/1992	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Nguyễn Gia Thiều		62,5	62,5		
5561	C35561	Nguyễn Thị Giang	04/8/1997	Nữ	Mĩ thuật	THPT Quang Minh			75	75		
5562	C35562	Trần Thị Trà Giang	27/01/2002	Nữ	Mĩ thuật	THPT Minh Hà			41,5	41,5		
5563	C35563	Đinh Thị Thanh Hà	21/10/1992	Nữ	Mĩ thuật	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Nhân Chính		52	52		
5564	C35564	Đỗ Thị Hải	21/01/1991	Nữ	Mĩ thuật	THPT Minh Hà	THPT Thạch Thất		66,5	66,5	Trúng tuyển NV1	
5565	C35565	Kiều Thuý Hằng	22/10/1987	Nữ	Mĩ thuật	THPT Thạch Thất	THPT Minh Hà		55	55		
5566	C35566	Nguyễn Thanh Hằng	25/11/1992	Nữ	Mĩ thuật	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	THPT Quang Trung - Hà Đông		72	72	Trúng tuyển NV1	
5567	C35567	Nguyễn Thị Hằng	06/12/1993	Nữ	Mĩ thuật	THPT Tự Lập	THPT Bắc Thăng Long		74	74	Trúng tuyển NV1	
5568	C35568	Nguyễn Thị Thanh Hằng	23/9/1997	Nữ	Mĩ thuật	THPT Tự Lập	THPT Bắc Thăng Long	5	42	47		
5569	C35569	Nguyễn Thu Hằng	12/9/2002	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		63,5	63,5		
5570	C35570	Nguyễn Thu Hằng	17/9/1996	Nữ	Mĩ thuật	THPT Minh Phú	THPT Sóc Sơn		68,5	68,5	Trúng tuyển NV1	
5571	C35571	Trịnh Thị Hằng	26/6/1994	Nữ	Mĩ thuật	THPT Phạm Hồng Thái	THPT Việt Đức		51,5	51,5		
5572	C35572	Nguyễn Thị Thanh Hằng	05/7/1996	Nữ	Mĩ thuật	THPT Kim Liên			60	60		Không xét trường NV2
5573	C35573	Vũ Văn Hảo	02/4/1984	Nam	Mĩ thuật	THPT Mỹ Đức A	THPT Lưu Hoàng		68	68	Trúng tuyển NV1	
5574	C35574	Nguyễn Đình Hiển	25/9/1990	Nữ	Mĩ thuật	THPT Tự Lập			70	70		
5575	C35575	Nguyễn Thị Hiền	17/02/1984	Nữ	Mĩ thuật	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
5576	C35576	Nguyễn Thị Thanh Hoa	19/02/1994	Nữ	Mĩ thuật	THPT Tùng Thiện	THPT Thạch Thất		50,5	50,5		
5577	C35577	Trần Thị Hoa	11/7/1988	Nữ	Mĩ thuật	THPT Mỹ Đình	THPT Phạm Hồng Thái		27	27		
5578	C35578	Nguyễn Mỹ Hoà	15/10/1995	Nữ	Mĩ thuật	THPT Phúc Lợi	THPT Mỹ Đức A		50	50		
5579	C35579	Trương Thị Thu Hòa	15/8/1989	Nữ	Mĩ thuật	THPT Tùng Thiện	THPT Phúc Lợi		59	59		
5580	C35580	Lê Sỹ Hoàng	11/5/1986	Nam	Mĩ thuật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Nhân Chính	5	47,5	52,5		
5581	C35581	Phí Thị Hoạt	09/06/1991	Nữ	Mĩ thuật	THPT Thạch Thất	THPT Minh Hà		59,5	59,5	Trúng tuyển NV1	
5582	C35582	Bùi Thị Hồng	01/3/1988	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nhân Chính	THPT Quang Trung - Hà Đông		52	52		
5583	C35583	Nguyễn Thị Hồng	26/10/1984	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Phúc Lợi		75,5	75,5	Trúng tuyển NV1	
5584	C35584	Dương Thị Quỳnh Huế	05/7/1983	Nữ	Mĩ thuật	THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm	THPT Việt Đức		57	57	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5585	C35585	Hoàng Thị Hương	13/7/1997	Nữ	Mĩ thuật	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức B		52,5	52,5		
5586	C35586	Nguyễn Lan Hương	14/11/1995	Nữ	Mĩ thuật	THPT Thăng Long	THPT Đông Mỹ		65,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
5587	C35587	Trần Thị Mai Hương	12/10/2003	Nữ	Mĩ thuật	THPT Hoài Đức A			73	73	Trúng tuyển NV1	
5588	C35588	Bùi Thị Bích Hường	13/02/1995	Nữ	Mĩ thuật	THPT Phạm Hồng Thái	THPT Nguyễn Gia Thiều		66	66	Trúng tuyển NV2	
5589	C35589	Hoàng Thị Hường	29/4/2002	Nữ	Mĩ thuật	THPT Sóc Sơn	THPT Bắc Thăng Long		77,5	77,5	Trúng tuyển NV1	
5590	C35590	Lê Thị Huy	01/6/1986	Nữ	Mĩ thuật	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm		51,5	51,5		
5591	C35591	Nguyễn Thị Huyền	29/8/1988	Nữ	Mĩ thuật	THPT Hoài Đức B	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		51	51	Trúng tuyển NV1	
5592	C35592	Nguyễn Khánh Huyền	08/8/2003	Nữ	Mĩ thuật	THPT Sóc Sơn	THPT Quang Minh		56,5	56,5		
5593	C35593	Vương Duy Khánh	03/5/1994	Nam	Mĩ thuật	THPT Bắc Lương Sơn			47	47		
5594	C35594	Phùng Thị Khoát	20/6/1989	Nữ	Mĩ thuật	THPT Bất Bạt	THPT Ngô Quyền - Ba Vì		57	57		
5595	C35595	Nguyễn Thị Lan	08/01/1994	Nữ	Mĩ thuật	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức B		57	57		
5596	C35596	Đồng Thị Liên	01/9/1990	Nữ	Mĩ thuật	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Quang Trung - Hà Đông		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
5597	C35597	Nguyễn Thị Liên	17/11/1987	Nữ	Mĩ thuật	THPT Minh Hà			57,5	57,5		
5598	C35598	Đỗ Hiền Duy Linh	30/11/1988	Nam	Mĩ thuật	THPT Hoài Đức B	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	2,5	43	45,5		
5599	C35599	Nguyễn Thị Thùy Linh	22/3/2001	Nữ	Mĩ thuật	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	THPT Bất Bạt		51	51		
5600	C35600	Phí Thùy Linh	13/3/1996	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nhân Chính	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		69,5	69,5		
5601	C35601	Nguyễn Thị Loan	10/3/1989	Nữ	Mĩ thuật	THPT Mỹ Đình	THPT Nhân Chính	5	54	59		
5602	C35602	Tòng Thị Loan	06/4/1991	Nữ	Mĩ thuật	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Phạm Hồng Thái	5	58	63		
5603	C35603	Hà Ngọc Lương	20/9/1994	Nữ	Mĩ thuật	THPT Kim Liên	THPT Bất Bạt	5	78	83		
5604	C35604	Nguyễn Thị Lương	26/10/1991	Nữ	Mĩ thuật	THPT Hoài Đức A	THPT Nhân Chính		50,5	50,5		
5605	C35605	Lã Thị Lưu Ly	06/7/2003	Nữ	Mĩ thuật		THPT Quang Trung - Hà Đông		74	74		Không xét Trường NV1
5606	C35606	Lê Thị Minh	02/9/1988	Nữ	Mĩ thuật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Trần Đăng Ninh		37	37		
5607	C35607	Triệu Thị Minh	14/11/1983	Nữ	Mĩ thuật	THPT Mỹ Đình	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		64	64		
5608	C35608	Vũ Tuệ Minh	20/12/2002	Nữ	Mĩ thuật	THPT Phúc Lợi	THPT Nguyễn Gia Thiều		63	63	Trúng tuyển NV1	
5609	C35609	Nguyễn Trà My	28/12/2003	Nữ	Mĩ thuật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Hoài Đức B		80,5	80,5		
5610	C35610	Trần Thảo Nguyên	28/11/1993	Nữ	Mĩ thuật	THPT Việt Đức	THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm		Bỏ thi			
5611	C35611	Nguyễn Thị Nhàn	12/02/1991	Nữ	Mĩ thuật	THPT Kim Liên	THPT Nhân Chính		84,5	84,5	Trúng tuyển NV1	
5612	C35612	Nguyễn Văn Oai	06/9/1998	Nam	Mĩ thuật	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức A		65	65		
5613	C35613	Đinh Thị Thảo Oanh	15/12/1994	Nữ	Mĩ thuật	THPT Mỹ Đình		5	67,5	72,5		Không xét trường NV2
5614	C35614	Bùi Thị Phương	30/12/1986	Nữ	Mĩ thuật	THPT Mỹ Đình	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		74	74		
5615	C35615	Chu Thị Phương	29/10/2000	Nữ	Mĩ thuật	THPT Phúc Lợi	THPT Dương Xá		61	61		
5616	C35616	Đặng Thị Thúy Phương	20/6/1987	Nữ	Mĩ thuật	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Quang Trung - Hà Đông		60,5	60,5		
5617	C35617	Lê Thị Ngọc Quyên	25/7/1987	Nữ	Mĩ thuật	THPT Quang Minh	THPT Minh Phú		91,5	91,5	Trúng tuyển NV1	
5618	C35618	Hoàng Thúy Quỳnh	11/02/2001	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nhân Chính	THPT Quang Trung - Hà Đông		58,5	58,5		
5619	C35619	Kiều Thị Như Quỳnh	16/6/2003	Nữ	Mĩ thuật	THPT Thường Tín	THPT Quang Trung - Hà Đông		69,5	69,5	Trúng tuyển NV1	
5620	C35620	Bùi Thị Sen	07/7/1989	Nữ	Mĩ thuật	THPT Mỹ Đình	THPT Phạm Hồng Thái		57,5	57,5		
5621	C35621	Lý Thị Sông	17/02/1998	Nữ	Mĩ thuật	THPT Bất Bạt		5	60,5	65,5	Trúng tuyển NV1	
5622	C35622	Đinh Thị Thắm	01/01/1992	Nữ	Mĩ thuật	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	THPT Bất Bạt		51	51		
5623	C35623	Trần Thị Thanh	08/9/1993	Nữ	Mĩ thuật	THPT Tự Lập	THPT Sóc Sơn		61	61		
5624	C35624	Nguyễn Phương Thảo	16/6/2000	Nữ	Mĩ thuật	THPT Phạm Hồng Thái	THPT Nhân Chính		72,5	72,5	Trúng tuyển NV1	
5625	C35625	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	31/12/1983	Nữ	Mĩ thuật	THPT Phúc Lợi	THPT Dương Xá		68	68	Trúng tuyển NV1	
5626	C35626	Dương Đức Thiện	18/4/2002	Nam	Mĩ thuật	THPT Mỹ Đình	THPT Phạm Hồng Thái		87,5	87,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5627	C35627	Lê Thị Kim Thoa	17/11/1994	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nhân Chính	THPT Nguyễn Gia Thiều		44	44		
5628	C35628	Kiều Thị Thu	06/07/1989	Nữ	Mĩ thuật	THPT Bắc Lương Sơn	THPT Thạch Thất		66,5	66,5	Trúng tuyển NV1	
5629	C35629	Trần Văn Thuận	15/7/1987	Nam	Mĩ thuật	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Đông Mỹ		40	40		
5630	C35630	Nguyễn Thị Thuý	19/11/1996	Nữ	Mĩ thuật	THPT Minh Hà	THPT Thạch Thất		58	58		
5631	C35631	Kiều Thị Thuý	18/6/1989	Nữ	Mĩ thuật	THPT Ngô Quyền - Ba Vì	THPT Bất Bạt		Bỏ thi			
5632	C35632	Vũ Thị Thúy	15/10/1995	Nữ	Mĩ thuật	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức B		47	47		
5633	C35633	Ngô Văn Tiến	16/5/1988	Nam	Mĩ thuật	THPT Minh Phú	THPT Sóc Sơn		63	63		
5634	C35634	Đinh Ngọc Thu Trang	24/5/2001	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Bắc Thăng Long		74,5	74,5	Trúng tuyển NV2	
5635	C35635	Hoàng Thị Trang	20/6/1994	Nữ	Mĩ thuật	THPT Trần Đăng Ninh	THPT Bất Bạt		75,5	75,5	Trúng tuyển NV1	
5636	C35636	Mai Thị Huyền Trang	02/01/1988	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nhân Chính	THPT Tùng Thiện		Bỏ thi			
5637	C35637	Nguyễn Thị Thu Trang	29/06/1998	Nữ	Mĩ thuật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Phạm Hồng Thái		68	68		
5638	C35638	Phạm Kiều Trang	15/12/2003	Nữ	Mĩ thuật	THPT Hoài Đức A	THPT Hoài Đức C		43,5	43,5		
5639	C35639	Phùng Thị Huyền Trang	11/12/2001	Nữ	Mĩ thuật	THPT Phạm Hồng Thái	THPT Kim Liên		70	70		
5640	C35640	Đặng Thị Mỹ Trinh	10/10/1993	Nữ	Mĩ thuật	THPT Phúc Lợi	THPT Thường Tín		49,5	49,5		
5641	C35641	Nguyễn Đình Trọng	01/5/1989	Nam	Mĩ thuật	THPT Hoài Đức A	THPT Hoài Đức C		35,5	35,5		
5642	C35642	Trịnh Thị Ngọc Tú	20/7/1990	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT Dương Xá		71	71	Trúng tuyển NV2	
5643	C35643	Nguyễn Duy Tùng	07/7/1984	Nam	Mĩ thuật	THPT Bất Bạt	THPT Tùng Thiện		55	55		
5644	C35644	Trần Thị Tuyết	10/02/1991	Nữ	Mĩ thuật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Mỹ Đình		86,5	86,5	Trúng tuyển NV1	
5645	C35645	Nguyễn Thị Vân	10/1/1987	Nữ	Mĩ thuật	THPT Quang Trung - Hà Đông	THPT Hoài Đức B		41,5	41,5		
5646	C35646	Nguyễn Tiến Vượng	16/10/2001	Nam	Mĩ thuật	THPT Tùng Thiện	THPT Ngô Quyền - Ba Vì		50,5	50,5		
5647	C35647	Lê Thị Thanh Vy	30/11/1987	Nữ	Mĩ thuật	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	THPT Hoài Đức C		67,5	67,5		
5648	C35648	Lại Thị Xuyến	29/01/1986	Nữ	Mĩ thuật	THPT Nguyễn Văn Trỗi			86,5	86,5	Trúng tuyển NV1	
5649	C35649	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/10/1993	Nữ	Mĩ thuật	THPT Mỹ Đức A	THPT Lưu Hoàng		66	66	Trúng tuyển NV2	
5650	TB5650	Bùi Thị Lan Anh	09/03/1982	Nữ	Thiết bị	THPT Minh Hà	THPT Thọ Xuân		61	61	Trúng tuyển NV1	
5651	TB5651	Nguyễn Trung Dũng	24/9/1987	Nam	Thiết bị	THPT Thọ Xuân	THPT Minh Hà		49	49		
5652	TB5652	Vũ Thị Hân	18/8/1993	Nữ	Thiết bị	THPT Ứng Hòa A			27	27		
5653	TB5653	Hoàng Minh Khải	20/8/1990	Nam	Thiết Bị	THPT Yên Viên	THPT Lý Thường Kiệt		41	41		
5654	TB5654	Hoàng Thị Lợi	26/6/1987	Nữ	Thiết bị	THPT Thọ Xuân	THPT Hoài Đức A		32,5	32,5		
5655	TB5655	Võ Thị Nhung	27/9/1991	Nữ	Thiết bị	THPT Phúc Lợi	THPT Lý Thường Kiệt		27,5	27,5		
5656	TB5656	Lương Thị Thu Phương	26/11/1991	Nữ	Thiết bị	THPT Thọ Xuân	THPT Hoài Đức A		61,5	61,5	Trúng tuyển NV1	
5657	TB5657	Vũ Thị Phượng	21/9/1985	Nữ	Thiết bị	THPT Hoài Đức A	THPT Minh Hà		50,5	50,5	Trúng tuyển NV1	
5658	TB5658	Ngô Thị Thanh	12/02/1989	Nữ	Thiết bị	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		63,5	63,5	Trúng tuyển NV1	
5659	TB5659	Tô Thị Thu	23/7/1989	nữ	Thiết bị	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		51,5	51,5	Trúng tuyển NV1	
5660	TV5660	Nguyễn Thị Chinh	13/10/1991	Nữ	Thư viện	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Gia Thiều		50	50	Trúng tuyển NV1	
5661	TV5661	Nguyễn Thị Duyên	22/11/1988	Nữ	Thư viện	THPT Mỹ Đức A			79	79	Trúng tuyển NV1	
5662	TV5662	Nguyễn Thị Hà	01/11/1987	Nữ	Thư viện	THPT Mỹ Đình			45	45		
5663	TV5663	Lê Thị Hải	11/11/1991	Nữ	Thư viện	THPT Khương Đình	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		Bỏ thi			
5664	TV5664	Bùi Thị Thuý Hằng	24/10/1982	Nữ	Thư viện	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất	THPT Minh Hà		44,5	44,5		
5665	TV5665	Lê Thị Hạnh	19/02/1984	Nữ	Thư viện	THPT Mỹ Đức A	THPT Quốc Oai		Bỏ thi			
5666	TV5666	Lê Thị Hạnh	01/5/1989	Nữ	Thư viện	THPT Minh Hà	THPT Mỹ Đức A		56	56		
5667	TV5667	Lê Thị Hoa	15/02/1991	Nữ	Thư viện	THPT Mỹ Đình	THPT Nguyễn Gia Thiều		36,5	36,5		
5668	TV5668	Trần Thị Lan Hương	15/8/1976	Nữ	Thư viện	PTCS Nguyễn Đình Chiểu	THPT Trần Nhân Tông		54,5	54,5	Trúng tuyển NV1	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5669	TV5669	Nguyễn Thị Lan	14/10/1996	Nữ	Thư viện	THPT Lưu Hoàng	THPT Mỹ Đức A		57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
5670	TV5670	Phùng Thị Cẩm Ly	14/12/2003	Nữ	Thư viện	THPT Minh Hà	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất		88	88	Trúng tuyển NV1	
5671	TV5671	Nguyễn Thị Hương Mai	10/10/1984	Nữ	Thư viện	THPT Thạch Bàn	THPT Lý Thường Kiệt		74	74	Trúng tuyển NV1	
5672	TV5672	Phạm Quang Minh	13/7/1979	Nam	Thư viện	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Trương Định		66,5	66,5	Trúng tuyển NV2	
5673	TV5673	Đỗ Thị Phương	25/3/1989	Nữ	Thư viện	THPT Tân Dân	THPT Trương Định		50	50		
5674	TV5674	Hoàng Thị Phương	05/10/1991	Nữ	Thư viện	THPT Nguyễn Gia Thiều	THPT Thạch Bàn		73	73	Trúng tuyển NV1	
5675	TV5675	Phan Ngọc Phượng	19/6/1987	Nữ	Thư viện	THPT Khương Đình	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa	5	74,5	79,5	Trúng tuyển NV2	
5676	TV5676	Vũ Thị Quỳnh	11/02/1992	Nữ	Thư viện	THPT Mỹ Đức A	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5677	TV5677	Lê Thị Minh Tâm	17/7/1994	Nữ	Thư viện	THPT Minh Khai	THPT Quốc Oai		74	74	Trúng tuyển NV1	
5678	TV5678	Nguyễn Thị Minh Thành	19/02/1984	Nữ	Thư viện	THPT Minh Hà	THPT Minh Khai		79	79		
5679	TV5679	Nguyễn Thị Thảo	12/5/1989	Nữ	Thư viện	THPT Tân Dân	THPT Mỹ Đức A		85	85	Trúng tuyển NV1	
5680	TV5680	Nguyễn Thị Minh Thư	27/8/2001	Nữ	Thư viện	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất	THPT Minh Hà		51	51	Trúng tuyển NV1	
5681	TV5681	Nguyễn Thị Tuyên	05/3/1981	Nữ	Thư viện	THPT Quốc Oai	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất	5	57,5	62,5	Trúng tuyển NV1	
5682	TV5682	Lê Thị Ánh Tuyết	16/1/1985	Nữ	Thư viện	THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm	THPT Trần Nhân Tông		39	39		
5683	TV5683	Phùng Thị Uyển	31/12/1999	Nữ	Thư viện	THPT Minh Hà	THPT Quốc Oai		37	37		
5684	TV5684	Phạm Thị Vân	16/9/1990	Nữ	Thư viện	THPT Tân Dân			Bỏ thi			
5685	TV5685	Phạm Thị Hải Yến	15/10/1993	Nữ	Thư viện	THPT Khương Đình	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		88	88	Trúng tuyển NV1	
5686	KT5686	Đào Mai Anh	21/12/1999	Nữ	Kế toán	THPT Quang Trung - Đống Đa	Đống Đa		29,5	29,5		
5687	KT5687	Đào Lan Anh	10/6/1998	Nữ	Kế toán	THPT Quang Trung - Đống Đa			0	0		
5688	KT5688	Đỗ Minh Anh	09/4/2000	Nữ	Kế toán	THPT Mê Linh	THPT Tiền Phong		11	11		
5689	KT5689	Đoàn Phạm Phương Anh	23/12/2000	Nữ	Kế toán	THPT Đông Mỹ	THPT Quang Trung - Đống Đa		2	2		
5690	KT5690	Lê Thị Mai Anh	21/4/1992	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức A	THPT Đan Phượng		54	54		
5691	KT5691	Nghiêm Thị Vân Anh	14/12/1988	Nữ	Kế Toán	THPT Khương Đình	THPT Quang Trung - Đống Đa		64	64	Trúng tuyển NV2	
5692	KT5692	Nguyễn Diệp Anh	24/7/1989	Nữ	Kế Toán	THPT Phan Đình Phùng	THPT Khương Đình		77	77	Trúng tuyển NV1	
5693	KT5693	Nguyễn Hà Anh	16/9/1995	Nữ	Kế toán	THPT Thanh Oai A	THPT Chương Mỹ A		0	0		
5694	KT5694	Nguyễn Hà Anh	12/11/1994	Nữ	Kế toán	THPT Khương Đình	TH Bình Minh	5	7,5	12,5		
5695	KT5695	Nguyễn Hải Anh	08/07/2002	Nữ	Kế Toán	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi		32,5	32,5		
5696	KT5696	Nguyễn Thị Ngọc Anh	09/12/1994	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Thất	THPT Nguyễn Văn Trỗi		Bỏ thi			
5697	KT5697	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	06/7/2000	Nữ	Kế toán	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		34,5	34,5		
5698	KT5698	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	10/5/2003	Nữ	Kế toán	Phổ thông dân tộc nội trú	THPT Thạch Thất	5	32	37		
5699	KT5699	Nguyễn Thị Vân Anh	07/5/1983	Nữ	Kế toán	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		VP qui chế			
5700	KT5700	Nguyễn Vân Anh	08/11/1994	Nữ	Kế toán	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		1,5	1,5		
5701	KT5701	Phó Thị Anh	22/9/1992	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức B		73,5	73,5	Trúng tuyển NV1	
5702	KT5702	Trần Phương Anh	25/5/1995	Nữ	Kế toán	THPT Mê Linh	THPT Cổ Loa		52	52		
5703	KT5703	Vũ Hồng Anh	01/11/1992	Nữ	Kế toán	THPT Phú Xuyên B	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		34,5	34,5		
5704	KT5704	Ngô Thị Ngọc Ánh	02/8/1999	Nữ	Kế toán	THPT Thanh Oai A	THPT Mỹ Đức A		36,5	36,5		
5705	KT5705	Phạm Thị Ngọc Ánh	29/12/1999	Nữ	Kế toán	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		61	61	Trúng tuyển NV1	
5706	KT5706	Phạm Ngọc Bích	06/8/2003	Nữ	Kế toán	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Thạch Thất		54	54		
5707	KT5707	Đào Hồng Cẩm	28/12/2002	Nữ	Kế toán	THPT Đống Đa	THPT Quang Trung - Đống Đa		28,5	28,5		
5708	KT5708	Đỗ Thị Cần	12/11/1990	Nữ	Kế toán	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
5709	KT5709	Bùi Mai Chi	29/10/2001	Nữ	Kế toán	THPT Đan Phượng	THPT Thọ Xuân		26,5	26,5		
5710	KT5710	Dương Nhật Chi	09/3/2001	Nữ	Kế toán	THPT Quang Trung - Đống Đa	Phổ thông dân tộc nội trú		2,5	2,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5711	KT5711	Kiều Huệ Chi	26/5/2002	Nữ	Kế toán	THPT Phú Xuyên B	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		50	50		
5712	KT5712	Lương Hà Linh Chi	08/9/2000	Nữ	Kế toán	THPT Phú Xuyên B	Phổ thông dân tộc nội trú	5	Bỏ thi			
5713	KT5713	Uông Quỳnh Chi	15/11/2001	Nữ	Kế toán	THPT Tô Hiệu - Thường Tín	THPT Phú Xuyên B		0	0		
5714	KT5714	Vũ Hồng Chi	10/11/1985	Nữ	Kế toán	THPT Phan Đình Phùng	THPT Quang Trung - Đống Đa		54,5	54,5		
5715	KT5715	Nguyễn Thị Chiến	10/7/1986	Nữ	Kế toán	THPT Vân Nội	THPT Khương Đình		83	83	Trúng tuyển NV1	
5716	KT5716	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	22/01/1990	Nữ	Kế toán	THPT Mê Linh	THPT Tiền Phong		27	27		
5717	KT5717	Hoàng Thị Cúc	17/11/1991	Nữ	Kế toán	THPT Mê Linh	THPT Tiền Phong		45	45		
5718	KT5718	Nguyễn Thị Cúc	20/11/1988	Nữ	Kế toán	THPT Khương Đình	THPT Thanh Oai A		30,5	30,5		
5719	KT5719	Nguyễn Xuân Đài	15/12/1992	Nam	Kế toán	THPT Hoài Đức B	THPT Khương Đình		19	19		
5720	KT5720	Tạ Ngọc Diệp	05/02/1995	Nữ	Kế toán	THPT Đống Đa	THPT Quang Trung - Đống Đa		51,5	51,5		
5721	KT5721	Nguyễn Thị Phương Dịu	10/9/1997	Nữ	Kế toán	THPT Mê Linh	THPT Tiền Phong		13	13		
5722	KT5722	Đặng Thuỳ Dung	06/02/1985	Nữ	Kế toán	THPT Vân Nội	THPT Cổ Loa		Bỏ thi			
5723	KT5723	Vương Thị Kim Dung	24/3/1990	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Thất	THPT Hoài Đức A		62	62	Trúng tuyển NV1	
5724	KT5724	Hoàng Việt Dũng	10/9/1991	Nam	Kế toán	THPT Vân Nội	THPT Cổ Loa		69,5	69,5		
5725	KT5725	Lê Thị Ánh Dương	21/8/1987	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương	THPT Quang Trung - Đống Đa		39,5	39,5		
5726	KT5726	Nguyễn Thị Dương	15/10/1988	Nữ	Kế toán	THPT Vân Cốc	THPT Thạch Thất		55,5	55,5	Trúng tuyển NV1	
5727	KT5727	Nguyễn Hương Giang	01/12/2003	Nữ	Kế toán	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5728	KT5728	Nguyễn Hương Giang	05/11/2001	Nữ	Kế Toán	THPT Hoài Đức A	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		4	4		
5729	KT5729	Nguyễn Hương Giang	14/02/2003	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Thất	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		58,5	58,5		
5730	KT5730	Nguyễn Thị Giang	03/5/1988	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức A		6	6		
5731	KT5731	Thái Hương Giang	15/12/2003	Nữ	Kế toán	THPT Chương Mỹ A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		36,5	36,5		
5732	KT5732	Lê Thu Hà	14/3/1996	Nữ	Kế toán	THPT Vân Nội	THPT Tiền Phong		35	35		
5733	KT5733	Lê Việt Hà	13/10/1982	Nữ	Kế toán	THPT Phú Xuyên B	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		46,5	46,5		
5734	KT5734	Nguyễn Thanh Hà	23/5/1986	Nữ	Kế toán	THPT Đống Đa	THPT Khương Đình		19,5	19,5		
5735	KT5735	Nguyễn Thị Hà	03/3/1986	Nữ	Kế toán	THPT Đông Mỹ	THPT Vân Tảo		13	13		
5736	KT5736	Nguyễn Thị Hà	29/8/1992	Nữ	Kế toán	THPT Vân Cốc	THPT Thạch Thất		30	30		
5737	KT5737	Phạm Thanh Hà	01/12/1995	Nữ	Kế toán	THPT Cổ Loa	THPT Lý Thường Kiệt		27,5	27,5		
5738	KT5738	Phạm Thị Thu Hà	05/10/1985	Nữ	Kế toán	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Đan Phượng		57	57		
5739	KT5739	Phạm Thu Hà	06/7/1998	Nữ	Kế toán	Phổ thông dân tộc nội trú	THPT Thạch Thất		0	0		
5740	KT5740	Công Thị Thu Hằng	17/7/1985	Nữ	Kế toán	THPT Thọ Xuân	THPT Hoài Đức A		64	64		
5741	KT5741	Nguyễn Thị Thu Hằng	22/7/2002	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Thất	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		25,5	25,5		
5742	KT5742	Trịnh Thị Thu Hằng	23/4/1983	Nữ	Kế toán	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		36	36		
5743	KT5743	Đinh Thị Hạnh	25/4/1978	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		Bỏ thi			
5744	KT5744	Nguyễn Thị Hạnh	30/6/1990	Nữ	Kế toán	THPT Thanh Oai A	THPT Chương Mỹ A	5	57	62	Trúng tuyển NV1	
5745	KT5745	Phạm Mỹ Hạnh	13/02/2003	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương			22,5	22,5		
5746	KT5746	Nguyễn Thị Hệ	06/8/1990	Nữ	Kế toán	THPT Mỹ Đức A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52	52		
5747	KT5747	Cần Thị Hiền	24/12/1996	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Thất	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		37	37		
5748	KT5748	Phí Thị Hiền	26/10/1987	Nữ	Kế toán	THPT Vân Cốc	THPT Thạch Thất		44,5	44,5		
5749	KT5749	Ngô Thị Hiền	11/7/1996	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức B	THPT Hoài Đức C		72	72	Trúng tuyển NV1	
5750	KT5750	Nguyễn Phan Thu Hiền	19/8/2002	Nữ	Kế toán	THPT Đan Phượng	THPT Hoài Đức A		14	14		
5751	KT5751	Nguyễn Thị Hiền	24/01/1993	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức A		62,5	62,5		
5752	KT5752	Nguyễn Thị Hiền	19/9/2000	Nữ	Kế toán	THPT Phan Đình Phùng	THPT Đống Đa		2,5	2,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5753	KT5753	Nguyễn Thị Hiền	16/10/1986	Nữ	Kế toán	THPT Cổ Loa	THPT Yên Viên		85,5	85,5	Trúng tuyển NV1	
5754	KT5754	Nguyễn Thị Thanh Hiền	01/01/1984	Nữ	Kế toán	THPT Quang Trung - Đống Đa	THPT Thạch Bàn		32	32		
5755	KT5755	Hà Thị Thanh Hiếu	07/01/1992	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức B	5	43,5	48,5		
5756	KT5756	Nguyễn Thị Hoa	08/5/1997	Nữ	Kế toán	THPT Đan Phượng	THPT Văn Cốc		44,5	44,5		
5757	KT5757	Chu Thị Hoà	09/4/1989	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức B	THPT Hoài Đức A	5	38,5	43,5		
5758	KT5758	Triệu Khánh Hòa	17/9/1996	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương	THPT Đan Phượng	5	26,5	31,5		
5759	KT5759	Phạm Thị Hoài	11/02/1994	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Đông Mỹ		45,5	45,5		
5760	KT5760	Nguyễn Thị Hoan	21/02/1995	Nữ	Kế toán	THPT Chương Mỹ A	THPT Thanh Oai A		29	29		
5761	KT5761	Đinh Thị Hợi	27/10/1983	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức B		41,5	41,5		
5762	KT5762	Nguyễn Thị Hồng	12/02/1985	Nữ	Kế toán	THPT Đan Phượng	THPT Thạch Thất		1	1		
5763	KT5763	Nguyễn Thị Hồng	10/10/1994	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ A		34,5	34,5		
5764	KT5764	Lê Thị Huê	19/6/1988	Nữ	Kế toán	THPT Thọ Xuân	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		37	37		
5765	KT5765	Nguyễn Thị Huế	29/12/1997	Nữ	Kế toán	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Nguyễn Quốc Trinh		36,5	36,5		
5766	KT5766	Nguyễn Diệu Hương	08/8/1995	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức C	THPT Chương Mỹ A		52	52		
5767	KT5767	Nguyễn Thị Hương	03/02/1989	Nữ	Kế toán	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		36,5	36,5		
5768	KT5768	Nguyễn Thị Lan Hương	13/01/1991	Nữ	Kế toán	THPT Đan Phượng	THPT Hoài Đức A		50	50		
5769	KT5769	Nguyễn Thị Lan Hương	15/11/2001	Nữ	Kế toán	THPT Vân Nội	THPT Tiền Phong		3	3		
5770	KT5770	Nguyễn Thị Lan Hương	13/01/1990	Nữ	Kế toán	Phổ thông dân tộc nội trú	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		28	28		
5771	KT5771	Phạm Thị Hương	12/12/1986	Nữ	Kế toán	THPT Chương Mỹ A	Phổ thông dân tộc nội trú		50	50		
5772	KT5772	Dương Thị Thu Hường	09/12/1994	Nữ	Kế toán	THPT Văn Cốc	THPT Thọ Xuân		15,5	15,5		
5773	KT5773	Phùng Thị Thu Hường	28/7/1998	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Thất	THPT Hoài Đức C		37	37		
5774	KT5774	Đỗ Quang Huy	30/5/2000	Nam	Kế toán	THPT Khương Đình	THPT Đống Đa		6,5	6,5		
5775	KT5775	Bùi Hoàng Mai Huyền	25/09/2001	Nữ	Kế Toán	THPT Chương Mỹ A	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		30,5	30,5		
5776	KT5776	Ngô Thị Minh Huyền	28/01/1999	Nữ	Kế toán	THPT Yên Viên	THPT Thạch Bàn		23,5	23,5		
5777	KT5777	Nguyễn Thị Huyền	07/5/1990	Nữ	Kế toán	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Chương Mỹ A		17,5	17,5		
5778	KT5778	Nguyễn Thị Khánh Huyền	02/3/1993	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức A	THPT Hoài Đức B		50	50		
5779	KT5779	Nguyễn Thị Thu Huyền	30/5/1985	Nữ	Kế toán	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Hoài Đức B		41,5	41,5		
5780	KT5780	Phạm Thị Huyền	08/01/1996	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Mỹ Đức A		57,5	57,5		
5781	KT5781	Phí Thị Thanh Huyền	01/10/2003	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Thất	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		28,5	28,5		
5782	KT5782	Lê Trung Khoa	25/12/2003	Nam	Kế toán	THPT Thanh Oai A	THPT Vân Tảo		32	32		
5783	KT5783	Nguyễn Thị Khuyên	12/3/1994	Nữ	Kế toán	THPT Vân Tảo	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		27,5	27,5		
5784	KT5784	Tạ Văn Lâm	25/5/1994	Nam	Kế toán	THPT Chương Mỹ A	THPT Thanh Oai A		40,5	40,5		
5785	KT5785	Nguyễn Thị Ngọc Lan	03/5/2001	Nữ	Kế toán	Phổ thông dân tộc nội trú	THPT Đống Đa		27	27		
5786	KT5786	Nguyễn Thị Lét	14/11/1995	Nữ	Kế toán	THPT Mỹ Đức A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		4,5	4,5		
5787	KT5787	Nguyễn Hoàng Liên	16/10/2002	Nữ	Kế toán	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		36,5	36,5		
5788	KT5788	Nguyễn Thị Liên	22/8/1989	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức A	THPT Hoài Đức C		23	23		
5789	KT5789	Trần Thị Liên	21/02/1981	Nữ	Kế toán	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Khương Đình		16	16		
5790	KT5790	Đặng Mai Linh	17/6/2003	Nữ	Kế toán	THPT Cổ Loa	THPT Vân Nội		28	28		
5791	KT5791	Đinh Thị Linh	01/01/2000	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chương Mỹ A		43,5	43,5		
5792	KT5792	Đỗ Thị Linh	12/07/1986	Nữ	Kế Toán	THPT Chương Mỹ A	THPT Hoài Đức C		23	23		
5793	KT5793	Mai Thị Diệu Linh	13/4/2001	Nữ	Kế toán	THPT Thanh Oai A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		14,5	14,5		
5794	KT5794	Nguyễn Thị Linh	02/12/1993	Nữ	Kế Toán	THPT Văn Cốc	THPT Thạch Thất		46,5	46,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5795	KT5795	Nguyễn Thị Linh	28/10/1986	Nữ	Kế toán	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Hoài Đức C		67	67	Trúng tuyển NV1	
5796	KT5796	Nguyễn Thùy Linh	23/10/1989	Nữ	Kế toán	THPT Đan Phượng	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		Bỏ thi			
5797	KT5797	Phạm Thuỳ Linh	05/01/1999	Nữ	Kế toán	THPT Mỹ Đức A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		29	29		
5798	KT5798	Trần Thuỳ Linh	30/4/1993	Nữ	Kế toán	THPT Vân Nội	THPT Cổ Loa		Bỏ thi			
5799	KT5799	Trịnh Thị Mai Linh	02/10/2000	Nữ	Kế toán	THPT Chương Mỹ A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		12	12		
5800	KT5800	Vũ Việt Linh	05/5/1991	Nữ	Kế toán	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Nguyễn Quốc Trinh		46	46		
5801	KT5801	Nguyễn Thị Liu	09/10/1985	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức B	THPT Chương Mỹ A		24	24		
5802	KT5802	Lê Thị Loan	03/3/1990	Nữ	Kế toán	THPT Tô Hiệu - Thường Tín	THPT Mỹ Đức A		58	58	Trúng tuyển NV1	
5803	KT5803	Nguyễn Thị Lương	26/02/1997	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		Bỏ thi			
5804	KT5804	Lê Thị Bích Luyến	17/7/1979	Nữ	Kế toán	THPT Quang Trung - Đống Đa	THPT Ngô Thì Nhậm		44	44		
5805	KT5805	Nguyễn Khánh Ly	04/4/2003	Nữ	Kế toán	THPT Vân Nội	THPT Mê Linh		1,5	1,5		
5806	KT5806	Phạm Hoàng Ly	07/12/2000	Nữ	Kế toán	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi		38,5	38,5		
5807	KT5807	Phan Thị Hồng Lý	18/8/1995	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức B	THPT Hoài Đức C		58,5	58,5		
5808	KT5808	Tô Thị Lý	15/7/1986	Nữ	Kế toán	THPT Phan Đình Phùng	TH Bình Minh		70	70	Trúng tuyển NV2	
5809	KT5809	Lê Thị Hồng Mai	25/11/1985	Nữ	Kế toán	THPT Khương Đình	THPT Thanh Oai A		67,5	67,5	Trúng tuyển NV1	
5810	KT5810	Nguyễn Thị Phương Mai	25/6/2002	Nữ	Kế toán	THPT Mê Linh	THPT Tiền Phong		57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
5811	KT5811	Nguyễn Thị Thúy Mai	17/02/1990	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương	THPT Phan Đình Phùng		42,5	42,5		
5812	KT5812	Phong Thị Mai	28/9/1992	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức A			21	21		Không xét trường NV2
5813	KT5813	Bùi Thị Nguyệt Minh	18/4/1988	Nữ	Kế toán	THPT Mê Linh	THPT Tiền Phong		24	24		
5814	KT5814	Đào Thị Thuý Minh	22/12/1997	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức B	THPT Phan Đình Phùng		5,5	5,5		
5815	KT5815	Nguyễn Thị Tuyết Minh	17/8/2000	Nữ	Kế toán	THPT Tô Hiệu - Thường Tín	THPT Đồng Mỹ		23,5	23,5		
5816	KT5816	Phạm Thị Mơ	30/10/1996	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Bàn	THPT Lý Thường Kiệt		57,5	57,5		
5817	KT5817	Đỗ Thị Mừng	26/05/1993	Nữ	Kế toán	THPT Quang Trung - Đống Đa	THPT Thạch Thất		36	36		
5818	KT5818	Nguyễn Trà My	05/8/1998	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		44	44		
5819	KT5819	Đỗ Thị Hương Nga	01/8/1991	Nữ	Kế toán	THPT Mỹ Đức A	THPT Thanh Oai A		63,5	63,5	Trúng tuyển NV1	
5820	KT5820	Nguyễn Thị Thu Nga	25/12/1991	Nữ	Kế toán	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		70	70	Trúng tuyển NV1	
5821	KT5821	Trần Thị Hằng Nga	16/3/1986	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Bàn	THPT Phan Đình Phùng		61	61		
5822	KT5822	Khuất Thảo Ngân	14/11/2003	Nữ	Kế toán	THPT Vân Cốc	THPT Thạch Thất		28,5	28,5		
5823	KT5823	Lê Minh Nghĩa	19/4/1997	Nam	Kế toán	THPT Vân Cốc	THPT Xuân Phương		1,5	1,5		
5824	KT5824	Lê Thị Thanh Ngọc	30/6/1988	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức A		16	16		
5825	KT5825	Lưu Bích Ngọc	02/02/2000	Nữ	Kế toán	THPT Tiền Phong	THPT Vân Nội		63	63	Trúng tuyển NV1	
5826	KT5826	Nguyễn Minh Ngọc	20/10/2003	Nữ	Kế toán	THPT Khương Đình	THPT Hoài Đức A		22,5	22,5		
5827	KT5827	Nguyễn Thị Ngọc	20/6/1985	Nữ	Kế toán	THPT Phan Đình Phùng	THPT Quang Trung - Đống Đa		51,5	51,5		
5828	KT5828	Phan Minh Ngọc	09/12/2003	Nữ	Kế toán	THPT Quang Trung - Đống Đa	THPT Đống Đa		1,5	1,5		
5829	KT5829	Quản Thị Bích Ngọc	05/01/1993	Nữ	Kế toán	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Thanh Oai A		34	34		
5830	KT5830	Lê Minh Nguyệt	27/10/2003	Nữ	Kế toán	TH Bình Minh	THPT Vân Nội		21	21		
5831	KT5831	Nguyễn Thanh Nhàn	31/10/2002	Nữ	Kế toán	THPT Phú Xuyên B	THPT Đồng Mỹ		55	55	Trúng tuyển NV1	
5832	KT5832	Trương Thị Nhàn	07/7/1994	Nữ	Kế toán	THPT Đan Phượng	THPT Mê Linh		Bỏ thi			
5833	KT5833	Trương Thị Nhận	25/5/1985	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai A	5	5	10		
5834	KT5834	Nguyễn Hồng Nhật	20/12/2000	nữ	Kế toán	THPT Tô Hiệu - Thường Tín	THPT Phú Xuyên B		44,5	44,5		
5835	KT5835	Nguyễn Hồng Nhung	26/9/1987	Nữ	Kế toán	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Hoài Đức B		Bỏ thi			
5836	KT5836	Nguyễn Thị Nhung	15/5/1994	Nữ	Kế toán	THPT Cổ Loa	THPT Vân Nội		40,5	40,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5837	KT5837	Nguyễn Thị Nhung	10/12/1988	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức B	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
5838	KT5838	Phùng Tuyết Nhung	24/3/1983	Nữ	Kế toán	THPT Quang Trung - Đống Đa	THPT Phan Đình Phùng		8,5	8,5		
5839	KT5839	Trần Thị Nhung	07/4/1983	Nữ	Kế toán	THPT Đông Mỹ	THPT Vân Tảo		64	64	Trúng tuyển NV1	
5840	KT5840	Phạm Thị Ninh	30/01/2000	Nữ	Kế toán	THPT Thanh Oai A			60	60		
5841	KT5841	Đỗ Thị Oanh	16/12/1986	Nữ	Kế toán	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	THPT Hoài Đức A		Bỏ thi			
5842	KT5842	Đoàn Hà Phương	05/9/1988	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Thanh Oai A		60	60	Trúng tuyển NV1	
5843	KT5843	Kiều Hà Phương	13/10/2001	Nữ	Kế toán	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Phúc Lợi		2	2		
5844	KT5844	Nguyễn Ngọc Như Phương	02/6/2002	Nữ	Kế toán		THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		21	21		Không xét trường NV1
5845	KT5845	Nguyễn Thị Lan Phương	28/5/1990	Nữ	Kế toán	THPT Mê Linh	THPT Tiền Phong	5	32,5	37,5		
5846	KT5846	Phạm Doãn Phương	02/08/2000	Nam	Kế Toán	THPT Khương Đình	THPT Quang Trung - Đống Đa		7	7		
5847	KT5847	Nguyễn Thị Phượng	10/8/1986	Nữ	Kế toán	THPT Mê Linh	THPT Tiền Phong		Bỏ thi			
5848	KT5848	Nguyễn Thị Hương Quế	01/4/1988	Nữ	Kế toán	THPT Chương Mỹ A	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		44,5	44,5		
5849	KT5849	Giang Thị Như Quỳnh	25/03/1997	Nữ	Kế Toán	Phổ thông dân tộc nội trú			30,5	30,5		
5850	KT5850	Nguyễn Minh Tâm	21/10/2003	Nữ	Kế toán	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		55	55	Trúng tuyển NV2	
5851	KT5851	Nguyễn Thị Tâm	10/9/1993	Nữ	Kế toán	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Hoài Đức C		39	39		
5852	KT5852	Đào Thị Kim Thanh	30/8/1981	Nữ	Kế toán	THPT Vân Tảo	THPT Ngô Thì Nhậm		33,5	33,5		
5853	KT5853	Đinh Thị Huyền Thanh	12/02/2000	Nữ	Kế toán	THPT Chương Mỹ A	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		28	28		
5854	KT5854	Đặng Thị Thảo	10/9/1985	Nữ	Kế toán	THPT Khương Đình	THPT Lý Thường Kiệt		62,5	62,5		
5855	KT5855	Đoàn Thị Thảo	12/02/1989	Nữ	Kế toán	Phổ thông dân tộc nội trú	THPT Thạch Thất		69	69	Trúng tuyển NV1	
5856	KT5856	Lê Thị Phương Thảo	04/11/1997	Nữ	Kế toán	Phổ thông dân tộc nội trú	THPT Thạch Thất		43,5	43,5		
5857	KT5857	Nguyễn Phương Thảo	08/3/1998	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Đông Mỹ		11	11		
5858	KT5858	Vũ Thanh Thảo	12/6/1994	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức A		14,5	14,5		
5859	KT5859	Vũ Thị Phương Thảo	17/3/1980	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Bàn	THPT Yên Viên		62	62	Trúng tuyển NV1	
5860	KT5860	Nguyễn Thị Thơm	20/9/1985	Nữ	Kế toán	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Yên Viên		51	51	Trúng tuyển NV1	
5861	KT5861	Chu Thị Phương Thu	08/4/1994	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Thất	THPT Hoài Đức C		Bỏ thi			
5862	KT5862	Lệ Thu	28/3/1987	Nữ	Kế toán	THPT Mê Linh	THPT Tiền Phong		Bỏ thi			
5863	KT5863	Nguyễn Thị Minh Thu	10/11/1991	Nữ	Kế toán	THPT Xuân Phương	THPT Hoài Đức C		66,5	66,5	Trúng tuyển NV1	
5864	KT5864	Nguyễn Thị Thu	01/7/1993	Nữ	Kế toán	THPT Đan Phượng	Phổ thông dân tộc nội trú		23	23		
5865	KT5865	Trần Thị Thu	17/02/1979	Nữ	Kế toán	THPT Đông Mỹ	THPT Nguyễn Quốc Trinh		52	52		
5866	KT5866	Vũ Thị Thu	08/7/1993	Nữ	Kế toán	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Khương Đình		57,5	57,5	Trúng tuyển NV1	
5867	KT5867	Lê Anh Thư	12/7/2002	Nữ	Kế toán	THPT Thọ Xuân	THPT Vân Cốc		0,5	0,5		
5868	KT5868	Nguyễn Văn Thức	25/11/2000	Nam	Kế toán	THPT Yên Viên	THPT Vân Nội		38,5	38,5		
5869	KT5869	Dương Ngọc Thuý	29/8/2000	Nữ	Kế toán	THPT Yên Viên	THPT Phúc Lợi		76	76	Trúng tuyển NV1	
5870	KT5870	Kiều Thị Thanh Thuý	30/3/1990	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Thất	THPT Vân Cốc		18,5	18,5		
5871	KT5871	Lê Thanh Thuý	05/9/2001	Nữ	Kế toán	THPT Đông Mỹ	THPT Hoài Đức B		37	37		
5872	KT5872	Nguyễn Thị Thuý	27/11/1998	Nữ	Kế toán	THPT Khương Đình	THPT Ngô Thì Nhậm		4	4		
5873	KT5873	Đỗ Phương Thúy	13/9/1986	Nữ	Kế toán	THPT Chương Mỹ A	THPT Nguyễn Văn Trỗi	1,5	52	53,5	Trúng tuyển NV1	
5874	KT5874	Hoàng Thị Thúy	19/4/1989	Nữ	Kế toán	THPT Phúc Lợi	THPT Thạch Bàn		56,5	56,5		
5875	KT5875	Nguyễn Thu Thúy	03/6/1993	Nữ	Kế toán	THPT Thọ Xuân			71	71	Trúng tuyển NV1	
5876	KT5876	Vũ Thị Toan	17/10/1990	Nữ	Kế toán	THPT Khương Đình	THPT Ngô Thì Nhậm	5	32	37		
5877	KT5877	Nguyễn Thanh Trà	11/12/1997	Nữ	Kế toán	THPT Đống Đa	THPT Khương Đình		55	55	Trúng tuyển NV1	
5878	KT5878	Bùi Quỳnh Trang	04/12/1981	Nữ	Kế toán	THPT Đông Mỹ	THPT Khương Đình		38	38		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5879	KT5879	Đỗ Thị Thu Trang	06/6/2000	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		6,5	6,5		
5880	KT5880	Đỗ Thu Trang	06/9/1999	Nữ	Kế toán	Phổ thông dân tộc nội trú	THPT Đan Phượng		53,5	53,5		
5881	KT5881	Doãn Thị Đoan Trang	16/7/1987	Nữ	Kế toán	THPT Yên Viên	THPT Lý Thường Kiệt		43,5	43,5		
5882	KT5882	Kiều Thị Thu Trang	02/11/1992	Nữ	Kế Toán	THPT Thạch Thất	THPT Vân Cốc		45	45		
5883	KT5883	Nguyễn Mai Trang	11/11/1989	Nữ	Kế toán	THPT Đống Đa	THPT Quang Trung - Đống Đa		16	16		
5884	KT5884	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/6/2003	Nữ	Kế toán	THPT Tiền Phong	THPT Mê Linh		6	6		
5885	KT5885	Phạm Thu Trang	16/12/1991	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức B	THPT Khương Đình		51,5	51,5		
5886	KT5886	Phí Thu Trang	25/11/2000	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Hoài Đức A		2	2		
5887	KT5887	Trần Thị Thu Trang	04/9/1988	Nữ	Kế toán	THPT Quang Trung - Đống Đa	THPT Phan Đình Phùng		Bỏ thi			
5888	KT5888	Trịnh Thu Trang	18/12/1993	Nữ	Kế toán	THPT Mỹ Đức A	THPT Thanh Oai A		Bỏ thi			
5889	KT5889	Vương Thị Ngọc Trang	25/01/1983	Nữ	Kế toán	THPT Sóc Sơn	THPT Cổ Loa	5	22,5	27,5		
5890	KT5890	Nguyễn Thị Tú	19/7/1981	Nữ	Kế toán	THPT Tô Hiệu - Thường Tín	THPT Nguyễn Quốc Trinh	5	9	14		
5891	KT5891	Nguyễn Mạnh Tuấn	09/8/1985	Nam	Kế toán	THPT Cổ Loa	THPT Yên Lãng		Bỏ thi			
5892	KT5892	Nguyễn Quốc Tuấn	04/5/2002	Nam	Kế toán	THPT Đống Đa	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		4	4		
5893	KT5893	Đỗ Thị Tươi	11/11/1990	Nữ	Kế Toán	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		30,5	30,5		
5894	KT5894	Hoàng Thị Ngọc Tuyến	14/7/1984	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Văn Trỗi			45	45		
5895	KT5895	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	24/7/1991	Nữ	Kế toán	Phổ thông dân tộc nội trú	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		17	17		
5896	KT5896	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	16/5/1994	Nữ	Kế toán	THPT Ngô Thì Nhậm	THPT Nguyễn Quốc Trinh		Bỏ thi			
5897	KT5897	Lê Hà Mỹ Uyên	14/12/2002	Nữ	Kế toán	THPT Chương Mỹ A	THPT Nguyễn Văn Trỗi		0	0		
5898	KT5898	Trịnh Ngọc Tú Uyên	11/8/2000	Nữ	Kế toán	THPT Mê Linh			6,5	6,5		
5899	KT5899	Kiều Thị Cẩm Vân	22/9/1985	Nữ	Kế toán	THPT Thạch Thất	THPT Đan Phượng		5	5		
5900	KT5900	Nguyễn Thị Vân	29/11/1984	Nữ	Kế toán	THPT Hoài Đức A	THPT Hoài Đức C	5	50	55	Trúng tuyển NV1	
5901	KT5901	Trần Thị Vân	06/11/1988	Nữ	Kế toán	THPT Đan Phượng	THPT Hoài Đức C		24	24		
5902	KT5902	Hoàng Thị Bích Việt	18/9/1989	Nữ	Kế toán	THPT Mỹ Đức A	THPT Thanh Oai A		21,5	21,5		
5903	KT5903	Bùi Thị Xuyến	21/12/2002	Nữ	Kế toán	THPT Thọ Xuân	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		Bỏ thi			
5904	KT5904	Đặng Thị Hải Yến	26/12/1991	Nữ	Kế toán	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		18	18		
5905	KT5905	Đào Thị Hải Yến	17/10/1986	Nữ	Kế Toán	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		60	60	Trúng tuyển NV1	
5906	KT5906	Ngô Thị Hải Yến	24/8/1981	Nữ	Kế toán	THPT Nguyễn Quốc Trinh	THPT Phan Đình Phùng		47	47		
5907	VT5907	Lê Ngọc Anh	22/10/1998	Nữ	Văn Thư	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		71	71	Trúng tuyển NV1	
5908	VT5908	Lưu Tú Anh	19/8/1995	Nữ	Văn Thư	THPT Hoài Đức B	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		76,5	76,5	Trúng tuyển NV1	
5909	VT5909	Nguyễn Thị Lan Anh	19/10/1987	Nữ	Văn thư	THPT Yên Hòa	THPT Liên Hà		70	70		
5910	VT5910	Nguyễn Thị Chiên	27/7/1983	Nữ	Văn Thư	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Chúc Động		76	76		
5911	VT5911	Lê Thị Dung	20/12/1984	Nữ	Văn Thư	THPT Yên Lãng			51	51	Trúng tuyển NV1	
5912	VT5912	Nguyễn Anh Dũng	26/02/1985	Nam	Văn thư	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Liên Hà		62	62		
5913	VT5913	Nguyễn Thu Hà	11/10/1998	Nữ	Văn Thư	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Thạch Thất		78	78	Trúng tuyển NV1	
5914	VT5914	Đinh Thị Hằng	29/7/2001	Nữ	Văn Thư	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		60	60		
5915	VT5915	Lê Thị Hằng	25/01/1989	Nữ	Văn thư	Phổ thông dân tộc nội trú	THPT Hoài Đức C		57	57		
5916	VT5916	Phạm Mỹ Hạnh	06/02/1990	Nữ	Văn thư	TH Bình Minh			59	59		
5917	VT5917	Tào Thị Hay	08/11/1985	Nữ	Văn thư	TH Bình Minh	THPT Khương Đình		59,5	59,5		
5918	VT5918	Đàm Thị Thuý Hiền	21/01/2002	Nữ	Văn thư	THPT Chúc Động	THPT Trương Định		86	86	Trúng tuyển NV1	
5919	VT5919	Lê Thị Yên Huế	15/6/1978	Nữ	Văn thư	THPT Hoài Đức A	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		Bỏ thi			
5920	VT5920	Nguyễn Thị Hương	05/9/1993	Nữ	Văn thư	THPT Chúc Động	THPT Nguyễn Văn Trỗi		52,5	52,5		

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Tên trường NV1	Tên Trường NV2	Điểm Diện UT	Điểm bài thi viết	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
5921	VT5921	Tạ Thị Hương	26/02/1990	Nữ	Văn Thư	TH Bình Minh	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		45	45		
5922	VT5922	Tạ Thị Huyền	20/02/1990	Nữ	Văn Thư	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai	THPT Thạch Thất		54	54		
5923	VT5923	Trần Thị Khuyến	09/9/1983	Nữ	Văn thư	THPT Hoài Đức A	THPT Yên Hòa	5	79	84	Trúng tuyển NV1	
5924	VT5924	Tô Thị Ngọc Lan	14/7/1986	Nữ	Văn Thư	THPT Trương Định			78	78	Trúng tuyển NV1	
5925	VT5925	Chu Thị Liên	10/8/1985	Nữ	Văn thư	THPT Hoài Đức C	THPT Hoài Đức B		57	57	Trúng tuyển NV1	
5926	VT5926	Phùng Mỹ Linh	29/01/1994	Nữ	Văn thư	THPT Trương Định	TH Bình Minh		65	65		
5927	VT5927	Nguyễn Ngọc Ly Ly	24/7/1990	Nữ	Văn thư	TH Bình Minh	THPT Trương Đinh	5	92	97	Trúng tuyển NV1	
5928	VT5928	Vũ Thị Hương Ly	21/11/1995	Nữ	Văn thư	THPT Chúc Động	THPT Nguyễn Văn Trỗi	5	78	83		
5929	VT5929	Nguyễn Thị Nga	16/10/1992	Nữ	Văn thư	THPT Yên Lãng			50,5	50,5		
5930	VT5930	Đào Thị Nhật	06/3/1994	Nữ	Văn thư	THPT Lý Thường Kiệt	THPT Liên Hà		80,5	80,5	Trúng tuyển NV1	
5931	VT5931	Đỗ Thị Cẩm Nhung	27/7/1997	Nữ	Văn thư	Phổ thông dân tộc nội trú	THPT Thọ Xuân		70,5	70,5	Trúng tuyển NV1	
5932	VT5932	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/1/1990	Nữ	Văn Thư	THPT Thạch Thất	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		89	89	Trúng tuyển NV1	
5933	VT5933	Lương Thị Phúc	28/8/1987	Nữ	Văn thư	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	THPT Yên Hòa		89	89	Trúng tuyển NV1	
5934	VT5934	Nguyễn Thị Phượng	12/12/1990	Nữ	Văn thư	THPT Liên Hà			61,5	61,5		
5935	VT5935	Vũ Thị Sâm	04/11/1984	Nữ	Văn thư	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai			73,5	73,5		
5936	VT5936	Nguyễn Thị Thành	23/9/1991	Nữ	Văn thư	THPT Liên Hà			62	62	Trúng tuyển NV1	
5937	VT5937	Nguyễn Thị Phương Thảo	21/6/1988	Nữ	Văn thư	THPT Xuân Mai	THPT Nguyễn Văn Trỗi		69	69	Trúng tuyển NV1	
5938	VT5938	Nguyễn Thị Thảo	16/12/2000	Nữ	Văn Thư	THPT Thạch Thất	THPT Hoài Đức A		74	74		
5939	VT5939	Đinh Thị Thu	04/5/1994	Nữ	Văn Thư	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		72	72		
5940	VT5940	Nguyễn Thị Mai Thu	08/7/1996	Nữ	Văn thư	THPT Nguyễn Văn Trỗi	THPT Chúc Động		80,5	80,5	Trúng tuyển NV1	
5941	VT5941	Nguyễn Thị Thùy	09/5/1991	Nữ	Văn thư		THPT Thọ Xuân		50,5	50,5		Không xét trường NV1
5942	VT5942	Nguyễn Thị Thùy	22/10/1998	Nữ	Văn thư	THPT Yên Hòa	THPT Khương Đình		77,5	77,5	Trúng tuyển NV2	
5943	VT5943	Nguyễn Thị Thùy Trang	23/6/2002	Nữ	Văn thư	THPT Yên Hòa		5	75,5	80,5	Trúng tuyển NV1	Không xét trường NV2
5944	VT5944	Đoàn Thị Trúc	18/01/1988	Nữ	Văn thư	Phổ thông dân tộc nội trú	THPT Thạch Thất		70,5	70,5		
5945	VT5945	Trịnh Thị Uyên	12/9/1994	Nữ	Văn thư	THPT Thạch Thất	THPT Thọ Xuân		57	57		
5946	VT5946	Nguyễn Thị Hoài Vân	05/12/1988	Nữ	Văn Thư	THPT Hoài Đức B	THPT Hoài Đức C		75	75		
5947	VT5947	Phạm Thị Hồng Vân	25/4/1990	Nữ	Văn thư	THPT Thọ Xuân	THPT Hoài Đức A		66	66	Trúng tuyển NV1	
5948	VT5948	Nguyễn Thị Hải Yến	16/01/1982	Nữ	Văn thư	THPT Trương Định	THPT Khương Đình		Bỏ thi			
5949	VT5949	Vũ Minh Yến	24/3/1979	Nữ	Văn thư	TH Bình Minh	THPT Yên Hòa		84,5	84,5		
5950	C35950	Nguyễn Thị Thu Hà	16/11/2000	Nữ	Toán học	THPT Thọ Xuân	THPT Đan Phượng		63,5	63,5		
5951	C35951	Đào Thanh Thảo	06/9/2003	Nữ	Ngữ văn	THPT Khương Đình	THPT Nguyễn Văn Trỗi		41	41		

Tổng số thí sinh: 5951